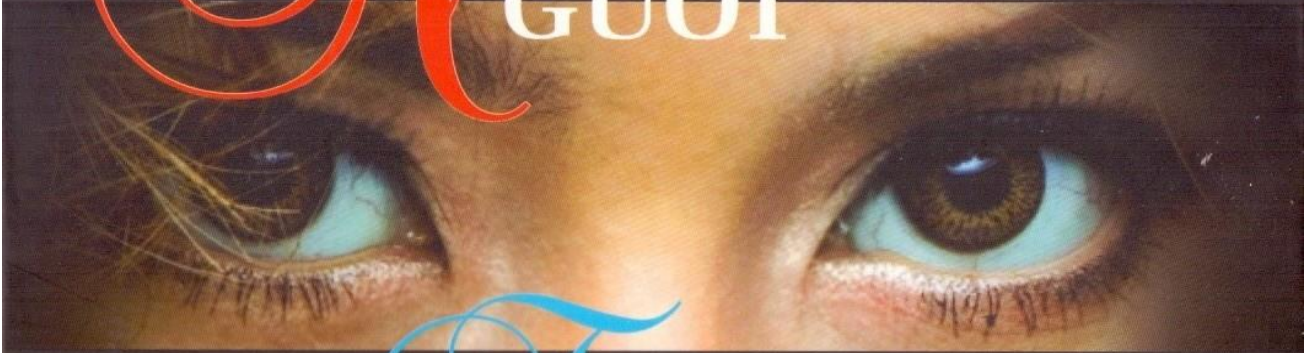


TỔNG QUANG ANH

NƯỜI



TÌNH

BÁO

THÂM LẶNG

Truyện ký

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



LỜI NÓI ĐẦU

Gần trung tâm thành phố Cần Thơ có con hẻm không nhỏ, thuộc đường Lê Lai. Hẻm này dẫn đến một khu dân cư, có đường ngang ngõ dọc, giống như một cư xá. Khu dân cư này hình thành một cách tự nhiên, không phải do chính quyền cũ qui hoạch.

Thời Pháp thuộc, vùng đất nơi này hoang vu, kinh rạch và sinh lầy ngập nước khi triều lên. Bẩn, đước, dừa nước mọc rậm rạp như rừng. Cho đến nay dừa nước cũng còn rất nhiều dọc theo con kinh sau lưng khu dân cư này.

Nơi đây từng là cửa ngõ vào ra thành phố của các nhà cách mạng, các chiến sĩ Việt Minh.

Ông giáo Lắm là thầy dạy học của nhiều cán bộ Việt Minh, trong đó có cố thủ tướng Phạm Hùng. Ông giáo với những người Việt Minh này xem nhau như chỗ thân tình. Ngoài tình thầy trò, ông còn truyền cho họ lòng yêu dân, yêu nước, và đạo đức của thánh hiền. Ông còn hay giúp đỡ những người làm cách mạng cả về vật chất.

Chính quyền thực dân xem khu đất này như cái gai trong mắt, nên bán giá rẻ như cho. Mục đích của họ, muốn tạo nơi đây thành khu dân cư, dựng nên lá chắn, ngăn chặn con đường xuất nhập của cán bộ Việt Minh. Chính vì vậy mà ông giáo Lắm mua được khu đất này. Ông vừa làm nhà để ở, vừa để có điều kiện giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng. Và dần dần, nơi đây trở thành một cơ sở ngầm của Việt Minh.

Những thầy cô giáo khác, các bác sĩ, kỹ sư... thấy thầy giáo Lắm sống ở đây yên ổn, không bị ai quấy rầy, phiền nhiễu, nên rủ nhau đến mua đất làm nhà.

Lâu dần nơi đầm lầy nước đọng trở thành khu dân cư, đúng ý đồ của thực dân Pháp. Nhưng chính quyền thực dân cũng không thể nghĩ ra, điều họ muốn giống như con dao có hai lưỡi. Bởi vì, có khu dân cư thì các chiến sĩ cách mạng có chỗ dựa an toàn hơn.

Thời gian trôi, nơi đây phát tích dần. Các thế hệ sau, sinh ra ở vùng đất này, được học hành và trở thành kỹ sư, bác sĩ, thầy cô giáo. Đến thời chiến tranh chống Mỹ, nơi đây đã thành một khu dân cư khá đông đúc, trình độ dân trí cao. Trong đó tất nhiên

còn có cả sĩ quan quân đội chính quyền Sài Gòn và ngược lại, cũng có nhiều người tham gia cách mạng.

Dân chúng gọi nơi đây là “Khu văn hóa”, một cách tự nhiên, không phải do chính quyền đặt tên hay công nhận.

Sau ngày đất nước hòa bình, những người từng làm việc cho chính quyền cũ, phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, lần lượt di tản, vượt biên hay định cư ở nước ngoài theo các diện khác nhau.

Nhiều cán bộ cao cấp trong chính quyền mới, thấy khu văn hóa này yên tĩnh, môi trường trong sạch, nên chọn làm nơi sinh sống.

Vào khoảng cuối thập niên bảy mươi của cuối thiên niên kỷ trước, có một gia đình từ bên Lào hồi hương, ông bà chủ gia đình không biết là vô tình hay hữu ý mà cũng tìm mua nhà trọ khu văn hóa này. Gia đình này không có gì nổi bật để mọi người xung quanh phải đặc biệt chú ý đến.

Khi mới về đây, trong nhà chỉ có hai vợ chồng, đưa con trai út khoảng mười lăm, mười sáu tuổi và một thằng cháu ngoại, chưa đầy ba tuổi.

Nghe nói, các con lớn của ông bà đều đã trưởng thành và sống ở xa.

Ông bà khi đến đây đã quá trung niên, nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu. Thân hình cả hai ông bà hơi đầy đặn, mái tóc đã điểm bạc.

Những người hàng xóm rồi cũng biết, người đàn ông, là giám đốc một sở của tỉnh, còn bà vợ thì ở nhà nội trợ.

Nhưng quá khứ của hai ông bà như thế nào, chẳng ai biết một cách trọn vẹn.

Những năm cuối của thập niên tám mươi, ông bị bệnh tai biến mạch máu, thu xếp công việc để nghỉ hưu. Đó chính là khoảng thời gian mà ông bận rộn nhất, vì phải lo quá nhiều chuyện cho cơ quan hiện tại và cả cho cơ quan cũ, dù ông đã chuyển ngành khá lâu.

Ngày ấy, nếu ai đi ngang căn nhà này, tò mò nhìn vào cửa sổ của căn phòng đối diện với đường hẻm, thường nhìn thấy ông đang làm đủ thứ việc. Thường thì ông hoặc

cặm cùi viết, hoặc kỳ cách gõ trên chiếc máy đánh chữ Remington nhỏ gọn, cũ kỹ. Ông luôn bận rộn với công việc, chạy đua với thời gian, dường như sợ thần chết đến quá nhanh, trước khi hoàn thành sứ mệnh.

Ở tỉnh Hậu Giang này có không ít người biết phần nào về quá khứ của ông. Trong số đó, có người là đồng đội, đồng chí, bạn thân... là đồng bào những nơi mà ông từng đặt chân đến. Nếu gom góp hiểu biết của từng người liên quan đến ông, thì có thể vẽ được chân dung của một con người với quá khứ thầm lặng mà không kém phần hào hùng này.

Câu chuyện sau đây nói về một con người thật, sự việc thật, nhưng đã qua ‘lăng kính’ văn chương, khiến nó có thêm màu sắc tiểu thuyết và có chút hư cấu.

Chương I

TÌM ĐƯỜNG MƯƠI SINH

1.1

Anh Nguyễn Văn Độ tìm cách lặn lội từ Thái Lan qua thủ đô Viên Chăn của đất nước Vạn Tượng, mong tìm kiếm công ăn việc làm. Anh đã quá cái tuổi ba mươi lăm nên ráng tìm cơ hội vươn lên trong khoảng đời ngắn ngủi còn lại.

Người Việt vốn hay nói tắt, nên họ chỉ gọi tên nước Thái Lan là Thái. Và chẳng biết từ lúc nào, nước Vạn Tượng được người Việt gọi là Lào.

Thói đời vốn hay có trường hợp đứng núi này trông núi nọ.

Việt kiều sinh sống ở Thái thường khác nhau, Lào là một quốc gia nhiều tiềm năng, đất rộng mà dân cư thưa thớt nên dễ kiếm việc làm. Nếu chịu khó siêng năng cần cù thì ai cũng làm giàu ở xứ triệu voi này. Nhiều người còn nói, đất Lào có rất nhiều vàng. Mà vàng thì hấp dẫn bất kỳ ai có mộng làm giàu.

Anh Độ, họ Nguyễn, một Việt kiều, sống khá lâu ở Thái, quê gốc Thái Bình, nhà nghèo, cha mẹ mất sớm. Khi cha mẹ mất, anh mới là một cậu bé trên mười tuổi, họ hàng ly tán, chẳng biết nương tựa vào ai. Cậu bé tự làm thuê làm mướn nuôi thân. Ngay cả tên tuổi mình, anh cũng chưa chắc nhớ đúng, dù hiện giờ đã trở thành tên khai sinh, ghi trong hồ sơ lưu trữ.

Thời Pháp, quê anh Độ rất nghèo nên nhiều người theo nghề bị gậy, lưu lạc tứ xứ. Cậu bé Độ làm thuê bữa có bữa không. Những người làm thuê làm mướn tuy nghèo nhưng rất nhạy với thời cuộc. Họ rủ nhau đi lưu lạc tứ xứ để mong được nở mặt nở mày. Cậu bé Độ nghe người lớn bàn với nhau thì trong lòng rạo rức, giấc mộng hải hồ hình thành dần trong đầu. Một ngày kia, khi có người mở lời rủ đi xa làm thuê kiếm tiền, cậu chẳng hề lưỡng lự, bèn quyết bỏ xứ, theo vài người quen trong vùng lưu lạc kiếm ăn. Trôi nổi mãi theo đường bộ, đến đâu thì xin việc làm để kiếm tiền đi tiếp.

Chẳng biết duyên số thế nào lại lưu lạc đến Thái Lan, làm công khắp nơi kiếm sống và lớn dần theo năm tháng.

Thái Lan, mấy trăm năm trước, người Việt gọi là nước Xiêm, hay Tiêm La, từng có rất nhiều người Việt đến đây sinh sống.

Có lẽ kể từ thời Nguyễn Ánh đem thân nhân và bộ hạ lánh nạn đến Xiêm thì đã có khá nhiều người Việt theo chân? Những người Việt này phát triển và hình thành cụm dân cư trên mảnh đất Phật giáo này?

Cho nên, người Việt xa xứ cũng thường lặn mò đến đây để hội nhập và kiếm sống. Chính quyền Thái tuy thận trọng nhưng không ngăn trở làn sóng người nhập cư từ Việt Nam. Những lao động Việt thường siêng năng cần cù, khéo léo, lại chịu khó nên dễ kiếm việc làm. Nhờ những ưu điểm này mà được chính quyền Thái “ngó mắt đi hướng khác”, nghĩa là làm ngơ cho việc nhập cư trái phép.

Trong cuộc sống đầy biến động, cậu Độ biết được một điều quan trọng. Muốn thoát nghèo, thoát khổ, thì không có con đường nào tốt hơn sự học để thu thập kiến thức. Cậu tranh thủ mọi lúc rảnh rỗi, mọi cơ hội gần gũi người có học vấn, để tăng thêm hiểu biết.

Dần dần, đến khi trưởng thành, anh Độ đã trở thành người trí thức không bằng cấp. Vì không học chính qui nên chẳng có bằng cấp để biết anh học đến đâu, nhưng vốn hiểu biết và chữ nghĩa đủ để bạn làm ăn phải nể trọng.

Hơn ba mươi tuổi, anh Độ đọc thông viết thạo tiếng Việt và Thái, biết tính toán, và cũng đọc viết khá tiếng Pháp. Anh luôn nhớ mình là người Việt, dân của một nước thuộc địa Pháp, nên nếu muốn quay về bản xứ làm an thì phải biết vài chữ tiếng Tây để lặn lội. Vậy nên

khi có điều kiện tiếp xúc với người Pháp, anh đều cố gắng học thêm thứ tiếng của họ, kể cả đọc và viết. Không những thế, anh còn chịu khó đọc sách, báo bằng tiếng Pháp để có kiến thức về ngôn ngữ này.

Ngoài ra, anh Độ cũng biết, để có thể làm ăn trong điều kiện hiện nay ở Thái Lan cũng phải cần biết thêm tiếng Anh, nên anh đã chăm chỉ học thêm khi có thời gian rỗi.

Những bạn cùng làm ăn chung chỉ biết anh Độ thông thạo tiếng Pháp và Anh, nhưng chẳng biết trình độ thực của anh. Anh Độ không học ngoại ngữ qua trường lớp, nên khó có thể biết anh giỏi các thứ tiếng này ở mức độ nào. Nhiều người biết anh sử dụng tiếng Pháp thông thạo, dù phát âm chưa chuẩn chất giọng Paris.

1.2

Trên ba mươi, anh Độ là một người đàn ông gầy nhẳng, trắng trẻo vì chủ yếu làm việc trong mát. Với dáng vẻ gầy nên trông anh khá cao, so với người bình thường.

Anh Độ đã sớm biết, muốn không bị khinh khi và dễ kiếm công ăn việc làm, ngoài sự học, còn phải tạo cho mình phong cách của một kẻ có học vấn, có văn hóa. Vì vậy, anh đã cố học hỏi để dần tạo được bộ dáng của một công chức hay kiểu cách của một thầy ký.

Hằng ngày, ai gặp cũng đều nhận thấy, ở anh là một con người ăn nói chững chạc, lịch sự, tế nhị, nhiều hiểu biết và hóm hỉnh. Không những thế, anh còn tạo dáng vẻ bề ngoài, từ trang phục cho đến râu tóc lúc nào cũng sạch sẽ, gọn gàng. Nếu không biết quá khứ, sẽ chẳng ai nghĩ anh là hạng người trôi sông lạc chợ đi tìm kế sinh nhai.

Nước Thái Lan người đông, việc ít. Những công việc nhẹ nhàng, lương cao bổng hậu chủ yếu dành cho người Thái. Cộng đồng người Việt sống nhờ ở đất Thái phải làm những công việc nặng nhọc mà lương bổng rất ít ỏi.

Đã có nhiều Việt kiều rủ nhau qua Lào sinh sống. Theo họ, xứ Lào dân thưa mà đất rộng, dù chỉ làm nông cũng đủ khá giả.

Sau một thời gian đắn đo, suy tính, anh Độ quyết định rời bỏ đất Thái Lan để sang Lào tìm thời vận. Anh vốn là người nghèo đang lo kiếm sống, nên cũng bị ảnh hưởng tư tưởng “đứng núi này trông núi nọ”.

Rất may, tiếng Thái và Lào khá giống nhau, chỉ khác chút ít về từ ngữ và phát âm, nên anh Độ có thể yên tâm rằng mình sẽ dễ dàng hội nhập được vào xã hội Lào. Anh hoàn toàn tự tin rằng, dù mình không có bằng cấp, nhưng đủ siêng năng và kiến thức để kiếm việc làm trên đất Lào.

Việt kiều sống ở đất Thái Lan bị kiểm soát rất gắt gao, nên việc rời đi nơi khác để làm ăn, sinh sống cũng khó.

Anh Độ vốn là người giao du rộng, bạn bè nhiều, nên dễ dàng nhờ giúp đỡ. Anh dự định sẽ qua Lào từ cửa khẩu Nông Khai. Tại cửa khẩu này qua Lào là gần Viên Chăn nhất, dân hai nước qua lại nhiều nên dễ tìm ra cơ hội thuận lợi. Lính biên phòng Thái và Lào kiểm tra việc qua lại của dân hai nước tại cửa khẩu này khá kỹ lưỡng.

Nhưng người xưa vẫn nói “chỗ nguy hiểm chính là nơi an toàn”. Ở đây có thể hiểu, chỗ bị kiểm soát chặt chẽ chính là nơi có nhiều sơ hở.

Đầu tiên, anh Độ nghĩ, có thể qua biên giới bằng đường công khai. Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu kỹ, anh biết rằng, chỉ có thể vượt biên lậu. Anh không có đủ giấy tờ hợp lệ để đi bằng con đường chính thức.

Con sông Mekong là biên giới tự nhiên của hai nước Lào, Thái. Tại Nông Khai, sông Mekong không rộng lắm, lại có nhiều ghe thuyền qua lại tấp nập. Đây chính là cơ hội để có thể vượt biên.

Như đã nói, anh Độ vốn có nhiều quan hệ bè bạn thân thiết. Qua giới thiệu của người bạn thân, anh tìm đến một người làm tài công tàu khách. Người này chuyên đưa rước người qua lại giữa hai nước. Anh tài công này vốn là một Việt kiều, gốc miền Tây Nam bộ, tên Nguyễn Văn Tâm, rất nhiệt tình và cũng nhiều mưu trí. Khi anh Độ đến gặp, chỉ giới thiệu vài câu anh Tâm đã tiếp nhận như với người bạn thân lâu ngày.

Anh Tâm thấp đậm, cơ bắp chắc nịch, da đen nhẻm, rất khó phân biệt anh là người Việt hay Thái. Chỉ khi nghe nói tiếng Việt với giọng miền Tây Nam bộ đặc sệt thì mới biết anh là dân Việt. Theo anh Độ biết, anh Tâm đã qua đây làm ăn gần chục năm nay, từ thời Việt Nam còn chiến tranh với người Pháp. Vì đã được giới thiệu trước nên anh Độ không ngại ngần nói với người bạn mới về dự định vượt biên của mình.

Khi nghe anh Độ nói ý định, anh Tâm suy nghĩ một lúc rồi nghĩ ra ngay một kế, nói:

- Chuyện này không khó, anh cứ làm như thế, như thế... ắt qua mặt được lính biên phòng. Lính canh cả hai nước đều quen biết tôi, chắc sẽ êm thôi. Nếu lỡ bị lộ cũng không sợ bị bắt, vì họ không có cơ nói là mình vượt biên.

Thật ra, anh Tâm chẳng phải suy nghĩ lâu, vì theo kế này, anh đã đưa nhiều bằng hữu qua lại giữa hai nước Lào, Thái.

Theo kế hoạch của anh Tâm, anh Độ thay quần áo thợ thuyền, bôi dầu mỡ khá lem luốc, xách thùng đồ nghề thân nhiên đi theo anh Tâm như người phụ việc. Anh Tâm xách cặp quần áo của anh Độ đi trước, gặp ai cũng chào hỏi rất thân thiện. Anh Độ tùy trường hợp, hoặc gật đầu, hoặc một tay cầm thùng đồ nghề, bàn tay kia dựng trước ngực như phật hiệu, cúi đầu chào.

Cứ thế mà hai người xuống tàu đò dễ dàng, chẳng ai để ý.

Khi tàu đò cập bến trên đất Lào. Chờ hành khách lên bờ để qua trạm kiểm soát. Theo bốn cũ soạn lại, anh Tâm cầm cặp đi trước, anh Độ xách thùng đồ nghề theo sau. Gặp ai quen, thấy anh Tâm cúi chào, anh Độ cũng cúi chào, miệng cười tươi như đã quen biết lâu ngày. Lính biên phòng và những người chức trách bên Lào cũng quá quen biết với anh Tâm nên chẳng hỏi han gì. Chẳng ai để ý đến anh thợ ăn mặc lôi thôi, dầu mỡ dơ dáy, chẳng nhận ra nhân dạng.

Hai người đi ngang trạm gác ở biên giới Lào, giống như mọi lần anh Tâm vào phố tìm nơi sửa chữa máy tàu, chẳng ai hỏi đến. Lính gác bên Lào vốn không thích thêm việc, nên rất dửng dưng. Họ bận tìm kiếm những người nào có vẻ khả nghi.

Hai người thuê xe tuk tuk vào Viên Chăn. Từ cửa khẩu đến Viên Chăn chỉ hơn chục cây số. Họ thuê phòng trọ để tắm rửa, thay quần áo... rồi cùng đi ăn trưa.

1.3

Viên Chăn là thủ đô của Vương quốc Lào.

Theo nhận xét ban đầu của anh Độ, Viên Chăn là một thành phố nhỏ bé, xinh đẹp, với những căn nhà nhỏ, mái cong kèm những hoa văn mang màu sắc tôn giáo.

Những căn nhà này rất dễ hòa trộn với những ngôi chùa nhỏ nằm rải rác khắp thành phố.

Nhà và chùa chiềng ở Viên Chăn khá giống trên đất Thái, nơi anh Độ từng sống. Có lẽ do văn hóa hai nước cùng chung nguồn gốc? Hay là do ảnh hưởng lẫn nhau? Nước nào bị ảnh hưởng của nước kia thì chỉ các nhà nghiên cứu sử mới làm rõ được.

Ba nước Đông Dương có cả trăm năm lịch sử từng là thuộc địa của Pháp, vì vậy mà qui hoạch và nhiều kiến trúc nhà cửa, biệt thự ở Viên Chăn có nhiều nét giống với châu Âu. Các biệt thự, các tòa nhà tân thời phần nhiều giống kiến trúc Pháp.

Đường phố Viên Chăn không lớn, nhưng sạch sẽ, vỉa hè khá rộng. Khách bộ hành cảm thấy mát mẻ nhờ những cây cổ thụ mọc dọc vỉa hè, che nắng vào những ngày oi bức.

Viên Chăn có các cung điện, những dinh thự, biệt thự, ẩn mình một cách khiêm nhường dưới các tàng cây trong khuôn viên đất rộng rãi, êm ả, tạo nên cảm giác thanh bình, khó có thành phố nào trên thế giới giống như vậy.

Chỉ riêng ở Viên Chăn có đến hàng trăm ngôi chùa lớn nhỏ, làm cho anh Độ có ngay cảm giác, đây là vương quốc Phật giáo.

Thành phố Viên Chăn nằm gác mình bên bờ sông Mekong hùng vĩ.

Đoạn sông chảy ngang Viên Chăn không lớn. Từ bên này sông, nhìn thấy rõ nhà cửa, chùa chiềng và sinh hoạt trên vùng đất của vương quốc Thái Lan. Cả hai vùng đất có điều gì đó rất giống nhau, khiến cho nhiều người nghĩ rằng hai quốc gia này chung một nền văn hóa.

Ăn trưa xong, anh Tâm hỏi:

- Ở đất Viên Chăn này anh có quen ai không?

- Thật ra thì chưa quen ai, nhưng có người bạn giới thiệu vài địa chỉ, có thể nhờ cậy được, anh đừng lo. Tôi là dân trôi sông lạc chợ từ nhỏ, lo gì không kiếm được chỗ tá túc.

Anh Độ tuy là người Bắc Việt, nhưng sống với người Nam bộ khá lâu, vì vậy mà giọng nói pha âm hưởng người Nam và ngôn từ cũng bị ảnh hưởng nhiều. Cái câu “trôi sông lạc chợ” vốn là của dân sông nước miền Tây Nam bộ.

- Anh có tiền chưa? Tôi đưa thêm cho, ít ra cũng phải đủ sống vài ngày để chờ cơ hội. Tối nay anh cứ tạm thời ngủ ở nhà trọ này, tôi đã thanh toán tiền đến trưa ngày mai.

Câu nói thật lòng này khiến anh Độ vô cùng cảm động, bởi nó mang đậm nét hào phóng của người Nam bộ, dù trong hoàn cảnh lưu lạc xứ người vẫn không làm phai mờ.

-Cám ơn anh, tôi cũng còn có chút tiền, tích lũy được trong thời gian đi làm.

-Vậy thì nên đổi ra tiền Lào để xài cho dễ. Thôi, anh ở lại đây nhen, tôi phải quay về tàu để kịp giờ cho chuyến sau. Anh biết nhà tôi rồi, có gì nhắn cho tôi hay. Nếu thấy bên Lào sống không được thì quay lại Thái với tôi.

-Cám ơn anh nhiều lắm. có địa chỉ mới, tôi sẽ báo cho anh biết.

Chương II

ỔN ĐỊNH VIỆC LÀM

2.1

Trên con đường tìm kế sinh nhai, anh Độ chơi thân với ba người con lớn của gia đình ông bà Bùi. Chính họ giới thiệu anh qua Lào, tìm đến ông bà Bùi nhờ nương tựa.

Theo địa chỉ anh Độ tìm đến nhà ông bà Bùi không mấy khó khăn. Viên Chăn quả là một thành phố không lớn.

Lúc đó là giờ nghỉ trưa. Anh Độ đã tính đúng thời điểm để kịp gặp ông Bùi. Anh bước đến gõ cửa.

Ông Bùi bước ra, nhìn thấy một người đàn ông còn khá trẻ. Tuy vậy theo dáng cách, thái độ chững chạc thì đã bước vào tuổi trung niên. Ông đã được các con báo trước, nên không ngần ngại hỏi:

- Cậu từ chỗ thằng Hùng đến tìm tôi?

Anh Độ đã nhìn thấy hình ông Bùi nhiều lần, nên khi thấy người đàn ông trung niên có dáng người thấp đậm thì nhận ra ngay, nhã nhặn nói:

- Cháu chào bác! cháu là bạn của các anh Hùng, Dũng và Cường. Cháu được các anh ấy giới thiệu đến gặp bác.

Ông Bùi hơn anh Độ khoảng chục tuổi, xưng hô là anh cũng được. Nhưng vì là bạn của con ông, nên anh Độ gọi bằng bác. Người Bắc vốn thích được kính trọng, nên lối xưng hô này khiến ông Bùi có thiện cảm.

- Mời cậu vào nhà, rửa mặt rồi ăn cơm trưa với chúng tôi.

- Cháu vừa từ bên Thái qua, đã ăn cơm ngoài tiệm rồi, xin bác và cả nhà cứ tự nhiên.

Ông bà Bùi là người gốc Bắc, đã có tuổi, ông họ Lê, vốn được giáo dục theo nho giáo xưa. Anh Độ đã biết qua về ông bà nên rất thận trọng trong giao tiếp. Người Bắc mà có ăn học như ông bà Bùi thì chuộng lễ giáo và cũng rất khắt khe.

Ông Bùi rất vui mừng vì được gặp bạn của các con, nên muốn hỏi nhiều điều, ông nói: “Cậu đừng khách sáo, nếu chưa ăn thì cùng ngồi xuống đây. Nếu ăn cơm rồi thì cũng cứ ngồi đây uống nước, nói chuyện cho vui”.

Sau vài câu chuyện, anh Độ đã hoàn toàn thuyết

phục được ông Bùi, rằng mình chính là bạn thân của các con ông.

Ông bà Bùi khi biết đúng là bạn của các con nên trong lòng rất vui vẻ, thâm tâm sẵn sàng giúp đỡ người khách này.

2.2

Ông Bùi trước làm công nhân ở mỏ than Mạo Khê, Quảng Ninh, nhờ có học mà vươn lên đến chức cai. Sau đó ông qua Lào làm thầu xây dựng và cưới vợ, sanh con. Thời Đông Dương xảy ra chiến tranh với người Pháp, ông đem vợ con về xứ, vừa để cho họ biết quê hương. Nhân đó, ông cũng muốn tìm con đường làm ăn ít lệ thuộc nhất. Về đến quê nhà, ông hoàn toàn thất vọng. Ở quê nhà, chiến tranh còn ác liệt hơn trên đất Lào gấp nhiều lần. Ở Lào tuy có chiến tranh, nhưng bom đạn tránh xa Viên Chăn. Thế rồi ông lại đem vợ con quay lại Lào. Tuy nhiên, chiến tranh đâu có để cho ai đi lại dễ dàng, vì vậy mà ba cậu con trai lớn của ông bị thất lạc trong cơn chạy loạn. Mãi đến hai ba năm gần đây ông mới biết ba người con trai đã trưởng thành và làm ăn khá ổn định trên đất Thái. Tuy đã liên lạc được với nhau, nhưng ba người con đều vẫn chưa có cơ hội gặp lại bố mẹ. Điều này khiến ông bà rất buồn, vẫn hằng mong cả nhà được đoàn tụ.

Gặp lại Độ, ông bà cảm thấy an ủi như gặp lại chính các con của mình. Nhìn người đàn ông này, ông bà đã có ngay hảo cảm. Khi biết anh Độ mới chân ướt chân ráo đến Viên Chăn, ông chủ động mở lời:

- Cậu mới qua Viên Chăn, chắc chưa có chỗ ở? Thôi cứ tạm ở nhà tôi, khi nào làm ăn khá thì hãy đi thuê nhà khác.

Ông Bùi nói vậy chẳng qua để khách đỡ e ngại. Khi nhận tin, các con ông đã có nói về điều này, rằng cần phải cư mang anh Độ thời kỳ mới chân ướt chân ráo sang Lào.

- Dạ, cháu cảm ơn hai bác. Ban đầu có lẽ phải quấy quả hai bác. Hai bác cứ xem cháu như người nhà. Nếu cháu có điều gì sai thì cứ trách mắng, cần gì thì cứ sai bảo.

- Tôi đâu dám, các con tôi đã gởi gắm thì tôi phải xem cậu như chính chúng vậy. Tạm thời tôi sẽ giới thiệu cậu vào làm ở hãng Calavy. Hay cậu cứ nghỉ vài ngày cho khỏe rồi tôi xem có thể bố trí cậu vào chỗ nào được.

Nói rồi, ông Bùi hỏi thêm anh Độ về những việc có thể làm để ông tiện giới thiệu. Anh Độ trình bày hết những khả năng của mình, những việc từng làm.

Bữa cơm chiều, mọi người lại nói chuyện vui vẻ. Mấy người con sau của ông Bùi hỏi han anh Độ tíu tít về các anh. Anh Độ lại có dịp nhắc đến ba người con của ông bà Bùi. Ông bà Bùi không cầm được nước mắt khi nghe nói đến ba người con thất lạc. Chuyện vãn một lúc, khi đã đủ thân tình, họ nói đến công sở, chợt ông Bùi như sực nhớ ra điều gì, nói:

- Trong thời gian làm thầu xây dựng cho hãng Calavy, chúng tôi có nhận khá nhiều thầy thợ Việt Nam, cả ở hai miền Nam, Bắc. Ngày nay, miền Bắc thuộc về chính quyền cộng sản nên chỉ còn thầy thợ đến từ miền Nam. Chủ hãng thích nhận người Việt, vì đa phần họ làm ăn siêng năng, cần cù và rất chí thú. Trong số thầy thợ này, từng có một người đàn ông, tên Nguyễn Văn Đan, từ Sài Gòn lên đây làm ăn. Tôi không nhớ chính xác ông Đan quê ở tỉnh nào, nhưng biết cũng là dân gốc Bắc như cậu, hình như là di cư vào Nam. Chúng tôi nhận ông Đan này làm thầy ký, ông ấy trạc tuổi cậu. Gần đây, chẳng hiểu nguyên nhân gì, thầy Đan bỏ về Sài Gòn rồi mất tin tức luôn. Hãng có nhắn tin tìm kiếm, nhưng thầy Đan vẫn bặt vô âm tín. Tôi e rằng thầy ấy hoặc đã mất, hoặc đã sang nước ngoài định cư rồi. Hiện nay giấy cư trú màu vàng của thầy ấy còn nằm trong beauraux của tôi.

Anh Độ suy nghĩ rất nhanh “biết đâu, đây là cơ hội cho mình”, bèn ướm lời nói: “Anh Hùng nói rằng bác có thể giúp cháu kiếm công ăn việc làm ở đây...”. “Tôi cũng đang nghĩ đến điều này. Cậu mới đến, chân ướt chân ráo, khó mà kiếm được việc làm dễ thở ở xứ này”.

- Cháu không tiện mở lời nhờ bác giúp đỡ...

- Tôi coi cậu như con cháu mình, nên sẽ giúp hết lòng.

Anh Độ nhận thấy tình cảm chân thật của ông Bùi, nên ướm thử:

- Bác có thể lấy giấy tờ của thầy Đan về đây cho cháu xem được không?

- Được, để mai tôi đem về cho cậu xem.

Hôm sau, đi làm về, ông Bùi đưa thẻ cư trú màu vàng mang tên Nguyễn Văn Đan cho anh Độ xem. Anh Độ chợt nghĩ ngay ra cách thức sử dụng thẻ này.

Trong giấy, thầy Đan trẻ hơn anh Độ khoảng ba tuổi, nhưng xem hình thì hai người xấp xỉ nhau. Anh Độ nói thật với ông Bùi: “Cháu định thay thầy Đan, như vậy đương nhiên là thư ký của hãng, bác không cần phải lo nghĩ đến chuyện xin việc cho cháu”.

- Làm như vậy được không? Tôi chưa biết cậu có thể làm được các công việc của thầy Đan?

- Cháu nghĩ là mình có thể đảm nhận được chân thư ký của hãng. Cháu có vốn tiếng Pháp đủ dùng, tiếng Anh cũng tạm được. Còn việc thay đổi giấy tờ thì không khó, vì lúc ở bên Thái tụi bạn cháu cũng có làm rồi. Cháu đã biết cách, bác chỉ cần tìm cách mượn bộ hồ sơ gốc của thầy Đan đem về đây, phần còn lại cháu sẽ chỉ cách bác làm.

Ông Bùi hơi có phần lo lo, nên lưỡng lự hỏi: “Nhưng lấy lý do gì để mượn bộ hồ sơ gốc?”

- Bác có biết ai giữ bộ hồ sơ gốc này không?

- Colonel Phào, tôi có quen với ông ta. Nhưng có lẽ phải chi ít tiền thì ông ta mới chịu lục tìm hồ sơ. Ở xứ này người ta không làm không công bao giờ.

- Ít tiền là bao nhiêu?, bác biết không?

- Khoảng mười lăm, hai chục đô Mỹ gì đó. Những trường hợp khó thì cũng không quá sáu chục đô Mỹ.

- Cháu nhờ bác đến gặp Colonel Phào, nói là hãng cần thẩm tra hồ sơ của thầy Đan để ký hợp đồng dài hạn với thầy ấy. Khi bác đem hồ sơ về đây cháu sẽ có cách. Có lẽ nhờ thế mà bác đỡ tốn công lo việc làm khác cho cháu.

- Được, ngày mai tôi sẽ thử. Cậu cứ đưa cho tôi ba mươi đô la Mỹ.

2.3

Chiều hôm sau, ông Bùi đi làm về, hớn hở đem túi hồ sơ của thầy Đan đưa cho anh Độ.

Xem hồ sơ, anh Độ thấy thầy Đan, quê ở Nam Định, vào Nam làm ăn từ thời Pháp chứ không phải dân di cư, thì vô cùng mừng rỡ. Trong bộ hồ sơ còn có bằng tú tài do Tổng nha Giáo dục Pháp Taboulet ký. “Đúng là trời giúp. Nam Định thì mình cũng biết nhiều trong thời kỳ lưu lạc làm ăn”, anh thầm nghĩ.

Tối hôm đó, anh Độ khéo léo thay hình của mình vào tấm thẻ vàng của thầy Đan cùng với hình trong bộ hồ sơ gốc. Đồng thời anh học thuộc lòng những chi tiết ghi trong hồ sơ.

Ông Bùi vì có lời gởi gắm của các con, phần vì cùng là người Việt đến xứ người làm ăn nên tích cực giúp đỡ hết lòng. Như vậy, nhờ sự giúp đỡ của ông Bùi, anh Độ đã nghiễm nhiên trở thành thầy ký Đan.

Kể từ nay, anh Độ trở thành thầy ký Nguyễn Văn Đan. Vị trí đã ổn định, lương bổng cũng khá. Như vậy những lời đồn của các Việt kiều bên Thái không phải là vô căn cứ.

Kể từ đây, hàng xóm của ông bà Bùi biết anh Độ có hai tên. Tên Độ dùng để gọi bình thường, còn trong hồ sơ gốc thì có tên Đan.

Tuy vậy, anh Độ, hay thầy Đan vẫn muốn có một vị trí cao hơn, lương cao bổng hậu để thuê nhà, lo chuyện vợ con. Thầy đang độ tuổi sung mãn, nếu không có vợ rất dễ bị người dị nghị. Đàn ông sợ nhất là bị mang tiếng “bất lực”.

Sự mong muốn vươn lên của thầy Đan cũng hoàn toàn chính đáng mà. Thầy lại luôn nỗ lực và cảm thấy hình như mình có chút ít may mắn.

Thầy Đan vẫn ở tạm tại nhà ông Bùi. Trong buổi đầu chân ướt chân ráo này, gia đình ông Bùi quả là chỗ dựa tốt cho thân phận long đong của thầy. Ông Bùi lúc này càng trở nên thân thiết với thầy Đan, bởi ông nhận thấy ở anh thầy ký này có rất nhiều tiềm năng ẩn tàng, có thể giúp cho ông thăng tiến trên đường hoạn lộ.

Ông Bùi cũng đã nhận thấy sự nguy hiểm trong việc giúp đỡ thầy Đan, vì vậy mà phải luôn tìm cách bao bọc, che đậy những sơ suất vô tình lộ ra của ông khách tên Độ này.

Bao che cho một người nhập cư lậu rõ ràng là phạm pháp. Thêm vào đó, hành động giúp người lạ thế thân một nhân viên trong công ty, quả là chuyện lớn tày trời mà ông Bùi chưa từng làm.

2.4

Ông bà Bùi tuy tốt bụng, nhưng vốn sống co cụm, ít giao thiệp với người ngoài. Ngoài một số Việt kiều thân quen và vài người Lào cùng làm việc, ông Bùi ít khi chịu mở rộng mối quan hệ. Thầy Đan nhận thấy điều này như con dao hai lưỡi. Ông bà Bùi ít quan hệ thì thân phận của thầy ít người để ý, nhưng cũng chính vì vậy mà thầy cũng ít có điều kiện làm quen với những người xung quanh. Thầy không tiện vượt qua chủ nhà để lân la làm quen với láng giềng, hàng xóm và đồng nghiệp.

Lại qua vài ngày, một hôm, trong bữa ăn, ông Bùi khoe là có quen với ông Khounta, giám đốc sở giao thông công chánh Viên Chăn. Thầy Đan nghe nói vậy thì làm như vô tình, nói:

- Người Việt ta có câu “Bán họ hàng xa, mua láng giềng gần”. Nay chúng ta sống trên đất Lào, chẳng họ hàng thân thích, nên phải tạo mối quan hệ thân mật với bà con láng giềng, bất kể Việt hay Lào, phòng khi tắt lửa tối đèn còn có nhau.

- Từ ngày gặp cậu, tôi mở mang tầm mắt nhiều thêm. Mấy ngày nay tôi bắt đầu cởi mở với hàng xóm, thân mật hơn với đồng sự. Quả thật, họ nhìn tôi với con mắt khác, thân thiện hơn, nồng nhiệt hơn.

Thầy Đan nghe ông Bùi nói vậy, bèn hỏi:

- Hình như bác vừa nói là có quen ông gì đó ở Sở Giao thông Công chánh?

- Ông Khounta...

- Hay là hôm nào bác mời ông ta đến nhà đãi cơm để tạo thêm tình thân mật. Sở Giao thông Công chánh có nhiều công trình xây dựng lắm, bác mà quen thân được với ông ta thì chẳng thiếu việc làm đâu.

- Cậu mà không nói, tôi cũng không nghĩ ra. Theo cậu, ta nên đãi họ món ăn Việt hay Lào?

- Cháu nghĩ là, nên đãi họ món ăn Việt cho lạ miệng. Cháu nhờ bác mà có công ăn việc làm, lương cũng khá, thôi để cháu lo chuyện đặt món ăn, chỉ cần mượn nhà bác để tạo tình thân mật. Ngồi ngoài nhà hàng, mình bị hạn chế nhiều điều lắm.

- Ai lại thế, thôi thì tôi và cậu chia đôi tiền đặt món. Ở nhà đã có sẵn mấy chai rượu người ta biếu vẫn còn đó, đủ dùng rồi, cậu không cần mua thêm. Tôi chẳng bao giờ uống rượu một mình, nay nhân dịp này thì vui quá.

- Bác nên mời thêm vài nhân viên của ông Khounta cùng đến. Nguyên tắc làm việc thì quyền quyết định là ở ông ta, nhưng thừa hành lại là nhân viên cấp dưới. Họ mà cản trở thì ông Khounta muốn giúp cũng khó.

- Cậu nói chính phải, tôi sẽ lưu ý mời thêm vài nhân viên thân cận của ông Khounta.

Trưa ngày chủ nhật, ông Khounta cùng năm nhân viên thân cận vui vẻ đến nhà ông Bùi. Họ đến như một cuộc viếng thăm bình thường.

Ở nhà, bà Bùi cùng các con gái lo mấy món Việt cho khách lạ miệng. Trong đó có món chả giò chiên mà các gia đình Việt ít khi bỏ qua khi làm tiệc. Mùi xào nấu bốc lên thơm sực nức, khiến các thực khách càng cảm thấy đói cồn cào. Họ ngồi vui vẻ nói chuyện thân mật và ấm áp.

Ông Bùi và thầy Đan ngồi tiếp khách, trong khi chờ nhập tiệc.

Trước đó, khi mới bước vào nhà, ông Bùi và ông Khounta đã tay bắt mặt mừng, giới thiệu họ tên của mọi người để làm quen. Thầy Đan chấp tay cúi đầu theo nghi thức người Lào để chào mọi người.

Thầy Đan thầm nhắm trong lòng để nhớ tên những vị khách quý này. “Biết đâu sẽ có lúc mình còn gặp lại nhau”, thầy nghĩ.

Trong tiệc, thầy Đan kín đáo gây sự chú ý cho khách bằng những câu chuyện hài hước, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn của La Fontaine, truyện thần thoại Hy Lạp... Những chuyện này, ai có học chương trình Pháp đều biết, nhưng do thầy kể rất có duyên, lại hợp hoàn cảnh, nên mọi người nghe rất chăm chú, cười hề hả, cứ như lần đầu được nghe.

Bữa tiệc diễn ra rất vui, phần lớn là nhờ tài kể chuyện, lối nói đùa dí dỏm của thầy Đan.

Vì đã có chủ ý, thầy Đan khéo léo lồng vào các câu chuyện bằng cách thể hiện năng lực của mình, từ vốn tiếng Pháp, kiến thức kế toán, khả năng thực hiện các công việc quản lý... khiến ông Khounta mừng như vớ được vàng vì gặp con người quý hóa này.

Đến cuối tiệc thì sáu người khách đều tỏ ra mến thích người đàn ông gốc Việt trẻ tuổi, vui tính tên Đan này. Thậm chí ông bà Bùi và các con cũng vô cùng ngạc nhiên trước những hiểu biết rất rộng và vốn tiếng Pháp trau chuốt của thầy Đan.

Gần cuối tiệc, ông Khounta không ngần ngại mở lời với thầy Đan:

- Sở tôi rất cần một người như thầy. Thầy có sẵn lòng đến làm việc với chúng tôi không?

- Tôi rất quý mến ông và các vị ở đây, nhưng tôi đang làm cho hãng Calavy, lương bổng cũng khá và ổn định. Hãng chưa làm điều gì khiến tôi buồn phiền, nếu bỏ đi, liệu người ta có nghĩ xấu về tôi.

- Tôi biết thầy đang khó xử, để tôi thương lượng với chủ hãng Calavy xin thầy qua làm việc với chúng tôi. Tôi xin cam đoan rằng khi qua làm với chúng tôi, thầy sẽ không bị thiệt thòi bất cứ điều gì.

- Các ngài mới quen biết tôi mà đã tỏ lòng ưu ái, khiến tôi cảm động quá. Nhưng tôi còn phải hỏi ý kiến bác Bùi đây, vì ông ấy là ân nhân, giúp tạo công ăn việc làm cho tôi.

Ông Bùi, chỉ một thời gian ngắn sống và làm việc gần nhau nên đã biết được năng lực của thầy Đan, vội nói ngay:

- Cậu không cần phải hỏi nữa. Tôi biết, chỗ đứng của cậu là ở sở giao thông công chánh mới phát huy được hết năng lực. Tôi tiếp nhận cậu nên cũng có quyền cho cậu đi, cứ yên tâm về nơi mới. Cậu đừng quên chúng tôi là được.

Ông Bùi đã nghĩ đến việc, nếu thầy Đan về làm việc cho sở giao thông công chánh thì khác gì mình cấm người thân ở sở. Chắc chắn sẽ rất có lợi cho hãng của ông.

Khi mọi người ra về, thầy Đan nói với ông Bùi:

- Bác tốt với cháu quá. Hy vọng sau này bác cháu ta còn hỗ trợ cho nhau lâu dài.

Ngày ngày hôm sau, ông Khounta cho người trang trọng mời thầy Đan đem hồ sơ cá nhân đến văn phòng. Ông Khounta trực tiếp xem kỹ bộ hồ sơ, nhìn thấy trong đó có bằng tú tài do nha giáo dục Pháp Taboulet ký thì hoàn toàn yên tâm. Ông bèn gọi thư ký đến làm thủ tục nhận ngay thầy Đan vào sở giao thông công chánh Viên Chăn.

Kể từ nay, thầy Đan đã chính thức là công chức Lào, làm việc tại Bureau Controle Auto (đăng kiểm xe), quản lý việc đăng ký, kiểm tra xe đang lưu hành.

Công việc mới, lương bổng cao giúp thầy Đan có thể thuê nhà để ở riêng, nhờ đó có thể giao tiếp rộng với đồng nghiệp, hàng xóm và bè bạn.

Nhà ông bà Bùi lúc đó có mấy cô con gái còn ở tuổi học trò. Thầy Đan tuy đã bước vào tuổi trung niên, nhưng bề ngoài vẫn còn rất trẻ, lại đang sống độc thân, vì vậy mà ở chung nhà thật không tiện.

Một hôm, thầy Đan nói với ông bà Bùi:

- Cháu nhờ hai bác mà có được cuộc sống ngày hôm nay, ơn này không bao giờ cháu dám quên. Ngày nay công ăn việc làm của cháu đã ổn định, có khả năng thuê nhà để ra riêng nên không dám làm phiền thêm hai bác.

- Cậu đã tìm được chỗ nào chưa?

- Có rồi bác ạ, cháu để ý có một căn ở xóm Saylorom đủ rộng và yên tĩnh. Giá thuê cũng rẻ. Chủ nhà nói, nếu sau này cháu có đủ tiền thì sẽ nhượng lại luôn, khỏi phải thuê.

- Chúc mừng cậu! Chúng tôi mong cậu sớm ổn định, lập gia đình thoát khỏi cuộc sống độc thân nhé.

Chương III

GIA ĐÌNH

3.1

Chủ nhật tuần đó, thầy Đan dọn về nhà mới. Người nhà gia đình ông Bùi giúp dọn dẹp như lo cho đứa con ra riêng. Thầy Đan vô cùng cảm động trước tấm thịnh tình của gia đình, nguyện trong lòng sẽ có ngày ơn đền nghĩa trả.

Đến nơi ở mới, thầy Đan giới thiệu với hàng xóm, rằng mình có tên gọi ở nhà là Độ. Vì vậy dân trong xóm thường vẫn gọi là anh Độ, hay ông Độ.

Như trước đây, thầy Đan bắt tay tạo mối quan hệ tốt với xóm giềng trong khu vực, không phân biệt Việt kiều hay người Lào.

Bẵng đi vài tháng, ông Bùi nhắn thầy Đan đến nhà chơi. Lời nhắn hình như có ý thôi thúc, dường như không bình thường.

Thầy Đan vội đến ngay, trong lòng nghĩ rằng mấy người bạn, tức con ông Bùi có nhắn nhủ gì chăng.

Khi đến nơi, ông Bùi mời thầy Đan vào phòng khách, ra hiệu người nhà ra ngoài. Ông mở lời:

- Vừa rồi có chị Mai, quen với vợ tôi, ở Sài Gòn qua Viên Chăn lấy hàng, có ghé thăm. Chị ấy nói, hiện đang cư mang ba mẹ con một người phụ nữ, quê ở một tỉnh nào đó thuộc miền Tây. Cô ấy cũng lạc chồng mấy năm nay, không nơi nương tựa. Chị Mai khuyên cô ấy đi bước nữa để có nơi nương tựa mà nuôi con ăn học. Cô ấy có vẻ xiêu lòng. Tôi cũng có nói hoàn cảnh của cậu cho chị Mai nghe. Thôi nói gì cũng không qua nói thật, chúng tôi muốn làm mối cô ấy cho cậu. Đây là hình cô Bùi Thị Dẽ và hai đứa con, cậu xem, nếu ưng ý thì tôi sẽ điện cho chị Mai tiến hành thủ tục.

Ông Bùi cười cười, nói:

- Vậy là cậu đồng ý. Người xưa có câu “im lặng tức là đồng ý”. Cái cô Dế này trông cũng được đấy chứ, hai đứa con cũng rất kháu...

- Cháu thật lòng không còn lời nào để cảm ơn bác.

Hơn một tháng sau thì mọi thủ tục kết hôn hoàn tất.

Một ngày đẹp trời năm 1960, thầy Đan ra sân bay Viên Chăn đón người vợ mới và hai con riêng của vợ.

Vợ chồng mới cưới qua giới thiệu của người ngoài, vậy mà khi gặp nhau họ mừng rỡ như có duyên với nhau từ kiếp trước. Các con của cô Dế cũng nhanh chóng tiếp nhận người cha dượng.

Cô Dế thứ Năm trong gia đình, theo cách gọi của người Nam bộ.

Thằng lớn tên Dũng, gần tám tuổi, đứa con gái nhỏ tên Phương năm tuổi.

Hai đứa tuy còn nhỏ nhưng rất dễ thương, dễ bảo, thầy Đan rất yêu thương chúng, vì vậy mà trong một thời gian ngắn, chúng đã xem người dượng này như cha ruột của mình.

Thầy Đan cũng xem hai đứa trẻ như con ruột nên xưng bố, gọi con rất tự nhiên. Thầy cho rằng, mình phải chủ động xé bỏ hàng rào ngăn cách trong tình cảm, phải làm sao biến cái gia đình này thành tổ ấm của mình.

Thầy Đan bàn với vợ đổi họ cho các con.

- Mình ạ, ta phải đổi họ cho thằng Dũng và con Phương theo họ của tôi để chúng dễ nhập học và có nhiều quyền lợi công dân Lào.

- Tôi ở xứ này như người lạ, mình nói gì tôi cũng nghe. Tôi tin mọi quyết định của mình đều đúng đắn.

3.2

Vậy là, một thời gian ngắn, sau đám cưới đơn giản diễn ra, hai đứa bé được đổi họ mới là Nguyễn Văn Dũng và Nguyễn Thị Phương.

Thầy Đan dễ dàng liên hệ để cho hai đứa trẻ vào học tại trường Công giáo Esperance.

Viên Chấn tuy là một thành phố nhỏ, nhưng đối với bọn trẻ thì đã quá lớn, quá đẹp. Khi còn ở Việt Nam, bọn trẻ chỉ quanh quẩn ở mấy địa phương, thị trấn nhỏ của quê ngoại, như Tân Châu, Châu Đốc, hay đến quê nội ở Thạnh Trị, Sóc Trăng. Chúng chỉ đến Sài Gòn có vài ngày, trước khi sang Lào.

Trước khi sang Lào, Dũng được mẹ cho đi học ở Châu Đốc. Cả nhà sống trong căn nhà gỗ thuê lại ở xóm Hàng Xáo. Học xong, Dũng phải về nhà ngay để giúp mẹ việc nhà và trông em Phương, nên chẳng hề được hưởng tuổi thơ như những đứa trẻ khác. Châu Đốc là quê của bà nội, bà con họ hàng khá đông. Riêng bà nội có đến chín mươi anh chị em, nay lại thêm con cháu nên dòng họ phát triển nhanh chóng. Khổ thay, thời buổi chiến tranh, loạn lạc, ai cũng phải lo cho bản thân và gia đình riêng, nên ba mẹ con sống rất khó khăn.

Anh em nó còn quá nhỏ để có thể biết ba đi đâu mà bỏ mẹ con cù bơ cù bất, không nơi nương tựa. Nó thương mẹ, thầm hứa ráng học thật giỏi để sau này đỡ đần cho mẹ và em. Má nó không thể nói cho biết, về cha và hai người anh. Nó cũng không thể biết, vì sao má cứ phải đưa cả nhà đi đây, đi đó khắp các vùng quê ở miền Tây Nam bộ? Chẳng ai nghĩ, những chuyến đi này đã hình thành trong đầu bọn trẻ tình yêu thiên nhiên, yêu sông nước miền Tây và những cảnh đời trôi dạt bất định như các dê' lục bình bập bênh trên sông.

Đến Viên Chấn, hai đứa trẻ như được đổi đời. Căn nhà mà bố dượng thuê làm bằng vật liệu gạch xây kết hợp cấu trúc gỗ. Đó là một căn nhà bình dân, nhưng đã được sửa chữa và trang bị nội thất theo nhu cầu của những gia đình khá giả. Căn nhà này là một cái gì quá tầm mơ ước của bọn trẻ. Thế rồi mỗi ngày một ít, cả nhà cùng nhau trang trí, sửa chữa thêm để căn nhà trở nên hoàn thiện dần.

Bọn trẻ nhanh chóng làm quen với bọn trẻ Việt và Lào trong xóm.

Trong xóm, những người Việt đến đây sinh sống chủ yếu là từ các tỉnh miền Bắc, nên chẳng bao lâu bọn trẻ phát âm tiếng Việt theo giọng Bắc và gọi má là mẹ.

Chủ nhật, bố dượng đưa hai đứa trẻ đi dạo phố Viên Chăn. Món ăn mà chúng thích nhất là kem, bọn trẻ gọi là “cà lem”. Bố dượng không bao giờ cho chúng ăn nhà hàng, nếu không có mẹ. Mẹ chúng vốn rất tiết kiệm, nên dù tiền bạc không thiếu, bà vẫn thích nấu ăn ở nhà.

Thế rồi, chẳng biết từ lúc nào hai đứa trẻ không còn gọi thầy Đan là bố dượng, mà chỉ gọi là bố.

Đó cũng là lúc mà mẹ chúng có thai đứa em út.

Và gần giữa năm Tân Sửu (1961) thì thằng út ra đời. Bố mẹ đặt tên là Hiến, với mong muốn nó sẽ được hiển vinh.

Vậy là từ đây, thầy Đan chính thức có một gia đình để đùm bọc, lo lắng, che chở cho nhau.

Hàng xóm và đồng nghiệp đều nhận thấy, gia đình này tuy rồ rá cạp lại mà rất đầm ấm, hạnh phúc. Vợ chồng tương thân tương ái, con cái ngoan hiền, học hành giỏi giang. Chính vì vậy mà ngoài sự kính trọng trước đây, hàng xóm còn thêm quý mến ông Độ.

Chẳng biết từ lúc nào, người dân trong xóm đã thân mật gọi bà Năm Để là bà Độ.

Lương bổng của thầy Đan tuy khá cao, đủ chi tiêu cho cả nhà. Nhưng ai có thể bảo đảm, cuộc sống sẽ mãi thuận buồm xuôi gió, công việc này sẽ mãi ổn định. Chính vì vậy mà hai vợ chồng bàn với nhau, thuê một cái sạp ở chợ Sáng (Marché du matin) để bà Độ kiếm thêm đồng ra đồng vào, đồng thời cũng bớt đi sự rảnh rỗi, để làm cho con người trở nên lười nhác.

Chợ Sáng, có nghĩa là chợ này chỉ hoạt động vào buổi sáng, đến khoảng 9 giờ thì giải tán. Các chủ sạp phải dậy từ rất sớm để bày hàng.

Vậy là từ đây, thầy Đan có thêm việc để lo. Sáng sáng, thầy dậy thật sớm, đưa vợ ra chợ, phụ dọn hàng. Sau đó quay về cho các con ăn sáng, uống sữa, đưa đi học, đi nhà trẻ... Sau đó, thầy mới lo được đến những việc riêng, tức là chuẩn bị đi làm.

Tất bật vậy mà vui, mà hạnh phúc.

3.3

Thầy Đan nay sống ở xóm Saylom này, luôn quan tâm đến hàng xóm láng giềng. Ai có gì khó khăn, thầy đều tìm cách giúp đỡ.

Trong xóm, có một gia đình Việt kiều. Anh chồng tên Nguyễn Văn Tải, thứ Hai trong gia đình, quê gốc ở Gò Công. Anh từng theo Việt Minh trong thời kháng chiến chín năm. Sau khi hòa bình lập lại, anh không có tiêu chuẩn đi tập kết, nên phải ở lại quê nhà. Chính quyền họ Ngô sẵn lòng những người theo kháng chiến, khiến anh phải luôn trốn tránh, rồi theo bạn bè lưu lạc qua Lào làm ăn, sinh sống. Tại đây, anh lấy vợ và lần lượt có ba người con, hai gái một trai.

Rủi thay, anh Tải lại bị bệnh thần kinh. Nguyên do có một lần anh chứng kiến cảnh tượng quá đau lòng, quá rùng rợn.

Lần đó anh Tải cùng vài đồng đội đi công tác, bị lính Pháp phục kích đón bắt. Anh và mọi người chạy tứ tán. Kẻ nào may mắn thì trốn thoát, người nào xui xẻo thì bị bắt.

Bản thân anh Hai Tải tuy trốn thoát, nhưng phải lẩn trốn trong bụi cây rậm rạp, không xa nơi bọn Pháp phục kích, chờ cơ hội, vì không thể chạy xa.

Bọn Pháp bắt được mấy người đồng đội của anh, bèn quyết định giết họ trước mặt dân trong vùng để thị uy. Để dân chúng sợ hãi, bọn Pháp trói những người bị bắt, sau đó thì dùng dao chặt đầu họ, khiến cho mau me đầm đìa. Tóc tai đầu lâu nào cũng bê bết máu, mắt mở trừng trừng đầy thù hận. Kế đến, chúng bắt dân chúng chặt cây tre tầm vông dài, làm thành những cọc nhọn, rồi cắm các đầu lâu này, rải rác theo dọc con đường làng. Ai đi ngang nhìn thấy cũng phải che mắt, không dám nhìn.

Không những thế, bọn Pháp còn cho quăng xác những người bị giết xuống mương. Chúng cho lính canh gác cả ngày lẫn đêm, không để dân lấy xác đem chôn. Hơn ba ngày sau, xác trương sinh, hôi thúi quá, bọn Pháp mới cho dân vớt lên đem chôn.

Anh Tải phải nhịn đói, chờ đến đêm hôm sau, đợi lính canh ngủ gà ngủ gật mới dám bò ra, trốn thoát được.

Chứng kiến lính Pháp giết những người đồng đội từng gắn bó với mình, một cách quá dã man như vậy, anh Hai Tải bị mất tinh thần. Mỗi lần nhớ lại cảnh đồng đội bị chặt đầu, máu chảy lai láng, mắt mở trừng trừng, anh vô cùng kinh sợ rồi sinh bệnh, ngày một nặng dần.

Thầy Đan biết được hoàn cảnh của gia đình anh Tải, bèn lưu tẩm giúp đỡ. Thầy vốn là người nhân hậu, lại chẳng quan tâm đến chính trị, càng không quan tâm quá khứ người đó là ai, thuộc phe nhóm chính trị nào, chỉ cần có hoàn cảnh, đau khổ, khó khăn thì tìm cách giúp.

Qua Lào, anh Tải làm nghề phụ nhà hàng. Lần nọ, anh lên cơ động kinh, xé rách giấy phép cư trú dài hạn. Thầy Đan phải giữ giùm tẩm giấy phép này, vì sợ bị mất thì anh Tải sẽ bị cảnh sát cư trú Lào làm phiền.

Lại một lần khác, chứng kiến cảnh người đồ tể của nhà hàng giết heo, anh Tải bèn nổi cơn động kinh, cầm dao tự đâm vào bụng.

Đang làm việc, thầy Đan được chị Tải báo tin, vội xin phép chạy về lo đưa anh đi bệnh viện. Thấy tình trạng bệnh viện ở Lào không có khả năng trị bệnh này, thầy bàn với chị Tải: “Phải đưa chú ấy về Sài Gòn để chữa chạy, bệnh viện ở Viên Chăn này không đủ điều kiện. Thím nên quyết định nhanh, may ra còn kịp”.

Thím Tải khóc nức nở, nói trong nước mắt:

- Nhưng chúng cháu không đủ tiền, không quen biết ai để lo các thủ tục này.

- Tôi cũng đã nghĩ đến những điều này rồi. Tôi sẽ liên

hệ với tòa sứ quán Việt Nam Cộng Hòa để họ giúp. Tôi cũng sẽ lo đủ vé máy bay cho cả chú lẫn thím.

- Nhưng còn mấy đứa nhỏ, nhà cháu chỉ có con Ròng Lớn là còn biết chút ít, làm sao nó có thể chăm sóc hai em được.

- Thím yên tâm, tôi sẽ tìm cách đưa chúng về sau, khi nào chú thím ổn định chỗ ở. Tạm thời chúng sẽ ở với gia đình tôi, nhà còn đủ chỗ ngủ mà.

- Ông bà tốt với gia đình con quá, ơn này biết bao giờ trả được.

- Ơn nghĩa gì đâu mà thím kể. Mình cùng là dân xa xứ, phải chăm sóc đùm bọc lẫn nhau.

Vào thời điểm này thầy Đan đã có chút địa vị đáng kể đối với chính quyền Lào và cộng đồng người Việt ở Viên Chăn. Thầy lại quen biết rộng, kể cả trong sứ quán Việt Nam Cộng Hòa, nên giải quyết chuyện này khá mau chóng.

Tất nhiên, bộ phận an ninh của sứ quán Việt Nam Cộng Hòa quan tâm rất sát những Việt kiều có chút địa vị trong xã hội Lào. Họ nhanh chóng biết rõ lai lịch của ông Độ, tức thầy Đan. Họ có thể yên tâm là thầy Đan chắc chắn chẳng dính líu gì đến cộng sản. Ngày nay, thầy lại là người có danh giá trong xã hội Lào. Vì vậy, thầy Đan nhờ giúp đỡ điều gì, nhân viên sứ quán Việt Nam Cộng Hòa chưa hề từ chối.

Chương IV

CẨM RỄ

4.1

Khoảng năm 1964, một người bạn thân, từng quen biết khi làm ăn ở Thái gửi thư cho thầy Đan, có ý muốn chuyển địa bàn làm ăn. Ông tên Thiết, biết làm nhiều nghề, từ rèn, mộc, hồ vữa, cơ khí, điện tử. Ông Thiết cũng từng làm thầy giáo dạy tiếng Thái cho Việt kiều.

Thầy Đan lúc đó đã ổn định chỗ ở, việc làm và địa vị xã hội. Nhớ lại người bạn xưa, thầy viết thư rủ ông Thiết qua Lào làm ăn. Thầy viết đến lá thư thứ ba thì, ông Thiết trả lời ở bên Thái đang gặp chuyện không hay, muốn qua Lào kiếm việc làm.

Trước đó, thầy Đan nghĩ rằng, Việt kiều cần có một ngôi trường học riêng để cho con cháu không quên tiếng nói và văn hóa Việt. Thầy bèn tìm hiểu một số Việt kiều có lòng hảo tâm tại Viên Chăn để bàn về việc này.

Nay nhân chuyện giúp ông Thiết, thầy quyết định tích cực xúc tiến việc mở trường học cho trẻ em Việt kiều. Sau khi tìm hiểu kỹ, thầy đến gặp bà Phố, một Việt kiều rất nhiệt tình với cộng đồng, ham hoạt động xã hội, để bàn bạc.

Thầy Đan mở lời:

- Người Việt ở Viên Chăn không có ngôi trường riêng cho con em mình. Việc giáo dục ở nhà phụ thuộc rất nhiều vào khả năng, học thức của cha mẹ và có nhiều gia đình ít được ăn học. Nếu để tình trạng này thêm một hai thế hệ thì bọn trẻ lớn lên ở Lào sẽ không còn biết tiếng Việt, xa rời văn hóa Việt Tôi rất đau lòng khi nghĩ đến chuyện bọn trẻ hoàn toàn nói tiếng Lào, ảnh hưởng văn hóa Lào, chỉ còn có giồng máu Việt. Chỉ một hai thế hệ, chúng sẽ không còn biết mình là người Việt Nam.

- Thầy nói đúng, nhưng chúng ta không đủ khả năng để mở một ngôi trường cho cộng đồng Việt ở đây.

Điều này tuy khó, nhưng tôi thấy vẫn có khả năng. Chúng ta có thể tổ chức chơi hội để lập vốn, vận động những người có tiền của đóng góp và ưu đãi cho con cháu họ, kêu gọi những người có học vấn cao tham gia dạy học,...

- Thầy nói làm cho tôi sáng ra, tôi cũng có thể đóng góp chút ít, nhà tôi cũng có hai người làm giáo viên, đó là con gái và con rể của tôi.

Thầy Đan muốn bà Phổ thêm quyết tâm bèn khơi dậy lòng tôn sùng đạo Phật và nêu những yếu tố khả thi khi mở trường học:

- Vậy thì chúng ta chia nhau đi kêu gọi thêm... Nếu ta mở trường thành công thì công đức cũng không nhỏ đâu. Tôi có một người bạn là giáo viên, từng làm quản lý trường lớp có nhiều kinh nghiệm. Anh ta đang ở bên Thái, nhắn tin cho tôi là muốn qua Lào làm ăn, khiến tôi nghĩ ra điều này nên bàn với bà. Có anh ta thì hoàn toàn yên tâm về mặt quản lý nhà trường. Anh ta còn có thể tham gia dạy môn tiếng Lào.

Bà Phổ nói thêm:

- Chúng ta cũng phải nghĩ ra tên trường, sao cho chính quyền Lào không làm khó, mà vẫn đủ hấp dẫn bà con Việt kiều.

- Tôi nghĩ, nên lấy tên một nhà văn hóa người Pháp hay Anh, Mỹ gì đó thì chính quyền Lào sẽ chấp thuận ngay. Theo tôi, nên lấy tên một nhà văn hóa Pháp là trung dung nhất. Văn hóa Pháp còn ảnh hưởng rất lớn ở nước này mà. Hay là ta đặt tên trường là La Fontaine? Với tên này tôi tự tin rằng chính quyền Viên Chăn chấp nhận được.

4.2

Và thế là trường La Fontaine ra đời, dạy bằng tiếng Lào và Việt song song. Là trường tư thục, dạy theo giáo trình của Lào, bổ sung thêm tiếng Việt, gồm đọc, viết và nói.

Có trường, ông Thiết từ Thái qua ngay để nhận việc. Ông được bố trí ở ngay trong trường nên rất tiện chỢ sinh hoạt. Mọi người đều gọi là “thầy Thiết”.

Con em Việt kiều có trường riêng cho mình, mà thầy Thiết cũng có chỗ ăn ở và việc làm. Các con và rể của bà Phố cùng tham gia dạy học ở đây. Con gái bà tên Quý và rể tên Kiếm đều là giáo viên lâu năm, nhiều kinh nghiệm.

Khi trường La Fontaine ra đời, ông Kiếm được cử làm hiệu trưởng.

Kể từ đó, tình bạn giữa thầy Đan và thầy Thiết càng thêm đậm đà, họ chia sẻ cho nhau đến những chuyện riêng tư nhất, mà ngay cả vợ con cũng không biết.

Một lần, thầy Thiết đến gặp thầy Đan, nói:

- Tôi có một người bạn, thuộc loại đàn anh, hoàn cảnh giống tôi nhưng học thức khá hơn. Anh có thể giúp cho anh ấy đến trường này, phụ với tôi trong nhiệm vụ quản lý. Nếu để anh ấy vừa quản lý, vừa làm giáo viên luôn cũng tốt.

- Chà, chuyện này khó đấy. Gần đây cảnh sát quản lý cư trú kiểm tra rất gắt gao các trường hợp nhập cảnh. Tôi tuy có quen với mấy ông Commandant Văn Sỹ và Capitaine Phouma phụ trách cấp giấy phép cư trú cho ngoại kiều. Nhưng hiện nay người Mỹ trực tiếp giám sát, họ không dám ăn tiền để lo cho mình đâu.

- Anh thử nghĩ kỹ xem, còn có cách nào không?

- Để tôi thử. Khi mới đến đây tôi cũng làm cách này, nhưng bây giờ chưa biết còn hiệu nghiệm hay không. Tôi còn giữ giấy phép cư trú của cậu Hai Tải, nhưng đã bị xé rách. Hy vọng có thể phù phép được. Anh có tấm hình hồ sơ của người bạn ở đây không?

- Có vài tấm, để tôi đem đến cho anh...

Thầy Đan về nhà, kéo hộc bàn lấy giấy phép cư trú màu đỏ của anh Tải ra quan sát kỹ. Trong khi quan sát, thấy suy nghĩ đủ cách.

Cái khó đầu tiên là thay hình trên tấm thẻ bị xé này, sao cho thật khớp các đường rách. Kế đến làm sao rút được hồ sơ gốc ở cơ quan quản lý ngoại kiều để thay hình trong đó cho phù hợp với tấm hình trong thẻ.

Chẳng biết vận hên tới, hay được thần phật giúp đỡ, đầu óc thầy Đan bỗng sáng ra. Thầy chợt nhớ ra một người.

Ngay chiều hôm đó, thầy Đan kiểm một cơ hợp íy, điện cho Colonel Rod Sylusa, hẹn vào ngày hôm sau, ra nhà hàng ăn trưa, ông Rod Sylusa này là một người mộ đạo, thường ăn chay niệm phật, thích làm điều thiện. Tuy mang lon Colonel, nhưng chưa ra trận đánh nhau bao giờ, ông là đại tá bàn giấy. Ông rất quý trọng thầy Đan, sau vài lần gặp nhau ở các Boun tại gia đình Sanannikone.

Ông Rod Sylusa nhận thấy thầy Đan hiền lành, trung hậu, một kế toán trưởng đáng tin cậy của hãng S.V.A, nên có nhiều hảo cảm, muốn kết tình thân hữu.

Khi nhận được điện, ông Rod Sylusa ra nhà hàng, nơi thầy Đan đang chờ.

Sau những câu xã giao, thăm hỏi gia đình và những vấn đề về phật pháp, thầy Đan mở lời:

- Tôi có người bạn tên Nguyễn Văn Tải, anh ta đã được nhận giấy phép cư trú ở, nhưng do lúc lên cơn đau, kiểm chế không được nên đã xé rách. Nay muốn đổi giấy khác, mong ông làm phước giúp giùm. Chi phí bao nhiêu, tôi sẽ chịu hết.

- Việc này khó đấy. Hiện nay cố vấn Mỹ thọc tay vào việc kiểm tra cấp phép cho ngoại kiều, để tránh tình trạng cộng sản Bắc Việt trà trộn vào Lào.

- Mình chặn người mới đến, còn cậu Tải này đến đây làm ăn từ lâu rồi. Anh ta chỉ làm nhà hàng, dạy học linh tinh, chứ có hoạt động chính trị gì đâu. Mình giúp cậu ta là giúp cả vợ con của cậu ấy, công đức không nhỏ đâu.

- Thầy đã thuyết phục được tôi. Thôi được, tôi sẽ qua bên sở công an ngoại kiều để mượn hồ sơ. Nếu phải có chi phí, tôi với thầy chia đôi.

Ông ta cười một cách hiền lành, rồi nói thêm: “Không lẽ để thầy hưởng công đức một mình”.

Vậy là chỉ ngày hôm sau, thầy Đan đã có trong tay bộ hồ sơ của anh Nguyễn Văn Tải. Thầy bèn lấy hình của người bạn ông Thiết thay hình anh Tải trong bộ hồ sơ gốc và cả trong giấy phép cư trú đã bị xé. Thầy Đan còn thận trọng ghi lại hết các chi tiết trong hồ sơ anh Tải để bạn ông Thiết học thuộc.

Tiếp theo, thầy Đan làm đơn xin cấp lại giấy phép cư trú giùm cho “anh Tải”. Thêm một ít tốn kém, chỉ trong một thời gian ngắn, Colonel Rod Sylusa đem giấy phép cư trú Nguyễn Văn Tải mới tinh đưa cho thầy Đan.

Người bạn của ông Thiết tên Quảng, nay chính thức lấy tên Nguyễn Văn Tải, đến làm đốc học, kiêm giáo viên cho trường La Fontaine. Trong trường, ai cũng gọi là ông Hai, vì anh Tải thứ hai trong gia đình.

Cũng giống như thầy Đan, thầy Tải cũng có hai tên. Chính vì vậy, mọi người đều gọi là thầy Hai Quảng.

Khi thầy Hai Quảng đến trường làm việc thì cũng nhanh chóng trở thành bạn thân của thầy Đan.

Sự việc này vào năm 1970.

Những chuyện giúp người của thầy Đan, như kể trên, rất nhiều và vô tư, nên được cả những người lao động nghèo, đến các nhân vật có tiếng tăm quý mến.

Chương V

THỜI VẬN HẠNH THÔNG

Con người vốn rất ít ai chịu bằng lòng với hiện tại, nhất là cái hiện tại đó chưa đủ cao sang, chưa đủ giàu có và thiếu ổn định.

Thầy Đan dù đã vào tuổi trung niên, địa vị cũng khá, nhưng vẫn chưa hết những ham muốn của người đời. Thầy có quá nhiều nhu cầu chính đáng trong cuộc sống, đâu có thể bằng lòng với những gì đã đạt được trong hiện tại

Các con ngày càng lớn, tốn kém ngày càng tăng. Các chi phí ăn mặc, trường lớp, giao tiếp, học thêm... của bọn trẻ ngày một nhiều thêm. Ngoài chương trình học và ngoại ngữ, bọn trẻ được thầy Đan cho bọn trẻ học thêm thể thao, khiêu vũ, bơi lội, võ thuật, lái xe.

Đời người vốn là một vòng lẩn quẩn.

Kẻ mới trưởng thành và ra đời bắt đầu lao vào cuộc sống, nếu không có nền tảng gia đình vững chắc thì thường gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Vậy nên mục tiêu đầu tiên của kẻ đó là làm sao cho có một địa vị tốt, thu nhập khá. Ý nguyện ban đầu thường chỉ là giảm dần khó khăn, thiếu thốn. Nhưng khi đã vươn cao đến một mức độ nào đó thì lại phát sinh những khó khăn mới, mang tên gọi khác, kèm theo đó là những thiếu thốn mới và những ham muốn ở cấp cao hơn. Vì vậy, nếu là người bình thường, ít ai chịu bằng lòng với cuộc sống hiện tại.

Đạo phật vốn khuyên nhủ con người nên diệt thất tình, lục dục để được bình an. Trong đó có tham, sân, si.

Những ham muốn vươn lên, nếu không chính đángj thì thường bị lòng tham bất tận xui khiến, làm cho con người không biết thời điểm dừng.

Nhưng mấy ai xác định được lòng tham nào là chính đáng, lòng tham nào là bất chính, bởi cái nhu cầu vật chất của con người cũng có hai ngã rẽ, rất khó phân biệt. Chính vì vậy mà khó có ai xác định được, khi nào nên dừng những ham muốn.

Thầy Đan ban đầu, khi mới đến Lào, chỉ là một nhân viên thường. Theo quan niệm xã hội thì thầy thuộc giới bình dân. Thầy chỉ có những nhu cầu thấp, những giao tiếp ở mức độ có cũng tốt, không có cũng xong.

Nhưng khi đã vươn lên một địa vị cao hơn, thu nhập khá hơn thì thầy Đan buộc phải thay đổi ít nhiều cho phù hợp. Trước hết, thầy phải ăn mặc nghiêm chỉnh hơn, quần áo phải được ủi thẳng, giày phải luôn được đánh bóng sạch sẽ, lời ăn tiếng nói phải thận trọng hơn, giao tiếp cũng phải lựa người. Rồi thì xài cái gì, ăn nhà hàng nào, chiêu đãi ai.. thầy đều phải đắn đo. Rồi thì vợ, con cũng phải ăn mặc, tiêu xài phù hợp với địa vị của thầy.

Căn nhà mà gia đình thầy Đan đang ở, lúc này cũng phải trông coi được, phù hợp với địa vị hiện tại. Bên trong căn nhà cũng phải có những tiện nghi cần thiết cho cuộc sống của gia đình thầy, để khi có khách thì không đến nỗi hổ thẹn.

Tóm lại, chẳng biết đó là nhu cầu cần thiết, là lòng tham chính đáng hay không, nhưng lúc này thầy Đan cần phải có một cuộc sống của giới thượng lưu.

Thầy Đan ngày nay đã là một nhân vật sáng giá, không chỉ ở xóm Saylom, mà cả Viên Chăn cũng đã có nhiều người biết đến.

Đến năm Quý Mão (1963) tình hình chính trị ở Lào tương đối ổn định, sau vài cuộc đảo chính. Chính quyền mới thân Mỹ do Phoui Sananikone làm thủ tướng.

Phoui Sananikone đưa người nhà nắm giữ các chức vị quan trọng trong chính phủ để củng cố địa vị.

Chính quyền này lợi dụng sự thân hữu với Mỹ nên những người cầm đầu tranh thủ làm giàu cho cá nhân. Chính vì vậy mà dòng họ Sananikone nắm rất nhiều các cơ

sở kinh tế béo bở của Lào. Trong số đó có hãng hàng không nội địa Lào, tên tiếng Pháp là Société Véha Akat (S.V.A), do Oun Sananikone làm tổng giám đốc. Ngoài ra có các cổ đông nặng ký nằm trong hội đồng quản trị, như Raymond Laly làm giám đốc khai thác kinh doanh, Tiao Souk Bouavongs Phoui Sananikone, Ngôn Sananikone, các vua Mèo Touby Lyfoung, Toujeu Lyfoung...

S.V.A có xưởng sửa chữa máy bay rất lớn do một người Pháp tên Francois Lafouasse làm tổng giám đốc. Ông Francois này có vợ người Việt, tên Trần Kim Hoa, cùng tham gia quản lý. Hai vợ chồng này có cổ phần nhiều nhất trong công ty, nên thế lực rất mạnh.

Chính vì thế lực của hai vợ chồng này rất mạnh, nên sứ quán Việt Nam Cộng Hòa vận động cho bà Trần Kim Hoa làm chủ tịch hội phụ nữ Việt kiều Viên Chăn để lấy lòng.

Thầy Đan biết, muốn vươn cao để có địa vị khá, lương bổng hậu thì phải tìm cách xâm nhập vào S.V.A, mà điểm tiếp cận dễ nhất có thể chính là vợ chồng bà Trần Kim Hoa.

Thầy đã từng làm quen với vợ chồng này vài lần, khi họ đem xe hơi đến kiểm tra. Hai vợ chồng bà Trần Kim

Hoa tỏ ra quý mến thầy Đan nhờ cái vốn tiếng Pháp bóng bẩy, nói năng lưu loát, lại thêm tính tình vui vẻ, nhiệt tình với khách, làm việc rất có trách nhiệm.

Nhân một lần gặp khác, hai bên có dịp trò chuyện riêng với nhau. Trong câu chuyện, ông Francois hỏi:

- Ông làm việc ở sở này, chắc cũng có biết qua phương pháp kế toán?

- Chúng tôi đang sử dụng Méthode OBBO - Comptabilité par decalque của Mỹ, phổ biến ở các bộ phận kế toán.

Vui chuyện, ông Francois làm như vô tình hỏi thêm về nghiệp vụ, bằng cấp... Thầy Đan cũng thật thà trả lời các câu hỏi một cách trôi chảy, ông Francois có ngay ý nghĩ rằng công ty của ông cần một người như thầy Đan. Chính vì vậy mà ông khéo léo trình bày những công việc, tin rằng thầy Đan đảm nhiệm được, để thầy suy nghĩ.

Họ nói chuyện thêm khá nhiều điều về' cuộc sống đời thường để hai bên thêm hiểu nhau. Tất nhiên là qua câu chuyện, ông Francois muốn tìm hiểu thêm về thầy Đan.

Trước khi chia tay, Francois Lafouasse thận trọng hỏi:

- Ông có vui lòng về làm việc ở chỗ tôi không?

Tôi nghĩ, ai đi làm việc cũng đều muốn có lương cao bổng hậu. Ở đâu cần mà có điều kiện làm việc tốt thì tôi không từ chối. Tuy nhiên ở sở giao thông công chánh, công việc và lương bổng của tôi cũng khá, quan hệ với sếp và đồng nghiệp rất tốt, tôi không nỡ rời bỏ họ. Tôi xin được từ chối lời mời của ông.

- Nếu tôi thu xếp được về mặt thủ tục, không để ai có thể trách móc ông, thì ông có vui lòng về làm việc với chúng tôi?

Thầy Đan lưỡng lự giữa lòng ham muốn vươn lên và sự bằng lòng với số phận hiện tại. Nhưng thầy cũng không muốn bỏ qua cơ hội quý báu này, nên trả lời nước đôi:

- Tôi thực sự quý mến ông bà và cũng muốn có nhiều cơ hội gần gũi.

- Tôi sẽ hỏi ý kiến của sếp ông, chúng tôi sẽ thu xếp với nhau ổn thỏa để ông không phải áy náy khi hợp tác với chúng tôi.

Francois Lafouasse nói thêm như có phần nài nỉ:

- Bà Kim Hoa, vợ tôi rất quý mến ông, mong ông đừng từ chối.

- Ông bà ưu ái tôi quá...

Vậy là, đầu tháng sau thầy Đan qua làm việc ở công ty cổ phần hàng không nội địa Lào. ông Khounta tuy mất một chuyên viên giỏi, nhưng ông được an ủi rằng phía chính phủ hứa hẹn sẽ có nhiều lợi lộc từ hãng hàng không quốc gia này đem lại cho sở giao thông công chánh.

Thầy Đan cũng hứa hẹn với ông Khounta, sẽ tạo điều kiện để các bên thêm thân mật và liên kết làm ăn chặt chẽ hơn.

Sau hơn một tháng thử việc, thầy Đan chính thức nhận chức kế toán trưởng của công ty. Thầy quả đã không phụ lòng kỳ vọng của ông bà Francois.

Nhờ làm việc siêng năng, tận tụy, lại rất biết phương pháp, nên chẳng bao lâu cả công ty đều biết đến thầy Đan.

Ngài tổng giám đốc Oun Sananikone trước đây chỉ biết đến tên thầy Đan qua lời đề nghị tiếp nhận của vợ chồng bà Trần Kim Hoa, nay đã tỏ ra quan tâm ưu ái viên kế toán trưởng này.

Từ đó, thông qua Oun Sananikone, thầy Đan có nhiều dịp gần gũi với gia đình quý tộc này, rồi nhanh chóng trở nên thân mật như người nhà. Thầy luôn được mời dự các buổi lễ lớn của giới thượng lưu Lào, các lễ Boun của gia đình Sananikone.

Thầy Đan lúc này đã thực sự xâm nhập được vào giới thượng lưu Lào. Từ đây thầy được nể trọng ở khắp Viên Chăn. Trong mắt của nhân viên sứ quán Việt Nam Cộng Hòa, của các hãng hàng không China Air Lines của Taiwan, Thái Airways... thầy Đan đã là một nhân vật có thể lực, được nhiều người quan tâm săn đón.

Chương VI

ÂN NHÂN CỦA NGÀI TÙY VIÊN QUÂN SỰ

6.1

Ông Bảo mang quân hàm trung tá, thuộc quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Hiện tại, ông đang đảm nhận chức vụ tùy viên quân sự, thuộc tòa đại sứ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa tại Viên Chăn.

Ông Bảo trạc lứa tuổi thầy Đan, một người từng ảnh hưởng nền văn hóa Pháp, thời Đông Dương còn bị Pháp đô hộ. Sau này, ông từng được qua Mỹ thụ huấn về quân sự. Nói chung, ông chịu ảnh hưởng cả hai nền văn hóa Pháp và Mỹ.

Tất nhiên, ông Bảo sử dụng tốt tiếng Pháp và tiếng Anh, vì đó là tiêu chuẩn gần như bắt buộc để làm việc ở tòa đại sứ.

Ở tuổi của ông Bảo, nhiều người đã tạo được ít nhiều thành công trong cuộc sống. Họ vẫn còn rất năng động và nuôi nhiều tham vọng.

Thầy Đan và trung tá Bảo có vài lần gặp nhau trên đất Viên Chăn. Họ thực sự làm quen với nhau, trao đổi số điện thoại, phòng khi cần liên lạc.

Thầy Đan lúc này địa vị đã khá cao, thực sự được xem là giới thượng lưu. Nhưng dù gì thì thầy vẫn là con dân nước Việt nên không thể xem thường các quan chức ngoại giao của Việt Nam Cộng Hòa này.

Chính vì vậy mà thầy Đan không thể bỏ qua cơ hội làm quen với trung tá Bảo. Thầy nghĩ, cùng là dân nước Việt sống trên xứ người thì nên tạo mối quan hệ quen biết, bất kể đó là ai. Biết đâu có lúc cần sự giúp đỡ lẫn nhau.

Ở đất Viên Chăn này thì mọi người Việt đều gọi nhau láng giềng, chòm xóm. Tình thân hữu của những kiều dân Việt ở đất nước này trên cả mức “láng giềng gần”. Điều này thầy Đan thuộc nằm lòng, và nếu có cơ hội thì thầy đều luôn tìm cách giúp đỡ những người đồng hương, thậm chí cả những người Lào trong xóm.

Những năm sống ở Thái và Lào, thầy Đan còn tiêm nhiễm tư tưởng Phật giáo, làm điều lành, tích thiện... nên thầy càng thêm có ý thức giúp đỡ người khác.

Trung tá Bảo có thể có mục đích khác, nhưng dù gì thì cũng rất muốn kết tình thân hữu với thầy Đan. Ông đã cho điều tra kỹ nên biết rõ, thầy Đan là một thầy ký, một kế toán trưởng, nhưng lại rất có quyền uy. Người ngoài đều dễ dàng thấy thầy Đan được những nhân vật có thế lực trong chính phủ Lào trọng vọng.

Trung tá Bảo biết thầy Đan trước đây chỉ là dân lưu lạc vào Nam từ nhỏ sống ở Sài Gòn, sau đó qua Lào kiếm sống từ thời còn chiến tranh Đông Dương. Ngày nay thời vận khác rồi, ông phải quên cái quá khứ nghèo khổ, để đón nhận một thầy Đan có địa vị khá cao trong xã hội thượng lưu Lào.

Không những thế, trung tá Bảo còn nhận thấy ở viên thầy ký này có một tiềm năng lớn. Đó là thầy ký này có thể giúp ông ta thăng tiến.

Đó là thầy Đan sẽ làm cầu nối, giúp trung tá Bảo tiếp cận được với những nhân vật quan trọng của nhà cầm quyền vương quốc Lào.

Chức vụ trung tá của ông Bảo không cao mà cũng không thấp. Khả năng leo cao thêm còn nhiều, mà bị đánh rớt xuống cũng không khó.

Ngài trung tá tùy viên quân sự này chắc chắn không muốn bị đánh rớt, càng chẳng muốn kẻ khác chiếm chiếc ghế của mình. Ông ta chỉ muốn rằng, chiếc ghế này phải do chính mình nhường lại cho kẻ khác, khi đã chiếm

được một chiếc ghế cao hơn, chứ dứt khoát không để có kẻ cướp nó.

Để chỗ đứng của mình vững chắc, trung tá Bảo luôn tìm mọi cách để leo cao, càng cao càng tốt cho tương lai. Ông ta nghĩ, mình hơn nhiều ông tướng về mặt học vấn, kiến thức quân sự và hoàn toàn không thua họ về thâm niên trong binh nghiệp.

Có một nỗi niềm thầm kín, mà trung tá Bảo chỉ giữ trong lòng, ông ta ngoài việc muốn ngồi chắc ở vị trí hiện tại hoặc cao hơn, nhưng cần nhất là phải ở xa mặt trận.

Nếu được làm tùy viên quân sự sứ quán ở một nước Âu Mỹ nào đó là tốt nhất. Muốn vậy, ông phải làm tốt cương vị của mình ở đất Lào này. Đó là cái đòn bẩy để giúp ông lên một vị trí cao hơn. Muốn làm tốt cương vị ở đây thì cần phải có thể lực cắm sâu vào chính quyền Lào, vừa được hỗ trợ để làm việc dễ dàng, vừa có thể biết được nhất cử nhất động của họ. Ông là một chuyên viên quân sự nên hoạch định rõ ràng chiến thuật, chiến lược để có thể, vươn xa.

Sứ quán của một quốc gia cũng đồng thời là tai mắt của quốc gia đó, nếu không nói thẳng ra là một cơ quan gián điệp hợp pháp.

Cho nên trung tá Bảo có thể cũng là một điệp viên lão luyện, từ khá lâu rồi, thầy Đan đã nằm trong tầm ngắm của ông ta. Và do đó, ông ta cũng đã nghiên cứu kỹ hồ sơ của thầy Đan.

Trong quan hệ, trung tá Bảo từ lâu đã gọi “Thầy Đan” một cách kính trọng.

Và thầy Đan cũng tỏ thái độ kính trọng, gọi lại vị trung tá Bảo này là “Ngài tùy viên” hay “ngài trung tá”.

Chính vì có mục đích, nên nhiều lần trung tá Bảo tỏ ý muốn mở lời nhờ thầy Đan giúp. Nhưng vì mục đích này không mấy trong sáng, nên ông ta e ngại, chưa dám nói thẳng, ông cảm thấy mình chưa đủ thân mật để có thể nói với thầy Đan những điều tế nhị.

Mục đích của trung tá Bảo muốn nhờ thầy Đan làm môi giới, giúp ông ta tiếp xúc xã giao với những nhân vật quan trọng của vương quốc này. Tuy còn ngại, chưa dám nói thẳng, nhưng ngài trung tá tùy viên cũng đã có đôi lán úp úp mở mở.

Thầy Đan có thể không biết ý đồ thực sự của ngài tùy viên, nhưng nhờ kinh nghiệm sống mà thầy chẳng mấy khó khăn để hiểu, chỉ sau vài lần gặp nhau.

Thầy Đan là người làm ăn, lấy khối óc, lòng tận tụy và sức lực để kiếm sống nên chẳng quan tâm đến chính trị. Thầy không quan tâm đến ý đồ của ngài trung tá muốn gì ở mình. Quan điểm của thầy, nếu ai cần mà mình giúp được thì giúp, chỉ cần không làm trái lương tâm.

Hôm nay, thầy Đan cảm thấy buồn, muốn tìm ai đó để tâm sự. Chẳng hiểu trời xui đất khiến thế nào mà thầy lại nhắc điện thoại gọi cho ngài trung tá Bảo, tùy viên quân sự của tòa sứ quán Việt Nam Cộng Hòa.

Chả là, trước đây ngài trung tá Bảo hay nhắc: “Thầy có chuyện gì cần thì cứ gọi cho tôi”.

Tấu xảo làm sao, thầy Đan mới vừa giới thiệu tên người gọi thì đã nghe giọng nói hối thúc của ông trung tá ở đầu dây đằng kia:

- Thầy có rảnh không? Mình có thể gặp nhau được không?

Nghe câu hỏi này, thầy Đan hơi ngạc nhiên hỏi, giọng nửa đùa nửa nghiêm chỉnh:

- Thưa ngài trung tá, có chuyện gì vậy? Tôi thực sự không bận lắm.

- Chuyện tế nhị thôi, gặp thầy rồi mới có thể nói được.

Trung tá Bảo hình như vì quá vui mừng, nên quên hỏi lý do thầy Đan chủ động gọi điện cho mình. Có lẽ ông ta đã chờ cú điện thoại này rất lâu rồi.

Theo lẽ, vì tế nhị, trung tá Bảo không thể gọi cho thầy Đan để đặt vấn đề nhờ vả. Ông ta quan niệm, kẻ nào gọi điện cho mình, nếu không phải vì công việc, thì kẻ đó chỉ có thể là bạn hay người quen.

Vậy thì, nếu thấy Đan gọi để nhờ cậy công việc, thì trung tá Bảo sẽ đặt vấn đề nhờ lại. Còn nếu thầy ấy chỉ gọi để tâm sự thì ông cũng dễ dàng nường theo câu chuyện mà nói lên nỗi niềm của mình.

Thầy Đan dừng lại một lúc, dường như suy nghĩ, rồi đáp:

- Được, tôi cũng đang không có việc gì gấp phải làm.

Thầy Đan, từ giọng của ngài tùy viên, thì đoán biết là ông ta rất nôn nóng muốn gặp mình. “Chuyên gì vậy?, tại sao ông ta có ý muốn gặp mình?”, nghĩ thầm như vậy, thầy Đan chợt đổi ý. Trước đây đang muốn gặp ai đó để trò chuyện, nay thì thầy tỏ thái độ bất cần: “Gặp cũng được, không gặp cũng không sao. Còn nếu ông ta cần mình giúp mà không làm hại, ai thì cứ nhận lời”.

Trung tá Bảo mừng thầm trong lòng: “Lần này phải nói cho được cái ý đồ của mình, kéo thời gian chẳng bao giờ chờ đợi, cơ hội không phải lúc nào cũng có”. Liệu thầy Đan có ở mãi địa vị này để cho mình nhờ vả? Cuộc đời vốn nhiều biến động, Tuổi đời của ông đủ để hiểu “thời cơ” là thế nào, việc nắm bắt nó quan trọng ra sao.

Qua điện thoại, hai người hẹn gặp nhau tại một nhà hàng khá sang trọng trên con đường nằm dọc theo bờ sông Mekong. Con đường này có nhiều khách sạn, nhà hàng sang trọng. Khách nước ngoài và giới thượng lưu thường hay đến đây.

Thầy Đan ít quan tâm đến cuộc gặp gỡ này, lại vốn không thích ồn ào, nên đề nghị trung tá Bảo kiếm một cái bàn khá kín đáo ở góc phòng. Thầy cần một chỗ tĩnh lặng để tự do trò chuyện.

Điều này cũng đúng luôn ý đồ của trung tá Bảo.

Khi đã yên vị, thầy Đan dường như đã quên cái nguyên nhân mà trung tá Bảo muốn gặp mặt. Thầy vốn hay quan tâm đến kẻ khác, nên trước hết là hỏi thăm tình hình sức khỏe của mọi người trong gia đình ngài trung tá đang sống tại Sài Gòn. Kế đến là hỏi thăm sức khỏe, những khó khăn trong CUỘC sống. Thầy Đan nhân tiện cố vấn thêm vài bài thuốc dân gian để phòng ngừa bệnh, thuốc cường dương bổ thận... Thầy chợt như nhớ ra nguyên nhân mình muốn gặp ai đó để xả nỗi lòng, nên say mê nói về những chuyện vu vơ, phim nào hay, trận đá banh nào hấp dẫn, rượu nào ngon... thỉnh thoảng lại kể vài câu chuyện vui, với mục đích làm cho mình thư giãn đầu óc.

Trung tá Bảo đã hiểu được ý muốn của thầy Đan khi gọi điện cho mình, ông cũng xen vài chuyện đưa đẩy cho phù hợp với tâm trạng của đối phương, ông ta chưa tìm được cơ hội để nói những điều mình cần.

Họ vừa nói chuyện vui vẻ, vừa chọn món ăn.

Thêm một lúc, bồi bàn đã dọn các món ăn và rượu vang ra. Họ lại vừa ăn vừa tiếp tục câu chuyện.

Khi bữa ăn đã đến giữa chừng, trung tá Bảo cảm thấy sự thân mật của hai người đã đủ để nói lên tâm sự của mình, ông chân thật nói:

- Thầy có thể giúp tôi tiếp xúc với vài nhân vật Hoàng gia Lào không?, chỉ cần gặp một hai nhân vật cũng được...

Rồi trung tá Bảo thật thà bộc bạch tâm sự, muốn dùng sự quen biết với giới cầm quyền Lào để dễ dàng hơn khi thực thi nhiệm vụ của mình trên đất Lào. Ông ta nghĩ, quan hệ giữa mình và thầy Đan đủ thân mật để nói chuyện tế nhị này mà không ngại đối phương đánh giá thấp. Tuy vậy ông ta vẫn nói thêm để xáo ý nghĩ xấu trong đầu thầy Đan: “Công việc ngoại giao mà! Tôi rất cần quen biết rộng, nhất là những nhân vật quan trọng, để tiện giao thiệp khi cần thiết... thấy thông cảm”.

Thầy Đan nghe viên trung tá nói như vậy thì đánh giá là ông ta đã xem mình như chỗ thân tình. Như vậy thầy đã hiểu lý do ẩn giấu bên trong, khiến ngài trung tá muốn gặp mình nên im lặng nghĩ ngợi.

Trung tá Bảo thấy thầy Đan im lặng vậy thì hơi lo, nói:

- Tôi nói như vậy có gì thất thố chẳng?, thầy có nghĩ là tôi tầm thường quá chẳng?

- Xin lỗi ngài! Tôi đang suy nghĩ cách giúp ngài. Tôi nghĩ, nếu ngài được ổn định đây, xa chiến sự thì an toàn hơn. Con người ta, ai cũng muốn được sống yên ổn. Tôi vì sợ chiến tranh nên bỏ xứ mà đi...

Trung tá Bảo nghe thầy Đan gọi bằng “ngài” một cách trịnh trọng thì nở cả gan ruột. Ngoài thầy Đan, chưa có ai gọi ông ta bằng một đại từ trịnh trọng như vậy. “Như vậy là thầy Đan thực sự kính trọng mình và thực lòng muốn giúp?” thầm nghĩ vậy, trung tá Bảo nói:

- Cám ơn thầy đã hiểu tâm sự của tôi, nhưng việc tôi nhờ có khó lắm không?

Thầy Đan nghĩ ngay đến lần đầu, từng đãi tiệc nhóm người ở sở giao thông công chánh của ông Khounta, nên thốt:

- Chắc không khó. Đơn giản nhất là các anh tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi. Theo ý tôi, người Lào cũng thích các món ăn Việt Nam. Ta có thể cho họ nếm thử món thịt cày bẫy món của Việt Nam?.

Đến lúc này, thầy Đan chủ động chuyển lối xưng hô bỏ cách gọi “ngài” trịnh trọng, thay bằng “anh anh, tôi tôi” để bình thường hóa quan hệ giữa hai người, tăng thêm tình thân mật.

- Chuyện nhỏ, tôi sẽ lo đủ. Nhân dịp đầu năm rảnh rỗi, mình tổ chức luôn, kéo mai mốt tôi bận, chẳng biết đến lúc nào mới xong.

- Chuyện gì mà bận dữ vậy. Công việc của các anh ở đây tôi thấy nhàn hạ quá mà.

- Đúng là trước đây thì nhàn hạ thật...

Trung tá Bảo ngưng nửa chừng, dường như suy nghĩ, xem có nên nói ra. Cảm thấy câu chuyện chẳng có gì quan trọng, nên trung tá Bảo nói tiếp:

- Đại khái là sẽ có một cuộc đàm phán giữa chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mình với Vương quốc Lào. Hai nước định hợp tác mở rộng đường sá, tiện thông thương Việt Lào. Người Mỹ cũng có mặt trong cuộc đàm phán này.

Như đã nêu ở trên, những người như trung tá Bảo, giữ một địa vị quan trọng trong cơ quan ngoại giao thì trước khi quyết định làm quen với ai, họ chắc chắn đã bí mật tìm hiểu kỹ hồ sơ của người ấy. Cho nên, ông Bảo nắm lý lịch của thầy Đan còn rõ hơn chính bản thân thầy. Chính vì vậy mà ông ta hoàn toàn tin rằng “người này không phải là đối tượng nguy hiểm”. Từ lâu ông ta đã xem thầy Đan là dân làm ăn, không quan tâm chính trị, nên bây giờ mới dám bộc bạch thật lòng.

Thầy Đan cố tình nói xen ngang:

- Có người Mỹ thì chuyện gì mà không xong. Họ có tiền, có thế lực... nếu đem đầu tư vào Lào thì chắc chắn từ chính phủ cho đến dân chúng sẽ d'accord (đồng ý) ngay thôi. Việc làm đường sá này có lợi cho dân Lào mà... Theo quan điểm Phật giáo thì những việc làm đường, xây cầu, xây chùa mang lại nhiều công đức lắm. Thế nào mà chính phủ và nhân dân Lào cũng ủng hộ

- Cũng không đơn giản như vậy...

- Tôi không hiểu những vấn đề chính trị phức tạp này, nhưng cũng nghĩ là sự việc không đơn giản. Nếu chuyện tầm thường thì cần gì đến cố vấn Mỹ. Nhưng tại sao các anh không dùng biện pháp nào đơn giản hơn? Mình làm việc công đức mà rùm beng quá, người ta nghĩ làm để lấy tiếng, không hay đâu.

- Anh nói cũng phải, nhưng về phương diện ngoại giao, mình vẫn phải tôn trọng chủ quyền vương quốc Lào. Đây là vấn đề liên quan đến quốc tế, ta không thể đoán được. Các ngài cố vấn Mỹ đã, đang và sẽ qua Viên Chăn để tiến hành đàm phán. Hiện đã có mấy nhân viên cao cấp của ta qua trước rồi.

Trung tá Bảo cũng theo đà, bắt đầu xưng hô “anh, tôi” một cách thân mật với thầy Đan. Họ xấp xỉ tuổi nhau mà.

Nghe ngài trung tá nói vậy, thầy Đan quay lại chuyện đang bàn dở chừng lúc nãy, gợi ý:

- Vậy thì nên tổ chức tiệc ngay, càng sớm càng tốt, kéo sau khi đàm phán là sẽ đến vấn đề thực hiện, sợ rằng không còn cơ hội. Anh lo thức ăn và vị trí an toàn, tôi lo phần rượu và mời gái đẹp từ Thái Lan qua phục vụ.

- Trời! anh thật tốt với tôi quá. Nếu được thuận lợi trong công việc, tôi không bao giờ dám quên ơn. Về địa điểm thì anh không phải lo, tôi tính tổ chức tại phòng tùy viên quân sự sứ quán. Nơi đây luôn có lính canh, rất an toàn. Gái và rượu tốn kém lắm, anh để tôi lo luôn cho. Tôi nhờ người quen bên Thái Lan đưa qua vài cô gái sành điệu, giúp bữa tiệc thêm hào hứng. Trong sứ quán đã có sẵn vài loại rượu hảo hạng, để phòng khi cần tiếp khách. Anh thạo đất Viên Chăn này hơn tôi, nên chỉ cần giúp đặt món và tìm nhà hàng thích hợp. Chắc anh biết rõ, chỗ nào có món thịt cày bậy món ngon?.

Thầy Đan gở giọng khô hài nói:

- Vậy thì xin “tuân mạng”, thưa ngài trung tá. Ở Viên Chăn này có đến hàng chục nhà hàng bán thịt cày do mấy ông Bắc kỳ nhà mình chạy qua đây mở, bảo đảm ngon tuyệt. Tôi có quen với hai tay chủ nhà hàng là Phạm Hoàng Quân và Vy Thibaut, họ nấu món thịt cày không ai chê được.

Trung tá Bảo vui mừng hỏi:

- Theo anh, ngày mốt, thứ bảy, có kịp mời khách không?

- Có gì mà không kịp, nội trong ngày mai tôi sẽ cho anh biết có mời được hay không. Tôi không dám hứa nhiều, nhưng ít nhất cũng mời được một trong những nhân vật nặng ký của vương quốc này. Còn về nhà hàng, tôi chỉ cần telephone là tay Quân này mừng hết lớn rồi. Chủ nhà hàng mấy khi có được những mối thực khách quan trọng như thế này. Bảo đảm họ sẽ để cho mình con cày ngon nhất, làm những món đặc sắc nhất.

- Thế hả? anh chắc chắn chứ?

Thầy Đan nhắc lại cho trung tá Bảo yên tâm:

- Tôi xin nhắc lại, không dám hứa là sẽ mời được nhiều người, nhưng ít nhất cũng được một nhân vật quan trọng.

Ngưng một lúc, thầy Đan làm như chợt nhớ ra, nói:

- Anh nhớ mời mấy nhân vật cao cấp bên Sài Gòn mới qua để tạo thêm mối thân mật. Rồi thầy hạ giọng nói nhỏ, như bày mưu: “Đồng thời để họ chứng kiến, anh cũng có những mối quan hệ quan trọng”.

- Ok, ý kiến tuyệt vời, vậy mà tôi không nghĩ ra.

Trong cuộc sống, có những chuyện chỉ người nghe trực tiếp mới hiểu và thông cảm với tâm trạng của người đối thoại.

Vì vậy, câu chuyện giữa hai người, tất nhiên thầy Đan giữ kín trong lòng.

Chương VII

BỮA TIỆC ĐẶC BIỆT

7.1

Bữa tiệc diễn ra vào lúc 18 giờ chiều, ngày thứ bảy, đầu tháng 1 năm 1971, tại một tòa biệt thự sang trọng trên đường Thatluang - nơi đặt phòng tùy viên quân sự đại sứ quán Việt Nam Cộng Hòa.

Trung tá Bảo cũng đồng thời ở ngay trong căn biệt thự này. Ông ta không đem vợ con theo, nên lúc này sống như một người đàn ông độc thân.

Khách mời, về phía Việt Nam có các quan chức cao cấp trong phái đoàn quân sự Sài Gòn. Đó là vài vị tướng, tá không mang quân hàm, nhưng quyền uy thì đủ khiến nhiều quan chức cao cấp cũng phải e dè.

Trung tá Bảo phải khôn khéo lắm mới mời được họ dự bữa tiệc này. Ông ta nói với họ: “Để cuộc đàm phán của chúng ta thuận lợi, không có sự phản đối của chính phủ Lào, tôi muốn tổ chức một bữa tiệc nhỏ, chiêu đãi vài nhân vật quan trọng của họ. Nhân đây cũng muốn giới thiệu với các ngài để làm quen trước..”.

Trung tá Bảo khéo nói thêm về vài món “mời” mà những đàn ông xa vợ hay quan tâm.

Vậy là tất cả các quan chức quân sự mặc thường phục này đều vui vẻ nhận lời. Chẳng ai chịu bỏ qua cơ hội hiếm hoi này. Họ đều là những con người, còn đầy ham muốn nhục dục.

Phía Lào, ngoài hai vị khách quan trọng mà thầy Đan mời được, còn lại, tất nhiên là có viên kế toán trưởng hãng hàng không dân dụng nội địa Lào (S.V.A.). Đó là thầy ký Nguyễn Văn Đan, người ân của ông Bảo, chủ bữa tiệc.

Đúng hẹn, trung tá Bảo, quần áo sang trọng, ra tận cổng chờ, sẵn sàng tiếp khách.

Lính gác ngày hôm nay cũng ăn mặc sạch sẽ, nghiêm chỉnh, bông súng đứng sẵn, tạo nét trang trọng khác thường. Ngoài ra, còn có vài nhân viên mật, vũ trang đầy đủ nhưng kín đáo, ngằm bảo vệ bữa tiệc. Họ vào vai các nhân viên giúp việc, người dọn vệ sinh, người chăm sóc cây cỏ.

Hôm nay, tòa biệt thự này như một pháo đài, người lạ bất khả xâm nhập.

Trong phòng khách, nơi đặt bàn tiệc, đã có sẵn mấy thùng Whisky loại hảo hạng. Một bầy “tiên nữ” từ Bangkok, Thái lan, đã sẵn sàng chiêu chuộng khách.

Đúng 16 giờ 30 phút, nhà hàng đã đem bàn ghế, chén đĩa và món ăn đến. Họ bày mọi thứ ra bàn theo hướng dẫn của người phía trung tá Bảo.

Các món ăn đều thuộc loại hảo hạng, thơm lừng.

Đúng 18 giờ, thầy Đan đến bằng xe của hãng, chở thêm mấy thùng Whisky hảo hạng và xô đĩa. Theo sau là xe của bộ trưởng bộ quốc phòng - ông Oudone Sanani Kone và xe của tổng giám đốc S.V.A - ông Oun Sanani Kone.

Họ đến đúng giờ theo tác phong quân sự.

Trung tá Bảo được thầy Đan báo trước, khách gồm những ai. Ông ta vô cùng mừng rỡ, khi được tiếp đón hai vị khách quan trọng này. Ông ta gần như quên cả nghi thức ngoại giao, chạy ra tận xe đón khách.

Bên phía trung tá Bảo cũng đã có đủ mặt các vị khách quân nhân mặc thường phục, từ Sài Gòn qua. Họ nghỉ tại nhà khách của sứ quán, nên không có lý do nào để đến trễ. Vả lại những người này đều là các quân nhân lâu năm, tác phong quân sự khiến họ không thể trễ hẹn. Ngoài ra, ai cũng tò mò về những vị khách quý tộc Lào.

Ở Việt Nam thời nay, giới quý tộc xưa đã biến mất từ lâu, thay vào đó là giới thượng lưu, nhà giàu, phần nhiều mới nổi lên dựa theo thời thế. Không ít những kẻ làm giàu nhờ vào cuộc chiến đang leo thang. Chính vì vậy, dù ở địa vị cao, các quân nhân mặc thường phục này vẫn muốn biết phong cách quý tộc cung đình như thế nào.

Các vị võ quan Việt Nam này dù sao cũng muốn tỏ ra mình là những nhân vật quan trọng, không chịu hạ mình. Họ không ra tận cổng đón khách như trung tá Bảo,

nên ngồi trên các bộ salon, uống trà, chờ khách. Khi các vị khách Lào bước đến trước cửa khách sảnh, thì các tướng, tá mặc thường phục mới chịu đứng lên, theo nghi thức xã giao.

Tất cả mọi người, kể cả chủ và khách, được trung tá Bảo mời vào bàn tiệc. Hôm nay, không cần nói, thì ông ta là chủ tiệc thực sự

Khi tất cả mọi người đã ngồi vào bàn, trung tá Bảo trước hết giới thiệu bên chủ nhà, bằng hai thứ tiếng Việt và Lào, để tỏ lòng hiếu khách. Ông ta ngấm ngấm khoe cái vốn tiếng Lào trước mặt đám tướng tá mặc thường phục phía Việt Nam.

Thầy Đan thay mặt khách giới thiệu họ tên và địa vị của hai nhân vật quan trọng trong chính phủ Lào, để các bên làm quen với nhau.

Kế đến, trung tá Bảo kín đáo nhưng kiêu hãnh giới thiệu thầy Đan như một người ân nhân của ông ta. Ông ta còn nhấn mạnh thêm: “Thầy Đan là Việt kiều qua Lào làm ăn từ thời người Pháp còn ở Đông Dương. Nay đang làm kế toán trưởng cho hãng hàng không nội địa Lào, được chính phủ và giới thượng lưu Lào đánh giá rất cao”.

Lời giới thiệu này của trung tá Bảo ban đầu đã khiến cho các võ quan Việt Nam vô cùng ngạc nhiên. Họ nghĩ, tại sao trung tá Bảo lại kính trọng người này như vậy? người này có lai lịch như thế nào? tại sao ông ta lại có mặt trong bữa tiệc quan trọng này?

Trung tá Bảo biết trước, thế nào các võ quan Việt Nam sẽ thắc mắc như vậy, nên khi giới thiệu, ông đặc biệt nhấn mạnh các nét chính về lý lịch thầy Đan, để người nghe hiểu ngầm, rằng “Nhân viên an ninh của sứ quán đã điều tra rõ về người thầy ký có tên Nguyễn Văn Đan này rồi, không phải lo ngại gì”.

Quả nhiên, lời giới thiệu của trung tá Bảo đã đánh tan những nghi vấn đột xuất trong đầu các quan chức quân sự phía Việt Nam Cộng Hòa. Họ vui vẻ đón nhận thầy Đan như một nhân vật quan trọng, chứ không phải như kẻ đi theo phục vụ các ông khách Lào kia.

Thầy Đan khiêm nhường gật đầu chào các vị khách đang trong vai chủ tiệc. Thầy không nói năng hay giải thích gì thêm, chỉ lo thông ngôn để cho người phía mình khỏi

ngõ ngang trước các vị chủ nhà. Chính vì vậy mà thầy hoàn toàn lơ đãng, chẳng để tâm ghi nhớ tên các vị khách từ Sài Gòn đến, cũng không hiểu thâm ý mà trung tá Bảo giới thiệu về mình. Thầy hoàn toàn hững hờ trước các vị tướng, tá bên phía chủ tiệc, ngoài những cử chỉ, nụ cười, lời nói, cên thiết theo phép xã giao.

Thầy Đan thể hiện thái độ, tôi tuy là công dân Việt, nhưng nay đã là một Việt kiều sống trên đất Lào, nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. “Tôi với các vị chẳng cùng quan điểm sống, chẳng cùng nghề nghiệp, lại chẳng có gì ràng buộc lẫn nhau”.

Thầy Đan thể hiện vai trò một người bạn, giúp một người bạn, “Tôi chỉ là giúp trung tá Bảo và hai vị quan khách do tôi mời đến”.

Khi ấy, thức ăn đã được bày tất cả ra bàn, theo cách dọn tiệc của người Việt.

Mùi thơm của những món ăn đặc sản làm vừa lòng người sành điệu ẩm thực. Cả chủ và khách, dù chưa có ai đụng đũa, đều khen nức nở các món ăn được xào nấu rất khéo, mới nhìn đã biết rất ngon.

Chủ đạo hôm nay là các món cày nấu theo bảy cách, được chế biến theo truyền thống người Việt ở miền Bắc.

Đối với hai vị quan khách Lào, lần đầu tiên trong đời được ăn mồn thịt cày, họ tuy có chút e ngại, nhưng mùi thơm của món ăn quá quyến rũ nên quên ngay những ý tưởng không hay về việc ăn thịt chó.

Quân và Thibaut vì cũng muốn được làm quen với giới quân sự Sài Gòn, nên tìm cơ nán lại, với lý do chờ thầy Đan. Đối với họ, cả chủ lẫn khách đều là những nhân vật cao quý, rất xa cách, chỉ những dịp như thế này mới được tiếp xúc. Chính vì vậy mà hai người quên mình là chủ nhà hàng, cứ lảng xảng quanh bàn ăn để lo phục vụ cho tốt. Họ hình như còn sợ bị chê trách.

Thầy Đan hiểu tâm lý hai người chủ quán này, rằng họ chỉ tìm cơ lảng xảng phục vụ, tranh thủ hóng chuyện, để hiểu biết thêm về những thói quen đời thường, những góc khuất của các quý nhân. Làm chủ nhà hàng thì việc tìm hiểu thực khách để phục vụ cho tốt cũng là lẽ thường mà.

Bữa tiệc vừa mang tính xã giao, vừa mang tính ngoại giao, lại được tổ chức trong một nơi quan trọng, cẩn mật, nên mọi người đều có thái độ dè dặt, nghiêm nghị.

Cả chủ và khách đều biết ý nghĩa chính và công khai của bữa tiệc này. Dù không chính thức nhưng rõ ràng bữa tiệc này gồm những nhân vật quan trọng trọng hội đàm sắp tới. Chính vì vậy, mọi người đều cẩn trọng trong giao tiếp.

Họ ăn uống chậm chạp, nói nhỏ nhẹ và gìn giữ từng lời. Các ly rượu đưa lên, chạm nhau lách cách nhưng chỉ nhấp môi một cách từ tốn.

Giới quân nhân, đã được trung tá Bảo dặn dò khuyến cáo các nghi thức xã giao, nên họ rất dè dặt. Thực ra, họ đều từng được học hành từ thời Pháp và đều được qua Mỹ du học về quân sự. Với địa vị như họ thì vốn hiểu biết về văn hóa đi kèm cũng đáng để người thường nể trọng.

Tranh thủ vừa như phiên dịch, vừa như nói chuyện, thầy Đan khéo léo dẫn dắt khách vào những câu chuyện vui để mọi người được thoải mái, bớt sự căng thẳng của bữa tiệc mang tính ngoại giao.

- Vậy là, chỉ một lúc sau cả chủ lẫn khách trở nên thân mật hơn, ăn nói đã cởi mở. Người ta đã bắt đầu khen món này ngon, món kia thơm, món nọ chế biến khéo. Thế rồi đã đến lúc ai cũng tỏ ra sành sỏi, cùng nhau đánh giá những thứ rượu hiện có.

Rồi chẳng biết từ lúc nào, do ai khởi đầu, mà những nét chính của cuộc đàm phán sắp đến đã bắt đầu được đưa ra và tranh luận.

Chủ và khách đều muốn nhân bữa tiệc này để nói những chuyện ngoài lề của cuộc đàm phán sắp tới, nhằm giảm nhẹ những tranh luận có thể sẽ diễn ra gay gắt. Vì vậy, những chuyện cần hỏi cũng đều được đem ra bàn tiệc.

Hai vị khách Lào rất muốn nghe để biết trước những điều khoản sẽ thảo luận ở hội nghị, vì vậy mà gợi ý thầy Đan dịch cho chủ nhà vài ý kiến của mình, để các vị ấy có hướng mà đưa ra chủ định.

Có thể nhờ món ăn quá ngon, có thể do rượu nồng, có thể do người dịch khéo léo dẫn dắt câu chuyện, nên bây giờ thì ai cũng cởi mở, thật lòng.

Người xưa hay gắn liền từ “ăn” và “nói”, bởi vì khi đã ăn uống ngon lành, thoải mái thì lời nói cũng dễ rãi theo sau.

Chính vì vậy mà câu chuyện trên bàn tiệc này dần trở nên thân mật và cũng dần bộc bạch hết những vấn đề mà họ sắp bàn với nhau tại hội nghị.

Hai vị khách Lào đều là những nhân vật quý phái trong hoàng gia. Họ đều giữ địa vị quan trọng trong vương quốc. Từ nhỏ họ đã được giáo dục tốt, kết hợp giữa học vấn và văn minh Âu châu với nền tảng đạo đức Phật giáo Lào.

Con người thật của họ như thế nào thì khó biết, nhưng thể hiện bề ngoài thì đều là những nhân vật sang trọng và đáng tôn kính.

Vì vậy họ lúc nào cũng phải tỏ ra thận trọng từng câu chữ, nói ít nghe nhiều và không thể hiện rằng mình đồng ý hay không.

Các vị khách là quân nhân cao cấp từ Sài Gòn mới qua đang chưa biết nói chuyện gì, gặp đề tài này, ai cũng tỏ ra mình hiểu biết hơn kẻ khác. Họ có rượu vào thì hình như bị ma nhập, lời nói nối nhau không dứt.

Sau hơn hai giờ ăn nhậu, nói chuyện xã giao để thăm dò quan điểm của đối tác, hai vị khách đã cảm thấy đủ. Họ tế nhị cảm ơn trung tá Bảo và xin phép ra về.

Trung tá Bảo cũng đã kín đáo trao đổi số điện thoại riêng với hai người khách, hẹn sẽ liên lạc thường xuyên. Tất nhiên là trung tá Bảo phải thông thạo tiếng Lào, chuyện trao đổi riêng của họ hoàn toàn không cần phiên dịch.

Trước khi khách ra về, chủ tiệc cố gắng mời họ nán lại để nếm thử vài món của lạ. Chủ yếu là để tạo thêm tình thân mật, và để hiểu thêm tính cách của khách.

Hai vị khách cao cấp của vương quốc Lào khéo léo từ chối lời mời về cái vụ “tặng hai”. Họ không muốn những người lạ biết nhiều về mình qua sinh hoạt đời thường và những góc khuất cần che đi. Theo họ, đám người Việt này hình như toàn là những kẻ phạm phu tục tử, xuất thân tầm thường, không xứng đáng để giao tiếp. Trong bọn họ

chỉ có trung tá Bảo là dân ngoại giao thực thụ, cư xử mười phần lịch sự, nên còn nói chuyện thân mật được. Chính vì vậy, trong suốt bữa tiệc, hai người bọn họ chủ yếu chỉ nói chuyện với trung tá Bảo. Họ chỉ thỉnh thoảng mới có vài câu đối đáp với những người khác, dù biết chắc những kẻ kia giữ địa vị rất cao trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Mục đích của hai vị khách là tìm hiểu ý đồ của đối phương, chứ không quan tâm đến việc tạo quan hệ thân mật. Họ đã hoàn toàn thỏa mãn vì ý đồ đã đạt nên chẳng còn gì để lưu luyến.

Trung tá Bảo vô cùng hớn hởi, hài lòng, vì đã đạt được mục đích ngoài mong muốn. Rõ ràng trong tiệc, ngài bộ trưởng và ngài cố vấn chỉ nói chuyện thân mật với ông ta là chính.

Với một trung tá tầm thường mà lại được trò chuyện thân mật với hai nhân vật quan trọng bậc nhất của một quốc gia thì còn gì vinh dự bằng, ông ta thầm cảm ơn thầy Đan, một người “môi giới” hoàn toàn vô tư.

Chính vì vậy mà trung tá Bảo đã thầm xem thầy Đan là ân nhân của mình trên con đường tiến thân sắp tới.

Khi khách Lào đã ra về, trung tá Bảo ra tiễn tận xe, thái độ vô cùng hể hả.

Thầy Đan cũng muốn về, nên nói với trung tá Bảo nửa như đùa: “Tôi xong nhiệm vụ với ngài tùy viên rồi nghen. Bây giờ cho tôi ra về. Tôi không uống được nhiều rượu mạnh nên bây giờ đầu nhức như búa bổ”.

Trung tá Bảo đâu có thể để ân nhân của mình ra về đơn giản như vậy.

Ông ta nói mà như nằn nì, lấy lại cách xưng hô xã giao trước đây: “Còn sớm mà thầy. Bây giờ mà về với hơi rượu nồng nặc thế này, bà xã ở nhà thế nào cũng cần nhằn và chắc chắn sẽ trách tôi. Thôi thầy ráng ở lại thêm một chút nữa đi cho hả hết mùi rượu hãy về. Tôi cam đoan là không để ai ép thầy uống thêm đâu.

Lúc này trung tá Bảo thực sự đã không còn chút e dè nào về thầy Đan.

Ông ta đã xem thầy Đan là người thân của mình, nên nói thêm: “Lúc này chưa tới 21 giờ mà, thầy ráng ở lại thêm một chút nữa đi”.

Trung tá Bảo nói mà như nài nỉ.

Thầy Đan không có cách chi từ chối lòng tốt của chủ nhà, nên đành phải nán lòng ở lại.

Thấy Đan cũng có chút tò mò, muốn nán lại nghe xem giới quân nhân đánh giá gì về các ông sếp của mình.

Quả như thầy Đan suy nghĩ, những quân nhân cao cấp Việt Nam cũng chẳng khác gì người thường. Những người này không cần e dè theo nghi thức ngoại giao, bắt đầu bàn tán, bình luận, phê phán về mấy người khách Lào ngay khi họ vừa đi khỏi.

Thói đời là vậy.

Bạn đến dự một buổi tiệc long trọng, nếu vì lý do nào đó mà phải về sớm, tức khắc những người còn lại sẽ lấy ngay bạn làm đề tài để bình luận. Khen hay chê là tùy vào hảo cảm. Phê phán, bình luận là tùy vào đề tài được đưa ra.

Và thế là thầy Đan nghe có kẻ nào đó nói: “Mẹ nó, mấy thằng Lào này làm bộ, làm tịch. Chẳng làm sao cạy được ý nghĩ thực trong đầu chúng” Nhiều người còn nói những lời thô lỗ, chê bai trắng trợn, rất khó nghe.

Họ còn muốn hỏi thêm về hai nhân vật thượng lưu của Lào, nhưng trung tá Bảo cảm thấy điều này quá bất nhã, vì dù sao khách cũng do thầy Đan mời đến theo yêu cầu của mình, ông ta bèn lái sang chuyện khác: “Nào! chúng ta làm vài ván bài để thử thời vận, xem ai hên ai xui”.

Chẳng đợi mời lâu, chủ và khách bắt đầu sát phạt nhau.

Một tay nào đó hỏi:

- Mình đang trên đất Lào, vậy sẽ thắng thua bằng tiền gì?

Chủ nhà trả lời:

- Tất nhiên là tiền đô rồi. Đô xanh, đô đỏ đều được, cứ qui giá trị ra mà tính.

Mỹ có rất nhiều căn cứ quân sự trên toàn thế giới, nên chính quyền không muốn chảy máu đồng đô la hiện hành ra nước ngoài. Ngân hàng Mỹ bèn cho phát hành đồng đô la có màu đỏ để chi tiêu tại các căn cứ quân sự. Chính vì vậy mà có sự phân biệt đô xanh, đô đỏ. Những người Mỹ sau khi hết hạn phục vụ tại các căn cứ quân sự, khi trở về Mỹ thì dùng tờ đô đỏ đổi lấy đồng đô xanh.

Ngay tức khắc, các cô gái được ra hiệu, bèn bày ra hai mâm bàn đèn thuốc phiện và hai bàn đánh bạc.

Trên bàn tiệc đã bắt đầu hỗn loạn. Những tay ham mê cờ bạc thì xúm vào cuộc đồ đen.

Một số thì bu quanh bàn đèn để thưởng thức nàng tiên nâu.

Một số khác đã bắt đầu nổi máu ba lăm, ôm ấp, hôn hít các người đẹp ngoại, không một chút e dè.

Các cô gái chỉ muốn nhân chuyện này mà kiếm thêm khoản tiền ngoài thỏa thuận, nên cũng đưa đẩy lả lợt cười cợt, sẵn sàng chiều mọi yêu cầu của khách. Các cô biết, những vị đang ngồi trong bàn tiệc này đều là kẻ có tầm tiếng, nhất hô bá ứng, và tất nhiên họ sẵn sàng vung tiền quá trớn.

Thức nhắm ngon nên ai cũng uống rượu khá nhiều.

Mọi người đến lúc “đã”, họ bắt đầu tha hồ ba hoa khoác lác.

Những lời nói do men rượu và sắc đẹp phun ra, nhưng là nguồn cung cấp những thông tin nóng hổi vô cùng quan trọng. Bởi rượu làm cho con người mất cảnh giác, thiếu dè dặt, gái đẹp làm cho con người dễ nổi máu yên hùng, chẳng chịu thua ai.

Họ nghĩ, những cô gái Thái này không thể biết tiếng Việt, nên chẳng cần thận trọng.

Thầy Đan, cũng nghe hết những điều này, biết đây là những điều hoàn toàn bí mật, không nên nghe. Thầy bèn đến nói thầm vào tai trung tá Bảo, giọng đã hơi có vẻ lè nhè:

- Các vị này nói toàn chuyện bí mật, không sợ tiết lộ ra ngoài à?, Tôi mà đứng nghe, lỡ sau này có chuyện gì thì chắc chắn sẽ là đối tượng bị điều tra, anh cho tôi về, nhức đầu quá rồi.

- Không sao đâu, rượu nói mà, có gì quan trọng đâu, ở đây toàn người mình. Còn mấy con nhỏ Thái này thì đâu có biết tiếng Việt...

Thầy Đan tuy không phải người làm chính trị, chẳng quan tâm đến vấn đề bí mật quốc gia. Nhưng ai làm việc ở những công ty quan trọng đều phải được nhắc nhở về vấn đề bảo mật cho công ty. Chính vì vậy mà thầy thấy mình có trách nhiệm cảnh tỉnh ngài trung tá, nói:

- Cẩn thận vẫn hơn. Ai dám bảo đảm trong số mấy cô này không có người biết tiếng Việt. Ai dám bảo đảm trong số họ không có agent” (gián điệp) của một tổ chức nào đó. Ngoài ra, trong số những người ngồi đây, làm sao có thể bảo đảm, không có agent của đối phương cài vào?

- Ừ, anh nói cũng phải, để tôi nhắc nhở bọn họ.

Chính lúc này thầy Đan cũng cảm thầy đầu nhức như búa bổ, cảm giác say rượu ập đến. Thấy thấy cần phải nằm nghỉ trong chốc lát cho cơn say dịu xuống. Nhưng ở đây không có chỗ nào có thể nằm nghỉ, nên chỉ có cách vào toilette làm cách nào đó nôn ra.

Thầy Đan bèn thì thầm nói với trung tá Bảo: “Tôi uống hơi nhiều, chắc là sắp say. Có lẽ tôi cần đi toilette để nôn ra bớt, anh chỉ chỗ giúp”.

Ông Bảo chỉ chỗ cho thầy Đan.

Khi thầy Đan đứng lên thì đã có vài phần không vững, giọng nói lại có vài chữ phần không rõ ràng. Nhà vệ sinh cách đó không xa, vậy mà thầy đi cứ va chạm lung tung,

Trung tá Bảo nhìn theo, thấy vậy thì biết là thầy Đan đã có hiện tượng say rượu, khó kiểm soát bản thân.

Khi thầy Đan ra khỏi nhà vệ sinh, trung tá Bảo bước đến đến, cười và nói;

- Thầy say rồi! Vào phòng làm việc của tôi mà nằm nghỉ một lúc đi. Trong đó có bộ salon dài êm lắm... chừng nào bớt nhức đầu thì về. Bây giờ mà về nhà thì còn quá sớm và nguy hiểm lắm. Nể tôi một chút đi...

Thầy Đan thật sự ngần ngại, nơi đó là phòng làm việc, có biết bao nhiêu điều bí mật trong phòng của một ngài tùy viên quân sự?.

Trung tá Bảo biết thầy Đan ngần ngại nên càng cố nài ép. Ông ta lúc này đã thực sự xem thầy Đan như người thân của mình.

Cuối cùng, vì thực sự nhức đầu và mệt mỏi, vì nể chủ nhà, thầy Đan miễn cưỡng bước xiêu xiêu vẹo vẹo vào phòng nằm nghỉ. Trung tá Bảo bước theo mở cửa và hướng dẫn thầy Đan đến bộ sa lon, bật máy điều hòa và căn dặn những điều vô thưởng vô phạt.

Thầy Đan cảm đầu đi thẳng một mạch đến sa lon, rồi ngã phịch xuống một cách cấu thả, mắt nhắm nghiền. Thầy thực sự mệt mỏi và choáng váng do rượu, chẳng buồn dòm ngó gì xung quanh. Như chợt nhớ, thầy Đan khó nhọc ngồi dậy nhẹ nhàng cởi giày, rồi ngã người lên sa lon, mặt quay vào chỗ tựa lưng, mắt nhắm nghiền, đầu lâng lâng nửa tỉnh nửa say, nửa muốn ngủ...

Trung tá Bảo bước ra, khép cửa phòng, trả sự yên tĩnh cho thầy Đan. Trước khi khép cửa, ông còn nói thêm: “Thầy cứ yên tâm nằm đây mà nghỉ, khi nào tỉnh rượu hẳn hãy ra”.

Thầy Đan lè nhè: “Cám ơn.”.

Khi trung tá Bảo đã ra khỏi phòng, thầy Đan trở mình. Thầy vẫn chưa thể ngủ được vì lạ chỗ.

Khoảng hơn nửa giờ, cơn say đã giảm, thầy Đan ngồi dậy, mang giày vào. Thầy lo rằng ở nhà đang trông mong mình, nên dù vẫn chưa tỉnh hẳn, thầy vẫn rời phòng làm việc của trung tá Bảo.

Thầy Đan bước đi tuy đã vững, nhưng dáng vẻ còn choáng váng, mắt lờ đờ.

Trung tá Bảo bước đến, ân cần nói với Thầy Đan:

- Thầy dùng tạm một hơi thuốc phiện cho tỉnh hẳn đi. Thứ này vốn là thần dược, dùng liều độ là rất tốt, nó được mệnh danh là nàng tiên nâu cũng không quá đáng đâu. Tôi từng chứng kiến, phụ nữ Lào sau khi sanh, chỉ cần nuốt một viên thuốc phiện nhỏ hơn hạt đậu là hôm sau cổ thể đi ra đồng làm việc bình thường.

- Tôi vốn sống cầu thả, vô ý thức, lỡ vướng vào mà không kiềm chế được, thành con ma nghiện thì nguy. Vả lại tôi phải về ngay bây giờ, kéo vợ con ở nhà trông đợi.

Lúc đó quả thật cũng đã khuya.

Trung tá Bảo không còn lý do gì để giữ thầy Đan ở lại, nên lưu luyến nói:

- Thầy giúp tôi nhiều quá, biết lấy gì báo đáp? Sau này có chuyện gì cần, thầy cứ nói với tôi.

- Chuyện nhỏ mà, anh đừng quan tâm làm gì...

Về đến nhà, bà Độ vẫn còn thức để chờ. Bà nhẹ nhàng hỏi: “Tiệc tùng gì mà lau thế?, anh vô thay đồ rồi đi ngủ’

- Tối nay anh còn phải thức làm một số việc cho hãng, Buổi chiều, lo cái vụ tiệc tùng nên quên mất việc cần làm cho ngày mai. Em cứ đi ngủ trước đi.

- Để em đi pha cho anh ly nước chanh, uống cho giải rượu.

- Ừ! Em pha cho anh ly nước chanh, chắc anh còn phải làm việc hơi lâu.

Gần sáng, thầy Đan vẫn dậy sớm như mọi khi để chuẩn bị hàng cho vợ con bán. Sau đó thì về nhà tắm rửa, ăn sáng rồi đến hãng làm việc như một người chủ gia đình đầy trách nhiệm, một viên chức mẫn cán. Tuy vậy, trên đường từ chợ Sáng về nhà, thầy Đan ghé qua trường La Fontaine nói mấy câu thăm hỏi với thầy quản giáo Tải.

Chương VIII

ĐỒNG NGHIỆP

Sở giao thông công chánh Viên Chăn có cả nhân viên người Lào và Việt cùng làm việc chung với nhau.

Từ kinh nghiệm cuộc sống từng trải, thầy Đan biết, muốn làm việc tốt ở đây, không phải chỉ có trình độ chuyên môn và sự tích cực là đủ. Quan hệ đồng nghiệp là cực kỳ quan trọng trong công sở. Chỉ cần có một người cản trở công việc thì dù làm việc giỏi, tích cực cũng sẽ rất dễ thất bại. Thấy vốn đã có kinh nghiệm, muốn làm việc tốt thì phải thần thiện với những người đồng nghiệp.

Vừa đến sở công chánh, thầy Đan chịu khó làm quen với tất cả mọi người. Họ chính là kho tri thức và chỗ dựa tinh thần, tình cảm trong công việc. ,

Chẳng hiểu vì sao, khi mới đến sở, thầy Đan đã cảm thấy mến chàng trai Kongsinh, một thanh niên Lào ham thích đá banh và các môn thể thao khác. Anh ta thực thà, trung hậu, nhiệt tình giúp đỡ mọi người xung quanh.

Chính vì vậy mà chẳng bao lâu thầy Đan đã trở thành bạn thân của Kongsinh.

Thầy Đan không chơi đá banh, cũng không có thời gian để chơi thể thao, ngoài những bài thể dục bình thường vào buổi sáng. Tuy vậy, thầy lại rất thích xem đá banh, am hiểu về môn này để có thể bình luận sâu sắc. Thầy còn nhớ rất nhiều tên cầu thủ nổi tiếng trên thế giới.

Một thời gian sau, Kongsinh được quân đội chọn đi học lớp tham mưu tác chiến và chống chiến tranh du kích

Sau ba năm học tập, Kongsinh trở về với quân hàm thiếu tá, chỉ huy một tiểu đoàn đóng tại tỉnh Houeisai. Đối với quân đội Lào, hàm thiếu tá đã là sĩ quan cao cấp.

Tuy đã là sĩ quan cao cấp, nhưng Kongsinh vẫn là con người tốt bụng, hòa đồng, cởi mở như cũ và vẫn mê đá banh. Chính vì vậy mà thầy Đan vẫn giữ tình bạn thân tình với ông ta như trước đây.

Ở Houeisai cổ mỏ đá saphir rất quý. Có thể nói Lào và Miến Điện là những nơi có mỏ đá quý loại này. Đá saphir ở đây cứng và đẹp hơn hẳn ở những nơi khác trên thế giới, cho nên chúng là đối tượng săn lùng của dân buôn ngọc.

Một lần Kongsinh về Viên Chăn biểu thầy Đan một túi nhỏ đá saphir, nói:

- Anh đem cho thợ mài làm nữ trang cho chị ấy với cháu Phương. Thứ này quý lắm, không dễ gì có được đâu.

Điều này nói lên, tình cảm của hai người rất thân mật. Mà thật vậy, họ coi nhau như anh em.

Một thời gian ngắn sau đó, Kongsinh được đổi về làm trưởng phòng tác chiến hỗn hợp Lào - Mỹ và giữ chức quan năm (colonel).

Dù bây giờ ở địa vị rất cao, Kongsinh vẫn quý mến, kính trọng thầy Đan. Tình bạn của họ giữ mãi đến tận sau này. dù hai người chỉ làm việc chung với nhau khoảng hai năm.

Ngoài Kongsinh, ở trong Sở Giao thông Công chánh, thầy Đan còn rất thân thiện với ông Lê Học Bình.

Ông Bình có con rể tên Chương, quốc tịch Lào, làm việc ở bộ tài chính Lào. Cả bố vợ lẫn con rể đều hiền lành, nhân hậu, ít nói. Mới gặp mà ông Bình đã tỏ thái độ quý mến thầy Đan nên rất tận tình giúp đỡ trong công việc.

Ông Bình có một lý lịch tương đối phức tạp. Thời Pháp thuộc, ông cũng từng theo cộng sản và bị giam ở nhà tù Côn Đảo. Ông có người con trai đang làm việc ở Hà Nội, nên hiện nay ông đang sống với con gái và rể. Gia đình ông Bình là những người làm ăn chí thú, bản tính ông hiền lành, ít nói, nên được dân xung quanh quý mến. Ông làm việc kỹ lưỡng, cẩn trọng, có nhiều kinh nghiệm trong công việc.

Mới đến làm việc loại cơ quan hành chánh như thế này, toàn những công việc mới lạ, chắc chắn thầy Đan có nhiều bỡ ngỡ. Nhờ những người tốt như ông Bình mà thầy mau chóng nắm bắt công việc và dần trở nên vững vàng, được mọi người chấp nhận và tôn trọng.

Song song với việc kết tình thân hữu ở nơi làm việc thầy Đan tạo mối thân quen với cả xóm Saylom. Nhờ thế mà gia đình thầy được giúp đỡ rất nhiều trong những lúc khó khăn, nhất là vào buổi đầu. Người dân trong xóm vẫn gọi thầy Đan một cách thân mật bằng cái tên cũ “anh Độ”, “ông Độ”.

Hôm ấy, đang ngồi làm việc, cảm thấy nhớ nhớ người bạn thời cùng làm việc chung ở sở giao thông công chánh Viên Chân, thầy Đan nhắc điện thoại gọi cho Kongsinh:

- Allo! Chiều nay cậu có rảnh không?

- Rảnh, tôi đang định gọi cho anh rủ ra nhà hàng nào đó trò chuyện.

- Lâu quá, không gặp cậu nên thấy nhớ, cũng muốn gặp nói chuyện cho vui.

- Vậy thì, hết giờ làm việc, mình gặp nhau ở nhà hàng mọi khi. Tôi sẽ gọi điện về nhà báo không ăn cơm nhà.

Hết giờ làm việc, vì ở nhà không có điện thoại, nên thầy Đan tranh thủ chạy về, báo cho vợ con biết là tối nay ăn cơm với Kongsinh ở nhà hàng Au Bon Gout.

Đúng giờ hẹn, Kongsinh chạy xe jeep đến.

Vừa gặp, hai người bắt tay thân mật. Thầy Đan hỏi:

- Tôi nhớ anh chi dùng rượu vang?

- Tôi vốn không uống rượu, nhưng rượu vang thì có thể dùng vài ly. Rượu này tốt cho tim mạch, uống không có hại như các loại khác.

Vừa nhấp nháp rượu nho khai" vị, thầy Đan thật lòng khen:

- Anh ở độ tuổi này mà còn đá phong độ quá. Trận đấu giao hữu Lào - Hồng Kông hôm chủ nhật vừa rồi, anh đá rất xuất sắc trong vị trí tiền vệ.

- Tôi cũng xuống sức nhiều rồi, hơn bốn mươi rồi, đâu phải cái thời thanh niên nữa. Vì đây là trận đấu giao hữu nên người ta mới cho tham gia, chứ nếu đá chính thức thì tôi chỉ có thể ngồi trên ghế khán giả mà nhìn.

- Anh nói thế chứ, thực ra nhiều thanh niên còn lâu mới theo kịp. Thân hình anh trông rắn chắc, cứ như một lực sĩ. Hôm đá banh, thấy anh chạy cả buổi trên sân, biết anh còn dai sức lắm.

Im lặng một lúc để thưởng thức ly rượu vang, thầy Đan nói tiếp:

- Anh tài thật, công việc ngập đầu mà vẫn còn thời gian đá banh. Tôi buông công việc ra là chẳng còn thời gian làm gì khác. Nào là lo cho mấy đứa nhỏ, nào lo tìm nguồn hàng cho mẹ con cháu Phương bán...

- Anh biết tính tôi mà, không đá banh thì biết giải trí bằng cái gì. Tôi không rượu chè, không trai gái, không cờ bạc, vậy thì chỉ còn có thể thao thôi. Càng nhiều việc thì tôi càng phải lao vào thể thao để giảm ức chế.

- Đạo này chắc công việc nhiều lắm hả?

- Thì đang có chiến dịch mà, anh không xem báo à? Tôi phải theo dõi mặt trận tại cánh đồng Chum, đang rầu muốn chết đây. Nghe anh gọi nên mừng quá, chạy ngay đến nói chuyện cho bớt căng thẳng. Những chuyện như thế này, ở nhà chẳng biết nói với ai cho họ cảm thông.

- Tôi ít khi xem báo, chẳng quan tâm lắm đến tình hình thời sự, chính trị. Công việc của tôi cũng đủ bù đầu rồi, làm gì có thời gian để dành cho những chuyện chẳng liên quan gì đến mình. Thôi quên chuyện chiến sự đi, giờ này anh em mình chỉ nên nói chuyện riêng tư với nhau thôi.

Chỉ câu nói này thôi, câu nói của tình bằng hữu, cũng đủ làm cho Kongsinh cảm thấy thoải mái hoàn toàn. Ông đang căng thẳng trong đầu, vì phải lo trù tính cho chiến dịch. Bây giờ gặp thấy Đan, ông như được thả lỏng hoàn toàn, giải tỏa hết nỗi lo nghĩ công việc. Trong đầu Kongsinh nghĩ, ông bạn này hơi hợt quá. Làm ăn mà không quan tâm đến thời sự, chính trị thì dễ thất bại lắm, khi mà chính thể thay đổi, hay có chiến sự đột ngột... Dù sao thì Thầy Đan này cũng ngây thơ một cách dễ thương, khiến mình cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng.

Chuyện vẫn một lúc về các vấn đề thể thao, đại tá Kongsinh chợt chuyển đề tài, hỏi:

- Máy đưa nhỏ nhà anh khỏe không? Hình như thằng Dũng đang học năm cuối hả?

- Nó mới học lớp 11. Hết 12, tôi dự định cho cháu đi Pháp học. Ở nước Lào mình không có trường đại học, nên con em đi học ở nước ngoài hết. Phần lớn, sau khi tốt nghiệp, bọn trẻ ở lại nước sở tại. Vô tính, Lào bị chảy máu chất xám, tiếc thật. Phải chi ở Lào có trường đại học thì con em mình đâu phải đi xa. Cháu Phương nhà tôi thì xem chừng chỉ muốn theo mẹ nó trong nghề buôn bán. Nó tỏ ra có năng khiếu trong nghề này, lại giỏi ngoại ngữ nên buôn bán ngày càng thuận lợi.

- Tôi có gặp nó mấy lần ngoài chợ, nghe nó nói đủ các thứ tiếng, nào Pháp, Anh, Nga, Nhật, Tàu mà phục lăn. Anh cho nó học mấy thứ tiếng này hồi nào mà khá quá vậy?.

- Nó tự học là chính, ở trường thì học bằng tiếng Pháp và Lào, còn tiếng Anh là ngoại ngữ chính. Mấy bà ở Sứ quán Liên Xô mở lớp dạy thêm tiếng Nga, nó với thằng Dũng xin tiền đi học. Tiếng Tàu và Nhật là học lóm đó chớ, được mấy chữ ba mớ, chớ giỏi giang gì đâu.

- Vậy là giỏi quá rồi, đám con tôi ngoài tiếng mẹ đẻ và tiếng Pháp ra, còn lại thì điếc đặc. Có lẽ tôi phải cho chúng học thêm tiếng Anh, kéo sau này khó kiếm việc.

Người Mỹ thế nào cũng xâm nhập sâu vào Indochine, đi theo họ là tiếng Anh. Chỉ sợ sau này tiếng Anh sẽ là tiếng nói của giới công chức?

- À! hồi nãy anh nói phải lo chiến dịch cánh đồng Chum, vậy có phải ra mặt trận không? Coi chừng bỏ mạng ngoài đó là tội nghiệp vợ con lắm nghe.

- Đâu có cần tôi phải ra trận. Chiến dịch này sẽ kết thúc nhanh thôi. Theo tin tình báo, Phathet Lào được Bắc Việt hỗ trợ, binh lính của tôi đang sợ muốn chết. Họ không thể kéo dài trận chiến được đâu. Binh lính Lào đánh trận theo giờ, làm sao địch lại quân Bắc Việt chiến đấu bất kể ngày đêm, lại giỏi chịu đựng gian khổ.

Kế đến họ còn nói nhiều chuyện trời trăng mây nước cho quên đi những nhọc nhằn mưu sinh.

Thời gian vậy mà trôi quá nhanh, hai người không để ý, đến khi nhìn lại thì đã gần 8 giờ tối. Nhưng họ vẫn luyến tiếc cơ hội được ngồi bên nhau. Thầy Đan nói thêm về những đề tài phim ảnh, thể thao, thời tiết... để tạo cơ hội kéo dài thời khắc bằng hữu bên nhau.

Đến hơn tám giờ rưỡi tối thì hai người mới bịn rịn chia tay nhau.

Hôm ấy là một ngày đầu tháng 4 năm 1971.

Chương IX

BÍ MẬT CỦA THẦY ĐAN

Bất kỳ ai, sống trong thời buổi chiến tranh, loạn lạc, thường cũng đều có những bí mật, hay những chuyện riêng tư không thể nói cùng ai.

Ngay trong lý lịch của mỗi người, thường cũng có những chi tiết sai thực tế, thậm chí là vô lý.

Trường hợp thầy Đan cũng không ngoại lệ.

Ngay từ phần hai, đọc giả đã biết, thầy Đan vốn có tên là Nguyễn Văn Độ, một việt kiều từ Thái Lan quá Viên Chăn kiếm sống. Điều này, dân trong xóm Sạylom ai cũng biết, chẳng có gì bí mật.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hòa bình đến với nước Việt Nam, Ngay sau đó, hai miền Nam, Bắc của Việt Nam thống nhất thành một quốc gia.

Cũng trong khoảng thời gian này, hòa bình đến với toàn cõi Đông Dương.

Tòa đại sứ quán Việt Nam Cộng Hòa bị xóa sổ. Những người làm việc ở đây chủ yếu là di tản qua Mỹ. Vì vậy mà thầy Đan thường đến liên hệ với sứ quán Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Có lẽ thầy muốn làm thủ tục để về thăm quê cha đất tổ?

Việt kiều ở bên Lào ít khi quan tâm đến chuyện người khác, nhưng không phải là tất cả. Nghĩa là cũng còn có người thắc mắc về người hàng xóm của mình, về những người mà mình quen biết.

Hầu như ai cũng nghĩ, thầy Đan thân thiết với người của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời thầy là người làm việc cho chính phủ Lào thân Mỹ. Vì vậy mà có người lấy làm lạ, tại sao ngày nay thầy lại tỏ ra thân cận với người của phía Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa?.

Cũng có người không mấy ngạc nhiên. Họ nghĩ, bây giờ hòa bình rồi, thầy Đan phải tìm cách đưa vợ con về quê hương, xứ sở. Đó là cái đạo đương nhiên của những người con xa quê lâu ngày. Việt Nam bây giờ chỉ còn có một chính phủ, nên dù trước đây có thuộc phe phái nào thì bây giờ cũng phải qui về một mối. Vì vậy mà thầy phải đến sứ quán Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa để làm thủ tục xin về nước là lẽ đương nhiên. Thầy đâu còn con đường khác để xin hồi hương.

Mỗi người đoán một ý.

Thầy Đan vẫn luôn quan hệ tốt với mọi người quen biết trước đây, kể cả hàng xóm lẫn những đồng nghiệp cũ. Thầy còn giúp những người muốn hồi hương, hay về quê thăm gia đình, mà chưa dám tiếp cận sứ quán Việt Nam.

Phần nhiều những người còn ở lại với chính quyền mới của nước Lào thì hoặc là không dính đến chính trị, hoặc là từng có quan hệ với những người cộng sản trên đất Lào.

Thầy Đan mỗi khi gặp những người quen biết cũ thì đrffu nêu cái ý, là xa Việt Nam đã quá lâu, nên muốn quay về sống những ngày cuối đời ở quê cha đất tổ, tìm lại họ hàng ruột thịt.

Nhưng quê thấy ở đâu?

Dân trong xóm xung quanh trước đây chẳng bao giờ để ý, bởi vì họ còn bao nhiêu việc cần quan tâm hơn cái việc tìm hiểu người hàng xóm của mình quê ở đâu trên đất Việt?

Theo hồ sơ lưu trữ thì quê của thầy Đan ở Nam Định, nhưng thầy lại phát âm rất giọng Nam bộ. Điều này chỉ có những Việt kiều mới có thể để ý, nhưng người ta nghĩ, vì thầy sống ở Sài Gòn từ lúc còn trẻ nên giọng nói bị lai chằng.

Thế rồi gia đình thầy cũng đến lúc hồi hương. Thầy theo bên vợ về thẳng miền Tây Nam bộ để sinh sống.

Ông Thiệt, bạn thầy cũng âm thầm về Việt Nam từ những năm còn chiến tranh. Một người bạn thân khác là

ông Hai Quảng, từng mượn tên Nguyễn Văn Tải để kiếm sống trên đất Lào cũng đã về nước, chỉ vài ngày sau đất nước giải phóng.

Nếu ai tò mò, theo bước chân hành trình của gia đình thầy Đan, sẽ thấy có vài điều lạ.

Đầu tiên, thầy về Sài Gòn, gặp lại hai người con trai lớn của mình. Chúng tỏ thầy Đan từng có vợ con trước khi lấy bà Dế.

Thầy gặp lại con chẳng mấy khó khăn, chúng tỏ thầy từng có liên hệ với hai anh con trai này. Và nếu tìm hiểu thêm, chắc sẽ có người nêu câu hỏi:

- Thầy Đan lưu lạc ở nước ngoài từ nhỏ, sao lại có hai con sống tại Việt Nam?.

Tại sao các con này của thầy Đan lại là những cán bộ của chính quyền cách mạng?.

- Tại sao những anh con trai này cũng là con của bà Năm?...

Toàn những câu hỏi mà chỉ có thầy Đan mới trả lời được.

Tiếp theo, thầy Đan đến thăm vài người bạn cũ. Họ thuộc bên phía Việt cộng. Hiện họ đang làm việc cho ban quân quản thành phố. Nhiều người còn giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền cách mạng. Thầy đến tìm thăm họ, đồng thời liên hệ để kiếm việc làm.

Nhưng làm sao thầy có thể quen biết được họ? Họ phần nhiều là người Nam bộ, trong khi thầy là dân Bắc?. Họ theo kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ sau này.

Thế rồi, nếu ai đó lại chịu khó theo chân gia đình thầy Đan, họ sẽ còn ngạc nhiên hơn vì biết rằng, quê nội của thầy ở Sóc Trăng. Sau ngày giải phóng, cha thầy vẫn còn sống, quê ngoại của thầy ở Châu Đốc. Quê vợ thầy cũng ở Châu Đốc. Như vậy, thấy chẳng có liên quan quê quán gì với tỉnh Nam Định hay Thái Bình. Và cái hồ sơ mà trong

đó ghi là “cha mẹ mất sớm, họ hàng ly tán” quả là có điều đáng ngờ. Một góc khuất của thầy mà chính quyền cũ không biết được.

Thế rồi, năm 1976 thầy Đan về một tỉnh ở miền Tây, giữ chức vụ cao ở viện kiểm sát của tỉnh này.

Tiếp theo, khoảng năm 1978 thầy Đan về Hậu Giang giữ chức giám đốc một sở của tỉnh.

Vài người quen biết thầy Đan ở bên Lào vô cùng ngạc nhiên, khi biết được điều này. Người ta biết, chế độ cộng sản không bao giờ chấp nhận một người có quá khứ như thầy Đan, dù khi xưa thầy sống hiền lành, tốt bụng với tất cả mọi người. Người giữ địa vị viện phó viện kiểm sát, rồi giám đốc sở ắt phải là một đảng viên cộng sản. Ngoài ra, một người cán bộ giữ địa vị cao trong chính quyền hiện nay phải có nhiều thành tích trong công cuộc giải phóng đất nước.

Vậy thầy Đan là ai? Thành tích của thầy như thế nào đối với chính quyền mới hiện nay?

Tất nhiên, đọc giả vốn đã biết chắc, tên thật của thầy không phải là Nguyễn Văn Đan, nhưng thầy hình như cũng không phải là Nguyễn Văn Độ.

Thầy Đan từng có một cái họ, một lý lịch hoàn toàn không như ta biết.

Như vậy, cái lý lịch của Nguyễn Văn Độ hoặc là không thật, hoặc là...

Như vậy, Nam Định, hay Thái Bình có thật là quê của thầy Đan?

Như vậy thì ông Độ, hay thầy Đan thực sự là ai?

Thời chiến tranh mà, việc mượn tên, mượn lý lịch đâu phải là chuyện hiếm hoi. Ngay những người thường dân cũng nhiều khi phải thay tên, đổi họ, chuyển chỗ ở để làm ăn, sinh sống. Cuộc sống vốn có nhiều điều bất ngờ, đôi khi khó cưỡng lại hoàn cảnh. Cho nên, hầu như ai, nếu đã phải lưu lạc làm ăn ở xứ người, thì cũng có chút bí mật về bản thân.

Bí mật đó chính là góc khuất của một đời người, không phải chỉ một mình thầy Đan mới có.

Đoạn trên, tác giả cố tình quên kể là anh Độ có sửa chút ít chi tiết trong bộ hồ sơ gốc của thầy Đan. Chính vì vậy mà chẳng ai nghi ngờ về việc, thầy Đan có tên gọi ở nhà là Nguyễn Văn Độ. An ninh của chính phủ Lào cũng như của tòa sứ quán Việt Nam Cộng Hòa đều cùng biết những chi tiết quan trọng là, thầy Đan vốn là dân Bắc, cha mẹ mất sớm, phải “trôi sông lạc chợ” từ nhỏ, qua đất Thái làm ăn và trưởng thành dần. Họ không biết, trong hồ sơ gốc mà ông Bùi đem về, thầy Đan từ Sài Gòn qua Lào xin việc làm. Họ cũng không thể biết, thầy Đan "phù phép" trong bộ hồ sơ gốc, để hợp thức khoảng thời gian mà anh Độ học lấy bằng tú tài Pháp. Rồi nhờ bằng cấp này mà được ông tổng giám đốc xưởng sửa chữa máy bay Francois tiếp nhận.

Việt Nam vào thời cận đại đã phải trải qua hai cuộc chiến lớn, làm thay đổi cả vận mệnh của một đất nước, hướng chi là những số phận nhỏ nhoi.

Chiến tranh là sự đối đầu của ít nhất là hai phía. Kẻ nào đã minh bạch với phía bên này, ắt phải có những điều bí mật với phía bên kia chiến tuyến.

Chương X

NHIỆM VỤ MỚI

10.1

Tác giả xin tạm gác chuyện thầy Đan qua một bên, để đọc giả làm quen với một nhân vật khác của truyện.

Đầu năm 1959, anh Hai Tỷ được mời kín đáo đến phòng làm việc của ông Trần Hiệu, cục trưởng Cục 2.

Trên đường đến phòng Cục trưởng, anh Hai cảm thấy vui mừng vì đoán rằng sắp được nhận nhiệm vụ mới. Anh đoán chắc, nhiệm vụ lần này hoàn toàn khác với các nhiệm vụ anh từng thực hiện trước đây.

Kèm theo nỗi vui mừng là sự hồi hộp, lo âu, vì không biết mình có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ hay không. Đã có bao nhiêu đồng đội gục ngã trên đường đi đến địa

bàn. Họ vĩnh viễn không có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ. Anh Hai không sợ chết, chỉ sợ mình sơ suất, khiến cho tổ chức bị tổn thất.

Trong hai năm là nhân viên chính thức của Cục 2, anh Hai đã được học tập, rèn luyện rất kỹ lưỡng. Anh phải theo các lớp chính trị, triết học, kinh tế học, những nghiệp vụ tình báo ở tầm cỡ quốc tế.

Anh Hai Tỷ được rèn luyện từ kỹ thuật chiến đấu đơn độc, cho đến sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại của ngành, như mật mã, điện đài, làm quen với các loại máy chụp hình siêu nhỏ, rửa và tráng hình, sử dụng các loại máy ghi âm, sử dụng các loại vũ khí hiện đại, lái xe, nhảy dù, kỹ thuật khai thác tin tức, sử dụng mực hóa học để viết tin tức, những quy định về hộp thư mật, cách tạo mật mã riêng..., kể cả những việc vặt như làm giả hồ sơ, Những kiến thức này đủ tạo cho anh khả năng làm một điệp viên đơn tuyến.

Trong các môn học của chương trình, anh Hai Tỹ phải thông thạo cả tiếng Lào. Lào và Thái có tiếng nói gần giống nhau, chính vì vậy mà anh suy đoán, có thể Cục 2 sẽ đưa anh đến hoạt động tại vùng nói ngôn ngữ Lào.

Thời chiến tranh chống Pháp, anh Hai Tỹ là một cán bộ quân báo dày dạn, giàu năng lực và cũng lắm thành tích. Nay dù ở độ tuổi gần bốn mươi, nhưng lòng nhiệt tình, ham hoạt động vẫn còn nguyên như thời trai trẻ.

Đến văn phòng thủ trưởng, anh Hai Tỹ sửa lại quần áo cho nghiêm chỉnh theo thói quen quân sự rồi mạnh dạn gõ cửa.

Ông Hiệu dường như đã biết ai đến, nên nói vọng ra: “Vào đi cậu Hai Tỹ! nhớ khép cửa và đừng để ai biết cậu đến đây”.

Hai Tỹ mở cửa bước vào. Trước mặt anh là một người đàn ông trung niên cao lớn, quắc thước, nước da rám nắng, khuôn mặt vuông chữ điền trông uy nghi nhưng phúc hậu.

Ông Trần Hiệu từng là giám đốc Nha liên lạc tổ chức tình báo, cơ quan tiền thân của Cục 2.

Anh Hai Tỹ lúc đó cao ốm, dáng dấp như thư sinh, trắng trẻo, vì vậy mà so với thủ trưởng, anh hoàn toàn như một học trò bé nhỏ đứng trước một thầy giáo cao lớn uy nghi. Nhưng dáng người như thế này cũng là một lợi thế của anh. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều kẻ thù đã bị bất ngờ trước một đối thủ sức trói gà không chặt này, và đã thất bại thảm hại.

Hai người nói chuyện với nhau đủ lâu. Một người truyền đạt nhiệm vụ mới và những điều dặn dò cần thiết, người kia chỉ nghe và thỉnh thoảng trả lời những câu hỏi.

Đức tính quan trọng của người tình báo là nghe nhiều, nói ít và chỉ nói khi thật sự cần thiết. Trong suốt cuộc kháng chiến chín năm chống Pháp, anh Hai Tỹ đã tạo cho mình một tính cách, nói ít hiểu nhiều, quan sát và suy luận là chính.

Trước khi chia tay ông Hiệu hỏi: “Trước khi đi hoạt động xa tổ quốc, cậu có yêu cầu gì không?” Anh Hai lưỡng lự một thoáng rồi nói: “.. .Tôi có hai đứa con, đang học

ở trường học sinh miền Nam. Nguyên vọng lớn nhất của tôi là các cháu được học hết đại học”. Ông Hiệu gật đầu, tỏ thái độ đồng ý đáp ứng nguyện vọng này, rồi dặn dò thêm vài nét chính.

Đáp lại lời dặn dò của thủ trưởng, anh Hai Tỷ nói một cách rõ ràng: “Tôi cho rằng, kẻ hèn nhát, tâm địa bất chính, cho dù có tuyên thệ cả ngàn lần, nhưng khi gặp gian nguy họ vẫn phản bội. Tôi xin khẳng định, danh dự của mình bảo đảm cho lòng trung thành với sự nghiệp của đảng, của cách mạng”.

Ông Hiệu lại gật đầu, tỏ ý đã hiểu sự quyết tâm của người lính sắp ra trận, ông bắt tay thuộc cấp lần cuối. Bàn tay ấm áp của ông truyền sang như ngấm chúc anh Hai Tỷ ra đi an toàn, hoàn thành nhiệm vụ.

Một kế hoạch được vạch ra tỉ mỉ, nào là cách thức xâm nhập đất địch, lót ổ, tạo lá chắn, thọc sâu, leo cao... đã nằm trong đầu anh Hai Tỷ.

Tết Kỷ Hợi (1959), một nửa gia đình anh Hái Tỷ đoàn tụ trên thủ đô Hà Nội. Bọn trẻ không hề biết rằng, có thể đây là lần cuối chúng được sống gần cha. Anh tranh thủ đưa hai con đi thăm những người thân, bằng hữu từng sống chết bên nhau trong kháng chiến. Anh ngấm gửi gắm hai con cho họ chăm sóc giùm trong trường hợp xấu nhất đến với anh. Nguyên tắc bí mật, anh không được hé răng với bất cứ ai, dù là nói với Tư Thọ, em ruột của mình.

Tư Thọ lúc đó đang đóng quân ở Thanh Hóa. Anh xin phép về Hà Nội thăm anh Hai và cháu. Có thể anh đã có linh cảm, đây là lần cuối, được gặp người anh thân yêu của mình.

Như vậy là anh Hai Tỷ đã hoàn toàn yên tâm. Anh đã được sống với hai con trong những ngày tết vui vẻ nhất. Tương lai của các con sẽ được Cục 2 bảo đảm, vấn đề tình cảm của chúng thì sẽ được những người thân chăm sóc. Anh chỉ còn nghĩ đến bước đăng trình, xuyên Trường Sơn để đến nơi cần thiết, thực hiện nhiệm vụ đã nhận. Địa hình Trường Sơn như thế nào, đường đi khó khăn ra sao, có những nguy hiểm gì và các cách khắc phục... cũng đã được anh nghiên cứu kỹ.

Qua tết Kỷ Hợi, một điệp viên mang mật danh N113 lặng lẽ rời Hà Nội trong một chiếc xe kiểu quân sự, hiệu

Hải Âu do Liên Xô sản xuất. Chiếc xe này được dùng để phục vụ các cán bộ đi công tác. Người điệp viên này đi cùng với một bạn đường, trong vai cá bộ đi công tác. Tuy vậy, hai người này chỉ như một sự kết hợp công tác, chứ chẳng có quan hệ gì thân mật. Thời đó phương tiện đi lại khó khăn, nên chuyện kết hợp đi công tác chung là chuyện bình thường.

Họ vừa đi vừa như những kẻ nhàn du ngắm cảnh sơn thủy hữu tình dọc theo quốc lộ và bờ biển miền Trung. Người ngoài dù có tò mò thì cũng chỉ có thể nghĩ, họ tuy đi công tác, nhưng không bị thúc ép về thời gian nên có chút rảnh rỗi để ngắm cảnh. Thực ra, trong khi dừng lại ngắm nhìn phong cảnh hay nghỉ ngơi, hai người đều kín đáo để ý quan sát, xem có những con mắt khả nghi nào theo dõi họ.

Khi đến Đồng Hới, xe quay trở về Hà Nội. N113 và người bạn đường ghé một trạm bí mật, cải trang hoàn toàn khác lạ, rồi đi ngược sông lên thượng nguồn. Thượng nguồn thuộc một vùng núi miền trung du. Tại đây N113, được một trạm giao liên tiếp nhận. N113 chỉ biết, trạm này thuộc đồn biên phòng, do viên thiếu tá tên Thịnh phụ trách. Thiếu tá Thịnh hình như đã được mật lệnh nên ráo riết lo trang bị và kiếm người giao liên để đưa N113 đi tiếp.

Người bạn đường sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì tức khắc theo một con đường khác để trở về Hà Nội.

Anh ta dường như không muốn biết những gì tiếp theo xảy ra với người điệp viên.

Sau khi cải trang cho giống với người miền núi, học thuộc lòng những nguyên tắc đi đường khi vượt Trường Sơn, N113 cùng người giao liên mới âm thầm ra đi. Trạm giao liên này trang bị cho họ súng săn, gậy đi đường, dao rừng, thuốc men phòng bệnh

và xua đuổi côn trùng,... Trang bị tuy rất đầy đủ cho hành trình vượt Trường Sơn, nhưng hoàn toàn gọn nhẹ.

Đoạn đường chính, dài nhất và nguy hiểm nhất, đó là vượt đại ngàn Trường Sơn.

Kể từ đây, hai con người dường như xa lạ, đi cùng bên nhau lặng lẽ vượt Trường Sơn hùng vĩ, nhưng đầy trở ngại và hiểm nguy. Họ có thể sẽ gục ngã, hy sinh bất kỳ lúc nào, bất kỳ nơi đâu, trong vùng núi rừng hùng vĩ và hoang sơ này.

Hai người hoàn toàn không nói chuyện, không tâm sự, lầm lũi đi như hai người xa lạ vô tình đi cùng đường. Nhưng trên đường đi thì họ là trợ thủ đắc lực của nhau, cảnh giới và bảo vệ cho nhau.

Trường Sơn không chỉ là rừng rậm nhiệt đới, mà còn có núi cao, suối sâu, khe vực và vô vàn những hiểm nguy tiềm ẩn khác. Những hiểm nguy lường trước được và cả những gì kỳ bí mà không ai có thể nghĩ ra hết, dù là những người thợ rừng giàu kinh nghiệm nhất.

Rừng mưa nhiệt đới là nguồn sống của vô số loài thú dữ, voi, hổ, báo, gấu, trăn, rắn độc... và không biết có bao nhiêu loài côn trùng, nhuyễn thể độc hại.

Bệnh sốt rét rừng, mưa lũ và cây rừng rậm rạp là những khó khăn đáng sợ, cản trở bước chân kẻ lữ hành. Đã có bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ phải bỏ xác trong đại ngàn này vì những hiểm họa nói trên.

Rừng núi Trường Sơn vào những năm này còn hoang sơ như thời nguyên thủy. Nhiều đoạn đường, người ta không thể nhìn thấy mặt trời, bởi các tàng cây che khuất. Giữa trưa mà bên dưới mờ mờ tối như lúc chiều tà.

Nói là đường, nhưng thực ra chỉ là những lối mòn của các thợ săn, rất khó nhận biết. Những người giao liên lần dò theo lối mòn này và dựa theo những ám hiệu để đi. Người bình thường, vô tình mà nhìn thấy các lối mòn này cũng sẽ không bao giờ nghĩ đó là con đường. Nếu ai có tò mò lần theo lối mòn này mà đi thì chắc chắn bị lạc và có thể chết rục trong cái mê cung này.

Người giao liên không phải đoạn đường nào cũng thông thạo. Đôi khi anh ta phải leo tuốt lên ngọn cây cao để nhìn mặt trời mà định hướng. Những lúc như vậy, nguy hiểm luôn rình rập con người. Trên các ngọn cây, luôn có những loài rắn độc bò lên nằm sưởi nắng hay rình bắt mồi. Ngoài ra là các loài kiến, vắt cũng sẵn sàng tấn công con người, chúng chẳng hề kiêng nể chúa tể của muôn loài.

Núi rừng Trường Sơn đối với nhà kinh tế thì là một kho tàng đầy những của cải quý báu. Đối với các nhà nghiên cứu động thực vật thì là một kho tàng kiến thức vô giá về rừng mưa nhiệt đới. Đối với du khách, núi rừng Trường Sơn luôn chứa đựng nhiều điều mới lạ cần khám phá,

Lúc này, ở Việt Nam nguy cơ chiến tranh chỉ đang âm ỉ, như những đóm lửa nhỏ chực chờ bùng cháy. Cho nên Trường Sơn chưa phải là “rừng vàng” đối với các nhà kinh tế, chưa phải là kho tàng kiến thức mở cho các nhà nghiên cứu và đang khép kín sự hấp dẫn của mình đối với sự lãng mạn của các du khách. Những người đi lại trong núi rừng Trường Sơn lúc này, hoặc chỉ là vì mưu sinh, hoặc vì có nhiệm vụ bắt buộc phải xuyên qua nó.

Và rừng Trường Sơn lúc này còn chứa đựng thêm những hiểm nguy rình rập từ phía đối phương, như thám báo, biệt kích... Đối phương cũng đã tính đến việc, Việt cộng từ miền Bắc sẽ xâm nhập miền Nam bằng con đường bất ngờ nhất này. Đối phương cũng biết, người của phía Bắc Việt rất giỏi chịu đựng gian khổ, giỏi khắc phục khó khăn và không sợ nguy hiểm, nên chắc chắn sẽ dùng con đường vượt Trường Sơn này mà xâm nhập vào lãnh địa của họ. Chính vì vậy mà đối phương cũng dùng mọi biện pháp, bao gồm nhân vật tài lực, để khóa kín “con đường không ra đường” này.

Và khi ấy, chẳng ai có thể biết, chẳng ai có thể tự tin, rằng mình có thể sống sót được, khi vượt hàng ngàn cây số đường bộ ngoằn ngoèo như mê cung trong rừng già đầy hiểm trở.

N113 vốn từng là một học trò, nên máu lãng mạn luôn tiềm ẩn trong tâm khảm. Anh tranh thủ vừa đi, vừa nhìn ngắm cảnh đẹp của thiên nhiên, như nuốt vào lòng những hình ảnh cuối cùng của đất nước.

Ai dám bảo đảm, anh sẽ sống để trở về.

Anh thanh thản ra đi và tự nhủ, vì nhiệm vụ đối với tổ quốc, nếu có hy sinh thì cũng như dũng sĩ Kinh Kha ra đi hành thích Tần vương để bảo vệ cho tổ quốc mình. Anh hồi tưởng lại lời bài ca vọng cổ “Sầu vương biên ải” mà thời kháng chiến chống Pháp vẫn thường ca, rồi lẩm nhẩm trong miệng: “Chí nam tử như cánh chim bằng lướt gió, trên vai anh còn gánh nặng nợ sơn hà, vì non sông nên anh xem nhẹ tình nhà, chớ anh đâu có nữ phụ phàng duyên tơ tóc. Em ơi!nghĩa cả như non cao anh chưa có mấy may đền đáp lại cho tròn...”.

Bài ca như giúp cho anh nhẹ bước trên đường thiên lý để bắt đầu một nhiệm vụ mới.

Thời chống Pháp, anh Hai Tỷ từng sống trong rừng U Minh, hay bưng biền Đồng Tháp Mười. Những nơi mà “muối kêu như sáo thổi, đũa lội như bánh canh” và rắn độc gây hiểm họa cho con người. Nhưng tất cả sự hoang sơ, nguy hiểm của những nơi mà anh từng sống đó tựa như thiên đường, so với đại ngàn Trường Sơn.

Hai người đơn độc, lặng lẽ đi trong rừng già tăm tối, thường xuyên phải đối mặt với những vị chúa tể của rừng già. Voi, cọp, trăn, rắn... là nỗi hãi hùng của người đi trong rừng, nhưng rất may là chúng chưa một lần có ý định tấn công hai người này.

Cuối cùng, hai người cũng thoát khỏi đoạn đường rừng nguy hiểm nhất trong mùa khô. Chẳng biết họ sẽ ra sao, nếu bị mắc kẹt trong khoảng núi rừng hùng vĩ này vào mùa mưa lũ.

Anh giao liên có nhiệm vụ đưa N113 đến địa điểm cần thiết. Địa điểm cần đến chính là vùng đất Lào, nằm trên bờ sông Mekong.

Sông Mekong ở đoạn này là biên giới tự nhiên giữa hai quốc gia Lào - Thái. Nhưng nhiệm vụ của người giao liên chưa hết, anh ta còn phải đưa N113 vượt sông Mekong để sang đất Thái, bàn giao cho người giao liên mới.

Theo kế hoạch, hai người phải xuyên đất Lào, phải vượt sông Mekong để sang đất Thái. Mục đích là “biến” N113 thành một Việt kiều Thái.

Chuyến đi này với mục đích để cho N113 có một lý lịch và những khái niệm, hiểu biết về nơi cư trú của cái người mà mình phải đóng vai diễn.

Mặt sông Mekong ở đây không rộng. Lúc này vẫn chưa vào mùa mưa, nước không chảy xiết. Hai người chôn giấu tất cả hành trang đi rừng, xóa sạch mọi dấu vết, chờ đêm xuống rồi lặng lẽ vượt sông.

Sau đó, hai người đi sâu vào đất Thái.

N113 được trạm giao liên ở đây đón tiếp, cung cấp cho anh giấy tờ tùy thân, và một bản lý lịch là Việt kiều sinh sống lâu năm ở Thái Lan, từ khi còn niên thiếu.

Sau khi bàn giao cho người giao liên mới, người giao liên cũ chia tay N113 rồi quay về.

Khi chia tay, N113 siết chặt tay người bạn đường từng đồng cam cộng khổ trong suốt thời gian mấy tháng xuyên rừng vượt núi. Họ không dám nói với nhau một lời, vì chỉ cần mở miệng, ắt nước mắt cũng sẽ trào ra theo. Họ lại không được phép hỏi tên thật của nhau, cho nên phút giây tạm biệt này có khác nào là từ biệt. Cuộc chia tay này chẳng kém phần lâm li hơn cảnh ngày xưa Thái tử Đan tiễn biệt tráng sĩ Kinh Kha tại dòng Dịch Thủy để đi thích khách Tần vương.

Cả hai người đều hiểu nhau là cùng đi vào con đường gian lao, nguy hiểm đến sinh mạng.

Cuối cùng, N113 cũng nói được câu: "Cám ơn anh nhiều! Chúc anh gặp nhiều may mắn!".

Đối với người bình thường thì đây chỉ là một câu chúc không có gì đặc biệt, thậm chí có phần khách sáo.

Những với hai người thì câu chúc này chứa đựng vô vàn ý nghĩa và tình cảm.

Biết đâu, đây là câu nói cuối cùng của người bạn đường mà người giao liên nghe được. Và cũng biết đâu, đây là câu nói cuối cùng của N113 đối với người bạn đồng hành trong mấy tháng qua.

Con đường mà hai người đã đi qua hoàn toàn không có trên bản đồ. Nó xa thăm thẳm và cũng không hình thành một con đường rõ nét. Người giao liên này đã đưa N113 đến đúng nơi chốn, chứng tỏ anh ta không chỉ đi có một lần này. Điều đó càng khiến người tình báo thầm khâm phục người bạn đường và trào lên lòng thương quý vô hạn người anh hùng vô danh này. Chính vì vậy mà N113 luôn luôn lo lắng, suy nghĩ về chuyến “hồi hương” của người giao liên.

Anh giao liên lầm lũi ra đi, không một lần ngoái lại nhìn. Anh ta sẽ phải bí mật vượt sông Mekong về Lào, rồi tiếp tục luồn lách những con đường vắng vẻ để tiếp cận Trường Sơn, và bằng cách nào đó vượt rừng vào mùa mưa. Bởi vì, khi anh ta quay về thì chắc chắn mùa mưa đã bao phủ núi rừng. Và anh ta còn phải mang về tất cả hành trang trước đây của hai người. Bất kỳ những gì mà N113 để lại, nếu lọt vào tay kẻ địch, đều có thể mang đến nguy hiểm cho người tình báo. N113 đã được dặn dò kỹ rằng, với kỹ thuật hiện đại, kẻ địch có thể lần ra dấu vết của một con người dựa vào vật dụng để lại.

N113, giao lại toàn bộ các loại thuốc dùng để đi rừng còn dư, lương khô dự phòng, cho người giao liên này, hy vọng giúp anh ta giảm bớt những khó khăn trong chuyến độc hành.

Người giao liên lầm lũi trở về, ngoài số hành trang nặng trĩu của hai người, anh còn phải mang theo cả một sự rủi ro vô cùng lớn, vì không còn ai là trợ thủ khi gặp hiểm nguy. Không biết có ai nghĩ, những người này cũng thực sự và xứng đáng là anh hùng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc?

Chương XI

CHIẾN DỊCH LAM SƠN 719

Bây giờ xin độc giả cùng quay lại với thầy Đan một chút, để hiểu rõ thêm những gì còn thắc mắc.

Đó là khoảng thời gian thầy Đan say rượu, nằm nghỉ trong phòng làm việc của trung tá Bảo, tùy viên quân sự đại sứ quán Việt Nam Cộng Hòa tại Viên Chăn.

Đập ngay vào mắt thầy Đan là tấm bản đồ quân sự treo trên tường có cắm những lá cờ nhỏ và các mũi tên chỉ hướng tiến quân. Trên tấm bản đồ có ghi rõ hàng chữ in đậm "OPERATION LAM SON 719. Thầy Đan đoán ngay, đây là bản đồ của chiến dịch sắp xảy ra. Thầy đã nghe mọi người bàn nhau một cách úp úp mở mở lúc ngồi trên bàn tiệc. Mọi sự đã rõ, bí mật của chiến dịch này đang nằm trên bàn của trung tá Bảo.

Thầy Đan vẫn trong tư thế nằm, đảo mắt nhìn nhanh, xem có gắn thiết bị theo dõi hay không. Sau khi biết chắc,

chẳng có thiết bị theo dõi nào, thầy nhẹ nhàng bước đến hướng cửa, nhìn qua khe và ổ khóa. Bên ngoài, mọi người đang say sưa với những trò chơi đỏ đen, với các bàn đèn thuốc phiện và đùa giỡn với những nàng tiên Thái Lan. Thầy Đan để ý, vài cặp đã khuất bóng khỏi bàn tiệc. Có lẽ họ đưa nhau vào phòng riêng để tận hưởng giây phút thần tiên...

Yên tâm hoàn toàn, thầy bước lại bàn làm việc của trung tá Bảo, lấy trong túi ra một cái khăn tay để bảo đảm không lưu lại dấu vết. Đồng thời thầy để ý xem kỹ những dấu đặc biệt, để phòng sự xáo trộn có thể làm cho trung tá Bảo sinh nghi. Thế rồi thầy lần lượt giở các tập hồ sơ, đọc lướt nhanh toàn bộ để nắm nội dung cần thiết về chiến dịch. Không bỏ qua cơ hội, thầy lấy ra chiếc máy ảnh siêu nhỏ chụp lại toàn bộ các chi tiết quan trọng.

Sau khi đã biết chắc những thông tin cần thiết cho trung tâm đều nằm gọn trong đầu và máy chụp hình, thầy Đan trở về bộ salon. Vừa nằm, thầy vừa ôn lại toàn bộ

những nét chính của chiến dịch Lam Sơn 719. Thầy vốn được huấn luyện phương pháp nhớ nhanh nên chỉ trong chốc lát, mọi thông tin đã được sắp xếp theo trình tự.

Trong khi kiểm điểm lại để nhớ hết các thông tin cần thiết, thầy Đan cũng tính luôn đến những tình huống xấu nhất. Nếu thông tin về chiến dịch này bị tiết lộ, ai sẽ là người bị nghi ngờ nhiều nhất? Tất nhiên là thầy Đan không tránh khỏi bị nghi ngờ. Nhưng ngoài thầy ra, còn ai cũng sẽ bị nghi ngờ?

Khi để nghị mời gái bên Thái Lan qua phục vụ, thầy Đan đã có chủ đích, chia bớt sự nghi ngờ cho những cô gái lý lịch bất minh này.

Ngoài ra, hai tay Phạm Hoàng Quân và Vy Thibaut cũng sẽ nằm trong diện nghi ngờ, vì họ cũng chứng kiến từ đầu đến cuối cuộc gặp mặt quan trọng này. Sự tò mò của hai người này đã vô tình giúp chia bớt sự nghi ngờ cho thầy Đan.

Trong số những người tham dự tiệc, vì rượu và gái mà khoe khoang khoác lác, làm lộ thông tin cũng phải liên đới trách nhiệm. Mà biết đâu, trong số họ không có tình báo Việt cộng?

Và, cái gì có thể bảo đảm, hai vị khách quan trọng của vương quốc Lào, vì lý do nào đó mà không tiết lộ những nét chính của chiến dịch?.

Sau khi tính toán hết mọi tình huống, thầy Đan cảm thấy yên tâm hoàn toàn. Thầy cũng đã tính phương án, nếu bị động, thầy cũng sẽ là người bị nghi ngờ sau những kẻ khác, và đủ thời gian để cao bay xa chạy.

Khoảng nửa giờ, thời gian đủ để một người bình thường tỉnh táo sau cơn say, thầy Đan mở cửa bước ra khỏi phòng làm việc của trung tá Bảo.

Trung tá Bảo vừa thấy thầy Đan bước ra thì vồn vã mời dùng trà cho tỉnh hẳn. Ông ta còn định mời thầy Đan dùng thử món tiên nâu, nhưng thầy cũng đã kịp từ chối.

Sáng hôm sau, sau khi đưa vợ ra chợ Sáng dọn hàng, khi quay về nhà, thầy Đan tranh thủ ghé trường La Fontaine, đưa bản báo cáo được mã hóa cho thầy Thiết, dùng phương tiện đặc biệt, chuyển ngay cho trung tâm. Để tránh những rủi ro, thầy Đan

chuyển cuộn vi phim bằng một đường dây mật khác, theo nguyên tắc “không để tất cả trứng vào một giỏ”.

Mật tin và cuộn vi phim được chuyển bằng hai con đường nhanh nhất về cho trung tâm, giúp cho phía Việt cộng biết trước khi chiến dịch mở màn hơn một tháng. Vậy nên Việt cộng có đủ thời gian để chuẩn bị “đón tiếp” đối thủ ngay tại địa bàn của chính họ mà chẳng ai hay biết. Chẳng những thế, Việt cộng còn đủ thời gian đưa cả xe tăng, thiết giáp và trọng pháo đến tham gia chiến trường.

Kế hoạch của Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng Hòa là dùng bộ binh và lính dù xâm nhập sâu vào đất Lào, phối hợp với lực lượng quân đội Lào thân Mỹ, hình thành một thế gọng kiềm. Họ quyết tâm xóa bỏ con đường Trường Sơn huyền thoại.

Liên quân thân Mỹ đã dốc vào cuộc hành quân này, chỉ riêng quân chủ lực Việt Nam Cộng Hòa đã hơn 30.000 người, gồm cả lính dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân... cùng 450 xe tăng - thiết giáp, 250 khẩu pháo, 700 chiếc máy bay trong đó có 300 chiếc trực thăng.

Những con số này đều nằm trong báo cáo của thầy Đan gửi về cho trung tâm, cùng với kế hoạch hành quân như sau.

Sáng ngày 31/1/1971, liên quân sẽ bắt đầu triển khai kế hoạch hành quân Lam Sơn 719, gồm các giai đoạn.

Giai đoạn 1: Từ căn cứ Khe Sanh, trực thăng Mỹ vận chuyển 2 tiểu đoàn bộ binh, tiếp theo: 2 tiểu đoàn pháo và 3 tiểu đoàn lính dù đổ quân xuống đường 9.

Giai đoạn 2: Bắt đầu từ ngày 8/2/71, liên quân sẽ đưa 12.000 quân tiến sâu vào đất Lào, tạo hành lang an toàn dọc đường 9 và sẽ tập kết tại Sê Pôn ngày 6/3/1971.

Giai đoạn 3: Mở rộng hành quân càn quét dọc hai bên đường 9, hình thành một vành đai an toàn làm bàn đạp đánh phá dài ngày, cắt đứt đường mòn Trường Sơn

Một chiến dịch khổng lồ, huy động quân số, khí tài, kỹ thuật quân sự của liên quân Lào - Việt thân Mỹ đã bị Việt cộng đánh tan tành như xác pháo trong vòng chưa đầy một tháng.

Điều này trung tá Bảo, tùy viên quân sự của tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Viên Chăn, hay bất kỳ nhà quân sự nào của đối phương cũng không thể hiểu nổi.

Phóng viên mặt trận báo Paris Match của Pháp đưa tin như sau: “Mục tiêu của cuộc hành quân này là tạo lập một hành lang dài 24 km dọc theo đường 9 đến Sê Pôn, sâu vào đất Lào 35 km đến tận con đường nhánh có ý nghĩa chiến lược của đường mòn Hồ Chí Minh... Giai đoạn 3 phải là một cuộc hành quân càn quét dài ngày, nhưng do bị thiệt hại nặng, tướng Lãm (Hoàng Xuân Lãm, tướng quân lực Việt Nam Cộng Hòa) phải ra lệnh rút quân sớm (giai đoạn 4) từ ngày 10/3/1971. Quân lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ có thể rút quân bằng không lực Mỹ. Tất cả chiến dịch kết thúc vào ngày 24/3/1971 và thiệt hại của quân lực Việt Nam Cộng Hòa ước tính lên đến 10.000 người, gần một nửa số quân tham chiến ở Lào. Mỹ chỉ làm nhiệm vụ hỗ trợ thôi, mà đã mất 107 chiếc trực thăng và 176 phi hành đoàn”.

Sau khi kết thúc chiến tranh, đoàn làm phim của hãng truyền hình Anh quốc, BBC, làm phim về Đường mòn Hồ Chí Minh, đoạn đường 9 - Nam Lào, đã nhận xét: “Đây là trận đánh có ý nghĩa quyết định đối với các ông, để đẩy lùi quân Mỹ, và từ đây bắt đầu quá trình thất bại của Mỹ. Nếu các ông không thắng trận này thì cục diện chiến tranh sẽ khác”.

Ngày nay, nghĩ lại kết quả chiến dịch Lam Sơn 719, trung tá Bảo còn toát mồ hôi. Trước đây ông ta thăm phục Việt cộng, làm sao có thể biết kế hoạch tấn công của liên quân Việt - Lào mà bố trí phục kích chặn đánh và phản công tài tình như vậy. Ông ta không thể nào nghĩ ra tại sao Việt cộng biết được kế hoạch và nắm vững địa hình để chuẩn bị đưa vào trận địa cả xe tăng và trọng pháo.

Nếu trung tá Bảo biết rằng...

Đến đây thì đọc giả chắc chắn đã đoán được, Nguyễn Văn Độ hay thầy Đan thực ra là ai? đang làm nhiệm vụ gì? có liên quan gì đến điệp viên N113?

Nếu kể theo tuần tự, vào đầu năm 1971, thầy Đan, tức N113, phát hiện sự bất thường ở Viên Chăn. Nhiều đoàn quân sự Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa và nhiều nhà báo quốc tế cũng tập trung về đây. Kinh nghiệm chiến trường thời chống Pháp, linh cảm

của một nhà tình báo khiến thầy Đan để ý, lập tức gửi báo cáo về trung tâm và xin chỉ thị.

Trung tâm hình như cũng đã nhận được mật báo từ một nguồn tin khác, vì vậy mà chỉ thị ngay cho N113 theo sát tình hình, báo cáo ngay những diễn tiến đặc biệt. Và chính vì vậy mà thầy Đan đã kiểm soát gấp trung tá Bảo để khai thác tin.

Bữa tiệc đặc biệt mà trung tá Bảo tổ chức, hoàn toàn nằm trong kế hoạch khai thác tin của thầy Đan.

Những năm về già, tâm bình, trí tĩnh, ông Hai Tỹ, tức N113, tức ông Độ hay thầy Đan, lần lượt hồi tưởng lại những gì đã trải qua để viết quyển hồi ký, nhằm giữ lại cho con cháu biết về một giai đoạn lịch sử mà các thành viên trong gia đình chứng kiến và đóng góp.

Cuộc đời ông Hai Tỹ dần hiện như một cuộn phim rời rạc, đứt quãng, được ông chấp nối lại.

Như bao người bình thường và có giáo dục khác, ông Hai Tỹ không bao giờ muốn đẩy người khác vào chỗ chết, dù kẻ đó cùng hung cực ác. Nhưng trong thời buổi chiến tranh, để thực hiện nhiệm vụ của một công dân yêu nước, ông không có lựa chọn khác. Ông không thể để người phía mình thất bại. Sự thất bại của người bên phía ông cũng sẽ dẫn đến sự hy sinh tính mạng của biết bao nhiêu đồng bào và chiến sĩ. Họ cũng đáng trân quý như những người trong gia đình ông vậy.

Đồng thời, nếu nhiệm vụ của ông thất bại, có thể sẽ dẫn đến sự thất bại của đồng đội, của tổ chức. Và biết đâu, vì sự thất bại này mà có thể dẫn đến những tổn thất khác không lường trước được.

Các thành viên trong gia đình ông có thể nguy hại đến tính mạng?

Trong một ván bài, người thua chỉ bị mất những khoản tiền đặt cược.

Trong chiến tranh giải phóng đất nước thì sự được thua có thể là vận mệnh của cả một dân tộc. Nhiều chiến dịch, mà sự thắng thua quyết định thời gian cuộc chiến sẽ

còn kéo dài đến bao lâu?, sẽ còn bao nhiêu con người nữa bị hy sinh?, bao nhiêu tài sản bị phá hủy?

Ông Hai Tỹ hoàn toàn không có lựa chọn nào khác việc phải hoàn thành nhiệm vụ bằng mọi giá, kể cả sinh mạng của bản thân và các thành viên trong gia đình mình. Điều đó xuất phát từ lòng yêu nước và ý chí của ông, nhằm góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ của ngoại bang.

Chương XII

CHIẾN DỊCH CÁNH ĐỒNG CHUM, HAY CUỘC HÀNH QUÂN KOU KEO

12.1

Chính quyền Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã không ngăn chặn được Việt cộng ra Bắc vào Nam bằng đường Trường Sơn. Họ chuyển hướng suy nghĩ khác, chọn lựa chiến thuật mới.

Các cố vấn quân sự Mỹ và chính quyền Lào do thủ tướng Phoui Sananikone lãnh đạo, vạch kế hoạch mới, chia hướng tấn công vào lực lượng Phathet Lào. Họ cho rằng, nếu không có Phathet Lào ủng hộ, giúp đỡ thì Việt Cộng không thể xâm nhập miền Nam bằng con đường xuyên qua đất Lào.

Như vậy, bài toán đặt ra là cần phải tấn công tiêu diệt Phathet Lào.

Chính quyền Mỹ và liên quân đồng minh Lào tin rằng, đây là một khâu rất yếu của đối phương. Bằng các nguồn tin tình báo và các phương tiện hiện đại, liên quân đồng minh này chẳng khó gì mà không biết, bộ tổng tham mưu của Phathet Lào nằm ở khu vực Cánh đồng Chum.

Vậy là họ chuẩn bị lực lượng, lập kế hoạch chi tiết và chiến thuật tấn công vào cánh đồng Chum.

Và đầu tháng 4 năm 1971, được Mỹ ủng hộ kỹ thuật, khí tài và tiền của, quân đội chính phủ Phoui Sananikone bất ngờ mở cuộc hành quân thần tốc bằng trực thăng, đánh vào Cánh Đồng Chum.

Liên minh Mỹ - Lào đặt tên là “Cuộc hành quân Kou Keo”, còn báo chí Việt cộng gọi là chiến dịch Cánh Đồng Chum.

Mỹ và đồng minh Lào vẫn tưởng rằng lực lượng Phathet Lào nhỏ yếu và đơn độc, có thể giải quyết dễ dàng, nhanh chóng. Mặc dù họ biết, Bắc Việt và Phathet Lào là anh

em đồng chí với nhau, nhưng vẫn nghĩ, “nước xa không cứu được lửa gần”. Họ cho rằng, nếu hành quân thần tốc thì Bắc Việt không kịp trở tay mà giúp đỡ Phathet Lào. Như vậy, nếu dẹp được lực lượng Phathet Lào thì xem như “nhất tiến hạ song điếu”. Một là tiêu diệt được cộng sản và phong trào cách mạng Lào, hoàn toàn làm chủ lãnh thổ nước này. Hai là ngăn chặn mọi sự giúp đỡ của Phathet Lào đối Bắc Việt. Từ đó có thể khống chế con đường tiếp tế, chi viện của miền Bắc vào miền Nam, ngang qua đất nước triệu voi.

Ngày đầu tiên mở màn chiến dịch, hàng loạt máy bay ném bom rải thảm, các loại pháo bắn phá ác liệt vào các cứ điểm và mục tiêu di động mà họ cho là ổ đề kháng của lực lượng Phathet Lào. Mục đích là tạo bất ngờ để làm tê liệt sức phản kháng của đối phương.

Tiếp theo, trực thăng Mỹ từ các căn cứ ở Thái Lan vận chuyển quân dù và bộ binh đổ xuống Cánh đồng Chum.

Nhưng Mỹ đã tính sai một nước cờ quan trọng. Đó là tinh thần chiến đấu của lính quân đội chính phủ Lào thân Mỹ. Đội quân này, trong chiến dịch Lam Sơn 719, dù được sự hỗ trợ hùng hậu của quân lực Việt Nam Cộng Hòa với đầy đủ khí tài của Mỹ, vẫn bị Việt cộng đánh cho tan tác cách đây chỉ hơn một tháng. Đội quân này làm sao có thể kịp lấy lại tinh thần.

Một điều nữa, Mỹ tính chưa thấu đáo, đó là có những lực lượng hùng hậu của quân Việt cộng, bao gồm cả thanh niên xung phong, do các tướng Lê Trọng Tấn và Đồng Sỹ Nguyên chỉ huy, vẫn còn nằm lại trên đất Lào. Họ vừa làm nhiệm vụ vừa mở đường, vừa bảo vệ con đường Trường Sơn huyền thoại, vừa hỗ trợ quân đội Phathet Lào. Các đơn vị này gần như cắm rễ trên đất Lào, dùng địa hình ở đây làm nơi huấn luyện và sản xuất lương thực tại chỗ để phục vụ chiến trường.

Cho nên, cuộc hành quân Kou Keo này tuy mục đích là tấn công căn cứ của Phathet Lào, nhưng thực chất là đối phó trực tiếp với quân đội của Việt cộng.

Như đã kể trên, lực lượng Việt cộng này lại đang cực kỳ hùng mạnh. Họ lại đang ở cái thế dĩ dật dĩ lao, nghĩa là các lực lượng này đang là “chủ nhà nhàn hạ” đối phó với kẻ địch từ xa kéo đến một cách khó nhọc.

Chiến dịch này quả là quân đội của chính phủ vương quốc Lào thân Mỹ đã đem trúng chọi đá.

Và một điều quan trọng không ngờ khác, các thông tin mật quan trọng trong kế hoạch hành quân đã bị tình báo Việt cộng nắm được.

Khoảng 11 giờ trưa của một ngày đầu tháng 4 năm 1971, thầy Đan vừa về tới nhà, chưa kịp ăn trưa, thì nhận được mật điện:

“Địch đã nhảy dù và đổ quân xuống Cánh đồng Chum. Báo cáo hỏa tốc lực lượng tham gia. Âm mưu và ý đồ chiếm đóng hay hành quân xong rồi rút?. Ngày, giờ và đường rút quân, nếu rút bằng đường bộ. Điện trả lời ngay trước 24 giờ đêm nay”.

Thời gian còn lại vô cùng ít ỏi mà tình hình thì quá nghiêm trọng, không thể trì hoãn.

Thầy Đan suy nghĩ, nguồn tin phải lấy từ đâu, bằng cách nào? Trong khi ăn trưa, thầy dăm chiêu suy nghĩ, lần lượt loại dần những đầu mối.

Thật ra thầy Đan cũng không phải suy nghĩ lâu. Nguồn khai thác tin đã có, nhưng tiếp cận bằng cách nào?

Nguồn tin chắc chắn nhất đang nằm ở trong đầu một người bạn thân. Colonel Kongsinh, trưởng phòng tác chiến Lào - Mỹ.

Cần tìm lý do gì để gặp anh ta một cách tự nhiên, không bị nghi ngờ?

Thầy Đan lúc trẻ từng là học trò giỏi, khi trưởng thành lại lẫn lộn trong môi trường luôn phải đối phó với những bài toán hiểm hóc. Thầy được đặc biệt đào tạo để trở thành người chuyên giải những bài toán loại này. Chính vì vậy mà thầy nhanh chóng tìm ra cái cớ để gặp Kongsinh.

Vào đầu giờ làm việc buổi chiều, thầy Đan gọi điện ngay cho Kongsinh, mời dùng bữa cơm Tây đặc biệt của nhà hàng “Au bon gout” vào khoảng 17 giờ, sau khi tan sở.

Kongsinh nói: “Giờ này mà đi ăn thì hơi sớm”.

Thầy Đan nói: Đúng là hơi sớm, nhưng vào nhà hàng còn phải chờ khá lâu mới có đồ ăn. Chúng mình có thời gian để trò chuyện cho thư giãn đầu óc. Lâu quá rồi, anh em mình chưa có dịp nào ngồi nói chuyện lâu với nhau. Công việc của tôi ở hãng khá nhiều, cũng muốn xả bớt sự căng thẳng.

- D'accord, cứ thế nhé.

Thầy Đan yên tâm là Kongsinh đã vui vẻ nhận lời. Qua giọng nói, thậm chí hình như ông ta cũng có phần nôn nóng muốn gặp thầy Đan để trò chuyện, tâm sự.

Hết giờ làm việc buổi chiều, thầy Đan chạy về nhà báo với vợ con là sẽ đi ăn tối với đại tá Kongsinh tại nhà hàng “Au Bon Gout”. Nhà thầy Đan lúc đó chưa gắn điện thoại.

Bà Độ, vợ thầy Đan vốn là người có nhiều kinh nghiệm trong vai trò của chồng, nên rất thấu hiểu. Bà đã có thói quen, chẳng bao giờ chất vấn “ông đi ăn uống với ai?”, “để làm gì?” “khi nào về?”.

12.2

Đoạn trên tác giả cũng đã hé lộ, hai vợ chồng thầy Đan chẳng phải rở rã cặp lại. Họ chính là một cặp vợ chồng từ thời kháng chiến chín năm chống Pháp. Và những đứa con hiện tại đều là con chung của hai người.

Khi anh Hai Tỷ cùng thằng con trai lớn đi tập kết

ra miền Bắc thì chị Năm ở lại miền Nam nuôi ba đứa con nhỏ. Trải qua bao nhiêu gian khổ để mưu sinh và trốn tránh sự truy lùng của chính quyền họ Ngô thì họ liên lạc được với nhau. Chị Năm gửi đứa thứ ba, theo người thân ra miền Bắc để hội tụ cùng

cha và anh hai của nó. Chị Năm chỉ còn phải nuôi dạy hai đứa con sau, tức Dũng và Phương.

Khi đã ổn định công ăn việc làm và thuê nhà, theo kế hoạch đã bàn với trung tâm trước khi đi nhận nhiệm vụ đặc biệt, thầy Đan dựng vở kịch gán ghép với người phụ nữ đã có hai con. Khi giữa họ có đứa con chung thứ năm, tức út Hiển, thì mọi sự trở nên bình thường trước con mắt của mọi người.

Chị Năm từng là nhân viên quân báo tỉnh đội Long Châu Hà thời kháng chiến chín năm nên nắm vững những nguyên tắc hoạt động bí mật. Chính nhờ vậy mà ngày nay thấy Đan, hay điệp viên N113, có chỗ dựa vững chắc. Đúng theo chỉ đạo của cục trưởng “phải tạo lá chắn vững chắc bằng chính gia đình mình”.

Tuy không thể nói ra, không thể mở trường lớp đào tạo, nhưng các con của hai người đã sớm có tố chất và ý thức của những thành viên trong gia đình tình báo. Gia đình này sống với nhau, ngoài tình cảm ruột thịt, còn có những nguyên tắc do thầy Đan đưa ra, nhằm giữ an toàn cho sinh mạng của mọi người. Chính vì vậy mà thầy Đan đi ăn với ai, hẹn với người nào, khi nào về nhà... thì chị

Năm không bao giờ thắc mắc. Chị biết, đó là những việc hết sức quan trọng, nằm trong nhiệm vụ mà anh phải thực hiện cho bằng được.

Kongsinh đến điểm hẹn bằng chiếc xe jeep của mình. Họ bắt tay, chào hỏi nhau theo phép xã giao và chọn một cái bàn khá kín đáo trong nhà hàng để có thể nói chuyện riêng.

Cả thầy Đan và Kongsinh đều không uống rượu mạnh, nên họ chọn loại vang đỏ. Hai người đều cho loại vang này có lợi cho tim mạch.

Thầy Đan mở lời:

- Trận banh Lào - Hồng Kông hôm chủ nhật vừa rồi, Toi (anh) đá quá hay.

- Vì đây là đá giao hữu nên người ta mới cho Moi (tôi) tham gia. Moi xuống sức nhiều rồi, hơn bốn mươi rồi, đâu phải cái thời thanh niên nữa.

Kongsinh tuy được đào tạo tại Mỹ, nhưng vẫn giữ thói quen nói tiếng Pháp. Giới thượng lưu Lào đều học tiếng Pháp từ nhỏ, nên đây là thứ ngôn ngữ quen dùng nhất của họ, thậm chí còn sử dụng nhiều hơn cả tiếng Lào.

Kongsinh nói tiếp: “Toi biết tính Moi mà, không đá banh thì biết giải trí bằng cái gì. Chính vì vậy mà người ta mới nể mà cho tham gia trận này. Càng nhiều việc thì Moi càng phải lao vào thể thao để giảm ức chế

- Ủa? Đạo này công việc nhiều lắm hả?

- Thì đang chiến dịch mà, Moi phải theo dõi mặt trận tại cánh đồng Chum, đang rầu muốn chết đây. Nghe Toi gọi nên mừng quá, muốn chạy ngay đến nói chuyện cho bớt căng thẳng. Những chuyện như thế này, ở nhà chẳng biết nói với ai.

Thầy Đan mừng như mở cờ trong bụng, nghĩ: “vậy là tiếp cận đúng nguồn thông tin rồi”. Tuy nhiên thầy vẫn làm như vô tư, nói:

- Thôi quên chuyện chiến sự đi, giờ này mình chỉ nên nói chuyện riêng tư với nhau thôi.

Chỉ câu nói này thôi, câu nói của tình bằng hữu, cũng đủ làm cho Kongsinh cảm thấy thoải mái hoàn toàn, Ông đang căng thẳng trong đầu, vì phải lo trù tính cho chiến dịch. Bây giờ gặp thầy Đan, ông như được giải tỏa hết nỗi lo nghĩ về công việc.

Họ nói thêm dăm điều bốn chuyện. Khi biết người bạn đại tá này đã thả lỏng hoàn toàn, thầy Đan thả một câu thăm dò:

- À! hồi này Toi nói phải lo chiến dịch cánh đồng Chum, vậy có phải ra mặt trận không? Coi chừng bỏ mạng ngoài đó là tội nghiệp vợ con lắm nghe.

- Moi không phải ra trận. Chiến dịch này sẽ kết thúc nhanh thôi. Theo tin tình báo, Phathet Lào được Bắc Việt hỗ trợ, binh lính của Moi đang sợ muốn chết. Họ không thể kéo dài trận chiến được đâu. Binh lính Lào đánh trận theo giờ, làm sao địch lại quân Bắc Việt chiến đấu bất kể ngày đêm, lại giỏi chịu đựng gian khổ.

Thấy đại tá Kongsinh chịu theo mời, thầy Đan hỏi lửng lơ:

- Chiến dịch này Vous (các anh) định chiếm giữ luôn hay đánh rồi rút? Tôi đọc báo, thấy các phóng viên viết rằng trong chiến dịch Lam Sơn 719 các bạn Mỹ đã huy động một lực lượng rất lớn của Việt Nam Cộng Hòa và Lào mà vẫn bị đánh tan tác, vậy trận này liệu có chiếm giữ được không?

- Sức mấy mà giữ nổi với mấy ông Phathet Lào có Bắc Việt hậu thuẫn.

- Binh lính của mình không đủ hay sao?

- Quân đội Chính phủ cùng với phía Mỹ huy động trung đoàn cơ động số 5 ở Chinaimô, một binh đoàn của quân Hạ Lào - Savannakhét, hai tiểu đoàn lính Mèo ở Sảm Thông, Long Chặng của tướng Vàng Pao. Quân số nghe thì rùng mình lắm, nhưng Bắc Việt mạnh lắm. Tôi chắc không biết, trận Lam Sơn 719, quân cộng sản Bắc Việt đánh chỉ hơn một tháng đã khiến cho hơn ba chục ngàn quân liên minh Lào - Việt, được Mỹ hỗ trợ, tan như xác pháo.

Cứ chuyện vẫn như vậy, dần dần thầy Đan đã khai thác được đầy đủ các chi tiết về cuộc hành quân “Kou Kèo” vào Cánh đồng Chum.

Vậy là thầy Đan đã có đủ các câu trả lời theo yêu cầu của trung tâm, thậm chí còn có thêm vài điều quan trọng khác. Vừa nói chuyện, ông vừa âm thầm rà soát lại, xem mình còn sót yêu cầu gì nữa không. Cảm thấy không còn gì cần nữa, ông bèn lái Kongsinh sang những đề tài phim ảnh, thể thao, rồi thời tiết... nhằm giúp cho người bạn được thư giãn.

Chia tay Kongsinh, về đến nhà còn khá sớm, thầy Đan vội vàng viết báo cáo đầy đủ, tường tận theo yêu cầu của Trung tâm và cả những chi tiết khác mà ông nghĩ trung tâm cũng cần biết.

Lúc đó cũng chưa khuya hẳn, út Hiễn còn đang học bài, thầy Đan bèn gọi nó dẹp bài vở để hai cha con đi dạo mát. Thầy lấy chiếc Suzuki 125cc chở cậu con trai lòng vòng ngoài phố như những kẻ đi hóng mát. Đường sá lúc đó đã khá vắng vẻ, chẳng có ai để ý đến hai cha con. Thầy Đan bèn quay đầu xe, chạy thẳng đến trường La Fontaine.

Thầy giáo Thiết còn thức để chờ. Họ nói chuyện phiếm một lúc. Út Hiến ngồi trên yên xe kín đáo quan sát xung quanh. Khi đã hoàn toàn yên tâm, thầy Đan kín đáo cúi tờ giấy ghi mật mã nội dung điện tín.

Chuyện còn lại là, thầy giáo Thiết nhận bản mật mã, chuyển ngay trong đêm cho Trung tâm.

Lúc đó chưa đến 12 giờ đêm.

Khi thuê địa điểm để làm trường La Fontaine, thầy Đan đã để ý đến căn nhà này. Chủ cũ vốn từng dùng làm cơ sở kinh doanh bất hợp pháp. Chính vì vậy mà căn nhà này có cấu trúc khá hiểm hóc, có lối thoát ngầm, lại rất kín đáo, phù hợp cho nơi đặt điện đài của nhóm điệp viên.

Tin tức đến Trung tâm trước khi cuộc hành quân bước sang ngày thứ hai của chiến dịch. Bộ tổng tham mưu Bắc Việt kịp đưa ra đối sách...

Nhận được chỉ thị của Tổng tham mưu, tướng Lê Trọng Tấn phối hợp với ban tham mưu quân đội Phathet Lào cùng chuẩn bị đối phó.

Thời gian rất cấp bách, liên quân Phathet Lào và Bắc Việt phải vừa né tránh các mũi tiến công của địch, vừa bí mật bố trí lực lượng phục kích.

Cứ thế bộ đội Phathet Lào cùng với bộ đội Bắc Việt đã bất ngờ phản kích, chuyển từ thế bị động sang thế tiến công, làm cho liên quân Lào thân Mỹ bị rối loạn đội hình, dẫn đến hoang mang rút chạy.

Liên quân Lào thân Mỹ vốn đã hoàn toàn bị mất tinh thần từ chiến dịch Lam Sơn 719, nay lại gặp sự lạ trên chiến trường. Nơi mà họ tấn công vào thì không thấy bóng dáng địch, nơi mà họ không ngờ thì bị tập kích tơi bời.

Quân đội Phathet Lào cùng với quân đội Bắc Việt chặn đánh địch trên các nẻo đường tiến và rút quân. Nhờ có tin tình báo chính xác, họ đã hoàn toàn nắm chắc phương hướng hành động của đối phương.

Một lần nữa, Mỹ và đồng minh bị tổn thất nặng nề.

Họ đành dẹp luôn ảo tưởng cắt đứt con đường mòn huyền thoại xuyên Trường Sơn, mang tên Hồ Chí Minh.

Đọc đến đây thì đọc giả đã đoán ra, ông Thiết đến trường La Fontaine với trách nhiệm chính là một điện hạo viên.

Truyện này có mục đích là, tác giả muốn vinh danh những người anh hùng thầm lặng, nên cũng xin được tiết lộ thân phận của ông Thiết. Ông có tên thật là Lê Thế Kiên, thuộc một gia đình Việt kiều sống lâu năm ở Thái. Ông Kiên có người anh là thiếu tướng Lê Quốc Sáng, từng làm tư lệnh quân khu 9, sau ngày thống nhất đất nước.

Và ông Trần Quảng, với tên mới là Nguyễn Văn Tải chắc cũng chẳng phải là một giáo viên bình thường của trường La Fontiane. Ông Quảng có tên thật là Đinh Trí, từng mang hàm thiếu tướng, thuộc quân khu 5, sau ngày Việt Nam hoàn toàn thống nhất.

Sau khi hòa bình lập lại ở Việt Nam, điệp viên N113 trở về nước, ông được nghe trợ lý Phòng tình báo Mặt trận, kể lại: “ Ngay trong ngày địch vừa mở cuộc hành quân vào Cánh đồng Chum, Cục điện sang cho anh. Tổng tham mưu trưởng (tướng Văn Tiến Dũng), nôn nóng thức chờ điện trả lời cho đến gần 12 giờ khuya thì nhận được báo cáo của anh. Đọc xong báo cáo, ông tỏ vẻ hài lòng rất phấn khởi. Ngay trước khisáng, ông chỉ phương án tác chiến cho tướng Lê Trọng Tấn đang là đặc phái của Việt Nam bên cạnh Bộ chỉ huy quân đội Phathet Lào trong chiến dịch này”.

Chương XIII

ANH HAI TỶ

13.1

Gống một ván bài, các lá bài phải lần lượt xuất hiện.

Câu chuyện tình báo dù trước sau gì thì cũng phải

hé lộ dần những bí mật của nó. Nhiều tác giả chỉ muốn độc giả phải tự đoán, tự giải những bài toán mà họ đặt ra, Trong chuyện này, tác giả không muốn biến nội dung của nó thành những câu đố dành cho người đọc.

Đoạn trên cũng đã có nhắc đến nhân vật Hai Tỷ. Đồng thời tác giả cũng đã kết nối, anh Độ tức thầy Đan và cũng chính là Hai Tỷ hay điệp viên N113.

Độc giả muốn biết, anh Hai Tỷ có lai lịch ra sao? Và chắc cũng muốn biết, cuộc hành trình của anh đến với những sự kiện lớn nêu trong tác phẩm này?.

Nhân vật Hai Tỷ tuy có chút hư cấu theo thể loại tiểu thuyết, nhưng lại dựa vào nhân vật có thật, sự kiện có thật. Cho nên cần phải gắn cho nhân vật một cái lai lịch tương đối, đủ để độc giả nắm được ngọn nguồn. Tuy vậy, tác giả không thể viết đầy đủ về nhân vật Hai Tỷ như trong hồ sơ lý lịch lưu ở trung tâm, và cũng không thể bịa đặt thêm cho ly kỳ. Bởi vì, sự bịa đặt thêm sẽ làm mất giá trị của con người thật.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ thì anh Hai Tỷ đủ trưởng thành về nhiều mặt để biết chọn cho mình con đường đi trong cuộc đời.

Trong đoạn này của truyện, tác giả để cho nhân vật chính của mình hồi tưởng về những chặng đường đã qua của cuộc đời. Những điều hồi tưởng này chẳng đủ gọi là hồi ký, cũng không thể gọi là tự sự. Đó chỉ là những mảng hồi ức rời rạc, được chắp nối lại một cách bất qui tắc. Và những mảng hồi ức này, được tác giả viết lại theo quan điểm của riêng mình.

Vì đã có chủ đích là muốn vinh danh những người anh hùng thầm lặng, nên hầu hết các nhân vật trong truyện đều lấy tên thật.

Bất kỳ ai, khi hồi tưởng về cuộc đời mình, dù có trí nhớ siêu phàm, thì cũng không tránh khỏi sai sót, lầm lẫn.

Trước khi cậu bé Hai Tỷ ra đời, gia đình này đã rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Nên trong bản lý lịch, Hai Tỷ xuất thân từ một gia đình nghèo khổ.

Thật ra, cả bên nội lẫn bên ngoại của cậu đều từng là những kẻ có của cải hơn người. Tổ tiên của cậu vốn họ Tô, lưu lạc đến miền Tây lập nghiệp từ thời các chúa Nguyễn mở đất đến vùng cực Nam đất nước. Nhờ siêng năng chăm chỉ mà các cụ tổ mau chóng trở nên những người giàu có.

Theo qui luật chung, dòng họ này sau khi giàu có thì dần dần phân nhánh, chia ra làm ăn rải rác ở khắp nơi trên mảnh đất miền Tây Nam bộ. Người trong dòng họ này chẳng còn ai nghĩ mình là người Tàu. Những người còn sót lại cho đến nay, chẳng còn ai nghe, nói, đọc, viết được ngôn ngữ của tổ tiên, cụ thể là tiếng Tàu. Chẳng còn biết ai là người giữ gia phả, vì vậy thì làm sao mà biết quê gốc ở tận xứ nào bên đất nước Trung Hoa rộng lớn. Cho nên, tuy mang họ của người Hoa, nhưng tất cả đều xem mình là người Việt, gốc gác Việt, quê quán Việt.

Ông cố của Hai Tỷ lưu lạc đến Mỹ Tho. Nhờ siêng năng, cần cù và nhanh nhạy nên mau chóng trở nên khá giả. Đến thời ông nội của Hai Tỷ thì cơ ngơi đã vững vàng, ông bèn thuê một thư ký người Pháp. Không dè việc này như con dao hai lưỡi.

Ông nội Hai Tỷ chẳng hiểu nguyên nhân gì, bị mất sớm, khi cha Hai Tỷ mới hơn mười tuổi. Chính vì vậy, Hai Tỷ hoàn toàn không biết gì về ông nội mình. Anh chỉ biết mỗi một cái tên, Tô Tấn Bửu, thường gọi là ông Tú Bửu vì ông từng thi đậu tú tài nho học.

Cơ hội ngàn vàng, viên thư ký người Pháp bèn làm giả giấy tờ, hồ sơ, chiếm đoạt toàn bộ tài sản.

Bà nội Hai Tỷ chán nản, biết rằng chẳng thể thừa kế, bèn quay về Bạc Liêu, vốn là quê cũ, sống nương nhờ bà con dòng họ.

Hai Tỷ cũng chẳng hiểu nguyên nhân gì, cha của anh lại đổi sang họ Tống, tên Văn Chiêu. Có người bà con kể rằng, cha của anh khi còn thiếu thời có tên là Tô Hoàng Minh, sau khi cha mất, tài sản bị sang đoạt, thì theo mẹ lưu lạc về Bạc Liêu. Tại đây, cậu bé Hai Minh được một người họ Tống, gốc Hoa, nhận làm con nuôi và đổi luôn họ.

Người họ Tống này cũng có thể là chồng sau của má cậu bé Hai Minh.

Chàng trai Hai Chiêu, tức Hai Minh, bằng cách nào đó không rõ, học được nghề thợ bạc rồi dần dần tự lực làm ăn kiếm sống.

Hai Tỷ hoàn toàn không biết gì về khoảng thời gian này của cha và bà nội. Thậm chí cho đến cuối đời, anh cũng không biết bà nội mình tên gì, mồ mả ở đâu. Anh đã không biết, thì độc giả chúng ta càng không thể biết, vì lý do gì mà ông Hai Chiêu rời bỏ gia đình họ Tống, lưu lạc đến Châu Đốc làm ăn sinh sống. Anh chỉ nghe bà con bên ngoại kể, cha mình sau khi có nghề thợ bạc thì bắt đầu con đường sống tự lập. Tại Châu Đốc, ông Hai Minh lấy bà Lê Thị Bưởi. Từ đó, Hai Tỷ cùng bốn người em lần lượt ra đời trên mảnh đất quê ngoại.

Họ Lê của bà Bưởi ở Châu Đốc cũng có chút danh giá, chính vì vậy mà chuyện tình của ông Hai Minh đầy trắc trở, do gia đình bên vợ ngăn cản.

Nghề thợ bạc của ông Hai Minh cũng khá, nhưng vì không đủ tiền mở tiệm nên chỉ tạm đủ sống. Khách biết tiếng, đem đồ đến tận nhà thuê làm.

Rủi ro cứ đến với gia đình này, nên dù ông bà Hai Minh làm việc quần quật cũng không thoát được lớp nghèo thành thị ở Châu Đốc.

Tuy cha mẹ nghèo, nhưng Hai Tỷ lại có được các cậu, dì khá giả. Họ thương quý thằng bé mà giúp cho được học hết tiểu học. Tiếp theo, người cậu thứ năm, tên Lê Văn Đống, thấy Hai Tỷ học sáng dạ, nên chu cấp bốn tháng tiền để đến Cần Thơ học tiếp bậc trung học. Nhờ số tiền ban đầu, Hai Tỷ vừa đi học vừa kiếm việc làm thêm. Và cuối cùng đã lấy được bằng Thành Chung hạng ưu. Đây chính là nền tảng cơ sở tiếng Pháp và học vấn đủ để anh Hai Tỷ có cơ hội xâm nhập vào lòng địch.

Trong quá trình theo học ở Cần Thơ, Hai Tỷ may mắn được học tiếp xúc với những thầy giáo yêu nước, như giáo sư Phạm Kim Tương, thầy Điệp, giáo sư Đặng Minh Trứ, giáo sư Nguyễn Thượng Tư, giáo sư Phạm Thiều, giáo sư Nguyễn Cao Thăng... Họ đã truyền cho chàng thanh niên tinh thần yêu nước, qua các bài giảng lịch sử, qua các chiến tích của những anh hùng dân tộc.

Những thầy cô giáo này đều có tinh thần nho gia, nên giáo dục cho Hai Tỷ về nhân, nghĩa, lễ, trí và tín. Nhờ được giáo dục căn bản tốt, Hai Tỷ ý thức được con đường quang minh chính đại để đi, tránh những lầm lạc trong cuộc đời. Những bài thuộc lòng trong môn quốc văn cũng dạy thêm về tình làng nghĩa xóm, tình yêu thương giữa người với người, yêu thương quê hương đất nước.

Lấy bằng Thành Chung, Hai Tỷ về Châu Đốc và xin vào làm việc tại Sở Đồn (Douanes et Regies), ngày nay gọi là hải quan. Chính thời gian làm việc ở đây, anh nắm vững khái niệm kế toán, biết rõ về thuế, luật pháp và những kiến thức liên quan.

Mặt khác, Hai Tỷ cảm thấy, nhiều loại thuế mà người Pháp áp đặt vào dân Việt Nam từ loại hình cho đến mức nộp, đều rất bất hợp lý.

Từ câu chuyện nhà tan cửa nát của ông cha mình, cho đến những hiểu biết về sự áp bức bóc lột của người Pháp đối với người Việt qua chính sách thuế khóa, những cuộc đàn áp các phong trào nổi dậy trong lịch sử... Ngay từ thời gian trước cách mạng tháng tám, anh Hai Tỷ đã

Có mong muốn chính phủ Pháp trả lại quyền điều hành đất nước cho người Việt. Nhưng anh không biết phải làm sao để có thể đuổi người Pháp về nước.

Khi cách mạng tháng tám bùng nổ, Hai Tỷ nhờ đã có sớm nhận thức nên chọn ngay con đường đứng về phía những người cách mạng, hăng hái tham gia cướp chính quyền trong lực lượng vệ binh Cộng Hòa.

Sinh hoạt chung với những người lãnh đạo cách mạng, Hai Tỷ hiểu thêm nhiều điều mà trước đây anh chưa biết. Anh biết thêm những khái niệm về quyền tự do, dân chủ mà mỗi người dân của một nước độc lập phải được hưởng.

Những bài ca, tiếng hát hùng hực nhiệt huyết, mang tính cổ vũ mãnh liệt tất cả những người dân yêu nước, như bài “Đứng lên đáp lời sông núi” của Lưu Hữu Phước:

“Này anh em ơi, tiến lên đến ngày giải phóng. Đồng bào cùng nhau ta đi, sá gì thân sống... Vung gươm lên, ta quyết đi đến cùng. Vung gươm lên, ta thể hết lòng. Tiến lên, đồng tiến, sá chi đời sống. Chớ quên rằng ta, là giống Lạc Hồng...”

Hay bài “Lên đàng”, lời ca kêu gọi đem tài trai sức trẻ ra đấu tranh để tìm nguồn tươi sáng.

“ Nào anh em ta, cùng nhau xông pha lên đàng.

Kiểm nguồn tươi sáng.

Ta nguyện đồng lòng, điểm tô non sông.

Từ nay ra sức anh tài...”

Vũ khí của đơn vị vệ binh Cộng Hòa do anh em tự tìm kiếm, như dao, mác, gậy gộc, và vài thanh gươm cũ. Họ được lực lượng chính quy ủng hộ hai khẩu súng mót cùng với ít đạn và mười trái lựu đạn.

Với một lực lượng ít ỏi, vũ khí đơn sơ, vậy mà người nào người nấy vẫn hùng hực khí thế, cũng cờ giăng, trống giục, cũng hò hét inh tai.

Hồi ấy, người ta vui như sắp đuổi được người Pháp về nước, suốt ngày cười nói, ca hát và bàn tán một cách rất lạc quan.

Ban ngày thì mọi người mài gươm đao, dao búa, vót tầm vông, tập luyện võ nghệ, học hỏi lẫn nhau và từ sách vở các kinh nghiệm chiến đấu.

Tối đến, dưới ngọn đèn tù mù, mọi người tụ họp uống trà và dờn ca.

Cuộc đời cứ như đã đổi mới.

13.2

Có đấu tranh võ trang thì ắt có đánh trận.

Trận đầu tiên mà Hai Tỷ tham gia là chặn đánh một trung đội lính Nhật, với mục đích tiêu diệt chúng và cướp vũ khí để tự trang bị.

Kết thúc thế chiến hai, lính Nhật đang hoang mang, tiến thoái lưỡng nan. Họ đang chờ quân đồng minh đến giải giáp nên chẳng còn tinh thần chiến đấu và cũng chẳng biết chiến đấu vì mục đích gì. Tuy vậy, họ vẫn phải làm các công việc của người lính, nghĩa là thăm dò các lực lượng đối phương, để phòng khi cần thì có thể tự vệ tốt.

Hôm đó, vào một ngày đầu của tháng 9 năm 1945, được tin mật báo, có một trung đội lính Nhật hành quân theo con lộ dọc bờ kinh, nối Tân Châu - Châu Đốc. Toán lính này muốn thăm dò lực lượng kháng chiến.

Con đường Tân Châu - Châu Đốc nằm dọc theo một con kinh. Người ta mót đất làm đường, đồng thời tạo nên con kinh này. Hai bên đường chủ yếu là người Chà Và (Ấn Độ), một ít người Chăm và người Khmer. Họ làm nhà cao chân để tránh mùa nước nổi, vì vậy mà mùa khô tận dụng được dưới sàn cho nhiều việc, nuôi nhốt gia súc gia cầm, để rơm rạ và dụng cụ lao động...

Hay tin, nhóm vệ binh Cộng Hòa của anh Hai Tỷ vô cùng phấn khởi. Họ chưa từng tham gia chiến đấu nên ai cũng háo hức, chỉ nghĩ là sẽ mã đáo thành công. Nhiều người còn lạc quan đến mức, nghĩ rằng vũ khí của địch đã nằm trong tay mình.

Trong tay các chiến sĩ vệ binh Cộng Hòa lúc đó, ngoài hai khẩu súng mót được quân chính qui cung cấp, họ chỉ có thêm vài khẩu súng và lưu đạn tự tạo. Ngoài ra, họ còn có gươm giáo và khí thế hùng hực.

Hai Tỷ cho mọi người phục kích dưới sàn nhà dân.

Khi thấy lính Nhật đi đến gần, quân vệ binh Cộng Hòa phát hỏa, người thì ném lưu đạn. Đạn bay tứ tung, nhưng chẳng trúng ai. Trước hết là vì súng tự tạo, bắn không chính xác, thứ hai là, mọi người không có nhiều thời gian và đạn được để tập luyện. Cho nên tiếng súng chỉ đủ gây áp lực, làm cho kẻ địch hoang mang.

Toán lính Nhật này do bị phục kích bất ngờ, lại đang hoang mang về tình hình thời sự chiến cuộc trên thế giới, nên chỉ bắn vài phát rồi bỏ chạy. Họ bỏ lại một khẩu súng trường.

Kiểm tra tổn thất, cả hai bên chẳng có ai chết, nhưng có một chiến sĩ vệ binh Cộng Hòa bị thương, do chính lựu đạn tự tạo nổ trên tay.

Sau trận đánh, tuy mục đích cướp vũ khí không thành, nhưng ai cũng hớn hởi, cười nói râm ran, tha hồ bàn tán, thậm chí còn nói dóc thêm cho rôm rả. Nhiều người lạc quan, cho rằng, qua trận đánh này đã chứng tỏ ta có đầy đủ bản lĩnh để đánh Tây, đuổi Nhật. Có kẻ nông cạn còn lạc quan tếu, nói: “Nhật thắng Tây dễ dàng như vậy, ta lại đánh cho thằng Nhật chạy dài, thế thì khó gì mà không thắng thằng Tây”.

Dù sao thì trận đánh cũng xem như thắng lợi. Hai Tỷ là người trực tiếp chỉ huy nên được cấp trên tuyên dương công trạng. Người ta thấy anh là người sáng giá nên rút về làm việc tại ủy ban kháng chiến hành chính huyện Tân Châu. Cơ sở ủy ban đóng tại xã Long Sơn.

Thế rồi thực dân Pháp tái chiếm Nam bộ, châm ngòi cho một cuộc kháng chiến trường kỳ của Việt Nam, kéo dài chín năm trời.

Quân dân Nam bộ khởi động cuộc kháng chiến này kể từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 lịch sử, dưới sự điều hành của Lâm ủy hành chánh Nam bộ, do ông Trần Văn Giàu làm chủ tịch. Lâm ủy này về sau được đổi tên thành ủy ban Kháng chiến Hành chánh, do ông luật sư Phạm Văn Bạch làm chủ tịch.

Tuy nhiên, lực lượng kháng chiến còn quá non trẻ, lực lượng quân sự quá yếu kém. Quân Nam vừa thiếu thời gian và chuyên gia quân sự giỏi huấn luyện, vừa trang bị vũ khí quá thô sơ và nghèo nàn. Cho nên dù được cả nước dồn sức ủng hộ, cũng chỉ trong một tháng, binh đoàn kỵ binh thiết giáp của đại tá Massuy và viên tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, tướng Le Clerc đưa quân đến chọc thủng phòng tuyến Sài Gòn rồi đánh lấn ra Biên Hòa, Thủ Dầu Một và lần lượt chiếm lại hết các tỉnh ở Nam bộ.

Khi quân Pháp tái chiếm các tỉnh miền Tây, Hai Tỷ cùng đơn vị chốt tại mặt trận Tân Châu. Quân Pháp cùng hỏa lực của hải quân trên thông báo hạm A.72-71 bắn xối xả vào thị trấn Tân Châu. Khoảng hai mươi phút, lực lượng kháng chiến hoàn toàn tan vỡ. Vài cây súng mót làm sao có thể địch lại pháo, trọng liên và các loại súng bộ binh hiện đại khác. Chỉ riêng số lượng vũ khí cũng đủ áp đảo hỏa lực của lực lượng kháng

chiến. Các chiến thuật đánh du kích mà mọi người được học hỏi cũng bị vô hiệu hóa, bởi vì tàu giặc chạy trên sông bắn lên bờ với hỏa lực cực mạnh. Súng đạn của quân ta quá thô sơ, yếu ớt, không đủ gãi ngứa vỏ tàu giặc.

Quân vệ binh Cộng Hòa tham gia kháng chiến bị thất bại hoàn toàn bèn rút về Long Thuận, Phú An, Chợ Vàm, Cao Lãnh. Họ định rút ra Đồng Tháp Mười để củng cố lực lượng, chờ chỉ thị cấp trên. Nhưng khi quân kháng chiến rút đến Cao Lãnh thì gặp Đệ Tam sư đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp. Bọn Hiệp là thân binh cũ của Nhật, dựa vào thế mạnh về người đông, vũ khí mạnh, chặn đường quân vệ binh Cộng Hòa tước hết vũ khí. May là không có tổn thất về người.

Vậy là, chính quyền Tân Châu, từ cán bộ đến lính tráng tan rã. Một số bỏ về quê, một số khác vẫn nung nấu ý chí giải phóng dân tộc, nên cùng quyết định theo nhau vào Đồng Tháp Mười để chờ cơ hội.

Hai Tỷ vẫn muốn tiếp tục đi theo con đường, mà anh cho là đúng đắn để giải phóng đất nước khỏi lệ thuộc ngoại bang. Anh cùng số ít đồng đội còn lại tiếp tục theo những toán quân lẻ tẻ vào bưng biền để cùng xây dựng lực lượng kháng chiến. Vừa may, trên đường đi, anh gặp một số bạn bè cũ trong xóm Hàng Xáo ở Châu Đốc, trong đó có Năm Nhạn, Sáu Không. Họ cũng đang trên đường rút vào bưng biền Đồng Tháp Mười.

Mọi người mừng rỡ, tay bắt mặt mừng, ai cũng cảm thấy lực lượng kháng chiến như được hồi phục. Đêm đó họ ngủ ở một trảng cỏ. Mọi người nằm trong nấp cạnh nhau trò chuyện, tâm sự.

Có lẽ câu chuyện lúc ban ngày thôi thúc, khiến Sáu Không trần trọc nghĩ ngợi, tính toán. Anh chợt nói:

- Tỷ à! tao nói câu này, không biết mày có chịu nghe?

- Tui với anh tình như anh em, có gì mà anh úp úp mở mở vậy, cứ nói thẳng đi, tui không giận đâu.

- Tao biết mày đang rất hăng hái đánh Tây, bây giờ mà khuyên bỏ ngũ trở về thành chắc mày không chịu. Mày nên nghĩ đến cách mạng, đến đại cuộc, phải phân biệt đây là cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, không phải là chuyện phiêu lưu mạo hiểm trong tiểu thuyết. Cuộc kháng chiến này có thể rất dài lâu, không ai có thể biết lúc nào thì chấm dứt. Mày học sử cũng biết, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi, kéo dài từ 1418 đến 1427, cũng mất mười năm mới thành công. Vì vậy mình phải biết tận dụng khả năng bản thân để giúp cho lực lượng cách mạng. Hiện giờ thân phận của mày chưa bị Tây biết. Theo ý tao thì mày nên quay về thành, kiếm việc gì đó mà làm, chờ cơ hội. Khi lực lượng kháng chiến mạnh lên thì rất cần những người nằm vùng như mày...

Năm Nhạn là đảng viên, trước cách mạng tháng tám từng ở tù mấy tháng tại khám lớn Sài Gòn. Trong tù, anh gặp nhiều đồng chí có bề dày về năm tháng hoạt động và tù tội. Họ được dịp trao đổi cho nhau, nhờ đó anh có nhiều kinh nghiệm hoạt động bí mật. Anh im lặng nghe Sáu Không trình bày, đến lúc này mới chen vào:

- Hai Tỷ à! Sáu Không nói đúng đó, mày học giỏi, lý lịch tốt, lại thông thạo tiếng Tây và từng làm việc cho chúng. Vào thành, mày tìm cơ sở nào đó của Tây mà xin việc làm, càng làm ở những cơ quan hành chính đầu não càng tốt. Những nơi này thường là đầu mối các thông tin quan trọng của bọn chúng. Khi nào mày ổn định việc làm, chúng tao sẽ cho người tìm đến liên lạc. Mày ráng làm sao cho tụi Tây tin, có như thế, giá trị của mày sẽ rất cao...

Hai Tỷ nghĩ ngợi một lúc, thận trọng nói:

- Nếu hai anh đã cùng một ý thì tôi sẽ nghe theo, nhưng phải sớm cho người đến móc nối, nếu không, tui chẳng biết chuyển tin tức cho ai.

Thế là Hai Tỷ cùng một số bạn bè khác trong vệ binh Cộng Hòa đưa vũ khí cho nhóm người ở lại, bí mật len lỏi trở về thị xã rồi tản ra sống trong vùng tạm chiếm.

Nhưng vì quyết định vội vàng và không có kinh nghiệm nên chẳng ai nghĩ đến chuyện qui định cách thức liên lạc với nhau.

Năm Nhạn nói thầm vào tai Hai Tỹ: “Mày nên làm như bất mãn với cách mạng mà bỏ vào thành. Để phòng lỡ có người biết mày thì còn có cách nói... Tạm thời thì đừng tìm cách liên lạc với bất kỳ ai, trong số những người quay về thành với mày. Nên nhớ, khi chưa có gì rõ ràng thì mày với những đồng đội cũ là xa lạ”.

- Tại sao vậy?.

- Tao chưa thể trả lời... Mày có biết câu “tai vách mạch rừng”?

- Tôi hiểu rồi!.

Theo lời khuyên của bạn bè, Hai Tỹ tìm đến xin việc tại dinh tỉnh trưởng. Anh có được học bạ tốt, nói giỏi tiếng Pháp và lại từng có một quá trình làm việc tốt tại Sở Đoan. Đây chính là những điều kiện thuận lợi để tỉnh trưởng Roger nhận ngay, cho anh làm thư ký riêng.

Roges là một cha cố khoác áo lính, theo chân đội quân lê dương sang Việt Nam rồi leo dần đến chức tỉnh trưởng. Ông ta trạc trên năm mươi, cao lớn, trắng trẻo và khéo tạo một bộ mặt hiền lành phúc hậu.

Thuộc hạ và những người quen biết đều gọi ông là “Cha” thay cho từ “ngài” hay “quan lớn” mà thời đó khá thông dụng.

Roger hỏi chuyện để kiểm tra vốn tiếng Pháp và khả năng làm việc, quan sát thái độ, tư cách rồi cho người làm thủ tục nhận ngay Hai Tỹ. Ông ta đang rất cần người có năng lực làm việc. Sau cái ngày mà cộng sản gọi là cách mạng tháng Tám, những kẻ theo cộng sản nổi loạn phần nhiều là dân trí thức, nên bây giờ kiếm người biết việc khó quá. Ông cũng không hỏi Hai Tỹ từng làm gì trong thời gian cuộc cách mạng tháng tám diễn ra.

Trong thời gian chờ người của Năm Nhận đến móc nối liên lạc, Hai Tỹ nghĩ, cần phải tự mình chủ động làm cái gì đó cho nhân dân, cho cách mạng. Anh vốn vì yêu nước, thương dân mà đi làm cách mạng, nên những việc lúc này có thể làm được là tận dụng vị thế của mình.

Thời Pháp thuộc, ở bất cứ tỉnh nào cũng có các trại giam hay tạm giam. Nơi đây giam giữ tất cả các loại tù nhân mà chính quyền Pháp bắt được. Sau đó, người ta sàng lọc các đối tượng bị giam giữ, rồi xem xét thả hoặc giam lại, hoặc đày đến các trại giam lớn, tùy mức độ nặng nhẹ theo “tội trạng”.

Roges vốn không có trách nhiệm trong chuyện hỏi cung này, đó là việc của mật thám. Nhưng vì là Cha cố, nên ông ta tự cho mình có trách nhiệm tinh thần đối với con cháu, sẵn quyền lực trong tay, ông ta muốn tự mình thao túng tất cả những công việc trong tỉnh. Những khi đi như thế này, ông ta muốn tạo hình ảnh đẹp để gây ấn tượng trong dân chúng, nên thường ăn mặc theo kiểu Cha cố.

Những khi Roges tỏ ra miễn cưỡng như vậy, Hai Tỹ đương nhiên phải đi theo ông ta để làm thông ngôn trong lúc hỏi cung, tra xét.

Việc đầu tiên mà Hai Tỹ nghĩ ra, trong khi làm thông ngôn cho viên tỉnh trưởng, anh đã tìm cách mớm lời khai, khéo léo gỡ tội cho khá nhiều người, nhất là cán bộ chiến sĩ trong lực lượng kháng chiến. Nhiều cán bộ và chiến sĩ cách mạng nhờ thế mà được tha, hoặc giảm nhẹ tội để sớm được thả.

Một lần, quân Pháp đi càn quét, bắt được một số cán bộ, bộ đội Việt Minh. Trong số đó có lẫn cả dân thường. Roges hay tin, vội kêu Hai Tỹ cùng đi đến trại giam để hỏi cung, nhằm phân loại ai là dân thường, ai là lính Việt Minh. Ông ta luôn tỏ ra sốt sắng, có thể vừa đánh bóng tên tuổi, vừa tỏ ra miễn cưỡng, lại vừa làm cho dân chúng có thiện cảm với đội quân viễn chinh Pháp.

Khi tiếp xúc với những người bị bắt, Hai Tỹ nhận ra các đồng chí cũ thân thiết, một người là anh Phạm Đình Cát, đồng đội thân thiết cũ trong đơn vị vệ binh Cộng hòa. Người kia là anh Năm Biết, con cậu Ba Điện. Cậu

Ba tuy không ưa cộng sản, nhưng mấy người con thì lại đều theo Việt Minh.

Anh Hai Tỳ vờ như không quen biết họ.

Khi Roges hỏi cung hai người này, Hai Tỳ ngằm nháy mắt cho họ, rồi tìm cách dịch mớm lời:

- Thưa Cha! Bọn họ nói là dân làm ăn, vô tình đi vào vùng chiến sự nên bị bắt lây.

Cả hai người đều được ăn học từ nhỏ nên khá tiếng Pháp, nghe Hai Tỳ dịch như vậy thì họ đều hiểu ý, nên theo đà, giả ngây ngô nói:

- Thưa Cha! Anh em chúng tôi đi mua lúa, vô tình mà bị bắt đến đây, chẳng hiểu vì nguyên nhân gì.

Tất nhiên họ giả như không biết tiếng Pháp, nên nói bằng tiếng Việt. Hai Tỳ thông dịch lại.

Cha Roges đâu phải là kẻ ngây ngô, ông ta nhắc Hai Tỳ hỏi:

- Cậu hỏi họ về giá lúa hiện tại. Hỏi giá thu mua tại nhà dân và giá bán ra ở chợ...?

Roges vì có quan tâm tình hình dân chúng và kinh tế trong vùng, nên khá rành giá lúa gạo, thịt cá. Ông ta nghĩ, bọn này mà nói sai là lộ ngay chân tướng.

Ba Cát và Năm Biết đều nghe hiểu. Họ là trong dân vùng này nên dễ dàng trả lời được hết các câu hỏi có tính thăm dò của Roges. Thêm vài câu hỏi mang tính kiểm tra, đều được mấy người này trả lời trôi chảy thế là ông ta tin và ra lệnh thả họ. Nhờ thế mà hai người này thoát nạn.

Hai Tỳ biết Roges muốn tỏ ra là một con chiên ngoan đạo, một Cha cố mẫu mực, một tỉnh trưởng đặc dụng. Anh nghĩ ông ta là người giả nhân giả nghĩa, nên hướng ông ta vào những hành động làm lợi cho dân địa phương, như lo trang bị cho trường học, nhà thương. Nhờ thế mà nhà thương Châu Đốc khá khang trang và thu dụng nhiều bác sĩ giỏi. Trường Ecole des garçons du cheflieu cũng được sơn phết, trang bị bàn ghế mới, tuyển dụng giáo viên giỏi...

Tuy chỉ là những việc làm nhỏ nhặt, nhưng Hai Tỳ đã biết nghĩ đến sử dụng sức mạnh của kẻ địch, làm lợi cho dân địa phương mình.

Như định mệnh xui khiến, cuộc đời anh Hai Tỹ đột nhiên chuyển qua bước ngoặt mới.

Một sự kiện bất ngờ ập đến khiến cho anh Hai Tỹ suýt mất mạng, nhưng lại giúp tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp hoạt động bí mật sau này.

Lần đó, mật thám Pháp bắt được một thanh niên, biệt danh Năm Ba Ton.

Năm Ba Ton sống cạnh nhà dì Tư, ở Tân Châu. Đồng thời, Năm Ba Ton cũng từng là một chiến sĩ trong đội vệ

binh Cộng Hòa ở Tân Châu, nên biết Hai Tỹ khá nhiều. Bị mật thám Pháp tra tấn đánh đập dã man, anh ta không chịu đựng được nên khai bừa là có quen biết với Hai Tỹ. Anh ta nghĩ rất non nớt, rằng Hai Tỹ đã theo địch và là tay chân tin cậy của viên tỉnh trưởng. Như vậy, nếu khai có quen biết với Hai Tỹ thì địch sẽ nể tình mà tha. Anh ta còn thêm dệt thêm rằng mình rất thân với Hai Tỹ. Rất may là Năm Ba Ton lại quên, hay cố tình giấu, hay chưa kịp khai, rằng Hai Tỹ từng làm thủ lĩnh của một nhóm vệ binh Cộng Hòa ở Tân Châu.

Cò Henri Ribes dẫn lính mật thám đến tận nhà bắt Hai Tỹ.

Trong khi đi bắt Hai Tỹ, đám mật thám lơ là nên để Năm Ba Ton trốn mất. Vậy là mất kẻ làm chứng. Mật thám Pháp cùng tay chân của họ dồn hết sự bực tức, đánh đập Hai Tỹ một cách dã man, còn hơn cả lúc tra tấn Năm Ba Ton.

Hai Tỹ, trước hết là chẳng biết gì mới để mà khai, trừ những chuyện cũ trước đây. Thứ hai, anh đủ kinh nghiệm để hiểu, nếu khai ra là mình từng tham gia lực lượng kháng chiến thì khó mà sống được. Anh nghĩ trong đầu: “Chẳng biết là Năm Ba Ton đã khai những gì về mình, nhưng mặc kệ, nó khai gì là chuyện của nó, mình cứ chối hết. Bây giờ thằng ngu này đã trốn thoát thì những gì nó khai là khẩu thuyết vô bằng”.

Tuy Hai Tỹ một mực hoặc im lặng, hoặc chối bỏ những gì Năm Ba Ton đã khai về anh, nhưng không vì thế mà bọn thú đội lột người này nhẹ tay. Chúng treo Hai Tỹ lên

theo tư thế nằm ngang, gọi là đi máy bay, rồi đánh vào gan bàn chân, bóp vào be sườn, đánh theo kiểu giao bóng...

Nhưng chẳng hiệu quả gì.

Hai Tỷ cứ tiếp tục kiên định im lặng chịu đòn, hoặc trả lời những câu mà không ai bắt bẻ được. Gần hai ngày bị đánh đập, tra tấn, quần áo của anh đã bê bết máu, miệng khô khốc, môi nứt nẻ vì hơn một ngày không được ăn uống.

Vợ của Henri Ribes là một người Việt, tên Bê, con ông Sáu Mạnh, cùng là dân xóm hàng Xáo với gia đình Hai Tỷ.

Xóm hàng Xáo vốn nhỏ xíu, dân chúng hàng ngày chạm mặt, nên dù chẳng họ hàng mà vẫn xem nhau như ruột thịt.

Đì Bảy Trâm và những người bà con bên ngoại của Hai Tỷ bèn đến gặp cô Bê nhờ nói hộ. Bê nhận lời, mà thật lòng, cô cũng có phần quý mến Hai Tỷ.

Bê bèn đến gặp chồng tỉ tê nói: “Anh Hai Tỷ này là bà con với em, gọi ba mình bằng chú. Ảnh hiền lành lắm, cả xóm ai cũng thương. Anh làm phước tha cho ảnh đi”. “Thằng này gan lắm, đánh kiểu nào nó cũng không thềm rên la. Chỉ có Việt minh mới gan dạ như vậy thôi”. “Ảnh mà Việt minh cái gì, hiền như cục đất, tương tá như thơ sanh (thư sinh). Chỉ vì tánh ảnh cọc, làm lỳ nên anh tưởng ảnh gan thôi. Hồi nhỏ, lúc má ảnh đi gánh nước, bị chòm xóm ăn hiếp, ảnh vác đòn gánh đánh tan đám kia để cho má ảnh lấy nước. Con người này chí hiếu lắm, đừng làm hại người ta, anh ơi”.

- Đúng là chẳng tìm thấy chứng cứ gì ở thằng này, nhưng vì thấy nó gan quá nên anh nghi. Bọn khác mà vào tay anh thì chỉ đánh một lúc là khóc lóc van lạy, dù chẳng biết gì mà cũng cố nặn ra để khai. Thôi được, để anh bảo tội nó tha. Em dặn thằng Tỷ nghen, đừng có dại mà theo Việt minh, không có lẩn thứ hai đâu.

Ngày hôm sau, Ribes đến gặp Cha tỉnh trưởng Nais Roges. Họ bàn nhau thả Hai Tỳ rồi cho người âm thầm theo dõi. Họ hy vọng hốt trọn ổ, nếu Hai Tỳ là người của Việt Minh.

Trong ngày hôm đó, Ribes cho người thả Hai Tỳ.

Hai Tỳ mang bộ quần áo dẫm máu về nhà. Cậu Năm Đống thấy vậy, bảo:

- Cháu hãy giữ bộ quần áo dẫm máu để nhớ mãi mối thù này.

Qua lần bị bắt, bị tra tấn này, Hai Tỳ được mọi người kính trọng. Tất nhiên tin tức về lòng quả cảm của anh được những người của cơ sở cách mạng biết đến.

Chương XIV

TRƯỞNG THÀNH

Sau khi được thả, viên tỉnh trưởng Nais Roger cho thừa phái đến nhà Hai Tỷ, gọi anh đến gặp ông ta.

Gặp Hai Tỷ, cha Roges mở lời thân mật, nói cho có chuyện:

- Tôi biết ngay là cậu bị oan mà. Chà! bọn mật thám này làm quá đáng, để tôi tìm cách trị chúng. Cậu ráng giúp tôi một thời gian. Qua được thời buổi khó khăn này, tôi sẽ xin cho cậu học bổng qua Pháp tiếp tục vào đại học. Cậu thông minh, sáng ý, thế nào cũng sẽ trở thành người hữu ích.

- Cám ơn Cha, nhà tôi nghèo lắm. Ở đây làm việc kiếm sống qua ngày là được rồi.

- Cậu đừng phụ lòng tốt của tôi. Thế nào tôi cũng xin được cho cậu cái học bổng toàn phần. Tôi có uy tín trong giáo hội nên chuyện này hoàn toàn trong tầm tay. Cậu yên tâm, khỏi phải lo nghĩ.

Thế là, Hai Tỷ quay lại làm việc cho tòa BỐ, với viên tỉnh trưởng Roges, chờ cơ hội thoát ly ra vùng kháng chiến. Lúc này anh thực sự hoang mang, vì mãi không thấy “người đảng mình” đến tiếp xúc. Trong khi đó thì lòng thù hận không bao giờ nguôi, mỗi khi tiếp xúc với kẻ thù. Anh chỉ muốn như chim, tung cánh bay ngay ra vùng kháng chiến để được cầm vũ khí chiến đấu một mất một còn với kẻ thù xâm lược.

Làm việc trong tòa BỐ cũng có nhiều anh em công chức có tinh thần yêu nước và ủng hộ cách mạng. Họ thấy Hai Tỷ bị bắt chịu được sự tra tấn dã man của địch thì đem lòng yêu mến và tìm cách gần gũi. Nhờ đó mà anh nắm được khá nhiều thông tin từ họ.

Những tin tức như anh Trương Bình Khiêm, con ông giáo Lành, đã thành lập bộ đội, kéo về đánh chiếm đồn Vĩnh Tre. Hay du kích dùng dao chặt thịt heo chém chết một lính Pháp ở nhà lồng chợ Mỹ Đức, lấy được một cây súng tiểu liên. Rồi bộ đội của

Bạch “Tây lai” đóng giả lính Pháp đến lấy đồn Kasko, gần biên giới với Campuchia Gần đây nhất, có tin anh Phạm Văn Vạng, thông ngôn ở sở mật thám lấy một cây súng trường và ba chục viên đạn, trốn ra chiến khu.

Chờ thêm một thời gian thì Năm Nhạn cũng cho người đến gặp, nhờ thế mà Hai Tỷ có được cơ sở để liên lạc và cung cấp vài tin tức quan trọng.

Kẻ địch chẳng phải loại tai điếc, mắt mờ. Thêm vào đó, chúng đã chủ tâm theo dõi ráo riết kể từ sau ngày Hai Tỷ được thả ra. Anh chẳng phải dân chuyên nghiệp, không được đào tạo, nên làm sao tránh khỏi sai sót.

Năm Nhạn cũng đã biết như vậy, nên buộc lòng phải nhấn tin, rút Hai Tỷ ra chiến khu.

Đó là một ngày đầu tháng 10 năm 1946, Hai Tỷ cùng với một số khá đông anh em công chức, thanh niên cùng trang lứa thoát ly ra vùng chiến khu để bắt đầu tham gia cuộc kháng chiến thần thánh, kéo dài chín năm trời.

Buổi tối định mệnh đó không có trăng. Họ luồn dưới các nhà sàn, men theo con sông nhánh để đến xuồng nhỏ. Từ đó, mọi người lặng lẽ nhẹ khuya mái chèo. Ra đến sông cái, họ theo ám hiệu, lên một chiếc xuồng câu lớn, theo dòng nước mà đến chiến khu.

Chiến khu vùng giải phóng của tỉnh Châu Đốc đa phần thuộc địa giới huyện Tân Châu. Vùng này có địa thế an toàn, nhờ tiếp giáp với biên giới Campuchia. Mặt khác, vùng này tiếp giáp với an toàn khu ở Đồng Tháp Mười. Khi thất thế có thể rút qua nước bạn tạm lánh hay vào sâu trong Đồng Tháp Mười.

Thời gian này anh Nguyễn Nhạn được khu Chín cử về đây tổ chức và xây dựng cơ sở quân báo. Những người bỏ thành đi theo kháng chiến, đều được nghiên cứu kỹ để giao nhiệm vụ. Những anh chị em từng là công chức

nên đều thạo tiếng Pháp. Học sinh thời đó đều được học tiếng Pháp và ngày nay một số trong đó thoát ly gia đình để đi theo kháng chiến. Tất cả những người đêfu là đối tượng chọn lựa của ban quân báo.

Ban quân báo Châu Đốc thời kỳ đầu gồm Nguyễn Văn Được (nhân viên sở điền đạc), Nguyễn Văn Hòa (thầy ký), Nguyễn Hiêm (sở trường tiền), Huỳnh Đăng Sĩ (nhân viên tòa BỐ), Lê Quang Vĩ (nhân viên bưu điện), Ngô Thế Kinh (thầy ký quận), Nguyễn Văn Hai (y tá), cô giáo Lâm Xiển Ngó (người Hoa), Lê Văn Truyền (sở trường tiền), thầy giáo Lê Sơn Trân, Phạm Đình Cát (thầy ký), Nguyễn Tấn Tước (học sinh), Nguyễn Ngọc Lâu (Việt kiều)... họ đều là những nòng cốt của ban, chuyên làm nhiệm vụ nghiên cứu địch tình, đánh máy, vẽ bản đồ, lập kế hoạch...

Hai Tỷ tất nhiên là người đầu danh sách chọn lựa này của Năm Nhạn. Trước hết, anh giỏi tiếng Pháp, lại có quá trình làm việc tại tòa BỐ, quen các công việc xử lý hồ sơ. Kế đến, anh từng bị bắt, bị tra tấn nên được xem như qua thử thách về lòng gan dạ, trung thành và khôn ngoan. Một điều tế nhị khác ở Hai Tỷ, đó là vóc dáng mảnh mai, trắng trẻo, ai nhìn thấy cũng khen là đẹp trai. Hình thức bề ngoài của anh rất dễ khiến cho đối thủ chủ quan, xem thường. Đó là những ưu điểm quan trọng trong ngành quân báo. Anh chỉ còn phải học hỏi thêm kiến thức chuyên ngành và rèn luyện thêm các bản lĩnh của người quân báo.

Tuy ban quân báo Châu Đốc được thành lập theo chỉ đạo của Khu Chín, với số lượng người ban đầu khá hùng hậu, nhưng không có chủ trương đường lối cụ thể, rõ ràng.

Mọi người tự bàn bạc với nhau về đường lối và cách thức hành động, Năm Nhạn mở lời:

- Tôi được cử về đây thành lập ngành quân báo. Nhưng nói thiệt, cũng chưa biết phải làm gì cụ thể, ngoài ý nghĩa chính. Tôi bàn với anh chị em thế này, chúng ta phải thành lập một đội võ trang của ban. Đội này phải làm thế nào khiến cho địch lưu ý và lo sợ về sự tồn tại của Việt Minh chúng ta.

Anh Phạm Đình Cát, tức Ba Cát, nói thêm:

- Theo tôi, trước hết phải làm cho nhân dân trong tỉnh thấy được những việc làm hữu hiệu của chúng ta. Từ đó họ sẽ phấn khởi mà ủng hộ Việt Minh, đồng thời khiến cho bọn Việt gian, ác ôn khiếp sợ, không dám gây thêm tội ác.

Anh Nguyễn Ngọc Lâu góp lời:

- Nếu vậy, ta đặt tên đội võ trang này là “Huyết Thủ”. Cái tên này cũng đủ khiến cho tội ác ôn phải sợ chết khiếp rồi.

Năm Nhận với tư cách trưởng ban quân báo, trình trọng trao trách nhiệm:

- Vậy tôi đề nghị, anh Lâu sẽ làm đội trưởng đội Huyết

Thủ, anh Lê Quang Vĩ sẽ làm chính trị viên. Tôi mong các anh hoạt động thiết ngon lành để xứng với tên gọi. Đồng thời phối hợp với các tỉnh bạn cùng hưởng ứng.

Đội Huyết Thủ của ban quân báo Châu Đốc ra đời trong bối cảnh trên.

Hành động đầu tiên của đội Huyết Thủ là bắt gọn tên Việt gian chỉ điểm Ký Đôn. Họ lập một tòa án gọn nhẹ, kết tội tên này xong rồi xử luôn tại chỗ bằng một phát súng vào đầu.

Kế đến, đội huyết thủ lọt vào nhà tên Phủ Phép, chủ quận Châu Phú, kể dao ngay cổ gã, làm cho gã sợ vãi cả phân ra quần. Tuy nhiên, vì gã này chưa gây tội ác gì lớn, nên chỉ cảnh cáo mà không giết. Sau lần này, gã nhũn như con chi chi, đi đâu cũng lấm la lấm lét, sợ có người theo dõi.

Marie Trần Chánh là tình nhân của phó tỉnh trưởng Châu Đốc Huret, đồng thời là một nữ gián điệp rất nguy hiểm. Mụ được Pháp huấn luyện đặc biệt nên giỏi võ và bắn súng cả hai tay khá chính xác. Đội Huyết Thủ được tin mụ nghỉ ở trong một khách sạn tại thị trấn Châu Đốc, bèn cho người đóng giả làm bồi phòng, tiếp cận và bắn chết mụ ngay tại phòng ngủ. Sự kiện này gây tiếng vang rất lớn, khiến quân Pháp và tay chân vô cùng nao núng.

Nhất là sau khi một đội viên đội Huyết Thủ, tên là Ngọc Anh bắn chết tên Việt gian Quản Giàu ở kinh

Trên, thì những tên Việt gian khác hoàn toàn rúng động, đi đâu cũng phải nhìn trước ngó sau, và không dám đi riêng một mình. Điều này ảnh hưởng đến ngay đến tinh thần lính Pháp và lính lê dương. Bọn chúng đã nghĩ là Việt Minh có khả năng xuất

quỷ nhập thần, muốn ám sát ai cũng được. Bây giờ thì kể cả lính Pháp cũng không dám đi lại hùng hổ, và càng không dám có những hành vi ngang ngược như trước.

Tổ chức quân báo được chính thức ra đời kể từ khi thành lập khu chín. Tổ chức này ban đầu do anh Nguyễn Hoàng, tức Hoàng Chiêu, phụ trách rồi mở rộng về các tỉnh. Nói ra thì cảm thấy thật giản đơn, chỉ có mấy chữ “hành lập” và “ra đời”. Chẳng thấy ai nói đến những vấn đề đường lối, cách thức, kinh phí và phương tiện kỹ thuật để hoạt động. Nghĩa là, khởi đầu của ngành quân báo, ngoài con người, mọi thứ còn lại là một con số không to tướng.

Quý một năm 1947, một số cán bộ được cử dự lớp huấn luyện tình báo ở Quảng Ngãi về, trong đó có anh Ninh, anh Chỉ, anh Thống, anh Ba Phấn. Lúc đó anh Nguyễn Thanh Sơn là Phó Chủ tịch ủy ban kháng chiến miền Nam. Anh bèn chủ trương mở lớp đào tạo tình báo cho cán bộ quân báo ở các tỉnh miền Nam. Lớp này do anh Robert Phạm Ngọc Thảo quản lý.

Đến quý hai, năm 1947 thành lập phòng đặc vụ, sau đổi thành phòng mật vụ Nam bộ, do anh Phạm Ngọc Thảo làm trưởng phòng.

Robert Phạm Ngọc Thảo là một trí thức, gia đình công giáo, quốc tịch Pháp. Anh có bằng cấp kỹ sư, được Pháp đào tạo. Anh Thảo đọc nhiều sách trinh thám tình báo, có máu phiêu lưu, giàu tưởng tượng, lại có năng khiếu bẩm sinh nên khi được giao làm trưởng phòng mật vụ, anh đã nghĩ ngay đến việc huấn luyện đào tạo. Anh rút tĩa từ sách truyện và một ít tài liệu rồi nghiên cứu viết giáo trình huấn luyện khá kỹ lưỡng.

Hai Tỷ được Năm Nhận cử đi học các lớp huấn luyện này. Định mệnh đã hướng anh đến với nghề tình báo.

Tháng 9 năm 1947, Hai Tỷ lại được khu chín chỉ định, cử đi dự khóa tình báo chính quy tại vườn Thơm, gần chợ Lý Văn Mạnh, địa phận Sài Gòn - Chợ Lớn. Lớp này cũng do Robert Phạm Ngọc Thảo kiêm nhiệm chức hiệu trưởng, anh Hai Triêm (Phan Kỳ Nam) làm chính trị viên. Ngoài những môn nghiệp vụ, có một cán bộ từ Trung Quốc về, tên Đào Ngọc Tuất, dạy môn giáo nghiệm nhân thân, một người có biệt danh Đại Ca dạy thôi miên, vài võ sĩ Nhật theo Việt Minh, thì dạy về các môn võ thuật, nhu đạo...

Khoảng cuối năm 1948, Hai Tỹ gặp lại người bạn học cũ, anh Ba Phấn. Anh Ba Phấn viết quyết định điều Hai Tỹ về phụ trách tổ nghiên huấn của ban quân báo khu chín.

Mấy tháng sau, anh Ba Phấn đi dự hội nghị Nam bộ bàn về một số thay đổi mới cho ngành quân báo. Trong cuộc họp có lãnh đạo trung ương cục tham gia, như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Dương Quốc Chính và một số lãnh đạo ngành như Hoàng Minh Đạo, Hoàng Thế Thiện, Huỳnh Thế Bằng...

Hội nghị quyết định thống nhất tên gọi của ngành trong toàn quốc là quân báo (tình báo quân sự). Quân báo ở tỉnh, huyện, xã thì gắn với tỉnh đội. Từ đó có những chủ trương đường lối sau:

- Tách các cơ sở có vị trí đặc biệt quan trọng về tin tức điệp báo thành các chi, để chỉ đạo tập trung hơn, phát huy các cơ sở đi sâu vào nghiệp vụ chiến lược.

- Nâng chất lượng nghiên cứu địch tình, từ đó cũng nâng cao trình độ khai thác tin tức.

- Tổ chức thêm chi phản gián để bảo vệ các cơ quan chỉ huy đầu não hiệu quả hơn.

- Cán bộ quân báo khu tám và khu chín sáp nhập thành phân liên khu miền Tây.

- Kể từ nay, anh Hoàng Minh Đạo là trưởng ban quân báo Nam bộ, anh Phạm Ngọc Thảo chuyển qua đơn vị chiến đấu D410.

Sau lần xáo trộn, thay đổi này, Hai Tỹ được rút về làm trưởng quân báo thành Bạc Liêu, cơ quan đóng tại kinh Xáng Vĩnh Hưng. Anh Nguyễn Văn Chảng làm phó, Nguyễn Minh Trinh (tức Tám Trinh) làm trưởng ban hành động.

Mấy tháng sau, Hai Tỹ được cử đi học lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo quân báo tỉnh, do phòng quân báo Nam bộ tổ chức tại Mỹ Tho. Lớp này đi sâu vào chuyên môn, nhờ thế mà Hai Tỹ trưởng thành thêm một bậc trong ngành.

Trở về cơ sở, Hai Tỹ được bổ nhiệm làm bí thư, kiêm chi phó quân báo Cần Thơ. Khi đó anh Nguyễn Văn Được làm trưởng chi. Sau khi anh Được về làm Trưởng Tiểu

ban quân báo tỉnh Long Châu Hà, thì Hai Tỹ phụ trách trưởng Tiểu ban quân báo tỉnh đội Cần Thơ.

Thời gian hoạt động ở Cần Thơ, Hai Tỹ đã lập nên nhiều chiến công vang dội, khiến kẻ địch phải khiếp sợ.

Qua vài lớp huấn luyện và chuyển đổi như vậy, cùng với kinh nghiệm bản thân và những gì học hỏi được từ sách vở, Hai Tỹ đã thực thụ trở thành một cán bộ quân báo. Cứ thế anh dần thân dần vào ngành này như một định mệnh.

Chương XV

CHIẾN CÔNG CỦA NGƯỜI QUÂN BÁO

15.1

Đồn Ba Chúc án ngữ con đường ra vô căn cứ Thất Sơn, thật là nguy hiểm cho cán bộ Việt Minh khi đi công tác. Không những thế, nhân dân đi lại làm ăn và bà con tôn giáo đi núi cúng kiếng cũng khó khăn.

Hai Tỷ lúc này được nhận công tác chiến trường, phụ trách nắm việc tổ chức và xây dựng lực lượng quân báo huyện Tịnh Biên và thành Châu Đốc. Đồng thời, anh được giao chỉ đạo trung đội hành động của anh Đặng Thái Nguyên.

Đội hành động chỉ là một tên gọi khác của ban công tác thành. Chủ yếu là hoạt động võ trang, vừa lấy tin tức, vừa nghiên cứu địch tình, vừa làm nhiệm vụ trừ gian, diệt ác.

Đặng Thái Nguyên thứ ba trong gia đình, vui tính, nhiệt tình, lại là dân Châu Đốc nên hai anh em rất thân nhau.

Nhận thấy sự nguy hiểm của đồn Ba Chúc, Hai Tỷ bàn với Ba Nguyên:

- Mình cho trung đội hành động diệt cái đồn Ba Chúc này để anh em ra vào cứ dễ dàng một chút.

- Diệt bằng cách nào? Đồn này nằm án ngữ giữa đường, xung quanh không có cây lớn hay mô đất gì để ẩn mình phục kích. Mình tiến gần chưa đến hai chục thước là bị nó bắn hạ rồi.

- Tôi có kế hoạch rồi, nhưng còn chờ một cậu cơ sở mình ở trong đồn ra... Trước mắt, buổi tối anh cho đào vài cái hầm trú ẩn. Sau đó bố trí anh em nào bắn giỏi, phục kích trong hầm trú ẩn bắn tỉa, không cho địch ra khỏi đồn, khiến cho chúng hoang mang mất tinh thần, sau này sẽ càng dễ đánh.

Anh Ba Nguyên nói:

- Chuyện phục kích bắn tỉa từ xa thì không khó, tôi sẽ bố trí. Lính của tôi có mấy tay bắn khá lắm.

Ngày hôm sau, một người lính từ trong đồn Ba Chúc đi ra. Theo ám hiệu từ trước, lính của anh Ba Nguyên không bắn người này.

Lúc đó Hai Tỷ cùng anh Ba Nguyên đang ngồi ở một nhà dân, cách đồn chưa đến năm trăm thước. Hai người đang theo dõi tình hình bắn tỉa và nghĩ cách đánh đồn. Anh lính kia bước vào nhà, chỉ mới kịp chào rồi chụp ngay gáo nước uống ừng ực. Dường như anh ta bị nhện khát triền miên. Hai Tỷ lấy làm lạ, hỏi:

- Ủa! từ đồn ra đây chưa đầy nửa cây số, sao anh khát nước dữ vậy?

- Cả đồn chỉ trông cậy vào cái giếng nước gần đó. Nước ăn uống, tắm rửa đều từ đó. Hai hôm nay các anh chặn đường ra lấy nước, không khát mới lạ.

Trong đầu Hai Tỷ chợt lóe lên một kế hoạch. Để kế hoạch hình thành cụ thể, anh hỏi dò:

- Trong đồn có mấy người theo ta?

- Tôi không rõ những người còn lại, nhưng chúng tôi có ba anh em đều có người thân đi theo Việt Minh, nên lúc nào cũng muốn đào ngũ để chạy về với mấy anh.

- Anh về nói với mấy anh em mình, khi ra khỏi đồn nhớ buộc một cái khăn ở tay, để khỏi bị bắn oan. Chúng tôi sẽ đánh đồn trong nay mai. Khi nào rút chạy, các anh cố ý làm xáo trộn đội hình, để chúng không thể tổ chức phòng thủ, vậy là công lớn lắm... Về đồn, nhớ dặn anh em ráng chịu cực khổ vì thiếu nước. Nếu các anh lợi dụng cơ hội này gây hoang mang cho lính trong đồn thì công lớn lắm. Đồn này mà bị diệt thì các anh có công đầu đó.

Nói chuyện thêm một lúc để nắm rõ tình hình trong đồn, Hai Tỷ bảo anh lính quay về đồn, kẻo bị nghi ngờ.

Khi chỉ còn lại hai người, Hai Tỷ nói:

- Tôi nghĩ ra cách đánh đồn rồi, đơn giản lắm. Anh cho người đi tìm một con chó hay con mèo gì đó cũng được, chỉ cần nó đã bị chết thúi, càng thúi càng tốt.

Ba Nguyên vốn thật thà, không hiểu ý định của Hai Tỷ.

- Chi vậy?

- Khi nào tìm được, tối đó, anh cho anh em mò đến giếng nước, thả xác chó, hay mèo đó vô trống. Phần còn lại là rình bắn tĩa và chờ đợi chúng rút chạy.

- Hay quá! tao hiểu cách đánh của mày rồi. Cái này gọi là “bất chiến tự nhiên thành”. Mấy thằng Tây và lính lê dương trong đồn làm sao chịu được cảnh thiếu nước.

Quả nhiên, chỉ một ngày sau khi bỏ con chó chết thúi xuống giếng, cả đồn nhốn nháo vì thiếu nước. Nhiều người lính trong đồn liều mạng ra giếng lấy nước thì hoặc bị bắn, hoặc kinh tởm vì mùi hôi. Đến ngày thứ hai thì viên quan ba, trưởng đồn người Pháp, quyết định bỏ đồn, rút chạy qua đường Vĩnh Thông, dọc kinh Vĩnh Tế. Ông ta tập trung quân lại, phân chia đội hình để vừa rút, vừa yểm trợ cho nhau. Khi cả đồn theo đội hình rút ra, quân Việt Minh bắn chặn, cốt làm cho lính địch sợ hãi.

Thực ra hỏa lực Việt Minh rất yếu, chỉ có vài cây súng trường và một khẩu tiểu liên thì không đủ cản trở cuộc rút lui. Nhưng Việt Minh cũng biết luôn cách nghi binh, khiến đối phương không thể biết hỏa lực của mình.

Hai Tỷ biết hỏa lực của mình yếu nên anh dặn mọi người bố trí các khẩu súng ở những vị trí cách nhau đủ xa, nhưng có thể dờn đổi chỗ để vừa hỗ trợ được cho nhau, vừa khiến cho địch không thể biết hỏa lực của ta.

Khi địch rút chạy, quân Việt Minh cứ theo kế hoạch bắn chặn. Khẩu súng này vừa bắn xong thì dờn ngay sang chỗ khác, dường như thay nhau bắn tĩa cầm chừng.

Quân địch không thể biết thực lực của bộ đội ta, và cũng không biết được vị trí của các tay súng. Cách này tuy rất nguy hiểm khi địch liều mạng chống cự, nhưng anh Hai Tỷ cũng rất tự tin mình tính đúng. Nghĩa là với cách thức của mình, quân địch chỉ có thể rút chạy, hoàn toàn mất khả năng chống cự.

Tuy vậy, anh Hai Tỷ vẫn dặn dò thêm đồng đội: “đừng bắn nồ quá, kéo chúng cùng đường, phản công lại thì mình không chống nổi đâu. Mình bị phân tán lực lượng mỏng quá”.

Lúc này chính là vai trò những anh lính phản chiến phát huy tác dụng. Các anh làm như vô cùng sợ hãi, vừa chạy rối lên, vừa la hét thất thanh: “Việt Minh tấn công!”, “Việt Minh phục kích!”... làm mất tinh thần cả những người lính còn lại.

Viên quan ba người Pháp không còn cách chi giữ vững đội hình. Hắn ta chỉ còn biết chen vào giữa những người lính Việt để dùng họ che chắn.

Quân Việt Minh chủ yếu là bắn để hù dọa, vì làm gì có đủ hỏa lực.

Kết thúc trận đánh, quân Việt Minh thắng lợi hoàn toàn, không hề có tổn thất, trừ chuyện hao tổn vài chục viên đạn. Bù lại, đội hành động của anh Ba Nguyên thu được nhiều súng trường, một tiểu liên. Đặc biệt có một cây súng trường tự động của Mỹ (Remington automatique).

Và quan trọng hơn là dân chúng đi lại sinh hoạt dễ dãi, nên càng tin tưởng vào bộ đội Việt Minh. Bộ đội cũng đóng quân yên ổn tại Ba Chúc mà không sợ bị Tây càn quét.

Ba người lính phản chiến, mang theo đầy đủ vũ khí, được anh Hai Tỷ thu nhận, cho nhập vào bộ đội của anh Ba Nguyên.

15.2

Mùa gặt lúa ở An Nông vừa xong, lúa đã đầy bồ, rơm rạ chất thành từng đống hay gom lại thành cây, để quanh nhà và cả dưới sàn.

An Nông thuộc vùng nước nôi, nên các nhà ở đây đều làm cao chân, giống như nhà sàn trên miền núi. Và cũng như nhà sàn trên miền núi, ở đây người ta nuôi trâu, bò, để rơm rạ, công cụ lao động và bao nhiêu thứ linh tinh khác ở dưới sàn nhà.

Quân Pháp bèn dự tính đem quân đến An Nông càn quét, làm một công đôi ba việc. Người Pháp muốn nhân cuộc hành quân này mà cướp lúa của dân, gây hoang mang, tạo sự bất ổn. Đồng thời người Pháp muốn ngăn chặn bộ đội Việt Minh đến huy động dân ủng hộ kháng chiến và còn mục đích khác là tách “cá ra khỏi nước”.

Hôm đó anh Hai Tỷ nhận được nguồn tin chính xác, do quân báo huyện Tịnh Biên cung cấp, rằng ngày mai, địch sẽ huy động một số đại đội lính commandos người Khmer đến An Nông cướp lúa. Đi theo bọn này còn có một lực lượng lưu manh, côn đồ hôi của.

Tại đây đang có một đại đội địa phương quân, do anh Trương Văn Không, tức Sáu Không, làm đại đội trưởng. Trên kia đã có nêu, Sáu Không và Hai Tỷ như người một nhà.

Anh Sáu Không là dân xóm hàng Xáo, ở Châu Đốc. Lúc nhỏ anh là đứa trẻ ngỗ ngược, hay đánh lộn và thường cầm đầu bọn trẻ xóm hàng Xáo. Bọn trẻ đặt bài hát “Le le bông bông, Sáu Không bắt được”, ý là khen anh rất nhanh nhẹn và giỏi giang. Sáu Không đọc truyện nhiều nên thích phong cách anh hùng hảo hán của đám cướp nghĩa khí Lương Sơn Bạc thời nhà Tống, hay anh hùng kết nghĩa Chiêu Anh quán thời đầu nhà Đường. Anh cũng rất hâm mộ ba anh em kết nghĩa Lưu, Quan, Trương cuối thời nhà Hán. Chính vì vậy mà anh sống rất hào hiệp, phóng khoáng, ngang tàng.

Sáu Không thực ra chẳng có quan hệ bà con họ hàng gì với Hai Tỷ, nhưng vì cùng là người cùng xóm, nên họ thân với nhau như anh em ruột thịt.

Sáu Không thì quý Hai Tỷ về tính thật thà, nhiệt tình với bạn, hiếu thảo và gan lì.

Đại đội phó địa phương quân là Hà Quang Chấn, vốn quê ở Huế. Anh thuộc chủ lực quân của Việt Minh, được bổ sung vào đại đội này.

Nghe tin quân báo, mấy anh em họp nhau chớp nhoáng. Có người đưa ra ý kiến là nên rút ngay về hậu cứ để bảo đảm an toàn.

Anh Hai Tỷ hỏi:

- Ý kiến anh Sáu thế nào?

- Mà không hỏi thì tao không nói, nhưng đã hỏi thì câu trả lời “đánh”. Mà biết tính tao rồi, làm lính mà chưa thấy giặc đã tính đường rút thì không có tao rồi.

Hai Tỷ quay qua hỏi Hà Quang Chấn:

- Ý cậu Chấn thế nào?

Chấn là dân Huế, được học cho đến lúc kháng chiến

bùng nổ. Anh có dáng người cao ráo, trắng trẻo, nhỏ tuổi hơn Hai Tỷ, giọng Huế đặc sệt. Tuy làm đến Đại đội phó, nhưng không mấy tin tưởng, nên anh trả lời kiểu nước đôi:

- Em mới về đây, không thạo địa hình, cũng như thực lực của ta nên không dám có ý kiến. Người xưa có câu biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng”. Nếu các anh tự tin có thể đánh được thì em xin tuân lệnh.

Hai Tỷ nghĩ, lúc này cần phải kiên quyết, nếu do dự thì tay Chấn này sẽ thiếu hăng hái. Trong trận đánh mà thiếu hăng hái thì rất dễ thất bại. Nghĩ vậy, anh cướp quyền chỉ huy, nói:

- Vậy thì, tôi quyết định đánh. Ta không làm liều, nhưng có nhiều yếu tố quyết thắng. Trước hết, ta biết địch, nhưng địch chưa biết ta. Kế đến, ta cần bảo vệ cho dân An Nông yên ổn, nhằm tạo thêm uy tín và lòng tin yêu đối với Việt Minh. Tôi cũng như anh Sáu, đã là bộ đội của dân thì phải giúp dân ổn định cuộc sống và làm cho giặc khiếp sợ, không dám hung hăng nữa. Ngoài ra, tôi hy vọng là sau trận đánh này sẽ thu được nhiều vũ khí của địch, trang bị thêm cho bộ đội.

Trên thực tế, về chức vụ, Hai Tỷ thua hai người này, nhưng vì anh phụ trách quân báo nên độc lập với họ, do đó cần phải cướp quyền chỉ huy để thống nhất ý kiến.

Thời đó, địa phương quân lúc gom lúc tách, lúc thì bị quân chính qui trưng dụng... cho nên biên chế không theo qui định nào cả. Một đại đội có thể ít hơn và cũng có thể nhiều hơn cấp đại đội của quân chính qui. Lúc này, đại đội của Sáu Không rất đông, hơn hai đại đội quân chính qui. Chính vì vậy mà nói chức Đại đội trưởng của Sáu Không và Đại đội phó Chấn có phần lớn hơn Hai Tỷ.

Hà Quang Chấn vẫn chưa ổn định tư tưởng, hỏi:

- Anh đã có kế hoạch chưa?

- Tôi chỉ mới hình thành trong đầu, chúng ta sẽ bàn thêm. Nhưng tôi nắm rất rõ địa hình ở An Nông nên ta có thể phục kích chặn càn.

Đại phó Chấn nghe nói vậy thì cảm thấy đã yên tâm, tự nhiên khí thế cũng nổi lên, bèn nói: “Em quyết tâm ủng hộ hai anh, chấp nhận vì nhân dân hy sinh”.

Thế là họ thống nhất ý kiến chống càn trên nguyên tắc đầu tiên. Tiếp đến là bàn nhau cách chặn đánh chặn một cách cụ thể, chi tiết. Sau khi bàn bạc xong kế hoạch hành quân tác chiến, mọi người trong ban chỉ huy đều nhất trí và phấn khởi.

Chiều hôm đó, mới 5 giờ, ban chỉ huy bắt buộc toàn thể anh em bộ đội phải ngủ sớm lấy sức, 9 giờ tối thức dậy ăn no để 10 giờ bắt đầu hành quân đêm.

Để giữ bí mật, bộ đội chỉ được biết là sẽ dậy sớm để hành quân. Địa điểm đến và mục đích không ai được biết, ngoài ban chỉ huy.

Đoàn quân âm thầm đi, băng qua núi Phú Cường. Tới địa điểm tập kết mới hơn ba giờ sáng. Ban chỉ huy lập tức quan sát địa hình rồi cho bộ đội bố trí phục kích.

Bộ đội Việt Minh chia làm hai cánh quân. Một cánh do Sáu Không và Hai Tỷ chỉ huy, chặn con đường để đánh vỡ mặt. Cánh còn lại, do Hà Quang Chấn chỉ huy, băng qua bờ kinh bên kia, phục kích sau mấy lùm cây và thân dừa, nhiệm vụ là bắn khóa đuôi, gây rối đội hình.

Hai Tỷ tế nhị, bố trí Hà Quang Chấn bên kia bờ kinh cho anh ta được an toàn, như vậy sẽ yên tâm mà thực hiện chiến thuật.

Vùng này, các con lộ đều do người ta móc đất đắp nên, vì vậy mà dọc theo con lộ bao giờ cũng có một con kinh. Hai bên bờ kênh người ta thường trồng dừa, vừa có huê lợi, vừa để giữ bờ.

Hai Tỷ căn cứ vào những kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được, dặn mọi người:

- Ta sẽ nổ súng bất ngờ làm cho địch rối loạn đội hình, nhưng đừng bắn gắt khiến chúng cùng đường sẽ liều mạng. Khi chúng mất tinh thần, thực sự bỏ chạy thì mới tung hết hỏa lực.

Bố trí xong, mọi người tranh thủ nghỉ ngơi, chờ địch lọt vào ổ phục kích.

Sáu Không là đại đội trưởng, nhưng anh nhường Hai Tỷ vinh dự phát lệnh mở màn trận đánh.

Kẻ phát lệnh phải thật đúng lúc, lệnh ra phải dứt khoát, mạnh mẽ.

Hai người đứng sau một cây rơm, nhìn ra hướng đường. Bên cạnh bố trí một cây FM Brem. Gần đó còn có hai tay súng tiểu liên.

Khi khẩu FM khai hỏa sẽ xem như là súng lệnh.

Hơn 5 giờ sáng mà chưa thấy tăm hơi gì của địch, Sáu Không sốt ruột hỏi:

- Liệu mình có phục kích ma không? Sao giờ này chưa thấy chúng đến?

- Anh yên tâm đi, quân báo ta lấy được nguồn tin đáng tin cậy lắm, không thể sai được.

15.3

Khoảng 6 giờ rưỡi, từ xa đã nghe tiếng súng bắn dò đường của toán quân đi càn. Chỉ một lúc sau mọi người đã thấy địch xuất hiện, khiến ai cũng nôn nao, vừa vui mừng, vừa hồi hộp lo âu.

Viên quan ba người Pháp, theo tin quân báo, y có tên là Troussard, chỉ huy cánh quân đi càn này. Y ta đội nón kepi bằng nhung đỏ, trên vai còn mang dây fourrageres đỏ thể hiện người có nhiều quân công và lon quan ba vàng chói. Đi kèm y còn một số lính lê dương người Phi, theo sau là một đại đội lính commandos Khmer. Theo lệnh viên quan ba, toán lính đi hàng một, dọc theo con lộ.

Với địa hình hiện tại, quân địch chỉ có thể hành quân theo hàng dọc. Cách hành quân này có yếu điểm là dàn mỏng lực lượng, khó cả công lẫn thủ, nhưng rút chạy thì nhanh. Viên quan ba rất tin vào nguồn tin báo, rằng Việt Minh không hề có mặt ở địa phương này, nên không phải lo chuyện đối phó. Vì vậy mà y bố trí đội hình hàng dọc, hùng hổ tiến vào.

Toán quân địch đã đi qua chỗ phục kích của hai trung đội bộ đội, nhưng còn cách cây rơm mà Sáu Không và Hai Tỷ đứng hơn mười lăm thước.

Sáu Không và Hai Tỷ biết, nếu nổ súng sớm quá, địch sẽ có thời cơ tổ chức chống cự. Và nếu chúng sợ hãi mà bỏ chạy, thì quân ta cũng không có cách chi chặn hậu để

tiêu diệt, bởi cái đuôi còn quá dài ở tận đằng xa. Cho nên cách tốt nhất là chờ chúng đến thật gần.

Muốn thắng lợi lớn thì phải liều thôi.

Khẩu đội trưởng FM nóng ruột hỏi:

- Bắn được chưa, anh Hai?

Hai Tỷ nhẹ giọng đáp:

- Chưa! chờ chúng tiến gần thêm nữa, cái đuôi còn xa quá. Bây giờ mà bắn thì bọn ở đuôi chạy hết.

Vừa nói xong thì những tên địch đi đầu đã tiến gần chỗ họ đứng, khoảng cách chỉ còn chừng năm mét, Hai Tỷ bật dậy hô lớn:

- Bắn!

Cùng với tiếng hô, khẩu FM Brem khạc lửa. Tiếng nổ giòn giã làm hiệu lệnh cho các khẩu súng khác.

Bộ đội đồng loạt hô “xung phong!”. Tiếng hô vang dội cướp luôn tinh thần của những tên lính còn ngoan cố muốn phản kháng.

Dân chúng lúc đó cũng chứng kiến trận đánh, họ hăng hái tham gia gõ xoong nồi, chiêng trống ầm ĩ, tạo thêm áp lực.

Cây súng FM của cánh quân Hà Quang Chấn bên kia bờ kinh bắn khóa đuôi.

Địch chết như rạ vì không thể nào chạy kịp và cũng không có mô đất nào dùng để che chắn. Chúng lại hoàn toàn chủ quan vì nhận được tin báo, ở An Nông không hề có bộ đội Việt Minh. Tin tức này là chính xác hoàn toàn, vì nơi đây không thể có chỗ đóng quân.

Mặt khác, đám du côn, du đảng đi theo hô của lại hoàn toàn không biết gì về chiến trận. Chúng tuy có trang bị vũ khí, nhưng khi nghe tiếng súng thì hoảng hồn, bỏ chạy tán loạn, càng làm cho đội hình địch thêm rối loạn và triệt tiêu hoàn toàn tinh thần chiến đấu của nội bộ chúng.

Lúc đó, xung quanh địa hình trống trải, không có chỗ nấp để tránh đạn hay kháng cự, nên đội quân đi càn này chỉ lo tháo chạy cho nhanh. Chúng thậm chí còn vứt bỏ hết súng đạn cho nhẹ.

Trận đánh thắng lợi, bộ đội Việt Minh không hề tổn thất, mà lại thu được gần như toàn bộ súng ống, đạn dược, quân trang của một đại đội.

Theo kinh nghiệm chiến đấu, Sáu Không ra lệnh cho anh em rút nhanh, băng ngang núi Phú Cường, về núi Tượng, xã Ba Chúc, né tránh máy bay địch thả bom và bắn chặn đường rút.

Quả như dự tính, chỉ vài giờ sau, quân Pháp từ Châu Đốc huy động lực lượng, dùng cả pháo và máy bay đến bắn phá, để dọn đường. Sau đó chúng mới dám đến thu dọn xác chết.

Trong trận pháo kích và thả bom này, nhà dân bị cháy cũng nhiều, khiến anh Hai Tỷ áy náy mãi đến tận những năm sau này. Khi đó anh và đồng đội chỉ đành tặc lưỡi: “tổn thất do chiến tranh mà!”.

Khi ấy đã có phổ biến bài hát “Nhà má Hai”, nội dung như sau:

“ Nhà má Hai tôi bên bờ dòng kênh xanh biếc

Xưa kia má rất nghèo, ngày tháng làm mướn làm thuê

Khi quân ta kéo về, bà khuyên người con ra

“ Tao ráng nuôi thân già, mày ráng giết giặc lập công”.

Khi người con trai má sắp đi

Anh chặt lá lợp mái nhà này

Ngày qua ngày chiều mưa sớm nắng

Má yên lòng chờ con nơi chốn này.

Rồi máy bay kia, đem dầu đây đốt phá

Ôi tan nát xóm làng, nhà má giặc đốt còn đâu

Bao công lao hết rồi, còn tro nền tro than xám

Quân Pháp kia tham tàn, thù Pháp chẳng đội trời chung.

Khi người con trai má biết tin

Thương mẹ yếu và nhớ đến dân làng Lòng căm thù trào dâng trong máu

Giết quân thù lừng danh con má Hai.”

Nhiều trận đánh của Việt Minh, khiến kẻ thù trút giận vào dân chúng. Bài hát này có lẽ với mục đích hướng lòng căm thù vào quân Pháp xâm lược. Mà thực vậy, hành động bắn pháo, dội bom vào nhà dân theo cái kiểu giận cá chém thớt, rất không xứng đáng là việc làm của đội quân hùng mạnh hàng đầu thế giới. Tệ hơn nữa, đội quân này mang danh nghĩa đi khai phá văn minh cho nước nhược tiểu.

Dù sao, sau trận chống càn ở An Nông thắng lợi rực rỡ, nhân dân càng tin tưởng vào sức mạnh của Việt Minh. Nên tuy có tổn thất, người dân vẫn hăng hái ủng

hộ lương thực cho bộ đội cách mạng. Người dân vẫn hiểu, tuy một số nhà cửa bị cháy, nhưng vẫn giữ được lúa gạo, tài sản. Nếu không có bộ đội, thì tài sản sẽ mất hết, mà nhà cửa cũng chưa chắc còn được nguyên vẹn, thậm chí con người cũng có thể bị giết chóc, đánh đập, bắt bớ và phụ nữ sẽ bị hãm hiếp.

Biệt động Cần Thơ là một đơn vị chiến đấu rất nổi liếng, do anh Việt Dũng chỉ huy. Đội biệt động này ban đầu thuộc hệ thống quần báo. Về sau, do nhu cầu chiến trường, đội biệt động này tách ra và biên chế thành đơn vị chính quy. Tuy nhiên quần báo Cần Thơ giữ lại vài tiểu đội chuyên sử dụng súng ngắn làm nhiệm vụ hoạt động thành, lấy tên là ban hành động. Anh Nguyễn Đồng Đăng trực tiếp chỉ huy, anh Tư Cơ làm bí thư, chỉ đạo chuyên sâu, đồng thời phối hợp, hỗ trợ cho quần báo thành.

Cần Thơ thời đó được xem như thủ đô của miền Tây, nên còn gọi là Tây Đô. Bộ chỉ huy quân sự miền Tây của Pháp (P.c. Zone Ouest) đặt trụ sở tại đây. Tại đây quân Pháp xuất phát mọi âm mưu đánh phá cách mạng, đồng thời chỉ đạo cho các tỉnh khác.

Chính vì vậy mà trách nhiệm của quân báo Cần Thơ rất nặng nề, vì phải nắm sát tình hình hoạt động của quân Pháp để kịp báo cáo cho bộ tư lệnh khu chín.

Thời này, anh Bửu Vinh làm tỉnh đội trưởng, anh Hoàng Mai Thới làm tỉnh đội phó, anh Đào Công Tâm là chính trị viên.

Những người này đều từng là đồng đội với anh Hai Tỷ khi còn ở Long Châu Tiền nên mọi người hiểu nhau, hợp tác rất ăn ý.

Đội hành động thuộc tiểu ban quân báo Cần Thơ được sự hỗ trợ của tỉnh đội, lập nhiều chiến công vang dội. Ai cũng hăng say lập công. Các công tác trừ gian diệt ác rộ lên rất sôi nổi, khiến kẻ địch sợ run.

Đồng thời, đội hành động tổ chức đốt nhà in An Hà, nơi in ra các tài liệu và truyền đơn chống phá cách mạng. Đồng thời, nhà in này phục vụ xuất bản cho tờ báo “Les fourragères rouges” của Deuxieme bureau.

Deuxieme bureau là cơ quan mật thám Pháp, còn gọi là phòng nhì, một cơ quan gây ra bao nhiêu tội ác đối với nhân dân và các chiến sĩ bộ đội Việt Nam.

Được đà, đội hành động cử anh Tư Đen, phụ trách một nhóm đột nhập vào tận căn cứ địch, đốt cháy kho chứa dụng cụ các loại, địch dùng để phục vụ cho đơn vị chiến xa. Nhiệm vụ hoàn thành, khiến cho đơn vị chiến xa này không thể phát huy được thế mạnh.

15.4

Cũng trong thời gian này, quân đội viễn chinh Pháp quyết giành lại địa bàn. Chúng cho làm đường giao thông để thuận tiện đi lại, xây dựng hệ thống đồn bót để bảo vệ vùng đất chiếm đóng.

Sở công lộ - công chánh Cần Thơ có nhiệm vụ xây dựng những cơ sở này theo sự điều động của bộ tư lệnh quân Pháp tại Tây Đô. Hãng Mezin được nhận thầu vận chuyển vật liệu xây dựng và trang thiết bị. Vì đường sá chưa có, nên hãng này phải dùng tàu để vận chuyển trên kinh rạch, sông nước.

Đội hành động quyết phá hoại âm mưu này của người Pháp. Cách thức dễ nhất là đốt, phá các tàu chuyên chở vật liệu xây dựng và dụng cụ làm đường.

Quả nhiên, khi các tàu này bị đốt phá, việc mở đường và xây dựng đồn trại trở nên bế tắc. Quân đội viễn chinh Pháp phải huy động một lực lượng lớn để bảo vệ các chuyến tàu vận chuyển.

Người xưa nói “Minh thương dễ tránh, ám tiễn khó lường”, mọi cố gắng của quân đội viễn chinh Pháp bị Việt Minh dùng trăm phương nghìn kế ngăn chặn, phá hoại, nên kế hoạch của chúng tiến hành rất chậm và tốn kém.

Song song với việc đốt phá tàu vận chuyển, đốt cơ sở in ấn, phá nhà đèn Cần Thơ, đội hành động hướng vào việc trừ khử những tên mật thám ác ôn, nguy hiểm, gây nhiều nợ máu. Trong một thời gian ngắn, đội hành động đã bắn hạ ba tên mật thám khét tiếng ác ôn là Tài, Nhạn và Én, làm rúng động cả sở mật thám Cần Thơ.

Chánh mật thám Cần Thơ, Gautheret vì quá sợ hãi đã bỏ nhiệm sở, cáo bệnh chạy về Sài Gòn lánh nạn.

Vào những năm 50-51 toàn Nam bộ phát động chiến dịch Lê Hồng Phong. Chiến dịch này là tên chung của các chiến dịch Long Châu Hà (một và hai), chiến dịch Sóc Trăng (Xẻo Me và Tân Hùng).

Trước khi chiến dịch mở màn, trung ương cục miền Nam, bộ tư lệnh Nam bộ triệu tập một cuộc hội nghị quân sự, họp bàn kế hoạch. Thành phần tham dự hội nghị gồm ban chỉ huy các tỉnh đội, chỉ huy các đơn vị chủ lực, các binh chủng, các ban tham mưu tác chiến. Chủ trì là các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Dương Quốc Chính, Nguyễn Bình, Nguyễn Chánh, Hoàng Thế Thiện và ông Hoàng Minh Đạo chỉ huy tình báo.

Trong cuộc hội nghị này, anh Hai Tỹ với tư cách trưởng ban quân báo chiến dịch tỉnh Cần Thơ, được cử ra báo cáo toàn bộ tình hình địch, gồm số lượng các binh chủng, lực lượng ứng chiến của chúng, cách bố trí lực lượng quân Pháp, các loại vũ khí mà chúng đưa vào chiến trường... Anh báo cáo rõ ràng tỉ mỉ, chi tiết trước một tấm bản đồ quân sự rất lớn treo trên tường, khiến các vị chủ trì đều hài lòng, không ai chất vấn gì thêm.

Khi chiến dịch mở màn, Hai Tỷ và bộ phận nghiên cứu địch tình theo sát mặt trận, liên lạc thường xuyên với quân báo các nơi. Anh đưa ra chiến thuật nghi binh. Đêm đêm cho địa phương quân kéo xuồng qua lại ngã rạch Vông. Ngày thì làm nhiều bếp, khói tỏa lên miệt Châu Thành (Phú Hữu, Đông Thành...) như có nhiều bộ đội đang nấu ăn, khiến cho quân Pháp tưởng là Việt Minh chuẩn bị tấn công Cần Thơ. Quân Pháp bèn cho máy bay do thám, máy bay bắn phá, thả bom dữ dội. Trong trận thả bom bắn phá này, có một chiếc máy bay cắm đầu xuống bắn, nhưng vì xuống quá thấp, khi cất lên không kịp nên đâm luôn xuống đất nổ tung, phi công thiệt mạng. Bộ đội Việt Minh gỡ lấy được toàn bộ súng, bộ đàm trên máy bay.

Chương XVI

NGƯỜI ANH HÙNG

16.1

Chánh mật thám Cần Thơ là Gautheret, quá hoảng sợ vì thấy lực lượng Việt Minh phát triển mạnh, mà không cách chi ngăn chặn. Y cảm thấy không thể đảm đương nổi nhiệm vụ, cảm chắc bị khiển trách, cách chức. Và điều lo ngại lớn hơn, đó là sinh mạng của y ở đây quá mong manh, Việt Minh có thể lấy đi bất cứ lúc nào.

Gautheret ở Việt Nam đủ lâu để biết cái câu “Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách”, nên y cáo bệnh, bỏ nhiệm sở về Sài Gòn điều trị. Như vậy, y chỉ có thể bị chê sau lưng, chứ cấp trên không có lý do khiển trách. Tòa án binh cũng không có lý do để đưa y ra vành móng ngựa.

Chính quyền thực dân Pháp bó tay trước hành động bỏ nhiệm sở của Gautheret, bèn điều Henri Ribes đang là chánh sở mật thám Châu Đốc về Cần Thơ làm chánh sở ở đây, thay cho kẻ đào nhiệm.

Henri Ribes vốn xuất thân dưới đáy xã hội. Gã lúc nhỏ sống vất vờ trong đám bụi đời, lưu manh, trộm cắp.

Ngành cảnh sát, mật thám thường không quan tâm đến thành phần xuất thân. Ngoài những con em trong ngành, người ta để ý tìm trong đám bất hảo những kẻ có năng lực, khôn ngoan, nhanh nhẹn. Chính những kẻ này rất dễ đào tạo thành những cảnh sát, mật thám giỏi. Những kẻ này còn có một ưu điểm khác, đó là ý thức vươn lên để thoát khỏi nguồn gốc xuất thân nghèo hèn, bất hảo, nên bọn họ thường rất năng nổ. Ngành cảnh sát liền để ý đến Ribes, thấy gã tinh ranh, lanh lợi, lại khỏe mạnh nên chiêu mộ, đào tạo thành mật thám rồi đưa vào Việt Nam.

Ribes thuộc loại người đầy tham vọng, gã biết thân phận mình, nên cố phấn đấu để vươn lên tầng lớp thượng lưu, thoát khỏi thân phận hèn hạ, lý lịch bất hảo.

Dân Việt Nam vốn không cùng dòng giống nên gã tha hồ buông lung thú tính hung hãn và man rợ.

Những năm 40, Henri Ribes làm chánh sở mật thám ở Bạc Liêu, đã gây rất nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam trong những cuộc đàn áp các phong trào nổi dậy của nông dân. Gã có nhiều thủ đoạn tàn ác, bất cận nhân tình, mà đòn tra tấn cũng rất có hạng. Xứ Bạc Liêu có nhiều địa chủ giàu có, gã muốn cướp đất của ai thì vu cho chủ đất là thân cộng sản, rồi bắt giam mà cướp đất, nhờ thế mà giàu lên rất mau.

Sau năm 1945, Henri Ribes được điều về làm chánh mật thám Châu Đốc. Tại đây, gã đã gây nợ máu với nhiều người, trong đó có Hai Tỷ.

Ribes cao lớn, mũi khoằm, cằm nhọn, râu và lông ngực tua tủa như hung thần. Ai yếu bóng vía, mới gặp gã đã phát run. Gã hình như biết lợi thế này, nên mặc áo thường phanh ngực, với lý do trời nóng nực.

Những năm năm mươi, Ribes đã đứng tuổi, thân hình tuy vẫn vạm vỡ, nhưng đã bắt đầu phát tướng, bụng phệ ra. Tuy vậy, gã vẫn thường xuyên rèn luyện thể thao, tập quyền Anh và võ thuật để giữ cho cơ thể khỏe mạnh và nhanh nhẹn.

Hai Tỷ nhận được tin Ribes về thay Gautheret, làm chánh mật thám Cần Thơ, anh bèn chủ động chỉ thị cho đội hành động theo dõi sát mọi qui luật hoạt động hằng ngày của gã này. Một mặt, Hai Tỷ báo cáo lên tỉnh ủy và tỉnh đội xin chỉ đạo về việc tiêu diệt tên ác ôn này. Lãnh đạo sau khi nghe Hai Tỷ báo cáo, lại cẩn thận cho người đi kiểm tra hành tích của Ribes. Sau khi biết những điều Hai Tỷ báo cáo là đúng sự thật, thậm chí nhiều tội ác của tên này mà trong bản báo còn thiếu. Tỉnh ủy và tỉnh đội quyết định trừ khử cho bằng được tên ác ôn người Pháp này. Đồng thời chỉ đạo cho Hai Tỷ và đội hành động thực hiện chiến dịch.

Ông Nguyễn Hoài Pho, lúc đó là tỉnh đội trưởng, chỉ đạo: “Các đồng chí cần phương tiện gì, cứ để đạt, tỉnh đội sẽ ủng hộ hết mình”.

Hình như định mệnh đã đưa đẩy, khiến cho mảnh đất Tây Đô này chứng kiến một cuộc tử đối đầu mang tính lịch sử. Người ra đi vĩnh viễn lại từng là kẻ mạnh, đầy uy quyền, gây nỗi kinh hoàng sợ hãi cho bao nhiêu người dân lương thiện ở miền Tây

Nam bộ. Và sự ra đi của kẻ này đem đến nỗi sợ hãi cho bao kẻ khác trong đội quân xâm lược, đồng thời đem đến sự vui mừng, phấn khởi của bao người dân bản xứ. Nó đánh dấu sự vững mạnh của bộ đội Việt Minh.

Anh Hai Tỷ bàn với anh Tư Cơ, anh Đồng Đăng cho một tổ chuyên trách theo sát Henri Ribes để nắm rõ qui luật di chuyển, sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày của gã.

Tổ này do anh Huỳnh Văn Ngọc phụ trách.

Anh Ngọc là con thứ hai trong gia đình. Anh vốn là dân anh chị đi theo cách mạng. Từ lúc trẻ anh đã rèn luyện được bản lĩnh võ nghệ cao cường. Thời còn là anh chị, anh từng nhiều lần lên võ đài, nên rất dạn dày kinh nghiệm, bình tĩnh và dũng cảm và quyết đoán khi lâm trận. Cuộc đời thượng đài của anh chưa một lần thua, nên bạn bè kính trọng mà đặt danh hiệu là Ngọc Lớn. Anh họ Huỳnh, đồng nghĩa với họ Hoàng, nên nhiều người còn gọi anh là Hoàng Ngọc.

Thời trẻ, ngoài việc tập luyện võ nghệ, anh còn tập bắn súng bằng cả hai tay, đạt độ chính xác cao như trong các phim cao bồi Mỹ.

Sau hai tháng, tổ của anh Ngọc Lớn đã nắm chắc qui luật hoạt động của Henri Ribes. Điểm yếu có thể tấn công được, chính là thời điểm gã đi lễ nhà thờ vào ngày chủ nhật hàng tuần.

Ribes tuy là một tên ác ôn, nhưng lại rất mộ đạo. Chắc gã nghĩ, cứ đi nhà thờ, xưng tội là xóa được hết mọi lỗi lầm. Chính vì vậy mà gã rất siêng năng đi lễ nhà thờ, bất kể điều kiện thời tiết.

Sai lầm lớn của nhiều người, dù có học vấn, là cứ tưởng những việc sai trái mà mình gây ra có thể chuộc được, bằng cách đi nhà thờ xưng tội, hay bằng cách ăn chay, tụng kinh niệm phật...

Gã Ribes này còn có thêm một nhược điểm là ít chịu tin ai, nên thường tự lái xe. Đúng là kẻ gian hùng thì thường chẳng tin ai.

Đội hành động xác định qui luật là, sáng chủ nhật, từ 7 giờ 30 đến 8 giờ thì Ribes tự lái chiếc xe jeep đi dự lễ ở nhà thờ lớn Cầu Xéo, rồi trở về sở mật thám theo đường Boulevard De la Noue (nay là đường Phan Đình Phùng, Cần Thơ).

Anh Hai Ngọc là dân võ sĩ, từng nhiều lần thượng đài nên rất tinh tường trong việc tìm hiểu điểm yếu của đối phương. Anh biết, kẻ ngồi sau tay lái, dù nhanh nhạy và giỏi võ, thì bất kỳ ai cũng bị nhốt cứng một chỗ, khó bề xoay trở tránh né hay phản ứng.

Đó cũng chính là một điểm yếu của Ribes để đội hành động có thể khai thác.

Khi đã nắm được qui luật và những điểm yếu của Ribes, mọi người bàn cụ thể phương án hành động. Tất nhiên là anh Hai Ngọc giành vị trí chủ công, trực tiếp nhắm đạn. Mọi người đành phải chấp thuận trước lý lẽ của người chỉ huy tổ hành động này.

Anh Hai Tỷ là lãnh đạo chính của chiến dịch. Anh yêu cầu tỉnh đội cung cấp cho anh Hai Ngọc một khẩu Colt 12 với cơ số đạn mới tinh. Súng và đạn đều được công binh xưởng kiểm tra kỹ.

Để giữ bí mật của chiến dịch, anh Hai Tỷ yêu cầu tỉnh đội giao một số súng cho công binh xưởng kiểm tra. Sau đó anh cầm giấy giới thiệu của tỉnh đội, trực tiếp đến nhận một khẩu, không nói là để làm gì, giao cho ai. Để chắc chắn, anh bảo người của công binh xưởng thử súng ngay trước mặt, kiểm tra độ chính xác.

Ngoài tổ hành động của anh Hai Ngọc, anh Hai Tỷ và anh Đồng Đăng bố trí thêm hai tổ hỗ trợ dọc tuyến đường Boulevard De la Noue (nay là đường Phan Đình

Phùng, Cần Thơ). Những người này hoàn toàn không được biết kế hoạch hành động của anh Hai Ngọc. Họ chỉ được biết, có thể quân ta sẽ thực hiện vài hành động trừ gian diệt ác, nên khi có sự cố thì tìm cách gây rối để hỗ trợ cho đồng đội tẩu thoát.

Tổ của anh Hai Ngọc đem theo vũ khí gọn nhẹ, bố trí độc lập, để sẵn sàng tiếp trợ. Nếu cần thì tham gia chiến đấu.

Tất cả đã lên kế hoạch từng chi tiết...

Sáng chủ nhật, đầu năm 1950, một ngày định mệnh của Henri Ribes.

Đó là ngày trời trong ít mây, nắng đẹp. Một ngày quá đẹp, dù đang là mùa mưa. Rõ ràng ngày này không phải để chết, vì Diêm vương cũng phải tận dụng thời tiết đẹp trời mà đi chơi. Nhưng, âm ty có thập điện Diêm vương, ắt cũng phải có người mẫn cán.

Thường thì, diêm phúc đối người này thì lại là họa đối với người khác. Chẳng biết, đối với gã chánh mật thám người Pháp có tên Henri Ribes thì ngày hôm nay là họa hay phúc.

Từ nhà thờ trở về, Henri Ribes miệng ư ử một bài hát trữ tình nhạc Pháp, bên cạnh tay lái là cậu con trai sáu tuổi. Gã vừa lái xe, vừa nhip chân theo nhạc, cảm thấy cuộc đời vô cùng đẹp, đầy may mắn. Cho đến nay, gã chỉ thấy toàn thuận lợi, địa vị cao, uy quyền lớn. Gã luôn được lên chức và chưa một lần bị khiển trách. Những năm gần đây, gã luôn là một chánh mật thám sáng giá đối với chính quyền thực dân. Hôm nay gã hoàn toàn không hề có cảm giác nguy hiểm. Dọc theo tuyến đường đi, mật thám chìm rải khắp nơi, vừa để bảo vệ, vừa theo dõi những hành vi của dân chúng đối với gã. Gã muốn âm thầm dò la thái độ của dân chúng đối với gã, đối với chính quyền của gã để có biện pháp đối phó hữu hiệu.

Ribes nhìn quanh, kín đáo quan sát. Đường phố bình yên như mọi ngày, khiến gã hoàn toàn yên tâm. Gã chắc cũng có để ý thấy một người đàn ông khá cao lớn, so với vóc dáng của người Việt bình thường. Người ấy đang đạp xe lững thững trên đường phố, ngược chiều với chiếc xe jeep của Ribes. Ông ta đội mũ kepi, để râu, đeo kính mát, miệng huýt sáo một bản nhạc vui. Chiếc áo sơ mi khá rộng bỏ ngoài quần nên có khả năng che giấu những gì giắt ở trong lưng. Nhìn bộ râu, ai cũng có nhận xét rằng người này khoảng trên bốn mươi tuổi. Ribes cảm thấy đây là một con người vô hại, mặt mày hiền lành, vui vẻ, tay không vũ khí. Một người ngồi trên chiếc xe đạp thì muốn hành động gì cũng khó linh hoạt được. Vả lại người này chạy ngược chiều với xe của gã, nên chắc chỉ là vô tình mà nhìn thấy.

Nhưng Ribes là một mật thám lâu năm, giàu kinh nghiệm, thế nào mà chẳng quan sát kỹ người này ngay từ xa. Cân nhắc kỹ mọi khả năng, gã yên tâm nghĩ rằng kẻ này không thể gây hại cho bất kỳ ai khác được.

Ribes chợt để ý, thấy ông đốc công Giám đang đi bộ cùng cô con gái gần tiệm thuốc tây “Bùi Văn Sách”. Con gái ông đốc công Giám có tên Tây là Paulette. Cô được giới trẻ đánh giá là hoa hậu Tây Đô vào thời bấy giờ. Bao nhiêu chàng trai danh giá dạm ngõ, nhưng cô vẫn làm cao, chẳng ưng ai. Cô là dân Tây, con nhà giàu, có học và nhất là nhan sắc mặn mòi, vậy thì đâu có dễ gì mà trao thân gửi phận cho một kẻ tầm thường.

Ribes vốn là một gã đàn ông háo sắc. Gã tuy sợ vợ nhưng mỗi khi đi một mình thì chẳng bỏ qua cơ hội tán gái. Cô Bê, vợ gã biết vậy, nên hay cho thằng con trai đi theo để nhắc nhở gã đừng có mà mơ tưởng, đèo bông, làm chuyện quá phận. Gã cũng biết là mình chẳng làm gì khác được, dù có đầy uy quyền. Kẻ hung hãn lại thường sợ vợ, dù đó chẳng phải là qui luật.

Tuy nhiên tán tỉnh một chút thì vô hại mà, vậy là gã Ribes tấp xe vào lề, dừng lại để tán người đẹp. Máy chiếc xe Jeep vẫn nổ đều đặn, gã vẫn ngồi sau tay lái, bên hông luôn kè kè một khẩu rulo, giống cowboy Mỹ. Loại súng này thao tác nhanh, bắn chính xác. Gã thường xuyên tập với khẩu súng này, nên rất thành thạo.

Một tay chánh mật thám thì không thể lơ là cảnh giác được.

Một chánh mật thám như Ribes, được rèn luyện từ rất sớm để trở thành cảnh sát, lại có quá khứ lưu manh còn đồ từ nhỏ, nên bản lĩnh phải cao siêu.

Người đàn ông đi xe đạp đã nhìn thấy một cơ hội bằng vàng, nhất là Ribes lại gần như không còn chú ý đến xung quanh. Ông làm như vô tình quành xe lại, hướng đến chiếc xe jeep. Bất chợt, người đàn ông nhìn thấy thằng nhỏ đang ngồi bên cạnh cha nó. Ông thoáng chút bối rối, nhưng kịp chọn nhanh phương án. Ông ta len xe đạp vào giữa chiếc xe jeep và lề đường.

Ribes lúc này như con mồi đã ra khỏi nơi ẩn trốn, gã bị bó cứng trong chiếc xe, như một cái hộp, lại bị vướng bởi vô lăng. Gã lại hoàn toàn không ngờ là có người thợ săn đang rình sẵn.

Chiếc xe đạp vừa trờ đến đúng ngay sau tay lái của Ribes, người đàn ông nhanh như chớp rút khẩu súng đã lên đạn sẵn từ thắt lưng ra. Nòng súng nhắm ngay lưng gã ác ôn, đúng vùng tim. Ba tiếng nổ đanh gọn, ba tia lửa khạc ra từ nòng khẩu Colt 12. Loại súng ngắn này cỡ đạn lớn, sức công phá mạnh, bắn ít giật.

Người bắn là một thiện xạ, với cánh tay cứng rắn như thép thì nòng súng dù có giật, cũng không thể làm lệch hướng đến của ba viên đạn.

Cả ba phát trúng ngay vùng tim, phía sau lưng. Ribes gục ngay sau tay lái, không kịp kêu một tiếng.

Thằng con trai của Ribes ngơ ngác không hiểu chuyện gì.

Hai cha con ông đốc công Giám thì điếng người, vừa ngạc nhiên, vừa sợ.

Hai Ngọc, chính là người đàn ông vừa nổ súng, kịp nhét khẩu súng vào lưng quần, chân trái chống lên vỉa hè, lấy thế quay đầu xe đạp rồi từ từ tháo chạy.

Anh đạp đủ nhanh nhưng không vội vã, vẫn nhàn tản như người vô sự. Bởi lúc này mà anh đạp vội như trốn chạy sẽ lập tức gây sự chú ý cho đám mật thám chìm đang rải dọc đường.

Đường phố ngày chủ nhật vốn ồn ào, tiếng súng ngay tức khắc không đủ gây sự chú ý của người dân, lẫn mật thám chìm.

Khi Hai Ngọc chạy đủ xa thì người ta mới để ý đến sự kiện khủng khiếp vừa rồi. Đó là vì tiếng khóc thảm thiết của thằng bé, đồng thời là vì tiếng la kêu cứu của cha con ông Giám. Mật thám chìm và nổi lập tức đổ xô đến, và nhanh chóng tóa ra truy tìm kẻ gây án.

Chúng rất có phương pháp của những tay thợ săn.

Nhưng anh Hai Ngọc lại chẳng phải là con mồi sẵn tầm thường.

Ra khỏi vùng nguy hiểm, anh Hai Ngọc vừa đạp xe chạy về hướng đồng đội bố trí cản đường bọn truy đuổi, vừa tháo bỏ dần ngụy trang, bỏ râu giả, thay nón. Đến nhà cơ sở, anh cất giấu súng, thay áo, tắm rửa rồi ăn trưa, ngủ một giấc sáng khoái.

Cả thời gian còn lại, quân địch tung gần như toàn bộ lực lượng ra truy lùng kẻ dám vuốt râu hùm.

Nhưng tất cả mọi sự cố gắng của mật thám đều vô vọng.

Tối đến, khi cuộc bố ráp đã bớt căng thẳng, màn đêm cũng che chở cho người anh hùng, Hai Ngọc bình thản về tới khu an toàn, tại Miếu Ông. Vừa vào đến nhà, Hai Ngọc nửa đùa, nửa nghiêm chỉnh, nói mà như òa ra vì vui mừng:

- Nhiệm vụ đã hoàn thành.

Nói được mấy câu, anh như nghẹn lời.

Mọi người đều còn ngồi đầy đủ tại ban chỉ huy, chờ tin. Mọi người đã nhận được tin Henri Ribes tử nạn do bị ám sát, nhưng lại chưa biết số phận của anh Hai Ngọc như thế nào.

Lúc này, khi thấy Hai Ngọc xuất hiện, mọi người mừng rỡ, cùng bước đến, ôm chầm lấy anh mà biểu lộ sự vui mừng.

Anh Hai Ngọc phải thuật lại toàn bộ chiến công đến mấy lần, mà anh em vẫn chưa thỏa mãn.

Chiến công này không thể như những chiến công khác, bởi nó quá khó thực hiện, quá nguy hiểm, mà hiệu quả cũng quá lớn.

Việc ám sát chánh mật thám Tây, Henri Ribes, đã gây kinh hoàng cho tất cả những tên thực dân và tay sai khác. Kể từ đây, trong tư tưởng của quân địch đều có một ý nghĩ, việc dù khó đến mấy, Việt Minh cũng thực hiện được.

Sau đó mấy ngày, cơ sở bí mật trong thành Cần Thơ gửi ra khu tắm hình chụp cảnh khâm liệm Ribes tại nhà thương Cần Thơ, bên cạnh còn có vợ và con trai gã.

Sau chiến công này, anh Hai Ngọc được tỉnh ủy, tỉnh đội, trung đoàn 124 và bộ tư lệnh Việt Minh ở Nam bộ tuyên dương công trạng, thưởng huân chương chiến công hạng ba.

16.3

Quân Pháp không cam tâm chịu thất bại, chúng quyết tìm cho ra kẻ thù nguy hiểm, ẩn hiện như bóng ma này. Bởi vì, nếu kẻ này còn trong bóng tối thì chúng sẽ chẳng bao giờ được án ngon, ngủ yên.

Một năm sau, tức vào năm 1951, anh Hai Ngọc cải trang vào thành công tác.

Có lẽ kẻ địch đã cài gián điệp trong nội bộ Việt Minh, hay có kẻ phản bội khai báo, chúng đã biết chính xác kế hoạch của anh Hai Ngọc.

Sau khi hoàn thành công tác, anh Hai Ngọc quay về cứ thì bị phục kích ngay tại Rạch Bần. Linh tính báo cho anh biết là có nguy hiểm đang rình rập. Anh bèn chạy ngược hướng đồng đội đang neo xuồng chờ để khởi làm liên lụy đến họ.

Quân phục của địch bắn theo xối xả, nhưng nhờ cây cối cản làn đạn nên anh Hai Ngọc kịp chạy đến mé nước, dự định bơi... Đột nhiên anh cảm thấy đau nhói ở vùng bụng, chân tay bủn rủn, té xuống. Một viên đạn xuyên thủng bụng, khiến anh bị mất sức đột ngột, ngất xỉu và bị bắt.

Quân Pháp hý hửng vì gỡ được một bàn thua.

Bộ tư lệnh quân đội Pháp ở miền Tây quyết định cứu sống anh Hai Ngọc để khai thác. Chúng đưa anh vào nhà thương Cần Thơ, gấp đầu đạn, băng bó vết thương và dùng các loại thuốc men tốt nhất để cứu chữa.

Nhờ vào sự chăm sóc này, kết hợp với sức khỏe do được rèn luyện tốt, anh Hai Ngọc đã nhanh chóng phục hồi. Tuy vậy, biết mình khó thoát, anh Hai Ngọc âm thầm tính kế. Anh vờ như đang trong tình trạng nửa hôn mê, sức khỏe còn trong tình trạng suy nhược trầm trọng, chưa thể nào vận động được.

Bác sĩ dù giỏi, cũng chỉ có thể biết là đã cứu được anh Hai Ngọc sống, mạch đập dần ổn định, chứ khó biết được sức lực của anh đã hồi phục đến mức nào. Họ biết, một người bình thường khác mà bị thương như anh Hai Ngọc, thì cũng phải cả tháng với sự chăm sóc tốt, mới có thể hồi phục.

Quân Pháp nghĩ là anh Hai Ngọc còn rất yếu, cử động còn khó, nói chi đến chuyện trốn thoát. Tuy vậy, chúng vẫn cho người canh gác thường xuyên để đề phòng những bất ngờ có thể xảy ra. Bên cạnh giường bệnh của anh luôn có hai tên lính thay nhau ôm súng canh chừng. Hai đầu nhà cũng có lính gác thường xuyên túc trực. Mỗi lần bác sĩ ra vào khám chữa bệnh đều có lính mật thám đi theo.

Tuy nhiên, mọi suy nghĩ của địch đều cho rằng anh không thể đủ sức trốn thoát trong lúc này. Điều mà chúng nghĩ đến nhiều nhất là Việt Minh sẽ tìm cách giải thoát cho anh Hai Ngọc.

Nhưng quân Pháp đâu có ngờ... và cũng chẳng ai ngờ, kể cả người của phía Việt Minh.

Tối đó, chờ cho hai người lính canh mệt mỏi, buồn ngủ, nên lơ là, anh Hai Ngọc đã âm thầm hành động...

Hai người lính canh vừa sợ, vừa kính phục hành động tự sát của anh Hai Ngọc, nên thường hay kể lại sự kiện xảy ra trong cái đêm lịch sử. Qua lời kể của họ, mà quân báo ta biết được hành động anh hùng của anh Hai Ngọc.

Câu chuyện mà hai người lính canh kể lại, có thể tóm tắt như sau.

Nửa đêm, anh Hai Ngọc vờ như có chút hồi tỉnh, miệng thều thào kêu:

- Tôi khát nước quá, có ai cho một ngụm nước không?.

Hai người lính ôm súng ngồi gác bên cạnh nghe vậy thì lưỡng lự. Họ sợ, nếu bỏ đi thì tên bệnh tù này có thể trốn mất, nhưng nếu để nó chết khát thì làm hỏng kế hoạch của cấp trên. Cuối cùng, một người lính quyết định:

- Mà đi lấy nước cho nó, tao ngồi canh. Tình trạng nó thế này có mọc cánh cũng khó thoát.

Anh Hai Ngọc nghe chúng bàn nhau thì thầm mừng trong lòng. Anh hé mắt thấy tên gác còn lại cũng quá buồn ngủ, mắt lim dim mở không muốn ra. Chỉ chờ có như vậy, anh nhẹ nhàng tháo băng ở bụng, rồi cắn răng nhịn đau, dùng tay móc banh vết thương. Sau đó anh moi ruột ra, với tất cả sức tàn của người võ sĩ, bứt đứt rời khúc ruột.

Trước khi chết, anh Hai Ngọc còn lấy hết hơi tàn hô lớn:

- Hồ Chí Minh muôn năm!

- Đảng cộng sản Việt Nam muôn năm!

Tuy tiếng hô không lớn, nhưng cũng đủ làm cho người lính gác choàng tỉnh. Y bàng hoàng, kinh sợ, bèn hô hoán bác sĩ trực chạy đến...

Người lính ấy tâm sự: "Ông Hai Ngọc quả là người anh hùng số một. Tôi chỉ bị đau có một chút xíu là đã kêu rên rồi, vậy mà ông dám bứt ruột của mình. Điều đáng nể hơn, đó là hành động banh vết thương ở bụng để moi ruột ra. Chỉ sợ bọn võ sĩ đạo Nhật Bản cũng không dám làm".

Ngay trong đêm, toàn bộ các chỉ huy bộ tư lệnh quân đội Pháp ở miền Tây đều có mặt tại nhà thương. Họ nghe kể về hành động anh hùng của anh Hai Ngọc, một viên quan năm chỉ huy quân đội Pháp phải thốt lên:

- C'est un vrai hero! (Đây thực sự là một người anh hùng).

Rồi ông ta dặn: "Phải chôn cất người này theo nghi thức một anh hùng".

Hôm sau, khi chôn anh Hai Ngọc, quân Pháp cho một tiểu đội lính bằng súng chào một cách trang trọng.

Họ bắn đúng hai mươi mốt phát súng để tiễn đưa người anh hùng của phía đối phương.

Nhiều người dân đang nằm nhà thương đều chứng kiến và kể lại.

Quân đội Pháp tuy tôn trọng người anh hùng, nhưng họ cho người thay phiên canh gác mộ anh Hai Ngọc, đề phòng Việt Minh cho người đến lấy trộm xác. Có lẽ họ muốn rình bắt những đồng đội của người anh hùng này.

(Trải qua bao đổi dời, nhà thương Cần Thơ xây xây, sửa sửa trong suốt mấy chục năm. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, không thể xác định được ngôi mộ của anh Hai Ngọc nằm ở đâu. Quân khu 9 và đồng đội anh đã thử đào dò tìm vài vị trí nghi ngờ, nhưng không tìm ra).

Chương XVII

NHỮNG TRẬN ĐÁNH HỖ TRỢ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

17.1

Đầu tháng 9 năm 1951 có một số chính sách thay đổi cán bộ.

Trong dịp này, Hai Tỷ được điều về làm trưởng tổ quân báo huyện Ô Môn. Anh không buồn hay bất mãn khi bị giáng cấp, bởi mục đích của mình là đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Việc làm gì có thể đạt mục đích thì anh không từ nan. Chính vì vậy, anh rất vui vẻ khi được quay về địa bàn quen thuộc, được gặp lại đồng đội, đồng bào thân thiết từng nhường cơm xẻ áo cho nhau.

Sau chiến dịch biên giới, quân đội Pháp thua trận một cách cay cú, bèn nảy ra chiến thuật mới. Bộ tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp chọn lòng chảo Điện Biên Phủ xây dựng căn cứ như tường đồng vách sắt. Dự định của họ là dùng nơi đây làm cái mồi nhử, dụ quân Việt Minh đến để tiêu diệt.

Người Mỹ hỗ trợ kỹ thuật, quân dụng, khí tài cùng chuyên gia xây dựng lô cốt, boongke...

Với qui mô lớn như vậy, quân Pháp tập trung lính chủ lực vào cái bẫy này. Chính vì vậy mà tại các chiến trường miền Nam, lực lượng quân Pháp bị dần mỏng, yếu cả thể lẫn lực.

Theo cố vấn của chuyên gia quân sự Mỹ, người Pháp bèn thay đổi chiến lược, dùng người Việt đánh người Việt.

Người Pháp tích cực bắt lính, dùng tiền bạc, quyền lợi, địa vị để làm mồi nhử những kẻ tham lam, bạt mạng, sẵn sàng bán thân cho bọn thực dân. Từ đó, bộ tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp thành lập các tiểu đoàn BVN (Bataillons Vietnamese). Đây là

những đội quân người Việt, tổ chức ở cấp tiểu đoàn, vừa đủ lớn để có trang bị đầy đủ vũ khí cần thiết và gọn nhẹ, nhưng không quá lớn để có thể dễ điều động. Những tiểu đoàn lính đánh thuê người Việt này có thể thọc sâu vào vùng an toàn khu của Việt Minh với chiến thuật vết dầu loang. Người Pháp hỗ trợ các tiểu đoàn này bằng xe lội nước Tank amphibie (tank đổ bộ), Crabes amphibies (xe lội nước mang tên cua lưỡng cư). Các loại xe này có thể đi dưới nước và trên bộ nên thọc sâu được vào vùng đầm lầy, lau sậy. Chúng bất ngờ tấn công vào căn cứ an toàn của Việt Minh. Chiếm được đến đâu, đội quân này làm đường, đóng đồn tại các vị trí trọng yếu, các đầu mối giao thông, gây không ít khó khăn cho Việt Minh trong việc đi lại, tiếp tế lẫn nhau.

Tại Cần Thơ, hạm đội trên sông của địch phá cảng Vàm Xáng Phong Điền, cảng Thái Lai, Bà Đàm... đóng đồn dọc theo các con kinh.

Những năm năm hai - năm ba này, kỹ thuật quân sự của Việt Minh đã tiến bộ rất nhiều. Các công binh xưởng chế tạo được súng Bazooka, SKZ, DKZ, mìn định hướng, bộc phá "Petard", thủy lôi...

Các đơn vị đặc công cũng đã được thành lập, được huấn luyện rất công phu, có khả năng xuất quỷ nhập thần, khiến kẻ địch vô cùng sợ hãi.

Nhờ các kỹ thuật kể trên, bộ đội Việt Minh bắt đầu chuyển sang thế tấn công, tìm diệt.

Các đồn bót kiên cố, công sự bị bộ đội Việt Minh đánh phá dễ dàng.

Lần ấy, tỉnh đội Cần Thơ quyết định nhổ đồn Vàm Nhon, án ngữ con lộ Ô Môn - Thới Lai. Vừa may, viên quan một tên Đào Khum, người Việt gốc Khmer, trưởng đồn, là người có cảm tình với cách mạng và ghét người Pháp. Ông ta chủ động đánh tiếng, muốn gặp bộ đội Việt Minh.

Sau khi tin tức đi qua, đi lại vài lần, ông Khum đã nghe tiếng tăm nên chỉ đích danh muốn gặp anh Hai Tỷ.

Hay tin, ngay trong đêm, Hai Tỷ cùng hai đồng đội là Tư Long, Tư Trầm và người liên lạc tìm đến chỗ hẹn, gặp ông Khum.

Các đồng đội khác hay tin, khuyên can Hai Tỷ: “Anh phải kiểm tra kỹ, kẻo bị lừa vào bẫy”.

Hai Tỷ bình tĩnh trấn an:

- Ngày xưa Khổng Minh sức trời gà không nổi mà còn dám một mình qua Giang Đông. Nay ông ta chỉ đích danh tôi, nếu không dám đến thì mất danh dự bộ đội Việt Minh. Vả lại tôi thấy thái độ ông này rất chân thành, chắc không có ý hại tôi đâu. Ông ta cũng biết, hại một mình tôi thì không ích lợi gì mà tự mang họa vào thân.

Khi hai bên gặp nhau tại một căn nhà dân gần đồn, quả nhiên ông Khum tỏ ra vô cùng mừng rỡ, niềm nở đón tiếp.

Ông Đào Khum vẽ lại bản đồ cách bố phòng của đồn, cho biết chi tiết tình hình nội bộ và những thông tin cần thiết.

Hai Tỷ nhìn bản vẽ cách bố phòng và các chi tiết, cộng thêm quan sát thái độ, anh thêm tin tưởng vào tình cảm của ông Đào Khum đối với cách mạng.

Ra về, Hai Tỷ lên kế hoạch cho anh em quân báo dùng thủy lôi đánh chặn tàu tuần tiễu, hỗ trợ bộ đội đánh đồn. Căn cứ vào thông tin mà ông Đào Khum cung cấp, bộ đội nhổ gọn đồn này trong chưa đầy một giờ.

Được tin địch từ chi khu Bảy Ngàn tổ chức trận càn vào xã Trường Long Tây, nơi cơ quan Hai Tỷ đang đóng quân. Trận càn này do một viên đại úy người Việt tên Xuyên chỉ huy. Xuyên là con chú Tư Đặng cùng là dân xóm Hàng Xáo, Châu Đốc, nhưng y cam tâm theo giặc, dù cha của gã là một người yêu nước.

Quân báo Bảy Ngàn do anh Nguyễn Thành Út chỉ huy nắm rõ địch tình, báo lại cho Hai Tỷ. Biết đối phương chỉ có một tiểu đoàn lính BVN tiến vào con đường kinh

Đại. Anh Hai Tỷ cho hai đại đội địa phương quân và một trung đội dân quân du kích lợi dụng địa thế hiểm trở phục kích sẵn.

Khi tiểu đoàn lính BVN lọt vào ổ phục kích, bộ đội Việt Minh đồng loạt nổ súng, hô xung phong vang trời, khiến địch hoang mang bỏ chạy. Trận đánh kết thúc nhanh chóng. Đối phương bị chết một số, hơn hai mươi tên bị bắt làm tù binh. Riêng tên Xuyên phải cởi bỏ quần áo sĩ quan, lội xuống kinh chạy thoát.

Chiến công này phải kể là nhờ anh Út.

17.2

Đồn điền Bảy Ngàn do gia đình Albert Gressier làm chủ, người dân vẫn gọi là cậu Ba Be. Đây là một đồn điền nổi tiếng đồng bằng sông Cửu Long, rộng đến hàng chục ngàn mẫu đất tốt, ruộng vườn trù phú. Đồn điền này bắt đầu từ cây số thứ bảy, tính từ đầu kinh xáng Xà No.

Trong khu đất có một dinh cơ rất đồ sộ, xung quanh là nhà cửa, chợ búa. Dần dần nơi đây gọi là chợ Bảy Ngàn.

Để bảo vệ dinh cơ của mình, ông chủ Albert xây dựng một đồn lính rất kiên cố, gồm một đại đội lính Khmer và Việt. Số lính này ngoài nhiệm vụ bảo vệ dinh cơ của ông chủ, chúng còn ruồng bố uy hiếp vùng an toàn khu của Việt Minh. Đến mùa lúa, số lính này có nhiệm vụ đi thu lúa góp của dân chúng. Ai không có khả năng trả thì bị đánh đập hành hạ.

Đồn này do hai anh em Leon và Remy, con trai của Albert, chỉ huy.

Chúng như vua con một cõi, chẳng kiêng nể ai.

Anh Nguyễn Thành Út, trưởng quân báo khu vực Bảy Ngàn bàn với anh Hai Tỷ, nhờ bộ đội chủ lực 307 hỗ trợ. Họ dùng mưu đưa trinh sát của tiểu đoàn 307 vào đồn địch tiếp cận các mục tiêu, nắm rõ nội tình, địa hình. Việc còn lại là tiêu diệt đồn này dễ dàng, bắt sống hai anh em nhà Gressier cùng toàn bộ gia đình.

Như trên đã nêu ra, quân Pháp sử dụng các tiểu đoàn BVN, dùng hạm đội trên sông, xe lội nước... tấn công vùng an toàn khu của Việt Minh, tuần tiễu trên sông và kinh rạch, đồng thời tiếp tế cho các đồn mà chúng đóng rải rác trên các tuyến đường.

Vùng này thuộc anh Hai Tỷ phụ trách quân báo, nên anh chủ động tìm cách tiêu diệt địch, đối phó với chiến lược vết dầu loang.

Ngày nay bộ đội Việt Minh đã đủ lớn mạnh để có thể chủ động tìm diệt địch.

Gặp trường hợp tàu địch đem lương thực, khí giới, quân trang quân dụng đi tiếp tế, bộ đội Việt Minh không bỏ cơ hội chặn đánh để thu chiến lợi phẩm, nhằm tự trang bị cho mình.

Quân báo chỉ cần nắm bắt tin tức chính xác, tìm vị trí phục kích thuận lợi, phần còn lại đã có đặc công thủy của quân chủ lực Việt Minh đảm nhiệm.

Trong những chiến dịch này, bộ đội Việt Minh đã đánh chìm tàu Chaland LCI (tàu càn được trên sình lầy) tại rạch Trầu Hôi trên kinh xáng Xà No, giết toàn bộ lính và sĩ quan địch trên tàu. Sau đó lặn lấy được toàn bộ súng đạn, quân trang, quân dụng. Kế đến, đánh chìm một tàu Chaland khác trên kinh xáng Ô Môn vào tiếp tế cho đồn Thới Lai - Bà Đầm. Đánh tàu Chaland trên kinh Thị đội vào tiếp tế cho đồn điền Cờ Đỏ.

Những trận đánh này đem lại cho bộ đội rất nhiều chiến lợi phẩm, kể cả lương thực, thuốc men nên mọi người vô cùng phấn khởi.

Chi khu Giai Xuân nằm ở khu vực “6 xã vòng cung”, tạo nên vành đai an toàn cho bộ chỉ huy quân sự Pháp ở Cần Thơ. Chỉ huy chi khu này là một viên quan ba người Pháp, tên Robert. Viên quan ba này tính tình cộc cằn, nóng nảy, hay chửi mắng thuộc cấp nên binh lính trong chi khu đều không ưa y ta.

Anh Hai Tỷ biết qua tình hình, bèn lên kế hoạch binh biến ở chi khu này.

Trong chi khu có một viên hạ sĩ quan, tên Minh. Anh ta yêu một cô gái trong vùng tên Mai.

Cô Mai là một người dân yêu nước, có cảm tình với cách mạng. Cô từng có nhiều đóng góp cho bộ đội Việt Minh, như vận động dân chúng ủng hộ lương thực, cung cấp tin tức của địch... Chỉ vì hoàn cảnh gia đình mà cô không thể thoát ly hẳn để đi theo Việt Minh.

Hai Tỷ nhanh chóng biết được chuyện này, bèn khuyên cô gái vào chi khu thuyết phục anh Minh. Anh bày vẽ cho cô Mai cách thức tiếp cận, cách thức thuyết phục anh Minh. Cô Mai thực ra không yêu anh chàng hạ sĩ theo giặc này, nhưng vì đại nghĩa nên nghe lời, vào chi khu thuyết phục anh Minh và bạn bè của anh ta. Cô phải hứa nhận lời lấy anh Minh để anh ta yên lòng làm theo kế hoạch. Tình yêu sẽ giúp anh ta thêm can đảm và quyết tâm.

Mùa nước nổi năm 1953, cuộc binh biến nổ ra. Anh em binh sĩ giúp bộ đội vào chiếm chi khu, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng, thuốc men. Binh lính trong chi khu bắt trời tên chỉ huy ác ôn người Pháp nộp cho bộ đội.

Kết quả trận này, bộ đội Việt Minh không tốn một viên đạn.

Đồng thời, một đại đội hàng binh với đầy đủ quân trang quân dụng xin gia nhập quân đội Việt Minh.

Tuy nhiên, Hai Tỷ vấp phải một khó khăn “hậu chiến dịch”.

Như đã nói, cô Mai không thực yêu anh Minh. Sau khi kết thúc chiến dịch, cô từ chối phát việc thực hiện lời hứa khi vận động anh đi theo Việt Minh. Anh Minh rất đau khổ, nhưng không biết phải làm sao.

Chuyện đến tai tỉnh đội trưởng Nguyễn Hoài Pho, ông ta chỉ đạo cho Hai Tỷ phải ráng thuyết phục cô Mai.

Phải mất mấy ngày, Hai Tỷ lấy chuyện đại nghĩa, lấy chữ tín ra thuyết phục cô Mai. Cuối cùng thì cũng có một đám cưới trọng thể giữa hai người.

Việc khó tiếp theo của “hậu chiến dịch” là xử lý viên quan ba người Pháp. Việc đó thực sự là một vấn đề nan giải mới, vì ta không thể dễ dàng mở tòa án binh để xử

tử hình tên này. Việc giam giữ cũng rất khó khăn trong điều kiện thiếu thốn của bộ đội Việt Minh.

Đã nghiên cứu kỹ tâm lý và hành tích của Robert, Hai Tỷ biết tuy y là một sĩ quan ác ôn, nhưng thực chất cũng chưa từng gây nợ máu với bất kỳ ai. Y hung hăng, dữ tợn chỉ vì bất mãn với cấp trên. Y tuy hay mắng chửi thuộc cấp, nhưng cũng chưa từng đánh đập lính.

Nghĩ ngợi kỹ, Hai Tỷ tin rằng nếu để Robert sống, thuyết phục y hiểu chính nghĩa thì có lợi hơn là lấy mạng tên này. Anh bèn đến gặp tỉnh đội trưởng Nguyễn Hoài Pho, trình bày rõ những điều lợi hại, xin chỉ thị cho phép thuyết phục tên tù binh này.

Trên thực tế, vào thời gian này cũng đã có nhiều hàng binh Pháp và lính lê dương chịu đứng vào hàng ngũ của Việt Minh, tham gia kháng chiến chống xâm lược Pháp. Những sự kiện này giúp cho Hai Tỷ tin vào quyết định nhân ái của mình trong việc chiêu dụ viên quan ba tù binh Pháp này. Cuối cùng thì lãnh đạo tỉnh cũng đồng ý theo đề nghị của anh.

Trên cả hy vọng của Hai Tỷ, viên quan ba người Pháp này sau nhiều lần tiếp xúc với anh, đã tình nguyện gia nhập Việt Minh.

Những năm sau này, ông Hai Tỷ nhớ lại, kể từ cuối năm 1953, Robert là người của Việt Minh. Anh ta quả không phụ lòng những người đồng đội mới, giúp đỡ rất nhiều trong việc hướng dẫn sử dụng các loại vũ khí hiện đại, phân tích những thế mạnh trong kỹ thuật quân sự của người Pháp để Việt Minh tìm cách khắc phục... Ông Hai cảm thấy được an ủi trong lòng khi hành động chiêu hàng của mình đã cứu sống một mạng người, đồng thời có thêm những kinh nghiệm trong hoạt động khi tiếp xúc với kẻ địch. Phương pháp gây cảm tình và thuyết phục đối phương mà ông có được trong những năm hoạt động đơn tuyến sau này là nhờ những lần địch vận kể trên.

Cuộc binh biến ở chi khu Giai Xuân gây tiếng vang rất lớn trong toàn quốc.

Một điều quan trọng khác, quân Pháp sa lầy ở cái lòng chảo Điện Biên Phủ, khiến cho binh lính Pháp ở các nơi và cả lính lê dương Âu, Phi, Việt đều rất sợ bị điều động đến cái chảo rang thịt người này.

Mà khi đã sợ thì họ phải tìm mọi cách tránh né. Phản chiến là một hình thức phổ biến vào những năm này. Cho nên tấm gương phản chiến của binh sĩ Việt ở chi khu Giai Xuân càng thôi thúc binh sĩ Việt ở các căn cứ quân sự khác.

Không chỉ binh sĩ Việt theo Pháp, mà ngay cả binh sĩ Pháp, Âu, Phi cũng lác đác phản chiến, bỏ ngũ đi theo Việt Minh hoặc tìm cách đào ngũ để khỏi phải ra mặt trận.

Chương XVIII

TẬP KẾT

Chiến thắng Điện Biên Phủ thuộc về bộ đội Việt Minh, buộc Pháp phải chịu ký vào hiệp định đình chiến với Việt Minh tại hội nghị Gienever vào ngày 20 tháng 7 năm 1954.

Vậy là kết thúc chín năm trường kỳ kháng chiến, mà thắng lợi cuối cùng thuộc về kẻ từng bị xem là yếu thế. Thắng lợi này chủ yếu dựa vào sức mạnh quyết tâm giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ ngoại bang.

Đất nước Việt Nam bước vào một giai đoạn mới. Giai đoạn một quốc gia phải chia làm hai, để cho bao nhiêu gia đình phải tan nát, phải phân ly.

Theo hiệp định Gienever, miền Bắc dành cho chính quyền Việt Minh. Những người dân từng tham gia kháng chiến với Việt Minh, ủng hộ hay chấp nhận chính quyền này thì sẽ sinh sống ở miền Bắc. Miền Nam, kể từ vĩ tuyến 17, tại sông Bến Hải, thuộc về sự quản lý của chính quyền do Pháp dựng lên.

Chính vì vậy mà có một sự xáo trộn lớn về nơi chốn sinh sống của khá nhiều người, nhiều gia đình.

Trước hết, những người theo phe Việt Minh ở miền Nam sẽ tập trung để đi ra miền Bắc, gọi là đi tập kết.

Đồng thời, một bộ phận dân chúng khá lớn và những người từng làm việc cho chính quyền Pháp, không chấp nhận chính quyền mới của cộng sản, sẽ di dời vào miền Nam để sinh sống. Lịch sử gọi là cuộc di cư của những người miền Bắc vào Nam sinh sống.

Nhiều người đã xem như chấm dứt công việc sau chín năm trường kỳ kháng chiến. Họ thở phào nhẹ nhõm, phủi tay nghỉ ngơi.

Anh Hai Tỷ đã linh cảm biết là mình chưa xong nhiệm vụ đối với đất nước. Trước mắt, đất nước bị chia hai thì không dễ gì thống nhất lại được. Muốn cho các gia đình

được đoàn tụ, đất nước liền một dải, người lính còn phải đổ nhiều công sức, trí tuệ và xương máu.

Trước hết, anh Hai Tỷ được nhận nhiệm vụ bàn giao cho Pháp khu vực tập kết ở Chắc Bạng, Cà Mau. Đồng thời, anh cũng nằm trong bộ phận tổ chức, chọn lựa thành phần đi tập kết từ khu chín. Chính vì vậy mà anh phải làm gương, để vợ con ở lại miền Nam. Anh chỉ có thể cho đứa con lớn đi tập kết ra miền Bắc, vì nó đang là học sinh. Đứa bé này đang theo học ở ngôi trường mà anh từng học thời thơ ấu ở Châu Đốc. Đó là trường Ecole des garçons du chef-lieu, do cậu Năm của anh ssang làm đốc học.

Vợ anh Hai Tỷ phải về Châu Đốc, đưa cháu đến Chắc Bạng để theo đoàn học sinh đi tập kết.

Để giúp chính quyền Việt Minh tập kết, các nước bạn là Liên Xô và Ba Lan gửi tàu khách đi biển qua Việt Nam vận chuyển người ra Bắc. Liên Xô đưa hai chiếc tàu khách là Stavropol và Arquengels, Ba Lan đưa tàu khách Kilinski qua Việt Nam, giúp vận chuyển người đi tập kết.

Đây là các dạng tàu khách lớn, có khả năng đi biển với hải hành dài vài tháng.

Chắc Bạng không phải là một bến cảng, theo đúng nghĩa. Tại đây, ban tổ chức dựng các lán trại để người đi tập kết ở thành từng đơn vị cho dễ kiểm soát.

Thành phần đi tập kết, gồm các đơn vị bộ đội Việt Minh, cán bộ phục vụ trong chính quyền cách mạng thời kháng chiến, học sinh. Ngoài ra, có một số cán bộ, bộ đội trung cao cấp, theo vài tiêu chuẩn nào đó, thì được phép đưa gia đình đi theo.

Vợ anh tuy tham gia kháng chiến khá sớm, nhưng vì còn hai con nhỏ và đang có bầu đứa thứ tư, nên phải ở lại miền Nam.

Và tất nhiên, chẳng ai có thể biết, người vợ này ở lại miền Nam còn có nhiệm vụ gì khác không. Bởi vì, cũng có rất nhiều người từng tham gia kháng chiến chống

Pháp, từng giữ những chức vụ quan trọng, tạm thời ở lại miền Nam, như người vợ của anh Hai Tỷ. Họ sẽ là nền móng, là cơ sở chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến trường kỳ khác, chưa biết sẽ kéo dài bao lâu. Họ cũng chưa biết kẻ thù mới là những

thể lực nào. Những người đó có thể sẽ phải chịu nhiều khó khăn, gian khổ, kể cả hy sinh, khi mà gia đình bị chia hai. Chẳng ai dám bảo đảm, những người từng tham gia kháng chiến, ở lại miền Nam, sẽ được yên yên, ổn ổn với chính quyền mới.

Chị Năm Dế, vợ anh Hai Tỹ sẵn sàng đối mặt với những khó khăn đã nhìn thấy và những khó khăn nguy hiểm còn đang giấu mặt. Những khi chỉ có hai người, anh Hai Tỹ rủ rỉ căn dặn vợ đủ chuyện, cách thức qua mặt kẻ thù, cách thức tự tồn tại. Anh cho biết những người nào trong dòng họ có thể tin cậy gửi gắm. Anh còn dặn cả những cách thức liên lạc, những ám hiệu để nhận ra “người quen”, cách viết mật thư...

Nhưng anh Hai Tỹ có thể yên tâm ra đi tập kết, khi mà người vợ còn chưa đến ba mươi tuổi đời? Dù yên tâm hay không thì anh vẫn phải đi tập kết. Bởi vì anh còn một trọng trách khác đang chờ ở phía trước. Bản thân anh chưa thể biết, trọng trách đó là gì.

Như vậy, gia đình Hai Tỹ có hai người đi tập kết, anh và thằng con trai lớn. Ba người rưỡi sẽ ở lại miền Nam, chẳng biết lúc nào thì tái hợp. Cái gọi là “rưỡi” kia chính là đứa bé đang tượng hình trong dạ con của mẹ nó. Hàng ngày, anh làm cái nhiệm vụ “sĩ quan chuyển quân”, tức là sắp xếp các đơn vị để đưa xuống tàu, bàn giao quân số với viên sĩ quan Pháp phụ trách tàu đưa người của Việt Minh từ bến Chắc Băng ra tàu lớn của Liên Xô, hoặc Ba Lan đang neo đậu ngoài biển.

Sau khi bàn giao cái gọi là “bến Chắc Băng” cho chính quyền ở lại, anh Hai Tỹ theo đơn vị của mình ra đi tập kết. Anh sẽ là người ra đi cuối cùng, trong đợt tập kết này trên chiếc tàu khách của Liên Xô, mang tên Arquengels.

Ra Bắc, sư đoàn mà anh Hai Tỹ phục vụ, đóng quân ở Thanh Hóa. Việc đầu tiên trên đất Bắc là anh tham gia làm cái việc bình công, luận thưởng... tiếp theo là bao nhiêu xáo trộn khác.

Một hôm, có lệnh của bộ tổng tham mưu điều Hai Tỹ và một vài đồng đội cũ lên Hà Nội, nhận công tác khác. Từ cái lệnh điều động, anh và những người có tên trong

danh sách này biết được mình sẽ phục vụ cho binh chủng nào của quân đội. Bởi vì, họ từng là cán bộ ngành quân báo trong thời kháng chiến chống Pháp. Nhưng họ kín miệng hoàn toàn, làm thủ tục chuyển đơn vị, chào bạn bè rồi lên xe về Hà Nội.

Một cuộc sống song song với nhiệm vụ mới của đời lính bắt đầu.

Chương XIX

VỢ NGƯỜI TÌNH BÁO

19.1

Chị Năm Dế quê gốc ở Tân Châu, Châu Đốc.

Trước cách mạng tháng tám, gia đình chị Năm định cư ở Campuchia, tại một tỉnh gần biên giới với Việt Nam. Chị và các em gái ra đời ở đây.

Gia đình chị tiếp tục cái nghề thợ dệt truyền thống của xứ lạ Tân Châu.

Cách mạng tháng tám không chỉ giải phóng Việt Nam khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp, mà còn giúp cho người dân Việt biết thế nào là quê hương, tổ quốc, và có được ý thức công dân.

Gia đình chị Năm Dế quay về quê hương sinh sống, làm người dân của một quốc gia độc lập.

Tuy gọi là quê hương, nhưng gia đình chị hầu như không còn gia sản gì đáng kể, ngoài căn nhà nghèo nàn của ba má. Cuộc kháng chiến vì quyền tự do dân tộc đã lôi cuốn mọi tầng lớp dân chúng trong xã hội. Lúc ấy, lòng hăng say với cách mạng, với kháng chiến khiến cho mọi gia đình, mọi người dân đều quên đi sự nghèo nàn, thiếu thốn để lao vào cơn lốc mà ngọn gió cách mạng đã thổi bùng lên.

Thế rồi thực dân Pháp quay lại tái chiếm quê hương. Gia đình này quyết ở lại bám đất, tham gia kháng chiến chứ không trở lại nơi đã từng chôn nhau cắt rốn.

Chị Năm Dế lúc đó đã tròn đôi tám, như một bông hoa vừa chớm nở. Chị lại không mấy quan tâm đến hình thức bản thân, mà hăng say tham gia kháng chiến. Mấy

chị em nhà này đều giống nhau ở điểm này, từ chị Tư đến cô Tám, đều hăng hái tham gia kháng chiến.

Cô Tám lúc đó còn đang tuổi thiếu niên, nhưng cũng theo các chị vào chiến khu, cũng tham dự vào những công việc phù hợp với khả năng.

Vì là dân Châu Đốc gốc, nên họ tham gia kháng chiến ở tỉnh nhà. Số phận run rủi thế nào mà mấy chị em đều gia nhập ban quân báo Long Châu Hà, dưới sự phụ trách của anh Hai Tỷ.

Thực ra, anh Hai Tỷ lúc đó không phải là trưởng ban quân báo, mà chỉ là trưởng một tiểu ban. Nhưng anh vốn xuất thân trí thức, tính tình điềm đạm ít nói, dáng người dong dỏng cao, trắng trẻo, và có thể nói là đẹp trai. Anh ưa văn nghệ, thích ca hát, đàn khá, nhất là chất giọng ca vọng cổ thật ngọt và ấm. Tuy hát không hay nhưng nhờ chất giọng mà khiến nhiều người ưa thích nghe. Anh lại là người được giáo dục tốt theo nho giáo, nên sống lành mạnh, đứng đắn, đàng hoàng. Chính những ưu điểm này, Hai Tỷ đã được nhiều cô gái thầm yêu trộm nhớ.

Chị Năm Dế cũng không ngoại lệ. Ngay từ ngày đầu tham gia kháng chiến, chị đã là một trong những người để ý đến người phụ trách quân báo hào hoa phong nhã này.

Chẳng hiểu ai ngỏ lời với ai trước, nhưng cuối cùng thì họ cũng thành một cặp vợ chồng rất đẹp đôi.

Khoảng cuối năm 1946 thì có một đám cưới khá trọng thể, có liên hoan văn nghệ, ngay trong bưng biển Đồng Tháp Mười.

Kể từ đó, họ vừa có danh nghĩa vợ chồng, vừa là đồng đội trong chiến đấu. Anh giữ vai trò chỉ huy, chị là nhân viên quân báo của anh.

Khi Hai Tỷ đi tập kết thì vợ chồng họ đã có ba mặt con, toàn trai. Chị Năm đang có thai đứa thứ tư.

Thằng lớn đã vào tuổi thứ 7, đang đi học, nên vào diện được tập kết theo tiêu chuẩn học sinh.

Như vậy sau khi anh Hai Tỷ và thằng con lớn đi tập kết, chị Năm Để ở lại quê nhà nuôi hai thằng con nhỏ và chờ sanh đứa thứ tư.

Chính quyền Ngô Đình Diệm lúc đó đang truy lùng thân nhân của những người đi tập kết.

Chị Năm không chỉ là thân nhân của người tập kết, mà bản thân cũng là người thuộc đối tượng mà chính quyền họ Ngô săn lùng.

Trước hết, chị Năm Để đưa các con về quê ở Tân Châu để chuẩn bị sanh nở. Nơi đây khá xa tỉnh lỵ Châu Đốc, nên tạm thời giấu được lý lịch “dân kháng chiến”. Về Tân Châu, chị phải ở nhờ nhà má. Lúc đó cha chị đã mất vài năm trước.

Tuy ở đây có thể giấu được “vết tích kháng chiến”, nhưng cuộc sống thì vô cùng khó khăn. Người trong gia đình chị, ai cũng phải lo cho cái tổ riêng, ai cũng gặp khó khăn, nên chẳng ai giúp được ai. Vậy là chị vừa phải “một nách ba con nhỏ”, trong đó có một đứa chưa thôi bú, vừa phải bươn chải kiếm sống, vừa phải tìm cách trốn tránh mật vụ của chính quyền mới, vừa tìm cách liên lạc với chồng, thông qua cơ sở mật.

Trở về với đời thường, đối mặt với cơm áo gạo tiền và lo nuôi dạy các con trong khi bản thân chị không có một mái nhà, không một chút gia sản, tiền bạc. Nhà má chị cũng thuộc loại nghèo khó, lại đang phải nuôi đứa em út, bằng tuổi thằng con lớn của chị. Gia đình chị về đây là mang đến cho má chị một gánh nặng nên chẳng trông cậy gì ở sự giúp đỡ của người thân.

Để kiếm sống với hai bàn tay trắng, chị Năm vừa phải làm thuê, làm mướn, vừa phải xoay trở cơm nước, giặt giũ, nuôi dạy con cái.

Cũng may, thằng Ba cũng đã sáu tuổi, sớm hiểu biết nhiều, nên giúp mẹ trong việc trông coi các em, nấu cơm nước, dọn dẹp nhà cửa...

Chị thì hằng ngày phải chẻ củi thuê, gánh nước mướn, cánh tay rã rời, vai lưng còng lại vì bị đè nặng.

Sau khi liên lạc được với chồng, chị được anh tìm cách gửi tiền vào Nam để có chút vốn làm ăn. Kể từ đó, chị bắt tay vào việc buôn gánh bán bưng. Chị làm các loại bánh bình dân gánh đi bán. Khi có chỗ ở khá ổn định, chị lấy hàng ở Châu Đốc về Tân Châu bán thêm, đắp đổi qua ngày.

Vừa may, có mấy gia đình bà con, vừa từng là đồng đội cũng lánh nạn về đây, gặp nhau, rồi nương tựa, nên chị Năm cũng bớt cảm thấy lẻ loi.

Chị Út Đạt là vai chị của anh Hai Tỷ, lại là đồng đội cũ, chồng đi tập kết. Ba chị út Đạt là anh ruột của má anh Hai Tỷ nên tình thân như ruột thịt. Chị út có ba con, một gái và hai trai.

Gia đình thân thiết thứ hai là chị Vinh, vợ của anh

Bảy Nên, vốn là dân xóm Hàng Xáo. Ba của anh Bảy Nên là con nuôi của ông ngoại anh Hai Tỷ. Anh Bảy Nên cũng vốn là bạn thân của anh Hai Tỷ từ nhỏ. Đi kháng chiến cũng rủ nhau. Nay anh Bảy đi tập kết, để lại vợ và ba người con gái.

Như vậy mỗi nhà đều có ba người con, chúng bằng tuổi nhau từng cặp, nghĩa là ba đứa lớn của các gia đình này bằng tuổi nhau, ba đứa giữa và ba đứa út cũng vậy.

Cả ba gia đình này gốc đều ở Châu Đốc, bà con họ hàng nhiều. Thịnh thoảng họ vẫn cho con cái về Châu Đốc, tiếng là để thăm họ hàng, bà con, nhưng thực ra là thăm dò tình hình. Sau vài lần đi đi, về về, cả ba gia đình có thể yên tâm quay về xóm Hàng Xáo, Châu Đốc, để tính những chuyện tiếp theo.

Nhưng đó là chuyện của gần ba năm sau.

Đó là lúc tình hình xã hội miền Nam đã bớt căng thẳng, chính quyền Ngô Đình Diệm bớt ruộng bố, bắt bớ những người theo kháng chiến cũ. Chính quyền họ Ngô bây giờ còn bận lo đối phó với những thế lực chống đối khác. Nhiều giáo phái và đảng phái đứng lên phản đối đảng cần lao nhân vị và chế độ gia đình trị của họ Ngô. Thế lực họ Ngô bị dàn trải quá mỏng, không đủ sức tập trung đàn áp những người cộng sản. Nhờ thế mà chính quyền mới nhẹ tay đàn áp những người kháng chiến cũ đang nằm im chờ thời.

Đó chính là cơ hội để cả ba gia đình lần lượt đưa nhau về xóm Hàng Xáo, cho những đứa con lớn đi học.

Cuộc sống mới, những khó khăn mới đến với chị Năm.

Gia đình chị út Đạt và chị Vinh thì được những người ruột thịt giúp đỡ, nhờ thế mà ít khó khăn hơn.

Riêng gia đình chị Năm Dẽ lại chẳng dễ chút nào.

Anh Hai Tỷ tuy chẳng giàu có gì, nhưng lại xuất thân trong gia đình danh giá ở Châu Đốc, nên người trong gia đình này không chấp nhận cô dâu nhà quê như chị Năm. Chị Năm gần như bơ vơ giữa những người thân bên chồng.

Tuy vậy, nhiều người bên ngoài của anh Hai Tỷ lại quý mến anh và các cháu, nên không ai hại chị, dù ai cũng biết chị từng là người kháng chiến. Những người thân này còn thỉnh thoảng giúp cho chị chút ít để nuôi các cháu. Ông Năm Đống, ông Sáu Ngà, bà Bảy Trâm, ông mười Vọng... tuy lúc đó không giàu có, nhưng vì có cảm tình với Việt Minh nên lén giúp chị Năm trong khả năng của mình.

19.2

Thế rồi chị út Đạt, chị Bảy Nền lần lượt liên lạc được với chồng. Họ âm thầm đưa các con qua Campuchia, rồi theo con đường hợp pháp ra miền Bắc.

Anh Hai Tỷ liên lạc được với vợ, bàn bạc tìm cách gửi thằng Ba, ra miền Bắc học tập.

Trong thời kháng chiến chống Pháp, chị Năm sanh thằng Ba. Vì đây là một ca sanh khó, nên được chính bác sĩ Dương Quang Trung trực tiếp đỡ đẻ. Anh Hai Tỷ xem vị bác sĩ này như người ơn của gia đình, nên lấy tên mà đặt cho thằng Ba.

Trải qua nhiều khó khăn, bao nhiêu là tính toán, rồi từng bước từng bước thực hiện, chị Năm Dẽ cũng đã gửi được thằng Ba này theo gia đình chị Út Đạt đem ra miền Bắc. Nhưng muốn đi hợp lệ, thằng Ba được một chị tên Phú dẽ dãi nhận làm con. Bởi

vì khi làm giấy tờ hồ sơ, chị Út Đạt không tính đến tình huống cho thằng cháu này đi theo.

Năm 1958 thằng Ba đi ra miền Bắc.

Chị Năm mất đi một cánh tay đặc lực giúp đỡ. Thằng nhỏ lúc đó tuy mới tám tuổi nhưng đã biết nấu cơm thành thạo, biết trông em, biết đi lấy hàng về cho mẹ bán.

Và đặc biệt, thằng Ba đi, chị Năm cảm thấy hụt hẫng, vì tuy chỉ là một đứa bé, nhưng nó là chỗ dựa tinh thần của chị, thay thế một người đàn ông trong nhà.

Những người vừa là thân nhân, vừa là bạn bè, vừa là đồng chí như chị út Đạt, chị Vinh đều đã ra đi, khiến chị Năm càng thêm hụt hẫng, như mất đi những chỗ dựa tinh thần đáng tin cậy nhất.

Còn lại chị và hai đứa nhỏ, một trai một gái, chị Năm cực khổ trăm bề. Thằng Tư tuy cũng đã biết nấu cơm, quét nhà, nhưng vì còn quá nhỏ, lại không hiểu gì về hoàn cảnh của mẹ, nên không thể thay được vai trò của thằng Ba để làm chỗ dựa cho mẹ.

Nhiều đêm, chị Năm nằm nghĩ đến chồng con mà thầm rơi lệ. Chị nhớ những thời gian ngắn ngủi sống cạnh chồng, nhớ những lúc chống xuồng đưa các con đi gởi chúng khắp nơi để tiện bề công tác. Lại cũng có khi phải dùng bọn trẻ làm bình phong qua mắt kẻ địch khi đi liên lạc, đi lấy tin tức.

Chị nhớ, có lần, khi đó mới có thằng Hai, đơn vị hành quân ngang đồn địch. Đơn vị chỉ sợ bất chợt thằng nhỏ khóc, thế là chị bắt buộc phải tính đến phương án, dùng một chiếc khăn tay thấm nước. Nếu thằng nhỏ bất chợt khóc thì sẽ dùng khăn bịt miệng nó. Chuyện sống chết của thằng nhỏ thì hạ hồi phân giải, tính mạng của toàn đơn vị mới quan trọng. Vậy mà may làm sao, suốt đoạn đường hành quân, thằng nhỏ ngủ ngon lành. Chị nghĩ, chắc có lẽ ông bà phù hộ nên thằng nhỏ mới ngủ yên như vậy.

Chị Năm nhớ lại, khi ở nhà má Hai Bích, một lần bị cháy nhà, anh Hai Tỷ phải đội cái xô lên đầu để tránh lửa, xông vào nhà giật cái võng để cứu thằng Tư.

Chị nhớ cái ngày tiễn đưa thằng con lớn đi tập kết. Hàng ngày chị kiếm buồng chuối ngon, ép rồi phơi khô. Rồi chị tìm mua thịt ngon để làm chà bông cho thằng nhỏ

đem theo ăn. Chị cứ nghĩ, chồng con chỉ đi có hai năm rồi trở về. Thế mà nay, chồng, con đã không về mà thằng Ba cũng theo cha, anh nó đi biệt, không hẹn ngày trở lại.

Nghĩ đến thằng Ba, chị lại nhớ, mỗi lần cho nó về Châu Đốc lấy hàng, ông bà bên ngoại hay cho nó tiền. Thằng Ba lúc thì mua lon sữa, lúc mua ký đường, lúc mua cây xà bông đem về cho mẹ mà không dám ăn quà vặt.

Bây giờ tất cả đều đã lụi vào dĩ vãng, hiện tại chị bơ vơ gần như không có ai để nương tựa. Càng nghĩ đến những kỷ niệm này, chị càng cảm thấy đau xót. Thứ tình cảm vừa thương nhớ, vừa tủi thân, vừa bơ vơ khiến cho chị nhiều khi không cầm được nước mắt.

Chị Năm vốn là một người đàn bà kiên cường, lại có nhiều năm kinh nghiệm trong hoàn cảnh độc lập sinh tồn, nên sự buồn, khổ, cô đơn, hụt hẫng kết hợp với những khó khăn nguy hiểm không quật ngã được chị.

Ngoài ra, chị thỉnh thoảng vẫn nhận được mật thư của anh, đó là chỗ dựa rất lớn vào niềm tin. Chị tin vào lòng chung thủy của chồng nên sẵn sàng đối đầu với những hiểm nguy trước mắt.

Đầu năm 1960, chị nhận được tin anh đã qua Lào và ổn định cuộc sống. Anh đang trù tính kế hoạch vẹn toàn để đưa chị và hai con qua Lào. Những tin tức và kế hoạch phác thảo thông qua một người liên lạc, khiến chị vừa vui, vừa náo nức trong lòng.

Người liên lạc móc nối, dặn chị Năm lên Sài Gòn gặp một người phụ nữ trẻ, gọi là “chị Tám” để lo thủ tục qua Lào. Chị khắp khởi mừng thầm, bèn đưa hai con mua vé xe đò đi Sài Gòn.

Gặp chị Tám, chị Năm mới biết có một kế hoạch khá hoàn hảo...

Bước một, chị và hai con phải qua Cao Miên với thân phận một người đàn bà có chồng bỏ đi biệt xứ, không nhận được tin tức. Đồng thời, chị Năm sẽ là một Việt kiều Cao Miên, sống từ nhỏ ở Nam Vang, để xóa luôn cái dấu vết Việt Minh. Gia đình chị vốn định cư ở Cao Miên từ trước khi cách mạng tháng tám bùng nổ. Chị còn nhớ tiếng Khmer khá nhiều nên đóng vai diễn một Việt kiều không khó khăn lắm.

Bước hai, một người đàn ông gốc Việt ở Viên Chăn, tên Nguyễn Văn Đan, muốn gá nghĩa vợ chồng với chị, thông qua mai mối là một chị Mai nào đó.

Bước ba, chị Năm và hai con trở về Sài Gòn, làm hộ chiếu đi Lào.

Nhờ sự giúp đỡ hào phóng của chị Tám lo lót tiền bạc, chị Năm và hai con nhận được hộ chiếu Việt Nam Cộng Hòa và vé máy bay đi Lào dễ dàng.

Chị Năm hoàn toàn không thể biết, tên thật của chị Tám là gì, càng không thể biết, người đàn bà này là một mắc xích quan trọng của tổ chức, nhằm giúp hoàn thiện cái vỏ bọc của thầy Đan.

Phần còn lại, chị Năm và thầy Đan kết hợp với nhau thành vợ chồng, theo kiểu rở rã cập lại. Các con của chị Năm đổi thành họ Nguyễn của thầy Đan.

Qua Lào, chị Năm đã chuẩn bị trước tư tưởng. Gặp người chồng mới, chị không tỏ thái độ gì đặc biệt, bởi chị từng có một đời chồng.

Các con của chị Năm rất ngoan, chị bảo chúng hãy xem bố dượng như ba ruột thì chúng không hề cãi, cũng không thắc mắc.

Khi ấy thầy Đan đã thuê được nhà để ở riêng, không còn sống chung trong nhà ông bà Bùi. Thầy cố tình thuê một căn nhà bình dân trong hẻm nhỏ, gần chỗ làm việc, nhưng xa những nơi có thể gây sự chú ý cho cảnh sát. Những người trong hẻm này làm ăn đầu tắt mặt tối, đâu có thời gian để nhìn ngó xung quanh.

Lào là một quốc gia hiền lành, dân chúng mộ đạo phật. Tính cách dân Lào khác với người Việt, họ không thích nhiều chuyện, không dòm ngó người khác, sống thân thiện và rất sùng đạo, vì vậy mà không làm điều gì trái với giáo lý đạo phật. Ngày nay, trong hoàn cảnh mới, không còn khái niệm “cá với nước”, nhưng khi thầy Đan chọn thuê căn nhà này thì cái thế hoàn toàn như cá sống trong môi trường nước trong lành. Căn nhà nằm ở vị trí có hai lối đi ra phố, như hai lối thoát hiểm khi cần thiết.

Chương XX

NHỮNG TẤM LÁ CHẮN

20.1

Thời nay, chẳng cần phải giải thích “lá chắn” là gì. Nhưng vài chục năm sau thì có lẽ sẽ ít người được biết. Thôi thì giải thích luôn cho độc giả các thế hệ sau khỏi thắc mắc. Lá chắn, theo nghĩa hẹp, là một loại vũ khí, có công dụng chính là che đỡ, giúp các chiến binh xưa hạn chế thương vong khi bị tấn công. Hiểu rộng ra, lá chắn là vật che đỡ, ngụy trang, bảo vệ cho bất kỳ ai sử dụng nó khi gặp nguy hiểm.

Thầy Đan vốn là người thối thuần nho giáo, nên biết câu “Tu thân, tề gia, trị quốc...”, thầy thu xếp chuyện nhà rất yên ả. Các “con riêng của vợ” nhanh chóng trở thành con của thầy Đan. Chẳng hiểu chúng có biết đây là cha ruột hay không, nhưng qua thái độ, tỏ ra chúng rất quý mến, kính trọng và nghe theo thầy như cha ruột.

Thầy Đan biết tính chị Năm ham hoạt động, thích buôn bán, nên nhanh chóng tìm ngay một việc làm thích hợp cho vợ. Công việc đó không quá tốn nhiều thời gian, không quá vất vả, nhưng đủ bận rộn và lôi cuốn sự hăng say của vợ. Thầy liên hệ sang một căn sạp trong chợ Sáng, Viên Chăn. Chợ này chỉ nhóm họp từ sáng sớm cho đến gần trưa thì vãn. Việc lấy hàng hóa để bán, thầy Đan cũng tính ra các nguồn. Thầy quan hệ rộng nên tìm cách móc nối lấy hàng từ các kho cung cấp cho quân đội, để đem ra chợ bán. Số hàng hóa này một trăm phần trăm do chính phủ Mỹ cung cấp cho quân đội Lào thân Mỹ.

Thời đó trên đất Lào, Thái Lan, Phi Luật Tân... có nhiều căn cứ quân sự của lính Mỹ, trong đó có sân bay U-tapao ở Thái Lan, nơi xuất phát các máy bay B52 qua Việt Nam ném bom.

Kèm theo các căn cứ quân sự đó là hàng hóa và những dịch vụ thỏa mãn nhu cầu đời sống của lính viễn chinh Mỹ. Các nguồn hàng này rất dồi dào, nên được tở ra, bán phổ biến tại các nước nghèo trong khu vực.

Lính Mỹ được cung ứng rất dồi dào, phần nhiều không thể nào xài hết tiêu chuẩn. Họ nghĩ đến chuyện bán các mặt hàng nhu yếu phẩm này để kiếm thêm tiền. Vì vậy mà có ngay một vùng kinh tế bám theo cái đội quân viễn chinh này.

Thời đó, chính phủ Lào không để tâm đến việc nghiêm cấm hành vi tuồn hàng quân sự ra bên ngoài. Thậm chí họ còn xem đây là một nguồn tài trợ không chính thức cho cái vương quốc nghèo này. Vì vậy các mặt hàng này bày bán nhan nhản ở chợ và các cửa hàng mà không bị truy bắt. Tuy nhiên, không phải ai cũng có khả năng lấy được nguồn hàng này, vì vậy mà việc kinh doanh ngành hàng quân sự vẫn phát đạt và có lợi nhuận cao.

Vậy là, từ 4 giờ sáng, thầy Đan thức dậy đưa vợ ra chợ Sáng. Sau đó, thầy quay về nhà lo ăn sáng cho các con và đưa chúng đi học. Kế đến, thầy tắm rửa, thay quần áo và đi làm. Công việc này đều đặn cho đến khi thăng Tư Dững đủ lớn để đảm nhận thay cha và sau đó thì đến con bé Năm Phương.

Ngày 14 tháng 5 năm 1961 thì thằng út ra đời. Vợ chồng thầy Đan đặt tên cho bé là Hiến, cũng mong nó mai sau được vinh hiển.

Sự kiện Út Hiến ra đời đánh tan gần như hoàn toàn những ý nghĩ nghi ngờ về cái gia đình giả tạm trong con mắt của mật thám Lào và các tổ chức tình báo, phản gián thân Mỹ. Đối với mật thám và các cơ quan phản gián, bất kỳ ai đến từ xứ lạ, lý lịch không rõ ràng, thì suốt đời sẽ bị theo dõi. Cho nên thầy Đan không bao giờ cho phép mình lơ là cảnh giác, không bao giờ được phép nghĩ rằng mình đã an toàn trước sự soi mói của đối phương.

Và thằng Út này ra đời, nghiêm nhiên trở thành một tấm lá chắn tí hon, che chở cho thân phận bí hiểm của thầy Đan.

Thêm một thành viên nhí thì gia đình này càng thêm bận rộn. Thầy Đan lại phải tính toán, bố trí thời gian cho phù hợp với công việc. Lúc này cậu bé Tư Dững đã có thể tự đạp xe đi học, nên thầy chỉ phải đưa đón vợ và con bé Năm.

Cậu bé Tư nhanh chóng ý thức được vai trò của mình trong gia đình, nên nó tự giác làm hết các công việc có thể, như rửa chén, lau nhà, trông em, giúp mẹ dọn hàng để bán.

Từ khi thầy Đan có thêm đồng đội đến hỗ trợ, cậu bé Tư Dũng này đã trên mười tuổi, nó trở thành cầu nối liên lạc. Sạp bán hàng của vợ thầy Đan trở thành hộp thư mật. Không những thế, sạp bán hàng này cũng đem lại cho gia đình thầy Đan một nguồn thu nhập đáng kể.

Chẳng ai biết, nguồn thu nhập này để làm gì, vì thu nhập từ lương của thầy đủ nuôi cả nhà sống không thiếu thốn.

Những người không hiểu gì về ngành tình báo thì vẫn nghĩ, công việc bí mật của thầy Đan sẽ luôn có nguồn hỗ trợ tài chánh dồi dào để giải quyết những công việc cần thiết một cách kịp thời và thỏa đáng.

Nhưng nếu ai có biết chút ít về nguyên tắc tài chánh thì sẽ hiểu, chẳng có một tổ chức nào vung tiền mà không biết rõ lý do và khoản cần chi. Các tổ chức mật của một quốc gia nghèo lại càng kỹ lưỡng trong việc quản lý tài chánh. Người ta không thể chi trước một số tiền mà chưa biết sẽ dùng vào việc gì, dù biết rằng, điệp viên đó sẽ phải cần đến. Rõ ràng có rất nhiều công việc cần đến nguồn tài chánh, mà không ai có thể lường trước được, để làm gì? cần bao nhiêu? bao giờ thì cần?...

Các chi phí lót tay cho quan chức chính quyền để tạo mối thân mật, đó là nền tảng cần thiết, nhưng không bao giờ là rõ ràng và cụ thể.

Các chi phí dùng để luồn lọt, leo cao, thọc sâu vào những vị trí cần thiết cho hoạt động cũng vô cùng tốn kém và không thể rõ ràng.

Các chi phí cần thiết để đón nhận đồng đội đến hỗ trợ, như lo nguy tạo hồ sơ, lo công ăn việc làm và chỗ ở... Những chi phí này không thể không có, nhưng làm sao có thể rõ ràng, cụ thể.

Các chi phí tiệt tùng để có cơ gặp gỡ, thu thập tin tức... cũng không thể không có, nhưng là bao nhiêu? vào lúc nào thì cần? Chỉ có người trong cuộc biết và cũng chỉ có thể biết khi sự việc phát sinh.

Những chi phí để “đánh bóng” bản thân cho phù hợp vai diễn, như ăn mặc, nhà cửa, xe cộ, ăn nhà hàng... cũng không phải ít.

Và hầu như, những tổ chức nghèo khó chấp nhận chi cho các khoản kể trên này. Người tình báo cũng không thể yêu cầu tổ chức chi cho hoạt động của mình.

Vậy thì... thầy Đan phải tự trang trải toàn bộ. Và số tiền đó phải lấy từ nguồn phụ thu do chị Năm buôn bán có lời.

Khi cô bé Năm Phương lớn lên. Tuổi mười hai, mười ba đã phải theo mẹ buôn bán, rồi vào nghề. Khi tốt nghiệp phổ thông trung học, cô bé bỏ học và sang thêm một sạp bán hàng mới cho gia đình. Cô đã sớm hiểu một cách lờ mờ về nhu cầu tài chính mà cha mẹ cần kiếm thêm, nên tình nguyện không thi vào đại học mà chuyển sang nghề kinh doanh.

Cô bé cũng góp số tiền lời cho ba mẹ chi dùng, mà không hề biết nguồn tiền đó đã phần nào giúp cha nó hoàn thành nhiệm vụ.

Cũng may là thầy Đan vốn đang làm kế toán trưởng cho một hãng lớn nên quen với hoạt động tài chánh, nhờ thế mà biết gói ghém, sao cho không phải vung tay quá trán.

Ngoài ra, căn sạp bán hàng của cô bé Năm Phương nghiêm nhiên trở thành một hộp thư mật khác của thầy Đan.

Đến lúc này thì thầy Đan đã từng bước hướng cả gia đình trở thành những thành viên tự nguyện và không chính thức của tổ điệp báo.

Có phải thầy Đan chấp nhận sự hy sinh cả nhà, nếu kẻ địch dò ra được chân tướng?. Tất nhiên là chẳng ai muốn hy sinh vợ con, nhưng hoàn cảnh bắt buộc, thầy cũng đành phải chấp nhận. Nhưng thầy tin vào sự khôn ngoan, sự gắn bó đoàn kết của cả gia đình. Thầy cũng trừ tính tất cả các tình huống, để hạn chế tối đa sự hy sinh, nếu phải có. Thầy biết, chỉ có gia đình mới thực sự là tấm lá chắn vô cùng bền vững, mà trước khi đi nhận nhiệm vụ, thủ trưởng Trần Hiệu đã nhiều lần căn dặn “bằng mọi giá phải tạo cho được tấm lá chắn. Và không có lá chắn nào bền vững và tốt hơn chính gia đình mình”.

Lần đó, Trung tâm gửi tin nhắn... bằng mật thư.

Sau khi nắm rõ thông tin, lúc mấy giờ, đến đâu, gặp ai... để nhận điện đài mới, thầy Đan bèn rủ cậu bé Tư Dũng lấy chiếc Suzuki 125cc cùng đi dạo. Bên Lào thời ấy chỉ thịnh hành loại xe Suzuki, Yamaha hai bánh, phần khối lớn, gần như không có ai xài xe Honda. Chính vì vậy, chiếc Suzuki của thầy Đan không bị khác lạ trên đường phố.

Thầy nói:

- Con cầm theo cái cặp đi học, giả như hết giờ nên bố đến đón về, rồi tranh thủ dạo phố một chút. Khi có ai đưa cho cái gì thì phải cầm ngay và nhét nhanh vào cặp.

Cậu bé Tư Dũng này rất sáng ý, mới nghe thì đã hiểu ngay là có chuyện quan trọng cần thực hiện. Nó gật đầu, chẳng hỏi gì. Bản tính nó làm lì ít nói.

Từ mấy năm nay, bố cho thằng Tư đi học thêm karate, lại khuyến khích đá banh, nên phản ứng rất nhanh. Nó nghe nói vậy thì vội thay quần áo học trò, cầm theo cái cặp hàng ngày vẫn dùng đựng sách vở đi học. Nó còn khôn khéo bỏ vào bên trong cặp vài quyển sách và vở của chương trình học trong ngày, để phòng có ai hỏi thì biết mà trả lời.

Cậu bé này hình như đã nhiễm ý thức của người tình báo ngay từ nhỏ nên rất nhanh hiểu ý bố và rất khôn ngoan. Nó hình như đã sớm hiểu, người bố dượng này chính là ba ruột của mình.

Thầy Đan dắt chiếc Suzuki ra, hai bố con phóng đi.

Chị Năm luôn hiểu chồng nên không bao giờ hỏi “đi đâu?”, “làm gì?”.

Đường phố Viên Chăn lúc này khá thưa thớt vì đang cái giờ mà mọi người lo cơm nước hay những việc nhà. Hai bố con chạy ra con đường dọc bờ sông Mekong, như những kẻ có nhu cầu hóng mát.

Một chiếc xe hơi mang biển số của cơ quan thương mại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trờ tới.

Thằng Tư hoàn toàn hiểu ý đồ của bố, nên ngồi sau xe mà nó có ý thức quan sát kỹ. Khi không thấy có cái đuôi nào bám theo, nó bèn ra hiệu cho bố. Thầy Đan cũng nhận thấy như vậy, nên chạy song song với chiếc xe hơi.

Đường phố Viên Chăn vốn rất nhỏ, nên chuyện hai chiếc xe đi sát bên nhau cũng không có gì lạ.

Từ trong xe hơi, một người hạ cửa kính, dúm nhanh cái gói nhỏ vào lòng thằng Tư. Rồi chiếc xe hơi vọt nhanh, làm như muốn thoát khỏi sự đeo bám của chiếc Suzuki hai bánh.

Trong lúc đó, Tư Dũng đã nhét nhanh cái bọc vào trong chiếc cặp. Hai bố con quan sát một lần nữa, chẳng có gì khả nghi.

Nhận được điện đài mới, nhưng vấn đề còn lại là phải hủy cái điện đài cũ.

Trước hết, thầy Đan, thằng Tư, con bé Năm và thằng Út kỳ cạch tháo rời toàn bộ linh kiện của cái điện đài cũ, đến mức không còn ai có thể nhận ra trước đây nó từng là cái gì. Xong xuôi, thầy Đan gom các bộ phận, linh kiện lại, gói thành nhiều gói nhỏ, sao cho nếu lỡ bị khám xét bất chợt thì cũng khó nhận ra đó từng là những bộ phận của cái điện đài. Sau đó thầy rủ thằng út Hiến: “Con thích đi chơi không? đi với bố ra bờ sông hứng gió rồi ăn kem”. “Đi! con đang nóng muốn chết đây. Hôm nay trời oi bức quá”.

Thế là hai bố con đem theo mấy gói linh kiện đi lòng vòng dạo phố. Khi biết chắc chẳng có ai để ý, thầy bèn dựng xe ngay bờ sông, rồi lấy từng gói linh kiện ra. Họ làm như đùa nghịch với nhau, thi ném xa. Vật ném là những bộ phận hay linh kiện tháo rời của chiếc điện đài.

Mặt trời tắt hẳn, hai bố con vào quán kem tự thưởng cho mình, sau khi đã thanh toán toàn bộ mấy gói đồ nguy hiểm.

Lẽ ra không cần giải thích. Trong lý lịch, thầy Đan có quê gốc ở miền Bắc. Thêm vào đó, người Việt sống quanh xóm Saylorom này đều là dân miền Bắc, vì vậy mà cả nhà thầy Đan xưng hô với nhau theo cách gọi của người miền Bắc và bọn trẻ đều nói rất theo giọng Bắc.

Trong suốt mười bảy năm tiềm phục ở Viên Chăn, thầy Đan đã hai lần nhận điện đài mới và hai lần phải đi hủy điện đài cũ. Cách thức của mỗi lần đều khác nhau.

Nhiều lần nhận thư và gửi thư mật cũng được mấy đứa nhỏ phụ giúp giải quyết các khó khăn một cách nhanh chóng.

Chị Năm khi sang cái sạp bán hàng ở chợ Sáng thì đồng thời cũng nhận luôn nhiệm vụ giữ “hộp thư mật”.

Sau này, khi cô bé Năm Phương mở thêm sạp bán hàng mới, cô bé cũng đồng thời giữ hộp thư mật thứ hai.

Nhờ các hộp thư mật này, việc giao nhận thư đã đơn giản hơn, nhưng cũng rất nguy hiểm. Rất may là trong mười mấy năm, chưa hề xảy ra sơ suất nào.

Thường thì thư mật được nhét vào tiền trả, hay tiền thối lại, hoặc kẹp vào gói hàng bán cho khách. Người liên lạc đến, vờ mua hàng rồi đưa ra tín hiệu. Khi biết chắc không có con mắt soi mói nào thì việc trao đổi thư nhanh chóng tiến hành.

Ai cũng biết, cái lá chắn là vật trực tiếp đón nhận mọi hình thức tấn công của kẻ địch. Thầy Đan đã vì nhiệm vụ, vì lòng trung thành với tổ quốc, với nhân dân mà chấp nhận hy sinh, đưa cả gia đình vào vòng gian lao nguy hiểm. Trường hợp này rất hiếm hoi trong lịch sử tình báo.

Thầy Đan thậm chí cũng không quan tâm đến công trạng của gia đình mình, mà chỉ xem như đó là nghĩa vụ của mỗi công dân đối với đất nước.

Chương XXI

TRỞ LẠI ĐỜI THƯỜNG

21.1

Mười bảy năm hoạt động bên Lào, khi hoàn thành nhiệm vụ trở về nước, cục 2, bộ quốc phòng, đề nghị ông Hai Tỷ tiếp tục nhận nhiệm vụ mới ở nước ngoài, hoặc Âu châu, hoặc Mỹ châu. Ông nói: "Tôi xa quê hương mười bảy năm, quá lâu đối với một đời người, nay chỉ muốn sống những ngày cuối đời ở trong nước, để phục vụ quê hương". Ông hiểu, còn có rất nhiều người trong đơn vị muốn nhận cái nhiệm vụ này, nên từ chối mà chẳng ngại làm mất lòng cấp trên.

Nhân chuyến về Nam thăm lại gia đình, đồng đội, bè bạn, người thân, ông Hai Tỷ gặp ông Ba Phấn, sếp cũ thời kháng chiến chín năm.

Hai ngày ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu, tâm sự đủ điều để thỏa nỗi niềm thương nhớ sau khoảng hơn hai chục năm xa cách. Ông Ba Phấn nghe kể chuyện, biết ông Hai có một giai đoạn khá lâu làm kế toán trưởng cho hãng hàng không dân dụng Lào, ắt phải thạo luật và những nguyên tắc làm việc có liên quan, bèn ướm thử:

- Mà ý hiểu luật quốc tế không?

- Tôi làm kế toán trưởng của một hãng lớn, liên quan đến quốc tế, nếu không thạo thì khó làm ăn lắm.

- Bây giờ gặp luật của Việt Nam, mà nắm bắt nổi không?

- Tôi chịu khó đọc, tìm hiểu, chắc là được.

- Công việc ở viện kiểm sát là dựa vào luật mà đưa ra những quyết định thanh tra, truy tố, miễn trừ... mà nắm trong vòng một hai tháng có thể làm việc được không?

- Ủa? anh định giao cho tôi việc gì ở viện kiểm sát?

- Nhưng mày có chịu về làm việc với tao không? Tao biết mày bây giờ rất sáng giá, có thành tích, có kiến thức...

- Tôi cần một chỗ làm việc yên ổn để cống hiến phần đời còn lại cho đất nước... cần gì cái sự sáng giá để mà ngồi chơi xơi nước.

- Nếu vậy thì về đây với tao, chắc là có nhiều chuyện để làm.

Vậy là ông Ba Phấn chính thức mời ông Hai Tỹ về làm viện phó viện kiểm sát tỉnh Cửu Long.

Được lời như cởi tấm lòng, ông Hai Tỹ cầm giấy đề nghị của tỉnh Cửu Long quay ra Hà Nội, làm thủ tục chuyển ngành. Thủ tục hoàn tất nhanh chóng, bởi vì những vướng mắc với cục 2, như thanh toán, báo cáo... ông đã nhanh chóng giải quyết xong.

Kể từ đấy, ông Hai Tỹ năng nổ nhận nhiệm vụ mới tại viện kiểm sát tỉnh Cửu Long, làm phó cho người bạn thân, đồng thời là sếp cũ thời chín năm.

Cả hai ông đều có người nhà ở Hậu Giang. Bà Ba Phấn sống cùng hai người con gái ở Cần Thơ. Ông Hai Tỹ cũng đã cho vợ và thằng con út về sống với người quen ở Cần Thơ. Cuối tuần họ rủ nhau về Cần Thơ để nghỉ ngơi, thăm người nhà.

Cần Thơ là quê hương thứ hai của ông Hai Tỹ, vì nó gắn bó quá sâu đậm từ thời học sinh và trong thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bạn bè, đồng đội, người dân thân quen của ông quá nhiều, kể cả những quan chức đầu tỉnh.

Làm việc ở tỉnh Cửu Long được khoảng một năm, đi đi, về về giữa hai tỉnh. Thế rồi những người lãnh đạo mới ở tỉnh Hậu Giang biết hoàn cảnh ông Hai Tỹ, bèn mời về làm trưởng ban pháp chế tỉnh, để tiện gần nhà.

Được sự khuyến khích của bạn mà cũng là sếp, ông Hai Tỹ qua Hậu Giang, nhận nhiệm vụ mới.

Thật ra, việc ông Hai Tỹ chuyển qua Hậu Giang không thể nói gọn trong mấy câu trên. Một thời gian sau thì ông cũng biết, người bạn chí thân của mình đã âm thầm vận động lãnh đạo tỉnh Hậu Giang, để họ mời ông về bên đó làm việc.

Ông Ba Phấn biết, tỉnh Hậu Giang mới là mảnh đất mà ông Hai có thể vùng vẫy được. Nơi đó có nhiều bạn bè, đồng chí, lãnh đạo thì năng động. Qua bên đó, ông Hai mới có điều kiện lên cao, xứng với năng lực.

Qua lời giới thiệu của ông Ba Phấn, tỉnh ủy Hậu Giang biết khá rõ về năng lực, quá trình công tác và thành tích của ông Hai Tỹ, nên vui lòng tiếp nhận.

Sau khi qua nhận nhiệm vụ mới ở Hậu Giang, ông Hai Tỹ bắt tay xây dựng ngành tư pháp trong tỉnh, giúp cho lãnh đạo làm việc đúng luật pháp. Ông lại hăng hái như thời còn trai trẻ. Đầu tiên, ông đấu tranh với lãnh đạo tỉnh để sao cho các văn bản phổ biến ra phải hợp hiến, hợp pháp, hợp tình hình. Để làm được điều này, ông liên hệ chặt chẽ với bộ tư pháp, xin sao chép các văn bản, các qui định về pháp luật, rồi dựa vào đó mà trình với lãnh đạo tỉnh, bác bỏ những ý kiến không hợp lý. Ông đấu tranh nhẹ nhàng, mềm dẻo, mà cương quyết nên dễ dàng được chấp nhận. Một mặt ông vừa đào tạo, vừa chiêu mộ để gây dựng một đội ngũ luật sư, chuyên viên pháp luật đủ đông, đủ mạnh để giúp cho toàn tỉnh, xây dựng các ban tư pháp từ huyện xuống xã. Ngành tư pháp lớn mạnh dần, có chân rết xuống tận các xã vùng sâu, vùng xa, trở thành một nơi tin cậy cho toàn dân trong tỉnh về mặt pháp luật.

Ông Hai Tỹ còn cho lập một thư viện, lưu trữ các tài liệu, sách vở, văn bản pháp luật để tra cứu, tham khảo và làm tài liệu học tập. Thế rồi theo qui định, ban pháp chế tỉnh phát triển thành sở tư pháp, ông được phân công làm giám đốc sở tư pháp Hậu Giang.

Sau khi bị tai biến mạch máu lần thứ nhất, ông nghĩ ngay đến việc lo tìm người thay thế mình. Đồng thời lo củng cố đội ngũ cán bộ các cấp và gấp rút tiến hành thành lập các phòng công chứng cho toàn tỉnh để phục vụ nhu cầu công chứng của nhân dân.

Khi đã hoàn toàn nghỉ ngơi do bệnh tật và già yếu, ông Hai Tỹ vẫn luôn bỏ công viết các tổng kết kinh nghiệm hoạt động tình báo theo yêu cầu của cục 2. Ông vốn là người kỹ tính, khi có điều kiện thì luôn ghi chép, nhờ thế mà giảm đáng kể các thiếu sót. Nhờ tính hay ghi chép, nên các báo cáo, tổng kết để làm bài học cho cán bộ cục 2 đều được ông viết lại rõ ràng, chi tiết.

Ngay việc chi dùng số tiền mà ông Hai nhận từ cục 2 trước khi đi làm nhiệm vụ, đều được ông ghi chép cẩn thận trong điều kiện hoạt động bí mật. Khi về nước, cục 2 yêu cầu ông báo cáo phần chi tiêu này. Nhờ có ghi chép đầy đủ, ông đã làm báo cáo các chi tiêu rõ ràng minh bạch của 17 năm hoạt động bên Lào, trong vòng một tuần lễ. Chuyện này hoàn toàn chẳng ai ngờ. Chỉ riêng việc này cũng thấy ông Hai Tỹ là người vừa cẩn thận, vừa có trách nhiệm, vừa có phương pháp.

21.2

Ông Hai Tỹ chưa từng làm một vị tổng chỉ huy ở mặt trận, tuy cũng có vài lần phát lệnh tấn công quân địch. Ông cũng không từng là người lính cầm súng trực tiếp bắn vào kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp, ông chỉ giữ vai trò tham mưu. Thời kỳ đầu tuy có tham chiến ở những trận đánh nhỏ, nhưng cũng chỉ giữ vai trò người bày mưu tính kế, hay phát lệnh tấn công.

Trong các chuyện, phim về tình báo, ta thường thấy các điệp viên, tình báo viên rất đa tài và thường có cảnh đánh nhau, giết người. Những chuyện ấy có thể có thật, có thể hư cấu để tăng sự hấp dẫn của câu chuyện. Ông Hai Tỹ cũng được học, được huấn luyện các kỹ năng này, tuy nhiên ông không hề có cơ hội sử dụng. Không phải dùng kỹ năng đơn đấu để giành giật sự sống, không phải giết người, có lẽ là điều may mắn lớn nhất của một người lính. Bởi vì, theo phật giáo thì người đó ít tạo nghiệp, còn theo đạo lý bình thường thì người đó không phải có những giây phút ân hận.

Gần như suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, ông Hai Tỹ là một cán bộ quân báo. Ngành quân báo chủ yếu là thu thập tin tức, phân tích và cố vấn cho lãnh đạo tìm đường tranh thắng trong chiến đấu. Quân báo ở thời kháng chiến chống Pháp tuy phải thường xuyên trực tiếp chiến đấu, nhất là những trận phục kích tiêu diệt ác ôn, những tên đầu xỏ nhiều nợ máu... Chính vì vậy, dù ông nhiều lần trực tiếp chỉ huy các trận đánh này, nhưng cũng chỉ là người trù tính kế hoạch, tìm chiến thuật và chọn người thực hiện.

Ông Hai Tỹ thực sự chưa bao giờ trực tiếp đưa tiền ai đến cõi diêm phủ. Nhưng ông biết, những chiến công của mình đã đẩy không biết bao nhiêu sinh mạng vào cảnh cha mất con, vợ mất chồng. Ông cũng biết, trong một cuộc chiến, vinh quang dành cho người này, ắt mang lại đau khổ cho người khác.

Ngay từ ngày đầu tham gia cách mạng, ông đã xác định, đây là cuộc chiến giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do cho dân tộc, cho nên phải phân biệt rõ chiến tuyến, ta và địch. Chính nhờ xác định rõ chiến tuyến, mà hơn mười bảy năm chiến đấu đơn độc, ông không hề chao đảo, không đi lạc mục tiêu.

Chính nghĩa có khi rất rõ ràng, mắt nhìn thấy, tai nghe được, đầu óc nhận định rõ. Nhưng có rất nhiều trường hợp, con người phải thật tỉnh táo mới phân biệt được đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa.

Trong kháng chiến, đấu tranh với kẻ thù đã khó, đấu tranh với chính bản thân còn khó hơn.

Cuộc chiến với kẻ thù luôn mang những lý tưởng đẹp đẽ, được bao bọc bởi các lý luận đầy chính nghĩa. “Ta chiến đấu để giành độc lập, giải phóng dân tộc”, “Ta có quyền tự vệ khi bị kẻ thù đến xâm lược”, hay “Ngoài chiến trận mà, ta không giết nó thì nó cũng giết ta”...

Ngay cả những kẻ xâm lược, những kẻ xấu, cũng phải trang bị cho mình lý luận để giành lấy phần chính nghĩa, phần hợp lý. Họ cho rằng, mình đem văn minh đến khai hóa cho dân tộc này, dân tộc nọ. Kẻ xâm lược luôn gán cho những kẻ đối kháng là loạn quân, là chống chính phủ... và cần phải tiêu diệt.

Chính vì vậy, không ít người, của cả hai phía, thường rơi vào cảnh lạng sát.

Những ai bị đặt vào bàn cờ chiến tranh thì phải thật tỉnh táo để tránh làm những điều trái lương tâm, tránh những hành động gây ra nghiệp báo.

Chiến tranh thường khiến người ta có thể trở thành người anh hùng, trở thành người chính nhân quân tử, hoặc trở thành kẻ bạo tàn, hay trở thành kẻ hèn nhát tiểu nhân.

Các cuộc chiến đấu ngoài sa trường cũng dễ khiến con người bình thường trở nên hiếu sát. Ai thực sự là chính nhân quân tử, giàu lòng nhân ái, hiểu đạo lý, mới có thể giữ mình tránh khỏi những ý nghĩ thấp hèn, hung hăng, tàn bạo, bất cận nhân tình...

Ông Hai Tỷ đã chọn, và đã được định đoạt con đường mà mình phải đi, nên không hề hối tiếc. Ông chấp nhận những gì mà luật nhân quả đem lại, bởi biết rằng, con đường chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc là đúng đắn. Nhưng ông rất may mắn, là tránh được chuyện cướp quyền của tạo hóa, lấy đi sinh mạng của ai đó. Đồng thời, trong hai cuộc chiến vừa qua, ông Hai đã giúp nhiều người từng đi theo thực dân xâm lược Pháp cải tà qui chính, giúp minh oan cho nhiều người bị rơi vào tình thế khó xử.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông đã giúp xác nhận cho nhiều người từng tham gia hay giúp đỡ kháng chiến được hưởng các quyền lợi của họ. Với cương vị Giám đốc Sở Tư pháp, ông cũng giúp cho nhiều người được thực thi pháp luật, nhận lại tài sản bị tịch thu, bị trưng dụng... Ông còn giúp cho nhiều Việt kiều ở Lào được hưởng chính sách chế độ nhờ đóng góp cho công cuộc chiến giải phóng đất nước. Ông luôn nhớ đến những Việt kiều từng cư mang, che chở, giúp đỡ mình trong khoảng thời gian hoạt động bí mật, như gia đình ông bà Bùi, gia đình cô Oanh, gia đình thầy giáo Thắng, gia đình bà Phố, gia đình ông Quang, bà Năm Cháo vịt, bà Đội Phiên... Những khi rảnh rỗi, ông thường viết thư cho họ, vừa để giữ mối tình thân mật, vừa để tỏ lòng biết ơn sâu sắc.

Ông bà Hai Tỷ còn trực tiếp nuôi dạy các con của anh Tải trong suốt một thời gian dài. Ông còn tạo điều kiện cho cậu con trai giữa học xong đại học và giúp nó có việc làm. Điều này xem như báo đền những đóng góp của gia đình anh Tải đối với cách mạng và đây cũng chính là những đóng góp âm thầm của ông Hai Tỷ cho nhân dân. Chính quyền không thể nào lo hết được cho những người có công thì ông âm thầm chia sẻ nỗi lo này.

Chỉ có con người trung kiên với lý tưởng, với sự nghiệp cách mạng đến cuối đời mới có thể viết được những câu như thế này:

“Sự thử thách quyết liệt đối với mỗi con người là CUỘC SỐNG, chứ không phải bằng CÁI CÁI CHẾT chỉ đến trong khoảnh khắc, nhưng ta có gần một trăm năm để SỐNG, tức là có gần một trăm năm để chịu đựng thử thách, để làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước, với dân tộc, để giữ gìn phẩm giá của mình quả là không dễ dàng son sắt đến trọn đời. Nhiều người đã phải ngã quy không phải bằng viên đạn trong cuộc cọ xát cực kỳ nguy hiểm với kẻ thù...”

“Danh phận của người tình báo có thể ví như cội rễ

của loài hoa, cam chịu âm thầm bám sâu vào lòng đất tăm tối, mãi mê gạn lọc, hấp thu dưỡng chất để nuôi cành lá sum xuê, trở ra những bông hoa thắm tươi, thơm ngát và sinh trái ngọt cho đời. Người đời chỉ ngợi ca những trái ngon, hoa đẹp rực rỡ sắc hương mà thường lãng quên rễ đã tạo nguồn dinh dưỡng cho cây”.

Đoạn hồi ký trên đây của ông Hai Tỹ đã nói lên phần nào ý nghĩa cuộc sống, mục đích hy sinh và lòng trung thành của một

Hết

TP.HCM, tháng 11 năm 2015

LỜI TÁC GIẢ

Tôi ít gắn bó với ba, má nhất trong gia đình, vì đi tập kết ra Bắc từ năm lên 7 tuổi (1954). Đến cuối năm 1979 về Cần Thơ sống chung với ba má một thời gian ngắn. Trong gia đình, tôi là đứa con kém cỏi nhất và ít thành công, dù là anh Hai của các em. Vì vậy, tôi chỉ biết báo hiếu bằng cách viết lại truyện về hoạt động tình báo của ba, má trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ bằng quyển sách có tên “NGƯỜI TÌNH BÁO THẦM LẶNG”.

Trong cuốn sách này, tôi muốn tri ân, trước hết là ba, má. Kế đến, tôi xin tri ân những đồng đội đã cùng với ông bà thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, xin tri ân người giao liên đã đưa ba vượt Trường Sơn để đến địa bàn. Đồng thời, tôi xin tri ân những Việt kiều, những bè bạn Lào đã trực tiếp hay gián tiếp giúp đỡ ba, má trong 17 năm hoạt động trên đất nước triệu voi này.

Tôi cũng xin cảm ơn các em Tống Quang Trung, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thị Phương, Tống Quang Hiến đã chia sẻ hiểm nguy và nỗi lo toan của ba, má trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đối với Tổ quốc.

Vì để tri ân những người nói trên, nên trong truyện, hầu hết các nhân vật đều lấy tên thật, trừ vài người mà tôi đã quên tên. Riêng nhân vật chính, tức ba tôi, tôi chọn tên ông khi còn nhỏ, Hai Tỷ. Đây cũng là tên thật, nhưng không có ghi trong hồ sơ. Mật danh N113 cũng là thật.

Truyện này tôi dựa vào hồi ký của ba, những lời kể rời rạc của ông và sưu tầm các sự kiện, tư liệu từ báo chí mà viết ra. Tuy không tránh khỏi những nhầm lẫn, thiếu sót, nhưng các trận đánh thời chống Pháp, các sự kiện trong thời gian làm điệp viên bên Lào là hoàn toàn đúng sự thật, đã được báo chí đưa tin.

TP. Hồ Chí Minh, mùa Vu Lan báo hiếu, năm 2016

NHỮNG NGỌN NẾN GIỮA BAN NGÀY

Độc Người tình báo thầm lặng - NXB HNV - 2016

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX. Đây là cuộc đụng đầu lịch sử giữa Việt Nam - một nước nhỏ, đất không rộng, người không đông, kinh tế nghèo nàn lạc hậu với Mỹ - một đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự đứng hàng đầu thế giới tư bản. Trải qua 21 năm (1954-1975) kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn vào mùa Xuân 1975. Từ thực tế lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho thấy, có được thành quả cách mạng ấy là tổng hợp của một loạt nhân tố; trong đó, nổi lên như một nhân tố điển hình đó là tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, tạo sức mạnh tổng hợp. Thắng lợi cuối cùng giành được có sự đóng góp to lớn của nhiều quân binh chủng trong đó có sự hiện diện của một lực lượng đặc biệt:

Lực lượng quân báo, tình báo, nhất là lực lượng điệp báo chiến lược.

Không có nhiều báo cáo về hoạt động của lực lượng điệp báo chiến lược được công khai. Không có nhiều những tấm gương anh hùng, những cá nhân anh hùng được vinh danh rộng rãi trên báo chí, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cũng không có nhiều cuốn sách dưới dạng hồi ký được người trong cuộc viết ra hay được các nhà văn chấp bút, xuất bản. Thậm chí có nhiều người mà tên tuổi của họ cùng những chiến công quan trọng mãi mãi được giấu kín. Chính vì thế, sự hiểu biết của công chúng về lực lượng đặc biệt này không nhiều. Với phần đa chúng ta, những người được hưởng thành quả thắng lợi to lớn của cách mạng, Họ - Những chiến sỹ tình báo thầm lặng và anh hùng đó giống như những ngọn nến, cứ âm thầm cháy. Cháy hết mình, giữa đêm

giông bão, giữa ban ngày nắng đẹp mà không cần phải có người tung hô, không cần ngay cả đến sự tri ân quảng bá. Thầm lặng sống. Thầm lặng chiến đấu. Thầm lặng hy sinh. Họ là thế!

Khác với một cuốn truyện trinh thám hay phần đa những cuốn truyện về tình báo mà ở đó phần lớn các chi tiết là được bịa đặt đến ly kì hoặc phóng đại thoải mái theo trí tưởng tượng của người viết. Về thủ pháp, cũng khác với phần đa những tác giả viết tiểu thuyết

trinh thám: Hành động, thân phận của nhân vật chính thường được giấu kín, được gài cắm khéo léo để gây kịch tính. Mọi chi tiết đưa ra đều không được lí giải ngay mà giống như những nước đi có vẻ như lửng lơ của một kỳ thủ cờ tướng trong ván bài có nhiều diễn biến căng thẳng. Những nước đi như vậy không phải vô tình, hời hợt hay cầu thả mà là những miếng chiến thuật ứng phó dành cho miếng đánh quyết định còn nằm ở đâu đó rất xa... Cuốn "NGƯỜI TÌNH BÁO THẦM LẶNG" của tác giả Tống Quang Anh (NXB HNV năm 2016) tuy được viết dưới dạng một tiểu thuyết tình báo nhưng nhân vật chính là một người có thật: ông Hai Tỷ. Ông Hai Tỷ thực ra không hẳn có một lai lịch rõ ràng. Lý lịch của ông được lưu tại trung tâm cục tình báo. Ngay họ Tống của ông cũng không rõ là họ người Hoa hay Việt. Cái tên Hai Tỷ cũng mãi sau này khi đi hoạt động cách mạng về ông mới mang. Tên đó là do bố ông, ông Hai Minh (tức Hai Chiêu) khi lưu lạc tới Châu Đốc lập gia đình sinh ông và đặt cho. Cuộc đời ông kể từ niên thiếu cho đến khi trưởng thành chỉ được chấp nối từ những kí ức rời rạc. Từ cậu trò nhỏ mảnh mai được học hành, chiều chuộng; Đến trưởng thành là một công chức mẫn cán có công ăn việc làm thu nhập khá giả. Rồi khi cách mạng tháng Tám thành công, được giác ngộ đi theo cách mạng, phụ trách nhóm quân báo của tỉnh, sau được tổ chức bố trí sang Lào làm một điệp báo viên; Rồi khi hoàn thành nhiệm vụ, trở về nước khi chiến tranh kết thúc, được tin nhiệm

giao tiếp các chức vụ quan trọng của tỉnh Hậu Giang... Tất cả những điều đó, cộng với rất nhiều những nhân vật khác được lấy từ thực tế với cả tên thật, địa danh thật, công việc thật cùng bao mối quan hệ xã hội, làng xóm cũng rất thật đã mang tới cho NGƯỜI TÌNH BÁO THẦM LẶNG một diện mạo độc đáo. Nửa như tiểu thuyết hư

cấu, nửa như chuyện về người thật việc thật. Về thủ pháp cũng đi theo một hướng chủ đạo khác. Không dùng thủ pháp mô tả trực diện để tăng phần ly kì hồi hộp nhằm mục đích câu khách. Không sa đà vào những chi tiết vụn vặt hoặc rối rắm để tạo một mê hồn trận làm rối trí người đọc. Tống Quang Anh hẳn biết rõ những thủ thuật đó nhưng ông không làm. Ông viết theo cách riêng của mình. So với nhiều cuốn hồi ký của các điệp viên nổi tiếng được các nhà văn có nghề trợ giúp, cuốn sách của Tống Quang Anh như một câu chuyện chân thật được kể lại một cách giản dị. Không có những cảnh đọ súng, cảnh đọ mưu ám sát nín thở hay những pha biểu diễn kĩ thuật, võ thuật cao siêu. Chân dung người chiến sỹ tình báo chỉ thực sự được mô tả chi tiết trong đoạn đầu của cuốn sách với khung thời gian nhân vật sinh sống và làm việc tại Lào. Đọc phần này nếu không để ý người đọc sẽ thấy chẳng khác gì một câu chuyện bình thường của một con người bình thường đang ngày đêm lo miếng cơm manh áo. Nhưng đây là phần ngon. Phần này ngắn nhưng nếu lọc bỏ những chi tiết phụ người đọc vẫn thấy hiện lên chân thực hình ảnh của một

điệp viên chiến lược tầm cỡ. Giản dị, bình thường với những công việc tầm thường... Nhưng ẩn sâu trong đó là những cố gắng tuyệt đỉnh, những hy sinh vô bờ bến, những bất trắc nguy hiểm cùng trí lực căng thẳng, khôn khéo mà người chiến sỹ phải gánh chịu, phải vượt qua. Phần gốc chìm sâu như bộ rễ cây cắm sâu xuống đất hút chất dinh dưỡng nuôi cành lá hoa quả lại nằm ở khoảng thời gian Hai Tỷ trực tiếp trong vai trò chỉ huy nhóm quân báo tại một địa phương ở miền tây. Đây có thể xem là giai đoạn rèn luyện, tích lũy thực tế giúp anh có niềm tin, bản lĩnh đồng thời cũng là cách để lý giải cho thắng lợi khi thực hiện được những nhiệm vụ nặng nề hơn, khó khăn hơn và to lớn hơn sau này.

Giọng kể của Tống Quang Anh về người chiến sỹ tình báo chỉ bình lặng như chính cuộc đời của nhân vật. Những câu chuyện về làm ăn, những lo lắng nhân sinh miếng cơm manh áo, những mối quan hệ xảy ra như mọi mối quan hệ đời thường mà bất kỳ người bình thường nào cũng đều có.

Một câu chuyện, một tình huống chỉ được gài vài chi tiết nhỏ (Ví dụ chi tiết Hai Tỷ vờ say rượu để được lọt vào phòng làm việc của Trung tá Bảo... sáng hôm trước khi

về nhà có ghé qua trường La Fontaine nói mấy câu thăm hỏi với thầy giáo Tài. Rồi cuộc bắt quen với Kongsinh, thiếu tá, chỉ huy một tiểu đoàn đóng quân tại tỉnh Houeisai.. cùng nhiều mối quan hệ khác với những nhân vật khác quan trọng trong bộ máy chính quyền và quân đội Lào những năm cuối thập kỉ 60 V..V... chỉ được kể thoáng qua) và để rồi ngay sau đó không lâu, tác giả đã bật mí và giải mã điều được giấu hay bỏ lửng. Đó là chủ ý của tác giả. Ông không định câu khách, không muốn đẩy độc giả vào một mê hồn trận cùng những đoán già đoán non. Đó là cách ông muốn dành thời gian và sự quan tâm của độc giả tới những vấn đề to lớn và có tính chất quyết định hoặc có ý nghĩa hơn, những chi tiết làm rõ hơn bản chất của nhân vật chính.

Người chiến sỹ tình báo, điệp viên Hai Tỷ đã lấy cả gia đình ra để làm tấm lá chắn cho những hoạt động nguy hiểm. Một sơ sẩy nhỏ luôn dẫn tới một hậu quả nghiêm trọng. Nếu lộ, không chỉ một mình người lính phải chịu mà kéo theo đó là cả gia đình hy sinh. Người lính biết rõ điều đó nhưng vì nhiệm vụ, vì lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân mà chấp nhận hy sinh, đưa cả gia đình vào vòng gian lao nguy hiểm. Trường hợp này rất hiếm trong lịch sử tình báo.

Câu chuyện về vợ Hai Tỷ, người phụ nữ miền nam có chồng tập kết ra bắc, sống trong cảnh trên đe dưới búa, luôn phải gồng mình chống chọi với những vây bủa của chính quyền Ngụy Sài Gòn và cạnh đó là những chịu đựng đời thường của một phụ nữ trẻ đã phải sống xa chồng: Con lớn theo cha, một mình phận đàn bà vừa phải làm mẹ vừa phải làm chồng và vừa phải làm người đồng đội; Rồi mật thám luôn rình mò trù dập người kháng chiến cũ... Đặc biệt có những chi tiết như vợ Hai Tỷ khi làm giao liên cho bộ đội, khi đi phải mang theo đứa con nhỏ còn bế ẵm, qua đồn địch phải chuẩn bị một chiếc khăn ướt để phòng nhỡ con thức giấc khóc thì sẽ bịt miệng nó để khỏi lộ... Bịt miệng con bằng khăn ướt sẽ chắc làm con ngạt thở có thể dẫn đến cái chết. Chi hiểu điều đó nhưng vẫn làm. Chi tiết này đã gây được sự xúc động mạnh mẽ cho độc giả. Đó là một hành động hy sinh vô cùng to lớn. Để đảm bảo được thắng lợi cuối cùng, người phụ nữ đã phải sẵn sàng hy sinh cả tính mạng con mình.

Trong chuyện có những chi tiết rất đời thường: Ông Hai Tỷ khi trở về với cuộc sống của một người dân thường vẫn mang trong mình nỗi băn khoăn giữa thiện và ác.

Giữa hy sinh và đau khổ. Giữa vinh quang và tội lỗi. Ông tự hào chưa phải trực tiếp bắn chết một ai. Ông hiểu trong khi làm nhiệm vụ, một bên ông đã làm tròn nhiệm vụ với Tổ quốc, nhưng ở mặt trái, ông cũng biết ông đã góp phần đẩy không biết bao nhiêu sinh mạng vào cảnh cha mất con, vợ mất chồng. Ông biết trong một cuộc chiến, vinh quang cho người này cũng là mang lại đau khổ cho người khác nhưng vẫn phải rạch ròi để thực hiện. Ngay từ đầu tham gia cách mạng ông đã xác định đây là cuộc chiến giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do cho dân tộc cho nên phải phân biệt rõ chiến tuyến giữa ta và địch. Mười bảy năm chiến đấu đơn độc ông học và nhận ra được nhiều điều." Chính nghĩa có khi rất rõ ràng, mắt nhìn thấy, tai nghe được, đầu óc nhận định rõ. Nhưng có rất nhiều trường hợp, con người phải thật tỉnh táo mới phân biệt được đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa... Ngay cả những kẻ xâm lược, những kẻ xấu cũng phải trang bị cho mình lí luận để giành lấy phần chính nghĩa, phần hợp lí... Phải thật tỉnh táo để tránh làm những điều trái lương tâm, tránh những hành động gây nên nghiệp báo..." Đó là nhận thức về lí trí. Về phần tâm, trong sâu thẳm lòng mình ông cũng có những cái nhìn đầy nhân văn:" Sự thử thách quyết liệt đối với mỗi con người là Cuộc sống chứ không phải Cái chết. Cái chết chỉ đến trong khoảnh khắc, nhưng ta có gần một trăm năm để sống, tức là có gần một trăm năm để chịu đựng thử thách, để làm tròn nghĩa vụ với đất nước, với dân tộc, để giữ gìn phẩm giá của mình, quả là không dễ dàng son sắt đến trọn đời. Nhiều người đã ngã quy không phải bằng những viên đạn trong cuộc cọ xát cực kì nguy hiểm với kẻ thù..." Những nhận thức ấy đã giúp ông không hề' chao đảo, không đi lạc mục tiêu. Nhưng khi về với đời thường, sự thể hiện những bản khoản day dứt là có thật. Những day dứt như vậy, giữa lương tâm và trách nhiệm xuất phát từ sự thấm nhuần tư tưởng Phật giáo lấy sự bao dung tha thứ thay cho bạo lực, qua đó cũng thể hiện một điều rất con người.

Được rời Lào trở về sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, ông bà Hai Tỷ tiếp tục đóng góp. Ngoài

những đóng góp về hiểu biết pháp luật, giúp Sở tư pháp Hậu Giang còn thể hiện những việc làm rất tình người: Nuôi dạy con của đồng đội hy sinh. Xác nhận cho nhiều người từng tham gia hay ủng hộ kháng chiến được hưởng quyền lợi của họ trong đó

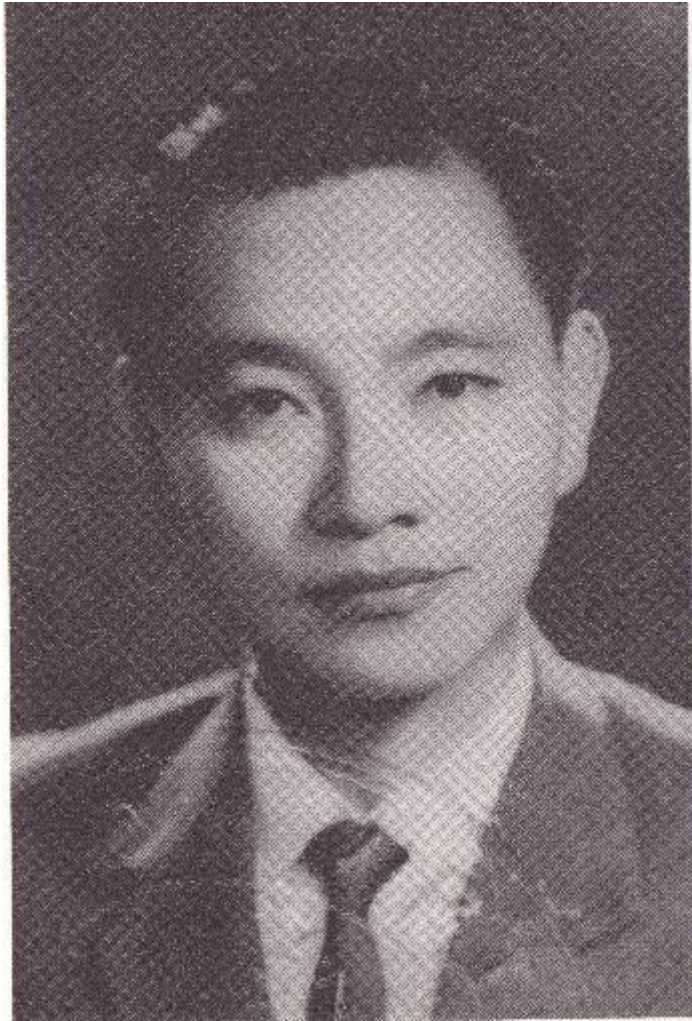
có nhiều Việt kiều ở Lào. Thường xuyên viết thư thăm hỏi tri ân những người dân Lào đã từng cưu mang đùm bọc ông tạo điều kiện để ông hoàn thành nhiệm vụ những năm xa Tổ quốc... Tất cả những việc này đều nhằm chứng tỏ thêm về một con người khác trong Hai Tỷ: Một con người thủy chung, ân nghĩa, hết lòng vì đồng đội.

Một số tư liệu báo chí được tác giả đưa vào cuốn sách có tác dụng gầy lại không khí thời sự, những khung cảnh, thời gian mà câu chuyện đang diễn ra. Việc đó là rất cần thiết. Cuộc chiến chống Pháp, Mỹ xảy ra đã quá lâu. Nhiều người trong chúng ta đã quên và nhất là với thế hệ trẻ sinh ra sau năm 1975 thì với họ không khí của cuộc chiến là một điều xa lạ. Những tư liệu báo chí khi này có tác dụng làm người đọc hình dung rõ hơn bối cảnh mà nhân vật chính phải đương đầu qua đó cảm nhận được rõ hơn hành động của họ.

Lối kể đơn giản, chân thực đã làm tăng giá trị của cuốn sách. Nó giống như chuyện kể về một người bạn cho những người bạn cùng ngồi bên một chiếc nhậu nghe. Biết gì kể nấy. Đọc NGƯỜI TÌNH BÁO THẦM LẶNG độc giả thấy chân dung một chiến sĩ tình báo, những đóng góp, những gian khó mà người chiến sĩ phải chịu đựng, qua đó hiểu được những hy sinh to lớn của người lính cho Tổ quốc trở nên rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, bám sát những sự việc thật, những con người thật, những địa danh thật; Bên cạnh việc tri ân với những con người cùng những đóng góp của họ cho đất nước, cho dân tộc. Vượt lên khỏi một cuốn truyện bình thường, phần nào cuốn sách đã đạt tới tầm vóc của một biên niên sử về hoạt động kháng chiến nói chung cũng như riêng hoạt động tình báo của những chiến sĩ hoạt động ở một vùng đất vốn được coi là cái nôi của kháng chiến chống Mỹ miền Nam trong một giai đoạn lịch sử quan trọng của cách mạng.

TP.HCM, tháng 7 năm 2016 Nhà văn Kao Sơn

NHỮNG BỨC ẢNH KỶ NIỆM CỦA GIA ĐÌNH



Thầy Đan (Hình trong hồ sơ năm 1960)



Sau đám cưới. Ông bà Độ và Dũng, Phương năm 1960



Tấm bình phong của điệp viên N113 – Nguyễn Thị Phương, Bà Độ ăm Hiễn, Nguyễn Văn Dũng năm 1961



Ông bà Độ - 1962



Ông Hai Quảng, thầy Tổng giám thị trường La Fontaine tức thiếu tướng Đinh Trí



Ông Kiểm, hiệu trưởng trường La Fontaine



Các thầy cô giáo trường La Fontaine



Ông Tống Văn Trinh, Giám đốc Sở Tư pháp Hậu Giang (Điệp viên N113)



Ông Thiết (tên thật Lê Thế Kiến), giáo viên tiếng Lào, người giữ điện đài của nhóm điệp báo.